

HUỶNH-MINH

GIA-ĐÌNH

XƯA và NAY



Loai sách  sưu Khảo

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

1.— « Monographie de la province de Gia-dinh. Etude des opérations de 1860-1861 avec essai de localisation sur le terrain des divers retranchements ».

«Bulletin de la Sté des Etudes Indochinoises» 1902, p. 110-113.

2.— « Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs » (Excursions et Reconnaissances. N. X — 23, Mai — Juin 1885).

3.— Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861, par Léopold Pallu de la Barrière, édition de Berger — Levrault, Paris 1888.

4.— Pagodes chinoises et annamites de Cholon par Lê-Văn-Lưu. Imp. Tonkinoises, Hanoi 1931.

5.— Histoire de la Cochinchine, P. Cultru.

6.— Indochine du Sud, C. Madrolle.

1.— Gia-Định thống-chí của Trịnh-Hoài-Đức (bản dịch của Aubaret « Histoire et description de la Basse-Cochinchine » Paris, Imp. Impériale 1863.

2.— Đại-Nam Nhất thống chí — Lục tỉnh Nam-Việt bản dịch của Nguyễn-Tạo, Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản Saigon 1959.

3.— Việt-Nam sử lược — Trần-Trọng-Kim, Tân-Việt xuất bản.

4.— Nam-kỳ phong tục nhưn vật diên ca — Nguyễn-Liên-Phong. Nhà in Phát-Trần, Saigon 1909.

5.— Điều cỗ hạ kim thi tập, Nguyễn-Liên-Phong, Saigon 1915.

6.— Cờ Gia-Định phong cảnh vịnh, có phụ thêm bài phú « Gia-Định thất thủ» — Trương-Vinh-Ký, nhà in Guillan et Martinon, 1882.

7.— Việt-sử Tân-biên — Phạm-Văn-Sơn.

8.— Việt-Nam Pháp-thuộc sử — Phan-Khoang.

9.— Việt-Nam giáo-sử — Phan-Phát-Huôn.

10.— Nam-Kỳ lục tỉnh dư địa chí — Duy-Minh-Thị, bản dịch của Thượng-Tân-Thị, Đại-Việt tạp chí số 50-51-52 ngày 1er và 16 Novembre và 1er Décembre 1944.

11.— Đất Việt trời Nam — Thái-Văn-Kiểm

12 — Thi văn quốc cấm — Thái-Bạch

13.— Việt-Nam danh nhân từ điển — Nguyễn-huyền-Anh

14.— Lịch trình Hành chánh Nam-phần — Đào-Văn-Hội

15.— Saigon năm xưa — Vương-Hồng-Sên

16.— Quân dân Việt-Nam chống Tây xâm, của Bộ Tổng-Tham-Mưu Quân-Đội VNCH.

17.— Tham Khảo qua các báo Việt ngữ, Thần chung — Sống mới — Đuốc nhà Nam v.v .. và nhiều tài liệu truyền khẩu của các vị bô lão, quý vị đại-đức cao tăng, linh mục, mục sư tỉnh Gia-Định cung cấp để hoàn thành quyển : « Gia-Định xưa và nay ».

TRẦN TÌNH

Từ lâu chúng tôi vẫn theo đuổi với một hoài bão là phụng sự văn hóa dân-tộc. Đóng góp những gì cho quê hương, đó là con đường mà chúng tôi đã vạch.

Mỗi người ai ai cũng có lý tưởng riêng của mình, người thích cái này, người thích cái kia, ai thích cái gì thì làm theo cái ấy, miễn đừng phản bội lại quê hương dân-tộc là đủ.

Sở dĩ chúng tôi thích làm văn hóa, viết sách sưu khảo, tìm hiểu non sông gấm vóc, ghi lại các sự kiện lịch sử từng địa phương, làm sống lại công nghiệp của tiền nhân có những trang sử oai hùng làm vẻ vang cho dân-tộc.

Giờ đây đến « Gia-Định xưa và nay ».

Gia-Định là thủ phủ của miền Nam khi xưa, rộng lớn, qua các danh xưng : Phiên trấn dinh, Phiên an trấn, Gia-Định thành, Gia-Định tỉnh, Gia-Định ngày nay.

Khi nói đến Gia-Định, có nghĩa như nói đến cố đô Thuận-Hóa (Huế) hay đất Thăng-Long (Hà-Nội), tức là nơi đầu não của mỗi miền trên đất nước. Nếu Thăng-Long là biểu tượng của đất Bắc, Thuận-Hóa là linh hồn của miền Trung, thì Gia-Định có thể coi như là trái tim của miền Nam có những trang sử oai hùng.

Nghĩ như thế, chúng tôi rất dấn đo, sợ không làm được hài lòng thức giả.

Tuy biết vậy, nhưng chúng tôi cũng cố gắng làm hết sức mình để khỏi phụ lòng các bạn đã tin yêu qua các tác phẩm trước.

Đem hết lương tâm để phụng sự với bao năm tháng trên bước đường dài, từ bao lâu nay vẫn âm thầm làm theo lý tưởng của mình, không nhờ sự tài trợ của một cơ quan văn hóa nào cả, chúng tôi cam chịu mọi sự bực đãi phũ phàng, mà cứ lặng lẽ tiến hành trên đường đã vạch. Bao nhiêu tác phẩm là bấy nhiêu tâm huyết. Bao nhiêu chữ là bấy nhiêu tình. Tâm-huyết nhiệt thành phục vụ văn hóa, Đạo nghĩa. Tình nồng nàn yêu mến quê hương, chủng tộc.

Soạn « Gia-Định xưa và nay », chúng tôi cố sưu khảo về mọi phương diện, sao cho xứng đáng là một cố đô miền Nam đáng được biểu dương. Khơi dậy mạch sống của đất Đồng-Nai phì nhiêu, Cửu-Long hùng dũng, huyền nhiệm.

Xưa kia, vua Tự-Đức đã từng bảo : « Đồng-Nai là đất Long hưng ». Viết về Gia-Định, tức là phải thể hiện mọi vẻ đẹp của đất Đồng-Nai. Sách đã thành hình. Tâm tình của chúng tôi xin hiến dâng cho đất nước, đồng bào thêm đũa con tinh thần nữa là quyền « Gia-Định xưa và nay ».

Thú thật, nhờ có nhiều người hiểu được việc làm của chúng tôi mà khuyến khích, rất nhiều thư từ tưởng lệ, nên chúng tôi nguyện đáp tạ ơn tri ngộ, tình tri kỷ, mà hăng say phục vụ văn hóa dân-tộc đến cùng.

Làm văn hóa là phụng sự cho chân thiện mỹ, là chấp nhận sự hy sinh, rước lấy điều bạc bẽo. Không làm văn hóa theo lối thương mại, thì sự hy sinh đành là phải chấp nhận nhiều hơn, điều bạc bẽo càng rước lấy cho lòng thêm cay đắng.

Những lời trần tình thốt tận đáy lòng. Hẳn rằng quý bạn đọc thông cảm ? Cơ duyên hạnh ngộ còn nhiều, chúng tôi cùng quý bạn đọc sẽ còn gặp nhau nhiều, qua những tác phẩm khác đang hình thành và sẽ hoàn thành.

HUỲNH-MINH

PHẦN THỨ NHỨT

G I A - Đ Ị N H

- SỬ LƯỢC QUA CÁC THỜI ĐẠI
- ĐỊA LÝ, ĐẤT ĐAI, SÔNG, RẠCH

GIA-ĐỊNH QUA CÁC THỜI-ĐẠI

I

PHIÊN-TRẦN-DINH

Trong thời Quốc chúa Nguyễn-Phúc-Chu

Gia-Định ngày xưa vốn là thủ phủ của miền nam nước Việt. Địa danh là Gia-Định (1) thường được gọi kèm với địa danh Đồng-Nai, để chỉ về toàn lãnh thổ trong Nam.

«Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai vào Gia-Định Đồng-Nai thì vào.

Nhìn lại quá trình lịch sử tỉnh Gia-Định, chúng ta không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến tiền nhân đã đổ biết bao máu lệ trên vùng đất này. Công khai thác đầu tiên, chính do các vị chúa Nguyễn : Hiền-Vương Nguyễn-Phúc-Tần tục gọi chúa Hiền, Nghĩa-Vương Nguyễn-Phúc-Trần, tục gọi chúa Nghĩa và Quốc-chúa Nguyễn-Phúc-Chu.

Ngược dòng lịch sử, đất Gia-Định thuở xa xưa vốn thuộc về nước Phù-Nam, sau bị Chân-Lạp thôn tính, gọi là Thủy-Chân-Lạp, cũng gọi là Giản-Phổ Trại.

Đầu năm Mậu-Dần 1679, Hiền-Vương Nguyễn-Phúc-Tần sai tướng vào đánh. Chiến cuộc dây dưa, bất phân thắng bại. Mãi đến năm Mậu-Dần 1698, đời Quốc-chúa Nguyễn-Phúc-Chu, vị Chương-Cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh mới phụng mạng vào Nam, bình định xong dãy đất Biên-hòa, Gia-định ngày nay.

Chương-Cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh nghiêm nhiên là vị Kinh-lược đầu tiên ở miền Nam. Giải đất Biên-Hòa ngày nay, vào thuở ấy mang tên là Trấn-Biên-Dinh. Còn Gia-Định ngày nay, khi xưa bao

(1) — Chữ Gia có nghĩa là tốt đẹp ; chứ không phải chữ Gia có nghĩa là thêm vào như Legrand de la Liraye đã chua trong quyển tự điển « Dictionnaire annamite-français » của ông. Định việc xong rồi, ước trước, yên lặng, quyết định.

Tuy nhiên, các nhà nho Việt-Nam cho danh xưng này mới có từ Gia-Long, nghĩa Gia-Định là xứ do Gia-Long bình định.

gồm rộng lớn cả Sài-gon-Chợ-lớn và một phần của Định-Tường xưa, mang danh là Phiên-Trấn-Dinh.

Từ năm 1698, Phiên-Trấn-Dinh chia ra làm một phủ và một huyện :

- Phủ Gia-Định
- Huyện Tân-Bình

Xét ra huyện Tân-Bình là phần đất Saigon bây giờ. Phủ Gia-Định bao gồm cả vùng đất đặt dinh Phiên-Trấn.

Về mặt hành chánh, Quốc-chúa Nguyễn-Phúc-Chu đặt chức Giám quân, Cai-bộ và Ký-lục để cai trị.

Dần dần, đến đời chúa Võ-Vương Nguyễn-Phúc-Khoát, biên giới miền Nam nói rộng thêm ra, theo chính sách tầm thực do Nguyễn-Cư-Trình hoạch định. Con đường Nam tiến thành công, toàn lãnh thổ miền Nam chia cắt thành 3 dinh lớn. :

1. - Trấn-biên-dinh (Biên-Hòa)
2. - Phiên-Trấn-dinh (Gia-Định)
3. - Long-Hồ-dinh (Vĩnh-Long)

Như thế, công nghiệp khai thác miền Nam, trước có Nguyễn-Hữu-Cảnh (cũng gọi là Nguyễn-Hữu-Kính), sau có Nguyễn-Cư-Trình đã nối tiếp nhau hoàn thành chính sách.

Đến năm Bính-Thân 1776, Tây-Sơn tràn vào Nam, Phiên-Trấn dinh đặt dưới quyền kiểm soát của Tây-Sơn.

II

PHIÊN-AN-TRẤN

Trong đời vua Gia-Long

Khoảng năm Mậu-Tuất 1778, Nguyễn-Phúc-Ánh, người duy nhất sống sót sau khi Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần và cả gia đình bị Tây-Sơn sát hại ở Long-Xuyên (Cà-Mau) (1), lang thang trốn tránh ở các đầm lầy ở Cà-Mau, rồi đến hòn Poulo Panjang. Khi nghe tin quân Tây-Sơn rút đi, ông mới thu thập quân sĩ để đánh chiếm lại Gia-Định.

Bấy giờ, các tướng Tây-Sơn là Đô-Đốc Châu đem thủy quân đánh phá các miền ven bờ sông về tỉnh Biên-Hòa và Gia-Định ; tướng hộ giá Ngạn thì từ Qui-Nhon vào đánh phá tại Cần-giוע.

Đối đầu với các đạo quân dũng mãnh của Tây-Sơn, Nguyễn-Phúc-Ánh giao cho Đỗ-Thanh-Nhân giữ Saigon, còn ông thì thẳng đến Bến-

Lúc điều động tướng sĩ ngăn chống. Nhờ lòng quyết chiến của các tướng, Nguyễn-Phúc-Ánh cả thắng, thu quân trở về Saigon. Trong khi ấy, các tướng khác của ông cũng chém được tướng Tây-Son là Tư-Khấu-Oai ở sông Bến-Nghé, lấy lại được Biên-Hòa và Bình-Thuận.

Năm Canh-Tí, ổn định tình hình ở vùng Gia-Định Saigon, Nguyễn-Phúc-Ánh được các tướng nhiệt liệt bày tỏ lòng ngưỡng mộ, suy tôn ông lên làm Đại-Nguyên-Soái, cầm giữ việc nước, và ông chánh thức xưng Vương. Rồi truyền lệnh cho các văn thần lập bản đồ miền Nam, phân định địa giới dinh Phiên Trấn, tức toàn vùng Saigon — Gia-định — Long-An bây giờ.

Việc mở mang miền Nam từ đó được Nguyễn Vương ráo riết sắp đặt về mặt Hành chánh và Quân sự, với ý đồ giữ lấy miền Nam làm căn bản để tiến ra bình định miền ngoài, gồm non sông về một mối.

Nhưng Tây-Son đâu dễ chịu để yên cho Nguyễn-Phúc-Ánh ổn định tình hình ở miền Nam. Xem Nguyễn-Phúc-Ánh như một cái gai cần phải nhổ đi, nên nhà Tây-Son vẫn còn quyết tranh hùng với nhà Nguyễn-Phúc.

Cuộc nội chiến giữa Tây-Son và nhà Nguyễn-Phúc-Ánh, là cuộc quyết định một mất một còn mới thôi. Bởi thế, đôi bên hằng chục chòe khuynh đảo lẫn nhau. Hễ có dịp thuận tiện thì không bên nào là chẳng tung ngay đại quân tấn công dữ dội, cố tình hạ cho được đối phương. Điều ấy, khiến cho nhân dân miền Nam nói chung, Gia-Định nói riêng, đau khổ khôn cùng về nạn đao binh.

Năm Nhâm-Dần 1782, Tây-Son Nguyễn-Nhạc và Nguyễn Huệ lại vào Nam đánh nhau dữ dội. Nguyễn-Vương điều động các tướng Châu-Văn-Tiếp, Tôn-Thất-Cốc và Võ-di-Nguy dàn chiến thuyền trên sông Bến-Nghé, dùng thủy-quân ngăn chặn Tây-Son. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra cả về hai mặt thủy bộ. Tây-Son thế đông mạnh hơn. Nguyễn-Vương phải bỏ thành Sài-Côn, lui về miệt Tam-Phụ (Ba-Giồng), rồi chạy xuống Hậu-Giang. Gặp đại binh của Nguyễn-Huệ đón đánh. Nguyễn-Vương chạy trở về Bến-Lức, may được Lưu-Thủ Thăng từ Vĩnh-Long xuất chiến thuyền đến rước, cùng nhau đến Rạch-Giá, Hà-Tiên, Phú-Quốc ẩn lánh.

Trong khi ấy, Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ lui binh về Qui-Nhơn, giao vùng Saigon — Gia-Định cho Đỗ-Nhàn-Trập và Hộ-Bộ Bá đóng

giữ. Nguyễn-Vương may được Châu-Văn-Tiếp từ Phú-Yên kéo cờ đề bốn chữ « Lương-Sơn Tá quốc » vào cứu viện, lấy lại Saigon, rồi sai người đến Phú-Quốc rước Nguyễn-Vương về.

Năm Quý-Mão 1783, khoảng tháng hai, Tây-Sơn Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ lại kéo binh về đánh tan rã chiến thuyền của Nguyễn-Vương tại sông Saigon. Nguyễn-Vương lại phải chạy xuống Ba-Giồng, từng thuyền chỉ có 5, 6 người, binh lính chẳng đầy trăm.

Nguyễn-Huệ đem bộ binh đuổi theo, Nguyễn-Vương xuống Mỹ-Tho và cung quyến chạy ra Phú-Quốc lần nữa, ở tại núi Đá-Chông. Chẳng bao lâu, bị Thống-Suất Thận tới đánh, may nhờ có Lê-Phước-Điền mặc ngựa phục cho địch quân làm bắt, Nguyễn-Vương mới thoát được ra Côn-Lôn.

Dọ biết Nguyễn-Vương ẩn Côn-đảo, Nguyễn-Huệ sai Phò-mã Trương-văn-Đa đến đánh. Nhưng lòng trời chưa dứt Nguyễn-Vương, nên một trận bão làm đắm thuyền Tây-Sơn, giúp Nguyễn-Vương mới khỏi bị hại, chạy đến hòn Cờ-Cốt, rồi trở lại Phú-Quốc. Tại đây, gặp giám mục Bá-Đa-Lộc, Nguyễn-Vương giao Hoàng-Tử Cảnh cho Bá-Đa-Lộc đem sang Pháp làm con tin, xin binh cứu viện.

Rồi Nguyễn-Vương lén đến Ma-Ly hải khẩu (sông Phan, Bình-Thuận) dọ thám thế giặc. Bị quân Tây-Sơn phát giác đuổi đánh, Nguyễn-Vương rong thuyền giương cả hai buồm rồi chạy về Phú-Quốc.

Tháng 3 năm Giáp-Thìn 1784, do Châu-văn-Tiếp sang Xiêm cầu viện Nguyễn-Vương được vua Xiêm vời sang Vọng-Các. Đến tháng 6 Nguyễn-Vương dẫn binh Xiêm về chống nhau với Tây-Sơn, đánh ác liệt mấy trận tại Mân-Thít và Rạch-Gầm. Lại bị Tây-Sơn đánh tan, Nguyễn-Vương phải bôn tẩu lánh nạn.

Năm Định-Vị, Nguyễn-Vương đóng quân tại Nước Xoáy (Hồi-Oa) Sa-Đéc, qua lại vùng Hậu-Giang lo mưu báo phục. Đến tháng 8 năm sau, (Mậu-Thân) 1788, khắc phục được Gia-Định, Nguyễn-Vương hân hoan trở về thủ phủ miền Nam.

Sang năm Kỷ-Dậu 1789, Nguyễn-Vương bắt đầu lo xây đắp thành Bát Quái ở trên gò cao thôn Tân-Khai, thuộc Tổng Bình-Dương, do theo đồ án của một người Pháp phụ tá Nguyễn-Vương là Olivier.

Thành Bát-Quái đắp xong, năm sau, Canh-Tuất 1790, Nguyễn-

Vương đặt tên là Gia-Định kinh (thành), nằm trong vùng Saigon ngày nay.

Bấy giờ, binh lực nhà Nguyễn-Phúc đã hùng hậu, đẩy lui được Tây-Son ra xa, tình thế Phiên-Trấn-Dinh ổn định. Việc cai trị cũng tỏ chức hoàn hảo. Quân lực cũng dần dần bổ sung như ý. Từ ấy Nguyễn-Vương tiến quân ra đánh lấy Phú-Xuân, chẳng bao lâu thì thống nhất non sông.

Năm Nhâm-Tuất 1802, Nguyễn-Vương lên ngôi tức vua Gia-Long. Phiên-Trấn dinh được đổi là Gia-Định-Trấn.

Rồi đến năm 1808, vua Gia-Long định lại bờ cõi, phân địa giới toàn lãnh thổ làm 4 dinh, gồm 25 trấn. Lại chia làm hai miền Nam Bắc, gọi là Bắc thành và Gia-Định thành.

1.— Bắc thành từ Thuận-Hóa trở ra Bắc

2.— Gia-Định thành từ Bình-Thuận trở vào Nam.

Gia-Định thành gồm có 5 trấn

1. — Phiên-Trấn-An (Gia-Định)

2. — Biên-Hòa-Trấn

3. — Vinh-Thanh-Trấn (Vinh-Long, An-Giang)

4. — Định-Tường-Trấn

5. — Hà-Tiên-Trấn

Về mặt Hành chánh, Gia-Định thành đặt dưới quyền coi sóc của một vị Tổng-Trấn, có hai vị phụ tá là Hiệp-Tổng-Trấn và Phó-Tổng-Trấn. Các thuộc viên khác thì gồm có Trấn-Thủ, Cai-Bộ, Ký-Lục.

Huyện Tân-Bình thì đổi làm Phủ Tân-Bình. Bốn thuộc tổng là Bình-Dương, Tân-Long, Thuận-An, Phước-Lộc thì đều đổi thành huyện.

Như vậy, Gia-Định thành khi ấy gồm có :

— Phủ-Tân-Bình

— 4 huyện :

1.— Bình-Dương

2.— Tân-Long

3.— Thuận-An

4 — Phước-Lộc

Vị Tổng-Trấn đầu tiên của Gia-Định thành là cụ Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-Văn-Nhân, vị Hiệp-Tổng-Trấn là Long-Vân-Hậu Trương-Tấn-Bửu.

Đến năm Gia-Long thứ 11 (Nhâm-Thìn 1812), cụ Tả-Quân Quận-Công Lê-Văn-Duyệt được bổ nhậm chức Tổng Trấn thành Gia-Định.

Đời Minh-Mạng năm thứ 6 (Ất-Dậu 1825), Gia-Định thành bị kiêm nhiếp thêm một phủ Lạc-Hóa (Phủ này về sau sáp nhập tỉnh Vĩnh-Long).

Đến năm Minh-Mạng 13 (Nhâm-Thìn 1832), sau khi cụ Tả-Quân Quận-Công Lê-Văn-Duyệt từ trần, nhà vua bãi bỏ chức Tổng-Trấn, đặt Gia-Định thành làm một tỉnh, do các vị Tổng-Đốc Tuần-Phủ, Án-Sát, Bố-Chính cai trị. Một trang sử khác lại bắt đầu.

III TỈNH GIA-ĐỊNH

Dưới thời vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị

Từ năm Minh-Mạng thứ 13, Nhâm-Thìn 1832, vua Minh-Mạng bãi bỏ chức Tổng-Trấn, đổi 5 trấn của Gia-Định thành ngày trước làm 6 tỉnh

- 1.— Gia-Định
- 2.— Biên-Hòa
- 3.— Định-Tường
- 4.— Vĩnh-Long
- 5.— An-Giang
- 6.— Hà-Tiên

Do đó, miền Nam có danh xưng là Nam-kỳ lục-tỉnh. Riêng tỉnh Gia-Định khi xưa diện tích khá rộng, bao trùm cả một vùng hiện nay thuộc các tỉnh Tây-Ninh, Long-An.

Tỉnh thành Gia-Định khi xưa đặt tại vùng Saigon — Gia-Định bây giờ, gọi là tỉnh thành Phiên-An. Đặt chức An-biên Tổng-Đốc, thống trị hai tỉnh Phiên-An và Biên-Hòa Hai tỉnh ấy, mỗi tỉnh đặt một vị Bố-Chánh, một Án-Sát, vị Bố-Chánh tỉnh Gia-Định đầu tiên là Bạch-Xuân-Nguyên, Án-Sát là Nguyễn-Chương-Đạt, Tổng-Đốc là Nguyễn-văn-Quế.

Lại lấy hai huyện Thuận-An, Phước-Lộc đặt thành Phủ Tân-An. Năm Minh-Mạng thứ 14 (Quý-Tị 1833), tỉnh Gia-Định lại xảy

ra cuộc loạn to Lê-văn-Khôi con nuôi cụ Tả-Quân Lê-văn-Duyệt dấy binh phản biến, chiếm cứ tỉnh thành Gia-Định. Lý do cuộc biến, vì Bó-Chánh Bạch-Xuân-Nguyên tham những gièm siểm với triều đình, bắt bớ, hạch tội gia nhân của cụ Tả-Quân, trong số đó có Lê-văn-Khôi cũng bị bắt giam. Hơn nữa, khiến cho cụ Lê Tả-Quân mất ròi, mà ngôi mộ còn bị xiềng với 8 chữ đề «Quyền yểm Lê-văn-Duyệt phục pháp xứ = Nơi đây là chỗ quan hoạn lộng quyền Lê-văn-Duyệt chịu hành phạt theo phép nước».

Bởi các điều tác tệ ấy, nên Lê-Văn-Khôi nổi loạn, bắt Bó-Chánh Bạch-Xuân-Nguyên bó làm đuốc đốt sống, rồi chiếm cứ tỉnh thành luôn.

Tuần-Phủ Võ-Quỳnh ở Biên-Hòa cấp báo về triều. Hậu-Quân Đô-Thống-Phủ Chương-Phủ-Sự Phan-Văn-Thúy và Khâm-Sai Tán-Tương Quân-Vụ Đại-Thần Trương-Minh-Giảng được lệnh triều đình đánh dẹp Lê-Văn-Khôi. Suốt hai năm mới dẹp xong, thu phục lại được tỉnh thành Gia-Định. (1).

Năm Minh-Mạng thứ 17 (Bính-Thân 1836), xây đắp thành Gia-Định lại. Đồi An-Biên Tổng-Đốc làm Định-Biên Tổng-Đốc. Đặt thêm một phủ gọi là Tây-Ninh.

Tỉnh Gia-Định khi ấy gồm có 3 phủ, 9 huyện như sau :

I.— Phủ Tân-Bình

- 3 huyện : 1.— Bình-Dương
2.— Tân-Long
3.— Bình-Long

Cả 3 huyện thống nhiếp 16 tổng, 288 xã thôn, phường ấp.

II.— Phủ Tân-An

- 4 huyện : 1.— Cửu-An
2.— Phước-Lộc
3.— Tân-Hòa
4.— Tân-Thạnh

Cả 4 huyện gồm có 18 tổng, 56 xã thôn.

III.— Phủ Tây-Ninh

- 2 huyện : 1.— Tân-Ninh
2.— Quang-Hóa

Cả hai huyện gồm có 7 tổng, 56 xã thôn.

(1) — Xin xem thêm ở phần danh nhân, Di tích giai thoại, chúng tôi thuật rõ thêm về những việc có liên quan đến cuộc đời Lê-Văn-Khôi và cuộc loạn năm Quý-Tỵ 1833.

TỈNH GIA-ĐỊNH

Dưới thời Tự-Đức và thời Pháp thuộc

Đến đời Tự-Đức, tỉnh Gia-Định sôi động hơn nhiều qua những biến cố trọng đại. Nhất là lúc quân đội Pháp xâm lăng miền Nam, tỉnh Gia-Định thủ phủ của miền Nam, dần dần biến đổi.

Ngay từ năm 1851, vua Tự-Đức đã đặc biệt chú ý tới miền Nam, nên cử Nguyễn-Tri-Phương làm Kinh-Lược Đại-Sứ Nam-kỳ, có Phan-Thanh-Giản và Phạm-Thế-Hiền phụ tá. Với chính sách đồn điền, các cụ Nguyễn-Tri-Phương, Phan-Thanh-Giản và Phạm-Thế-Hiền đã mở mang nhiều, miền Nam thêm phần thịnh, trừ phú.

Nhưng quân đội Pháp sang xâm lấn, đất nước lâm cơn khói lửa đao binh. Chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ đầu tiên nơi Gia-Định.

Ngày 2 tháng 2 năm 1859, Hải-Quân Trung-Tướng Rigault de Genouilly đem binh thuyền vào cửa Cần-Giờ, bắn phá các pháo đài hai bên bờ sông Đồng-Nai, rồi đổ bộ đánh thành Gia-Định. Quan Hộ-Đốc thành Gia-Định là Võ-Duy-Ninh tử tiết.

Gia-Định thất thủ, vua Tự-Đức cử Nguyễn-Tri-Phương vào Nam lo liệu việc khôi phục đất Gia-Định. Nguyễn-Tri-Phương vâng mạng vào Nam cùng với Phạm-Thế-Hiền, thiết lập phòng tuyến Chí-Hòa để ngăn chặn giặc Pháp.

Bấy giờ, khoảng năm 1860, khắp Saigon — Gia-Định hãy còn nhiều con kinh đào. Trong thành Gia-Định thì đại lược có những cơ quan sau này :

- | | |
|---------------|----------------------------|
| a) Hành-chánh | Dinh Ông Thượng |
| | Trường thi |
| | Trường tiền (chỗ đúc tiền) |
| | Hoàng cung |
| | Pháp trường |
| b. — Quân sự | Cơ xưởng |
| | Thủy trại (Arsenal) |

Trường diêm (kho đạn)
Cơ dinh
Mô súng (đồng tập trận)
Khu lương thực (Cầu kho)

c.— Phố sá : nhà cửa dân cư ở vùng thấp có các rạch con nổi
liền

d.— Phía xa vô lẫn trong Chợ-Lớn có phố Hoa-Kiều

Theo cuốn « Annuaire de la Cochinchine » in năm 1865, hồi Tây mới qua, vùng Saigon đếm được 40 làng ở dài theo sông Bến-Nghé.

Trong bài khảo cứu của cụ Trương-Vĩnh-Ký « Souvenirs historiques » cụ kể đại lược chung quanh Saigon xưa có những làng như : Hòa-Mỹ, Tân-Khai, Long-Điền, Trường-Hòa, Mỹ-Hội, Nam-Chơn, Long-Hưng, Cầu-Kho, Chợ-Quán, Tân-Kiềng, An-Bình, Hòa-Nghĩa.

Thành phố Saigon thuộc vùng đất thôn Mỹ-Lợi, bắt từ mé kinh Cây Cám chạy đặng ranh làng Tân-Khai.

Tân-Khai tục danh là Chợ Sỏi, hoặc vàm Bến-Nghé, ranh đất ăn giáp đường Trường-Tiền (đường mé sông lối cầu Mống). Hồi đàng cựu, đường mé sông nhà cửa đông đúc, lớp trên bờ, lớp dưới mé sông, chạy dài chen chúc khít nhau.

Quang cảnh vùng Mỹ-Hội tức vùng thành Saigon xưa, được diễn tả rõ trong bài « Cờ Gia-Định vịnh » có những câu :

« Phú Gia-Định, phú Gia-Định nhà đủ người no chốn chốn ;

« Xứ Sai-gon, xứ Saigon ở ăn vui thú nơi nơi.

« Lạc thồ nhóm Bồn dân, sĩ nông công thương, ngư tiểu canh mục ;
Qui thành xây tám hướng, càn khảm cấn chấn tổn ly khôn đoài.

« Lợi đất thịnh thịnh xóm vườn Mít ; Bình trời vui vọi núi mô
Xoài.

« Đông đảo thay phường Mỹ-Hội, sum nghiêm bảy làng Tân-Khai

« Ngồi liễn đuôi lân, phố thương khách nhà ngang nhà dọc ;
Hiên sè cánh én, nhà quan dân hàng vẫn hàng dài.

« Gái nha nhuộm tay vòng tay chuỗi, Tài xinh xang chơn hơn
chơn hải.

« Dù Vồng nghinh ngang chợ Điều-Khiển ; Quan quân rậm rật
cầu Khâm-Sai . . . »

Quang cảnh thanh bình như thế ấy, ngờ đâu quân đội Pháp xâm lăng gây nên những cảnh chiến tranh. Cụ Khâm Sai Võ-Hiền-Điện Đại-Học-Sĩ Nguyễn-Tri-Phương vào Nam, với chức vụ Tổng-Thống Quân-Vụ Nam-kỳ, cụ lập tức cho xây thành đắp lũy, sẵn sàng trong tư thế kháng chiến. Đại đồn Kỳ-Hòa được thiết lập, bố phòng chặt chẽ. Không khí chiến tranh bàng bạc khắp vùng Gia-Định.

Bên phía Pháp, họ cũng chuẩn bị ráo riết đề hạ đồn Chí-Hòa. Thế rồi vào khoảng 4 giờ 30 sáng ngày 24 tháng 2 năm 1861. Đề-Đốc Charner cho lệnh tấn công. Suốt hai ngày đánh phá, quân Pháp triệt hạ được đồn Chí-Hòa. Quân ta thua bỏ chạy về Biên Hòa.

Trong trận Chí-Hòa, Lục-Quân Thiếu-Tướng De Vassoigne và Đại-Tá Y Pha-Nho Palanca bị thương.

Phía ta, em cụ Nguyễn-Tri-Phương là Nguyễn-Duy và Tham-Tán Quân-Vụ Tôn-Thất-Tư tử trận. Cụ Phạm-Thế-Hiền bị thương nặng, chạy về đến Biên-Hòa được mấy hôm thì mất (1)

Gia-Định đã hoàn toàn lọt vào tay Pháp, sĩ phu nước ta lần lượt dấy quân kháng chiến, tại Gia-Định thì có các cụ Phan-Văn-Đạt, Nguyễn Thông, Hồ-Huấn-Nghiệp, Trịnh-Quang-Nghị khởi nghĩa chống Pháp hào hùng (2).

Nhưng thế yếu, lần hồi sáu tỉnh Nam Kỳ đều bị quân Pháp đánh chiếm. Do hòa ước năm Nhâm-Tuất, ngày 5 tháng 6 năm 1862, nước ta đành nhượng 3 tỉnh miền Đông cho Pháp. Rồi do hòa ước năm Giáp-Tuất, ký kết ngày 15-3-1874, triều đình Huế nhìn nhận 6 tỉnh Nam-kỳ là thuộc-địa nước Pháp !

Sau khi chiếm xong Gia-Định, Pháp thiết lập chế độ cai trị tạm thời. Lúc ấy, các quan Nam triều bỏ đi hết, làng xã thì không hương chức, sở bộ đều lạc mất. Pháp phải dùng một ít học trò nhà dòng biết tiếng La-Tinh theo làm thông ngôn cho quan binh mà thôi.

Lần lần, dân sự mới qui lại, hương thôn mới lập lại.

Đề-Đốc Charner, Pháp lập tại Gia-Định một số đồn Pháp để cai trị nhân dân, có một đội binh yểm trợ. Nhiều sĩ quan được lãnh trách nhiệm cai trị, gọi « Quản-Đốc bôn quốc Sự-Vụ » (Directeur des affaires Indigènes) thay thế cho Tri-huyện, Tri phủ người Việt.

(1) và (2) — Trận đánh ở Chí-Hòa và các cuộc kháng chiến ở Gia-Định xin xem thêm ở phần di tích lịch sử và phần Danh nhân.

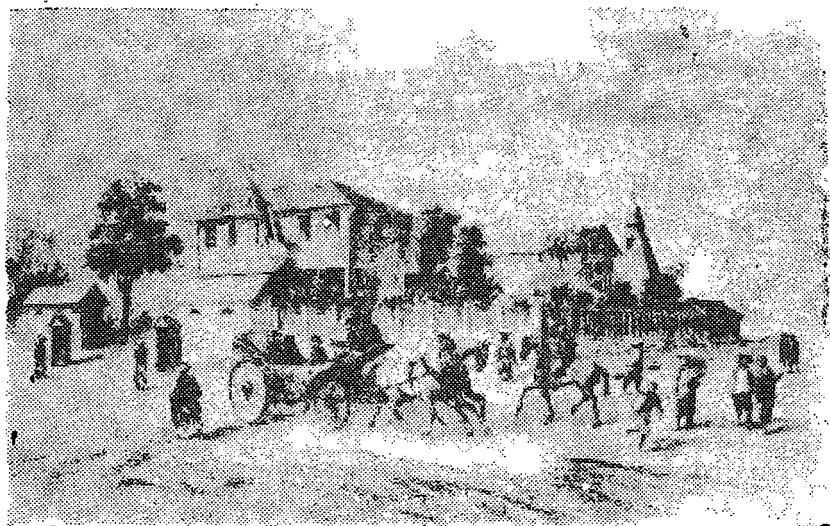
Sau đấy, Đô-Đốc Bonard mới giao phó cho các quan Việt-Nam cai trị người Việt, nếu các quan bắt lực và dân sự nổi lên thì quân đội Pháp sẽ đến đàn áp.

Năm 1864, Đô-Đốc De la Grandière thay đổi chế độ cai trị. Ba tỉnh miền Đông bị chia làm 7 khu vực chỉ huy : Bà-Rịa, Biên-Hòa, Cần-Giוע, Mỹ-Tho, Saigon, Chợ-Lớn, Tân An, Gò-Công và Tây-Ninh.

Đây cũng còn là tổ chức quân sự, song đề chuyển qua chế độ dân sự. Ngày 9-11-1864, De La Grandière lập một tòa Thượng-Thư (Direction de L'Intérieur) cai quản các quan Tham-Biện, sĩ quan và nhân viên công lực v.v...

Những quan Tham-Biện người Pháp được đặt cai trị mấy phủ hay huyện quan trọng. Riêng vùng Gia-Định, trong năm 1865 có mấy sở Tham-Biện này

- Saigon
- Chợ-Lớn
- Cần-Giוע



Dinh Toan Quyen đầu tiên ở SAIGON

— Tây-Ninh (huyện Tây-Ninh và Quang-Hóa)

— Tân-An (huyện Tân-Thành và Cửu-An)

Và sau khi chiếm trọn sáu tỉnh Nam kỳ rồi, năm 1867, chính phủ Pháp tổ chức cuộc cai trị Nam kỳ làm thuộc-địa.

Đất Nam-kỳ bị chia làm 6 tỉnh, gồm 24 sở Tham-Biện. Sáu tỉnh lúc ấy là : Saigon, Mỹ-Tho, Biên-Hòa, Vinh-Long, Châu-Đốc, Hà-Tiên.

Vùng Gia-định lúc ấy trở thành tỉnh Saigon, một tỉnh địa đầu trong 6 tỉnh. Đặt ra 7 sở Tham-Biện để cai trị

I.— Tỉnh Saigon 7 Tham-Biện

1.— Saigon, Châu-thành,	Saigon
Huyện	Bình-Dương
”	Bình-Long
2.— Chợ-lớn, Châu-thành	Chợ-Lớn
Huyện	Tân-Long
3.— Phước-Lộc, Châu-thành	Cần-Giוע
Huyện	Phước-Lộc
4.— Tân-Hòa, Châu-thành	Gò-Công
Huyện	Tân-Hòa
5.— Tân-An, Châu-thành	Bình-Lập
Huyện	Tân-Thành
”	Cửu-An
6.— Tây-Ninh, Châu-thành	Tây-Ninh
Huyện	Tây-Ninh
7.— Quang-Hóa, Châu-thành	Trảng-Bàng
Huyện	Quang-Hóa
”	Tân-Ninh

Cho đến năm 1885, do nghị định ngày 16 tháng 12 năm 1865, Tham-Biện Saigon đổi tên là Tham-Biện Gia-Định.

Và kể từ năm 1899, Nghị-Định ngày 20 tháng 12 bãi bỏ chữ Tham Biện (Inspection) và gọi là tỉnh (Province) ; chữ Inspecteur (Quan Tham-Biện) thì đổi là Administrateur — Chef de Province (Quan cai trị — Chủ Tỉnh)

Ngày 11-5-1944, lập thêm tỉnh Tân-Bình, do một phần tỉnh Chợ-Lớn và một phần tỉnh Gia-Định tách ra.

Thế là trước đây, xứ Nam-kỳ trong thời thuộc Pháp chia tất cả

làm 22 tỉnh, mà tỉnh Gia-Định là tỉnh đứng đầu, liệt kê như sau

a.— Thủ-phủ : Tỉnh Gia-Định, Tân-Bình, Chợ-Lớn.

b.— Miền Đông gồm các tỉnh Biên-Hòa, Thủ-Dầu-Một, Tây-Ninh, Bà-Rịa, Vũng-Tàu.

c.— Miền Tây gồm các tỉnh Bến-Tre Tân-An, Gò-Công Mỹ-Tho, Vĩnh-Long, Cần-Thơ, Trà-Vinh, Long-Xuyên, Châu-Đốc, Sa-Đéc Sóc-Trăng, Bạc-Liêu, Hà-Tiên . . .

Sau đây là bảng đối chiếu sáu tỉnh Nam kỳ trong đời Minh-Mạng với 22 tỉnh dưới thời Pháp thuộc.

TÊN TỈNH CŨ 1832

Gia-định	Biên-hòa	Định-tường	Vĩnh-long	An-giang	Hà-tiên
----------	----------	------------	-----------	----------	---------

TÊN TỈNH THUỘC PHÁP 1944

Gia-định	Biên-hòa	Mỹ-tho	Vĩnh-long	Châu-đốc	Hà-tiên
Chợ-lớn	Bà-rịa		Bến-tre	Long-xuyên	Rạch giá
Tân-an	T.đầu-một		Trà-vinh	Sa-đéc	Bạc-liêu
Tây-ninh	Vũng-tàu			Sóc-trăng	
Gò-công				Cần-thơ	
Tân-bình					

Nhìn vào bảng đối chiếu trên đây, chúng ta nhận ra ngay : Tỉnh Gia-Định của nước ta vào thời Minh-Mạng, đến thời thuộc Pháp từng sửa đổi, phân ranh giới nhiều lần. Cho đến năm 1944 thì tỉnh Gia-Định khi xưa bị cắt làm thành 6 tỉnh nhỏ :

- 1.- Gia-Định
- 2.- Tân-Bình
- 3.- Chợ-Lớn
- 4.- Tây-Ninh
- 5.- Tân-An
- 6.- Gò-Công

Xem thế, Gia-Định ngày xưa rộng lớn biết chừng nào. Gia-Định ngày nay chỉ còn là một phần sáu của xưa kia mà thôi.

Về việc hành chánh, cấp tối cao Nam-kỳ khi Pháp thuộc, từ năm 1859, lần lượt do những tướng Hải quân kế tiếp nhau cai trị như sau :

- Rigault de Genouilly Hải-Quân Trung-Tướng
- Page Hải-Quân Thiếu-Tướng
- Charner Hải-Quân Trung-Tướng
- Bonard Hải-Quân Thiếu-Tướng
- De la Grandière Hải-Quân Đô-Đốc v.v...

Cho đến ngày 13 tháng 5 năm 1879, do chỉ dụ của Tổng-Thống Pháp, bên quan văn mới được nắm quyền cai trị tối cao. Vị quan văn Pháp đầu tiên được cử làm Thống-Đốc Nam-Kỳ là Le Myre de Vilers. Từ ấy, quân-sự và dân sự phân biệt hẳn hoi.

Hành chánh địa phương trong thời Pháp thuộc thì có Tỉnh-Trưởng Quận-Trưởng, Cai, Phó Tổng, Bàn Hội-Tề (tức Hội-Đồng Hương-chính, hay như Hội-Đồng xã hiện nay). Ban hội tề ngày trước, thông thường có đến 12 vị hương chức Cả, Chủ, Sư, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã-Trưởng và Chánh lục bộ (như ủy viên hộ tịch ngày nay).

A.- BẢNG TÓM LƯỢC

Địa danh Gia-định qua các thời đại

Năm 1698 Phiên-Trấn-Dinh

— Phủ Gia-Định

— Huyện Tân-Bình (phần đất Saigon bây giờ)

Cước chú : Năm 1790, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh chánh thức đặt tên cho thành Bát-quái do Victor Olivier xây năm 1789 trên gò cao thôn Tân-Khai, gọi là Gia-Định kinh (thành).

1802 Gia-Định-Trấn

1808 Gia-Định thành

1832 Phiên-An tỉnh thành

1836 Gia-Định tỉnh

1871 Inspection de Saigon, hay Arrondissement de Saigon

1885 Province de Gia-Định

**B.— DANH-SÁCH CÁC THAM-BIỆN NGƯỜI PHÁP
CÁI-TRỊ TỈNH GIA-ĐỊNH**

- 1861 Boriesse (Chef de Province)
1862 Piquet (Inspecteur des affaires indigènes)
 Darfeuille La Côte
 Gaillard Bataille
 Henry Henry
 Villar Marquis
 Parreau Lacôte
1897 Escoubet (Administrateur — conseiller)
1901 Debernadi
 Wolf
 Robert Ropion
 Dufour
 Sylvestre

V

TỈNH GIA-ĐỊNH

từ sau năm 1945 cho đến nay.

Về lịch sử tỉnh Gia-Định, qua bốn chương trước, chúng tôi đã trình bày từng giai đoạn thay đổi và những cơn đột biến trong tỉnh Gia-Định. Chúng tôi xin tóm tắt lại, để hiểu rõ hơn về các phần đất Gia-Định xưa và nay đã thay đổi ra sao khi thuộc Pháp và đến nay :

Dưới thời Pháp thuộc, tỉnh Gia-Định xưa cắt làm 6 tỉnh : Gia-Định, Chợ-Lớn, Tân-An, Tây-Ninh, Gò-Công và Tân-Bình.

a.— **Chợ-Lớn** lập năm 1876, gồm hai huyện Tân-Long (của phủ Tân-Bình) và huyện Phước-Lộc (trong phủ Tân-An).

b.— **Tân-An** lập năm 1864, phối hợp hai chữ Tân (huyện Tân-Thành) và An (huyện Cửu-An).

Năm 1956, tỉnh Chợ-Lớn sáp nhập với tỉnh Tân-An thành tỉnh Long-An. Tên tỉnh mới này gồm chữ Long (huyện Tân-Long) và An (phủ Tân-An).

c — **Tây-Ninh** dưới Nam triều, tức là phủ Tây-Ninh, gồm hai huyện Tân-Ninh và Quang-Hóa.

d.— Gò-Công trước là huyện Tân-Hòa, lập làm Tham-Biện Gò-Công, sau hòa ước Nhâm-Tuất 1862.

Năm 1956, tỉnh Gò-Công sáp nhập với tỉnh Mỹ-Tho lập thành tỉnh Định-Tường.

e.— Tân-Bình xưa là phủ Tân-Bình, lập làm tỉnh Tân-Bình vào năm 1944.

Tỉnh này nay là quận Tân-Bình thuộc tỉnh Gia-Định.

Về các nhân vật đã từng ngồi tại Saigon — Gia-Định, nắm quyền cai trị tại Nam kỳ, gồm có :

I.— Lúc Tây-Son vào Nam, thì có những quan trấn thủ Gia-Định

- Đỗ-Nhàn-Trập
- Đặng-Văn-Chơn
- Nguyễn-Văn-Lữ
- Phạm-Văn-Tham

II.— Kể từ thời vua Gia-Long cho tới giữa thời vua Tự-Đức, gồm có các vị Tổng-Trấn Gia-Định thành :

Từ năm 1801 đến 1805 : Kinh-Môn Quận-công

Nguyễn-Văn-Nhơn

1805 — 1815 : Chương Tả-Quân Lê-Văn Duyệt, có Trương-Tấn-Bửu làm phó Tổng-Trấn, Ngô-Nhân-Tịnh làm Hiệp-Tổng-Trấn.

1816 — 1819 : Kiến-Xương Quận-Công Nguyễn-Huy-Đức, có Trịnh-Hoài-Đức làm Hiệp-Tổng-trấn.

1820 — 1832 Chương-Cơ Tả-Quân Quận-Công Lê-Văn-Duyệt có Trương-Tấn-Bửu làm Phó-Tổng-Trấn từ năm 1822.

1833 — 1834 Tổng-Đốc Nguyễn-văn-Quế.

1859 Hộ-Đốc Võ-Duy-Ninh.

III.— Thời Pháp thuộc gồm có

- Rigault de Genouilly 1859
- Page 1859—60
- D'Ariès 1860—61
- Charner 1861
- Bonard 1861—63

— De La Grandière.	1863— 68
— Ohier	1868— 74
— Cornulier	1874—1876
— Dupré.	1876—79
— Le Myre de Vilers	1879 v.v...

Đến ngày 9-3-1945, quân đội Nhật lật đổ chính quyền Pháp. Tướng Nhật là Minoda thay Hoeffel mà ngồi ghế Thống-Đốc, còn Kohno thì chiếm địa vị Quận-Trưởng Saigon — Chợ-Lớn.

Ngày 11-3-45, Viện cơ mật của triều đình Huế tuyên bố : Hiệp ước bảo hộ 1884 bị bãi bỏ, Việt-Nam khôi phục chủ quyền. Ngày 17-3 vua Bảo-Đại tuyên chiếu từ nay đích thân cầm quyền, theo nguyên tắc Dân Vi Quí.

Ngày 18-3, biểu tình lớn tại Saigon đề mừng độc lập, và đón rước di hài nhà Cách mạng Dương-Bá-Trạc đưa từ Chiêu-Nam (Singapour) về.

Ngày 17-4, vua Bảo-Đại ủy Trần-Trọng-Kim lập chính phủ. Chính khách Nguyễn-Văn-Sâm được Bảo-Đại cử làm Khâm-Sai Nam bộ, theo dụ số 108, ngày 18-4-45.

Nguyễn-văn-Sâm ra Huế, Đồng-Lý Văn-Phòng là Hồ-văn-Ngà được tạm quyền Khâm-Sai Nam bộ.

Thời cuộc biến chuyển nhanh chóng. Ngày 22-8-45, Bảo-Đại tuyên chiếu thoái vị. Cũng trong ngày này, Đại-Tá Pháp là Cédille được De Gaulle cử làm Ủy-Viên Cộng-Hòa Pháp tại Nam bộ, đã nhảy dù xuống Tây-Ninh và được quân Nhật đưa về Saigon.

Ngày 25 tháng 8, tại Saigon, một Lâm-Ủy hành chính tuyên bố thành lập. Chủ tịch là Trần-văn-Giàu. Có biểu tình lớn tại Saigon, đề ủng hộ Lâm-Ủy hành chính và chống Pháp.

Ngày 2-9 lại biểu tình lớn ở Saigon, biểu dương ý chí tranh đấu với phái bộ đồng minh sang giải giới Nhật. Dân chúng xô xát với Pháp kiều. Quân Nhật can thiệp và đòi giải tán Dân quân.

Ngày 6-9, phái bộ quân sự Anh tới Saigon, đề giải giáp quân Nhật. Tiếp đến, ngày 12-9, quân đội Anh—Ấn thuộc quyền chỉ huy của tướng Anh là Douglas Gracey cũng tới Saigon.

Cũng trong ngày này, Bộ Nội-vụ ra Nghị-Định bãi bỏ quan lại, thiết lập hệ thống hành chính mới, với các Ủy ban Nhân dân Kỳ, Tỉnh, Huyện, Xã.

Tới Saigon, quân đội Anh-Ấn hùng hồ làm dữ. Ngày 22-9 tướng Douglas Gracey ra lệnh giới nghiêm tại Saigon, Chợ-Lớn ; đóng cửa các tòa báo, cấm phá hoại, thả những dân Pháp bị giam võ trang hơn 1.000 lính Pháp đã bị Nhật bắt.

Ngày 3-10, Đại Tá Cédille có mặt ở Saigon, tuyên bố muốn có sự thỏa hiệp giữa Pháp và Việt-Nam, đồng thời, một đoàn quân của tướng Leclerc cũng tới Saigon và tuyên bố sẽ bình định Nam bộ.

Ngày 10-10, Ủy ban Nhân dân Nam bộ kêu gọi dân chúng tản cư khỏi các thành phố và nỗ lực kháng chiến.

Ngày 12-10 quân Anh và quân Ấn thuộc Anh, tới đóng ở Gia-Định và Gò-Vấp.

Ngày 15-10 nhiều quân Pháp lại cập bến Saigon. Từ ấy, quân Pháp có quân Anh tiếp tay, lần lượt đánh phá các tỉnh, định tái lập quyền hành như thuở họ còn đè đầu đè cổ dân ta. Nhất là khi họ được tướng Anh Douglas Gracey chuyển giao quyền hành cho họ trước khi rời Saigon, họ càng đắc thế. Nhưng rốt ra, dân Việt vẫn sống anh dũng vẻ vang với tinh thần bất khuất, chiến đấu luôn luôn để bảo vệ non sông.

Trải qua những biến cố, tỉnh Gia-Định đã nghiêm nhiên chứng kiến và chịu đựng nhiều nhất trước mọi sự đổi thay, vì là tỉnh địa-đầu án ngữ, và bảo vệ cho thủ đô Saigon. Hơn nữa, tỉnh Gia-Định với địa danh Hóc-Môn, Mười Tám Thôn Vườn Trầu, nơi hoạt động của Phan-Công-Hớn tức Quản Hớn trương cờ khởi nghĩa kháng Pháp, nơi sinh quán của các cụ Đặng Thúc-Liêng, anh em cụ Nguyễn An-Khương, Nguyễn An-Cư và người con cháu của hai cụ là Nguyễn An-Ninh, càng đẹp cho tỉnh nhà vô cùng.

Lại còn thêm phong phú về những di tích lịch sử đáng được nhắc nhở, đáng được đề cao, thiết tưởng tỉnh Gia-Định rất xứng danh là tỉnh số một của miền Nam nước Việt.

Về mặt kháng chiến tỉnh Gia-Định có những trang sử oai hùng như trận An-phú-Đông, trận Đồng Ông Cộ làm cho Pháp quân phải nề mặt đàn quân ta, nhưng hoàn cảnh đất nước chưa cho phép nói lên xin bạn đọc thông cảm cho.

ĐỊA-LÝ

VỊ-TRÍ — ĐỊA-GIỚI — DIỆN-TÍCH

Tỉnh Gia-Định là một tỉnh thuộc miền Đông Nam phần, bao bọc Đô thành Saigon ở giữa, giống như tròn trắng một quả trứng bao quanh tròn đỏ là Saigon.

Trước kia địa giới Gia-Định, cũng như diện tích rộng lớn, nhưng sau này trải qua nhiều cuộc biến cải, địa giới bị thu hẹp lại và hiện thời

- Phía Đông giáp tỉnh Biên-Hòa
- Phía Tây và Nam giáp tỉnh Long-An
- Phía Bắc giáp tỉnh Bình-Dương
- Phía Nam giáp biển Nam-Hải

Về diện tích tỉnh Gia-Định trước đây còn có 77.281 mẫu tây phân phối theo từng quận như sau :

— Quận Bình-Chánh	18.075	mẫu	— Quận Nhà Bè	8.946	mẫu
— “ Gò-Vấp	6.799	“	— “ Tân-Bình	11.139	”
— “ Hố-C Môn	11.930	“	— “ Thủ-Đức	20.932	”



Một cảnh thơ mộng ở vùng An Phú-Đông Gò-Vấp.

Ảnh Bùi-văn-Mão

Năm 1965 Gia-Định có thêm 2 quận mới Cần-Giờ và Quảng-Xuyên sẽ nói sau về dân số.

II— ĐỊA-CHẤT : Về phương diện địa chất, tỉnh Gia-Định có thể chia ra làm 3 khu riêng biệt

— Khu Nam và Đông-Nam thuộc quận Bình-Chánh và quận Nhà-Bè là vùng đất phù sa, nhưng còn bị ảnh hưởng nước mặn, nên còn sinh lầy nhiều chỗ.

Khu thứ nhì là từ tỉnh lỵ tới giáp giới Bình-Dương, là vùng đất cao có nhiều giồng, chất đất ở đây là đất pha cát, những nơi cao thì thường có lẫn đá tổ ong (latérite) và đá sỏi. Đây là phần đất của 3 Quận Tân-Bình, Gò-Vấp, Hốc-Môn, rất hợp cho các loại cây cao su, thuốc lá, mía đường, đậu phộng và cây ăn trái.

— Khu thứ 3 thuộc Thủ-Đức, chiếm phần tả ngạn sông Saigon là vùng đất tương đối thấp hơn khu 2, nhưng có một cuộc đất đồi nơi lồi lên nơi lõm xuống như đợt sóng từ Biên-Hòa đi tới.

Địa-thể trên chứng tỏ tỉnh Gia-định cũng như các tỉnh Miền Nam Việt-Nam, trước đây là một vùng quanh năm ngập lụt, rồi sau phù sa bồi đắp thành rừng rậm, sinh lầy mà dân Việt trong cuộc Nam tiến đã chiếm cứ khai thác lập nên những làng mạc trù-phú như ngày nay.

Gia-thuyết của sử Trung-hoa cho rằng phần đất miền Nam đời thượng cổ gọi là đất Phù-Nam có thể là đúng vì Phù-Nam theo nghĩa chữ Hán là xứ Nam Nổi, đúng với trạng thái đất thấp này chỉ lồi lên khỏi mặt đất khi trời dứt mưa mực nước rút xuống.

III— Núi Đồi Tỉnh Gia-Định không có núi, chỉ có những đồi nhỏ.

IV— SÔNG NGÒI, BỜ BIÊN, MỰC NƯỚC

A.— Sông Ngòi. Tỉnh Gia định không có những sông lớn thuận tiện cho sự giao thông và số ghe thuyền cũng rất ít.

Đặc-biệt đáng kể có mấy khúc sông lớn chảy qua địa-phận Gia-định là :

I) — Sông Đồng-Nai và sông Nhà Bè phân ranh 2 tỉnh Biên-Hòa và Gia-định dài 30 ngàn thước, chảy từ phía Đông thuộc xã Long Phước Thôn (Gia-định) đến phía Nam thuộc xã Phú-Xuân-Hội (Gia-định).

Sông Saigon chảy từ Bắc giáp tỉnh Bình-Dương đến Nam qua địa-phận xã Thạnh-Mỹ-Lợi, quận Thủ-Đức, tỉnh Gia-định, thì nhập vào sông Đồng-Nai, khúc sông này dài 47 ngàn thước.

3) — Kinh Cầu An-Hạ bắt đầu từ sông Vàm-Cỏ Đông (Long-An) chảy qua cầu Bông, Cầu Xáng (quận Hóc-Môn) Gia định, dài 27 ngàn thước thông qua Kinh Trảng-Bàng chảy qua sông Saigon.

Còn thì là toàn những Rạch và Kinh dài tối đa không quá 10 cây số như

— Sông Bàn-Đá, từ chợ Hóc-Môn đến kinh Rạch-Tra dài 5 cây số.

— Rạch Chợ Mới, từ cầu Tham-Lường đến Rạch Bến-Cát dài 7 cây số.

— Rạch Ròng-Tràm, từ xã Đông-Thạnh đến Kinh Rạch-Tra dài 5 cây số 5.



Sau mùa gặt hái, em bé mục đồng vui sống với cảnh hồn nhiên trên lưng trâu giữa cánh đồng bao la bát ngát, tục danh là Đồng Chó Ngáp.

Ảnh Bùi Mão

- Rạch Bà Hồng, từ Rạch Ròng-Tràm đến sông Saigon 3 cs 600.
- Rạch Đá-Hàng, từ Rạch Ròng-Tràm đến sông Bến-cát 5 cs 500.
- Sông Vàm-Thuật (Rạch Bến-Cát), từ Rạch Đá-Hàng đến sông Saigon 6 cs 500.
- Rạch Hồng-Tàu, Vàm-Tắt, (Rạch Lãng) từ Bình-Hòa xã đến sông Saigon 2 cs 500.
- Rạch Bến Bồi, từ Rạch Cầu-Ngang đến Rạch Tắt 0 cs 700.
- Rạch Cầu-Ngang từ Rạch Bến Bồi đến Rạch Cầu-Sơn 0cs 800
- Rạch Cầu-Sơn và Rạch Cầu Bông, từ Cầu-Sơn đến sông Thị-nghè 2 cs 600
- Sông Thị-Nghè, từ Cầu Mạc-Má-Hồng (Mac Mahon) đến sông Saigon 4 cs 5
- Rạch Bến Đá và Rạch Văn-Thánh, từ Cầu-Sơn đến sông Thị-nghè 2 cs 500.
- Kinh Thanh-Đa (nối tắt khúc quanh sông Saigon) 1 cs 500.
- Rạch Đĩa từ xã Tam Bình đến sông Saigon 4 cs 500
- Rạch Cầu từ xã Linh-Xuân-Thôn đến rạch Gò-Công 4 cs.
- Rạch Tân từ rạch Ông Nhiêu đến rạch Trản Trâu 5 cs.
- Rạch Ông Nhiêu, từ rạch Ông Nhiêu đến sông Saigon 6 cs 300
- Rạch Ông Nhiêu, từ rạch Trản Trâu đến sông Đồng Nai 6 cs.500.
- Rạch Giồng Ông Tố, từ rạch Ông Nhiêu đến sông Saigon 7cs
- Rạch Bình-Khánh, từ đường Liên-tỉnh đến Saigon 3cs.
- Rạch Bần, từ rạch Giồng Ông Tố đến sông Đồng Nai 4cs 500.
- Rạch Phú-Mỹ, từ Thạnh-Mỹ-Lợi đến sông Saigon 2cs 700.
- Rạch Kỳ-Hà, từ xã Bình-Trung đến sông Saigon 4cs 500.
- Rạch Tắc Rối, từ xóm Tắc Rối đến sông Saigon 2cs.
- Rạch Bà Bướm, từ Tân-Thuận-Đông đến sông Saigon 2cs500
- Rạch Bàu-Đồn, từ Tân-Thuận-Đông đến sông Saigon 2cs.
- Rạch Bang-Đông, từ rạch Bàu-Đồn đến rạch Ông Lớn 3cs500
- Rạch Nga Cây, từ rạch Đập-sô đến rạch Ông Lớn 2cs 800
- Rạch Báng, từ Tân-Thuận-Đông đến rạch Tắc Bà Phố 2cs
- Rạch ông Đội, từ Phú-Mỹ-Tây đến Rạch Bà Phố I cs 500
- Rạch Cây Bông, từ Phước-Long-Đông đến rạch Bà Phố I cs800
- Rạch Tắc Bà Phố, từ rạch Ông Lớn đến rạch Tôm 7cs.
- Rạch Đồi, từ rạch Tôm đến sông Nhà Bè 2cs 800

- Rạch Tôm, từ rạch Đồi đến rạch Mương Chuối 2cs 800
- Rạch Mương Chuối, từ rạch Tôm đến sông Nhà Bè 2cs 500
- Rạch Cây Khô, từ sông Cây Khô đến rạch Cây Thờ 2cs 500
- Rạch Cây Thờ, từ rạch Cây Khô đến rạch Mương Chuối 3cs 500
- Rạch Ông Nhỏ, từ rạch Đội Thành đến rạch Ông Lớn 1cs 500
- Rạch Ông Lớn, từ rạch Đội Thành đến rạch Cây Khô 3cs 700
- Sông Cây Khô, từ Rạch Ông Lớn đến rạch Bào Lào 3cs 500
- Rạch Xóm, từ Bình Đăng đến ranh Đô-thành 1cs 200
- Rạch Lớn, từ Phong-Đước đến rạch Bà Tàng 3cs 200
- Rạch Xóm Củi, từ rạch Xóm đến rạch Bào-Lào 5cs 500
- Rạch Bào-Lào từ sông Cây Khô đến rạch Cát 6cs.
- Rạch Đập Ông Hiền, từ xóm Tân-Liên đến rạch Xóm Củi 3 cs. 500
- “ Cầ-Giuộc, từ rạch Cầu-Gia đến rạch Cát 9 cs.
- “ Cầu-gia, từ Ngọn Cầu Chùa đến Rạch Cầ Giuộc 4cs 500.



Sông Rạch vùng đất Gia-định. Đây là con Rạch thiên nhiên mang danh là Rạch Bến Cát chảy ra sông Bình lợi.

Ảnh Bùi văn Mão

- Rạch Cùmg, từ Tân-Quy-Tây đến sông Chợ Đệm 2 cs. 800
- “ Ông Đồ, từ Bình-chánh đến sông Chợ Đệm 3 cs 500
- “ Ông Cốm, từ ranh tỉnh Long-An đến sông Chợ Đệm cs.
- Sông Chợ Đệm, từ kinh Bà Tà đến rạch Bầu Gốc (ranh Đô-lành) dài 7 cs 500.
- Kinh Bà Tà, từ sông Bà Hom đến sông Chợ Đệm 10 cs.
- Sáng, từ kinh Ngang đến sông Chợ Đệm 7 cs.
- Rạch Cái Tầm, từ Tân-Nhựt đến kinh Sáng 3 cs 500.
- “ Cái Trung, từ cầu Ông Điền đến rạch Cái Tầm 3 cs. 800.
- “ Con Lương Quyên, từ Rạch Bà Tà đến rạch Cái-Trung 4 cs. 700
- “ Ông Mưu, từ rạch Con Lương Quyên đến sông Nước Lèo cs. 500
- Sông Bà Hom, từ ấp Tân-Hòa đến sông Nước Lèo 1 cs. 800
- “ Nước Lèo từ chợ Bà Hom đến Chợ Đệm 6 cs. 400
- Rạch Kinh Chù, từ Ấp Bình-Hòa đến sông Nước Lèo 4 cs. 800
- Sông Bà Hom, từ Ấp Bình Hòa đến Cầu Tham-Lương 5 cs 500
- Rạch Cầu Gốc, từ Mỹ-Phú đến sông Chợ Đệm 2 cs 500.

B.— Bờ biển : Tỉnh Gia-Định ở Nam giáp biển Nam-Hải bãi lầy thấp, ngập nước, sinh lầy mọc toàn cây đước nhỏ.

C.— Mực nước : Mực nước cao nhất tại Cầu Bình-Lợi là 2 thước 20, so sánh với mực nước thăng-bằng tổng-quát (nivel lement général).

7.— KHÍ HẬU

Khí-hậu tại Gia-Định cũng như khí-hậu tại Đô-thành, chia làm mùa rõ rệt : 6 tháng mưa và 6 tháng nắng.

Nhiệt-độ trong năm trung-bình là 2905, và mùa hè nhiệt độ trong bóng mát tăng lên 3105, trái lại vào mùa đông trong năm 1961, ở nơi nhiệt-độ xuống thấp đến 110.

Gió thổi qua tỉnh theo hai hướng chính là từ Đông sang Đông-Nam và Tây sang Đông-Nam.

Không có tai nạn bão tố xảy ra trong tỉnh, thỉnh-thoảng có chịu ảnh-hưởng của những trận bão phương xa nhưng không gây thiệt hại gì đáng kể

VI.— THẢO MỘC.

Toàn lãnh-thò Gia-định hiện nay khai phá thành ruộng nương, vườn tược không còn vết tích hoang-vu, không vết-tích đời cổ xưa, nên về phương diện thảo mộc không có gì.

VII.— CẦM THÚ.

Cũng vì tỉnh Gia-định không có rừng núi nên không có loại cầm thú nào đặc biệt.

Xin xem phần thứ bảy : Gia-Định ngày nay diện tích, dân số, tên xã ấp, 8 quận trong lãnh thò Gia-định v.v... gồm : Kinh tế, canh nông, y tế, giáo dục, công kỹ nghệ, thương mại và 1 bản đồ tỉnh ngày nay v.v..

PHẦN THỨ HAI

— **DI-TÍCH LỊCH-SỬ**

— **ĐỀN THỜ LĂNG-MỘ DANH-NHÂN**

DI-TÍCH LỊCH-SỬ

Tỉnh Gia-định là một tỉnh cổ kính nhất miền Nam còn lưu lại ít nhiều di tích lịch sử về nhân vật, địa danh, và kiến trúc. Bao nhiêu di tích nhắc nhở cho chúng ta công trình của tiền nhân đã tốn biết bao mồ hôi xương máu để gây dựng nên cơ đồ mà ngày nay chúng ta tọa hưởng.

Các di tích đáng kể gồm có :

THÀNH LŨY

THÀNH CŨ GIA-ĐỊNH

Thành Gia-định khi xưa xây dựng ở trên gò cao thôn Tân-Khai thuộc địa phận huyện Bình-Dương. Khởi công xây vào năm Canh-Tuất 1790, do lệnh của Chúa Nguyễn-phúc-Ánh khi còn mộng trần trong Nam, lấy vùng đất Gia-định làm kinh-đô tạm, dưỡng binh sức nhuệ để tiến ra khôi phục miền ngoài, thống nhất giang sơn. Châu vi thành Gia-Định là 429 trượng, cao 10 trượng, 3 tấc hào rộng 11 trượng 4 thước sâu 7 thước.

Thành xây theo hình bát quái, tượng như hoa sen chia làm 8 cửa :

Phía Nam Cửa Càn-nguyên, Ly-minh

Phía Bắc : Khôn hậu, Khâm-hiềm

Phía Đông : Chấn-hạnh, Cấn-chỉ

Phía Tây : Tốn-thuận, Đoài-duyệt.

Ngang dọc có 8 đường. Từ đông qua tây và từ nam qua bắc mỗi đường dài 130 trượng 2 thước.

Trong thành, trước phía tả-tiền dựng thái-miếu, giữa có dinh hành tại. Phía tả là dãy nhà kho. Phía hữu là dãy công xưởng để chế tạo quân nhu, khí giới.

Trại lính bố liệt chung quanh để quân túc vệ ở. Trước sân có trụ cờ ba tầng ; trên có vọng đầu (chỗ ngồi canh gác) hình bát giác, bên cạnh có thang dây để quân canh theo đó mà lên xuống. Quân giữ vọng gác hễ có việc gì quan trọng, thì ban ngày treo cờ hiệu, ban đêm treo đèn hiệu. Quân đội trông theo đó để tuân theo điều khiển.

Năm Tân Dậu 1801, sau khi đạo quân đã thu phục đô thành

Thú-Xuân, Nguyễn-Vương truyền triệt hạ thái-miếu trong thành Gia-
định, chỏ cây gỗ về kinh xây cất ngoài ấy. Còn thành thì vẫn để
nguyên.

Năm Gia-long thứ 12 (Quý-dậu 1813), nhà vua xuống chỉ cho
Tông-trấn Nguyễn văn Nhân, hiệp tổng trấn Trịnh hoài Đức cất
vọng cung ở giữa sân trong thành. Hai bên tả hữu dựng lầu bát
giác đề chuông trống, ở sau làm công thự tổng trấn. Ở ba cửa Càn-
nguyên, Ly-minh và Tốn-thuận thì xây cất trại quân, lợp ngói, sơn
tô có vẻ tráng lệ nghiêm chỉnh. Vọng lầu, điều kiêu ở bốn cửa Càn,
Ly, Chấn, Tốn thì xây lại bằng đá ong.

Đời Minh-Mạng, nhà vua truyền tu bổ lại, thêm vẻ tráng quan.
Tám cửa thành đổi tên lại là :

Phía Nam : Cửa Gia-định và cửa Phiên-an

Bắc : — Cung-thần, Vọng khuyết

Đông : — Phục-viễn, Hoài-lai

Tây : — Tịnh-biên, Tuyên hóa

Công trình tái thiết thành Gia-định, do chính cụ Tả-quân tông-
trấn Lê-văn-Duyệt đứng trông nom.

Năm Minh-Mạng thứ 13 (Nhâm-thìn 1832), đổi làm tỉnh thành
Phiên-trấn.

Năm Minh-Mạng thứ 14 (Quý-Ty 1833), vì Lê văn Khôi dấy binh
báo oán cho cụ Tả Quân, thành Gia-Định thất thủ. Lê văn Khôi chiếm
thành Gia định, tức thành Phiên-an (cũng gọi là Phan-yên). Cho đến
năm Minh-Mạng thứ 16 (Ất vị 1835) triều đình mới lấy lại thành
được.

Rồi vật đổi sao dời, quân Pháp chiếm thành Gia-định vào ngày
17.2.1859, thì không đầy một tháng, chúng phá nát thành này san
bằng tất cả.

Ngày ấy, ngày lịch sử sụp đổ của thành Gia định là ngày 8.3.1859
— đúng 20 ngày sau khi quân Pháp lấy thành, chúng truyền lệnh di
tàn quân sĩ ra khỏi thành Gia-định, rồi đặt thuốc nổ phá hủy thành.

Thế là thành Gia-định không còn nữa ! Đi tìm di tích thành xưa,
chúng tôi xin ghi lại theo tài liệu trong bộ Quân sử III «Quân Việt-
nam chống Tây xâm», do Bộ Tổng Tham-mưu quân đội VNCH ấn
hành năm 1971, tr. 76 như sau :

«Gia-định thành (. . .) cách xa bờ sông Saigon khoảng 800 thước

(...) Ở bên ngoài có nhiều cây cối rậm rạp ra đến tận bờ sông Saigon, có rất nhiều kinh rạch như tại các đại lộ Nguyễn-Huệ, Hàm-nghi, khu thư viện mới, chợ mới Saigon, đường Pasteur ... ngày nay, đều chẳng chịt những kinh rạch (sau người ta lấp đi dần dần) ; khu Hải-quân Công-Xưởng bây giờ hồi đó toàn là hồ ao ; khu khách sạn Hoàn-mỹ bây giờ là bến tắm của Vua (gọi là Thủy-các và Lương-tạ) ; khu ngã Sáu Saigon hồi đó nhà cửa phổ phưởng của dân chúng dựng lên san sát

“Tâm điểm của thành Gia-định cũ, bây giờ ở khoảng tòa nhà Thanh-niên ở đường Hồng-Thập-tự bây giờ. Cạnh tây bắc nằm trên đường Phan-đình-Phùng. Cạnh đông bắc nằm trên đường Mạc-đĩnh-Chi. Cạnh đông-nam nằm trên đường Thống-nhất Cạnh Tây-nam nằm trên đường Pasteur bây giờ”.

LŨY BÁN BÍCH

Lũy Bán-bích ở địa-giới hai huyện Bình-dương và Tân-long, dài 866 trượng. Vì lũy này hình tượng như nửa tấm vách, nên gọi là « Bán bích ».

Lại có lũy đất dài 1.323 trượng. Chính do vị đốc-chiến Nguyễn-cửu-Đàm (con Văn-trường hầu Nguyễn-cửu-Vân) đắp nên.

LŨY LÃO CẦM và TÂY-HOÀ, HOA-PHONG

Đời Lê-Hiền-Tông, năm thứ 10 (Canh-thìn 1760) thống suất Chương-cơ Nguyễn-hữu-Cảnh bình định đất Cao-Miên. Bấy giờ có viên thuộc trông là Đốc-đồng Lão-Cầm được giao phó cho việc đắp thành đắp lũy.

Lão-Cầm đứng ra trông nom cho dân quân đắp một cái lũy dài ở địa-phận hai huyện Bình-dương và Bình-long, dài 2.187 trượng. Lũy đắp xong, chương cơ Nguyễn-hữu-Cảnh ký công viên đốc-đồng Lão-Cầm đã tận lực phục vụ, nên đặt tên lũy là Lão-Cầm.

Đoạn giữa lũy lại có nơi chia làm hai khúc, một khúc gọi là lũy Tây-Hoa, khúc kia gọi là lũy Hoa-phong.

LŨY GIAO BA

Khi đã đắp xong lũy Lão-Cầm và lũy Hoa-phong đã kể trên, Chương cơ Nguyễn-hữu-Cảnh lại trông nom cho các thuộc viên xây đắp một lũy khác ở địa phận thôn Đức-hòa, huyện Bình-dương, dài

Vì lũy mới này đắp đối diện với lũy Lão-Cầm và lũy Hòa-hong, nên mang tên là lũy Giao-ba.

ÚI SÔNG, ĐẤT ĐAI

SÔNG BẾN NGHÉ

Sông Bến-nghé, tên chữ là «Ngưu-chữ-hà» khi xưa vẫn sâu rộng. Khi thuyền bè tấp nập qua lại, cùng đò đến nghỉ ngơi, đông ken qui mắt, nghiêm nhiên làm thành chỗ đỗ hội lớn nhất.

Tục truyền sông này khi xưa nhiều cá sấu đuôi nhau kêu rống rừ tiếng trâu rống, cho nên mới gọi là Bến-Nghé.

Năm Mậu-Thân 1788, thân phục thành Gia-định, sông này nước trong. Đến năm Gia-Long thứ 16 (Đinh Sửu 1817) nước lại đục.

Đời Minh-Mạng, năm thứ 2 (Tân Tị 1821) và năm thứ sáu (Ất Dậu) nước sông có 2 lần trong vắt. Đến năm thứ 19 (Mậu-Tuất 1883) nhà vua truyền cho đúc 9 cái đỉnh đồng, có chạm hình sông Bến-Nghé vào Cao đỉnh (đỉnh đề trước miếu Thái-Tổ Cao-hoàng-đế - tức Vua Gia-Long - ở Thế miếu Huế)

Đến đời Tự-Đức năm thứ 3 (1850) liệt vào tự-điền.

SÔNG AN-THÔNG

Ngày xưa, đường sông cũ Saigon từ cầu Thị-Thông qua Saigon, hẹp, xiêu, hẹp nhỏ, khuất khúc khô cạn. Vì thế, sau khi đã thống nhất giang san, Nguyễn phúc Ánh lên ngôi tức Vua Gia-Long, năm thứ 18 (1819), mùa xuân, nhà vua hạ chiếu cho Phó Tổng-trấn thành Gia-định là Huỳnh-công-Lý giám-đốc dân phu 11 467 người, khởi đào từ cầu Thị-Thông đến sông Mã-trường (ruột ngựa) 1.064 trượng, bề ngang 7 trượng 5 thước, sâu 9 thước. Khởi công từ tháng giêng đến tháng tư đào xong. Con sông tiện lợi cho thuyền bè qua lại, hông thương an toàn, cứ theo con nước lớn rờng mà ngày đêm đi lên tiếp.

Nhân dân hoan nghinh công cuộc thuận lợi hữu ích cho nền an ninh-tế. Do đó, vua Gia-Long mang danh cho khúc sông mới đào là sông An-thông (An-thông hà).

NHÀ BÈ XƯA

Nhà Bè, tên chữ là « Phù gia ». Địa-điểm này ở sông Tam-Kỳ, huyện Bình-Dương. Tương truyền lúc xưa dân cư xa cách, nước sông mặn, ghe thuyền qua lại có khi phải chịu đói khát. Bấy giờ có ông Võ-thủ-Hoàng tục gọi Thủ Hoàng, phát tâm cứu tế, bèn đục cột tre làm bè, rồi làm nhà lên trên. Trong nhà bè sắm đủ nồi bếp, than củi, thức ăn, thức uống đầy đủ. Đề giúp cho những người lỡ độ đường có nơi tiếp tế.

Làm như vậy đã lâu năm, nhưng ông Thủ Hoàng không nản lòng thối chí gì, cứ một mực lo việc phước thiện. Đến nay cửa sông gọi là sông Nhà bè, chính do công đức của Ông Thủ Hoàng.

Xin xem thêm chuyện Ông Thủ Hoàng với sông Nhà Bè ở phần giai thoại sẽ rõ sự tích Nhà Bè hơn.

VƯỜN TRẦU

Vườn trầu tên chữ là Phù-lưu-viên. Chỗ ấy khi trước có 18 thôn dân-cư trù-mật, có chợ lớn nhóm họp, nên cũng gọi là « Mười tám thôn vườn trầu » (Thập bát phù viên). Dân chúng làm ăn phồn thịnh, nhà nhà đều có nhiều vườn trầu, thường gánh trầu đi từng tốp 30, 40 người xuống bán ở Sài-côn (Saigon) Bến-nghé.

Nơi 18 thôn Vườn trầu khi xưa vẫn còn nhiều rừng rậm, mãnh hồ thường bắt người nên tục có câu « Dữ như cộp vườn trầu »

LƯỢC SỬ VỀ THÁNH TÍCH ĐỨC QUẬN CÔNG TẢ QUÂN LÊ-VĂN-DUYỆT ĐỀN THỜ — LĂNG MỘ

Ở miền Nam Việt-Nam ngày nay, tại Gia-Định đặc-biệt hơn hết là Lăng Ông Bà Chiêu, ngày nào như ngày nấy, bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, đều có bá tánh đến chiêm ngưỡng, xin xăm, lễ bái không ngớt.

Một di tích lịch sử đã có trên 200 năm tại đây, khiến cho chúng ta nói đến Gia-Định là phải nhớ đến ngay một di tích vào bậc nhất ấy, và phải tìm hiểu những gì liên quan đến danh xưng « Lăng Ông Bà Chiêu » thiêng liêng.

KHÁI LƯỢC THÁNH TÍCH CỦA ĐỨC QUẬN CÔNG TẢ QUÂN LÊ-VĂN-DUYỆT

Mặc dầu chúng tôi đã trình bày phần nào về tiểu sử Đức Thượng Công, ở phần danh nhân và chút ít di tích ở phần Di tích lịch sử, chúng tôi vẫn cảm thấy còn chưa đủ. Vì đối với một bậc người như Đức Thượng Công, hãy còn lắm điều cho chúng ta biết rõ hơn, đề ngưỡng mộ hơn lên.

Đức Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt là bậc danh tướng đáng kể nhất trong các triều Gia-Long, Minh-Mạng, Ròng rã 24 năm theo chúa Nguyễn-Phúc-Ánh chống Tây-Sơn vào sanh ra tử, hai lần tòng vong sang Xiêm, ngài lập được nhiều chiến công hiển hách. Hiên hách nhất là trận đại phá Thủy-Quân Tây Sơn ở cửa Thị-Nại vào năm Tân-Dậu 1801. Rồi đến các chiến công lấy thành Phú-Xuân (Huế), vây chặt quân Tây-Sơn, khắc phục thành Bình-Định, thâu luôn Bắc-Hà đất nhà Lê về cho nhà Nguyễn, đi kinh lược tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ. Hai lần bình được quân Ác-Man, một lần dẹp giặc Thổ (giặc Thầy-Sãi) và bình Mọi Đá-Vách ở Quảng-Ngãi. Đại binh của ngài đi tới đâu đối phương thấy đều khiếp phục.

Ngài giữ chức Tổng-Trấn Gia-Định thành hai lần : lần I từ 1812 đến 1815 (triều Gia-Long), lần II từ 1820 đến 1832 (triều Minh-Mạng).

Với « Trí, Dũng, Nghĩa, Khí », ngài để lại công nghiệp rất nhiều :

— Can vua không nên chọn Hoàng-Tử Đảm làm Đông-Cung (tức vua Minh-Mạng), nên tôn con Đông-Cung Cảnh lên ngôi, vì Hoàng tử Cảnh trước kia có công đi cầu viện và từng chịu gian lao khi tâu quốc.



Lăng và đền thờ Đức Thượng Công Tả Quân Lê-Văn-Duyệt.

— Ngừa quân Xiêm khi xâm lăng.

— Không chịu lạy vua Minh-Mạng khi vào châu, vì tự tiền triều ngài được nhập triều bất bái.

— Càng trực giết Huynh-Công-Lý tham-những, cha một cung-phì yêu quý của vua Minh-Mạng.

— Can vua Minh-Mạng không nên giết hại người Công-giáo.

— Ân xá quân giặc qui hàng : như Lê-Văn-Khôi, Đỗ-Hoành, Tống-Trần v.v...

Ngài tạ thế đêm 30 tháng 7 năm Nhâm-Thìn 1832, tính theo âm-lịch thì ngài hưởng thọ 69 tuổi.

**SAU NGÀY LÊ-VĂN-DUYỆT TẠ THỂ, VUA MINH-MẠNG TƯ THỦ
SAN BẰNG NGÔI MỘ VÀ ĐỤC BỎ TÊN TRÊN BIA MỘ Ở
GIA-ĐÌNH VÀ LONG-HƯNG**

Năm 1833, Lê-văn-Khôi con nuôi của ngài, bắt binh thái độ của vua Minh-Mạng đối với Ngài, nổi lên chống nhà vua, ròng rã 3 năm binh triều mới dẹp yên.

Vua Minh-Mạng vì tư thù cá nhân, khi còn sống không dám làm gì đến Ngài, đợi khi Ngài mất, dựng có đề buộc tội mà san bằng năm mộ và dựng trước đầu mộ 8 chữ lớn : «Quyền yểm Lê-văn-Duyệt chịu hình phạt. Và cho xiềng chu vi ngôi mộ bằng lời tối sất.

Theo lời các cổ lão kể lại với chúng tôi, ngôi mộ tại Gia-định Bình-Hòa xã là ngôi mộ chôn ngài bằng hình sấp, còn hài cốt thật thì đem về an táng tại làng Long-Hưng, thuộc tỉnh Định-Tường ngày nay. Thời ấy, trước đầu mộ có ghi tên họ phẩm tước của Ngài, cũng bị vua Minh-Mạng ra lệnh cho quan địa-phương đục khoét xóa tên.

Đến triều Tự-Đức, nhà vua nghĩ đến công lao của Ngài đối với Tiên-Đế đây khổ nhọc, mới sắc chỉ cho quan địa phương tu bổ lăng mộ và dựng bia lại, đồng thời cho truy phục chức tước của Ngài lại như cũ. Lăng mộ tại Gia-định cũng được sửa lại như ở Long-Hưng.

Năm 1969, chúng tôi viết quyển «Định-Tường xưa và nay» có thân hành đến xã Long-Hưng sưu tầm tài liệu và viếng ngôi mộ của Ngài. Những dấu vết sửa chữa lại khác hơn xưa, vẫn còn chứng tích dưới lớp rêu phong cỏ mọc, trơ gan cùng tế nguyệt. Nằm trong vùng bán an ninh, ngôi mộ Ngài ở Long-Hưng vẫn còn tồn tại với thời gian.

Chúng tôi còn thấy bên cạnh ngôi mộ có một cái đền thờ nhỏ lợp ngói âm dương đề thờ vị anh hùng của Dân-Tộc, sinh vi tướng, tử vi thần. Nơi đây là chỗ xuất thân của ngài lúc mới lên 17 tuổi (1780) gặp lúc Nguyễn-Ánh bôn tẩu vào Nam, lạc bước đến Long-Hưng, Ngài mới theo phò tá. Đến khi mất cũng gởi năm xương tàn về quê xưa đất cũ và gởi gửi mồ mã của tiền nhân nằm tại làng Hòa-Khánh, gần Vàm Trà-Lọt, quận Cái-Bè, tỉnh Định-Tường.

— Đền thờ và lăng mộ của Ngài xây tại Bình-Hòa xã, tỉnh Gia-Định vào năm Ngài tạ thế (1832) Phu nhân của Ngài là bà Đỗ-Thị-Phận, qua đời sau Ngài, cũng được an táng chung với Ngài nơi cuộc đất vòng thành ngôi mộ, bên trong có hai núp tròn màu đen, chứng kiến bao cuộc tang thương của đất nước.

Ai có tinh thần tồn cõ yêu mến quê hương, đến đây lòng hẳn lâng lâng cảm xúc, nhớ ngay đến công nghiệp của người xưa, anh linh, vẫn còn phờng phất đâu đây. Dầu rằng vật đổi sao dời, sông cạn đá mòn, tiếng anh hùng thời oanh liệt, vẫn còn văng vẳng bên tai người hậu thế. Biết rằng ngôi mộ này không phải là hài cốt thiệt táng tại đây, nhưng nơi trấn nhậm oai quyền một cõi, dưới trướng

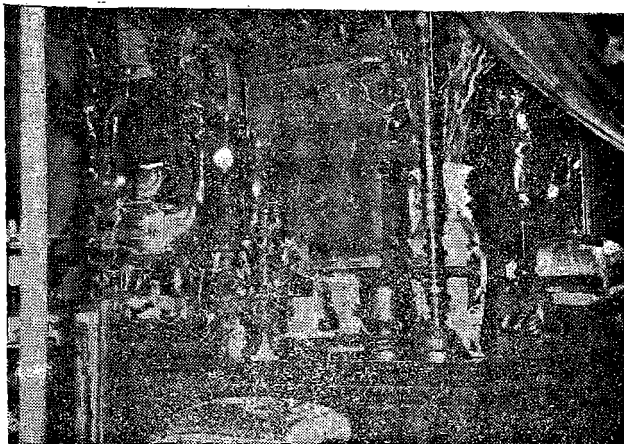
biết bao người từng phục. Lúc sinh thời lệnh Ngài là lệnh vua, nên khi thác được hiển linh. Ngài từng ban phúc, cho người đời khi hữu sự đến cầu Ngài đều được linh ứng.

OAI LINH CỦA ĐỨC TẢ QUÂN

Cách nay 5, 70 năm về trước, đồng bào quanh vùng về đêm thanh vắng, thường nghe tiếng lạc ngựa khuya động trong cuộc đất chung quanh lãng, nghe gần rồi nghe xa, cho đó là binh tướng của Ngài tuần du trong bốn cửa thành cũng như lúc Ngài còn sanh tiền.

Thời xưa, ai có chuyện gì ức oan giải quyết không được, họ đem gà đến lãng Ông xin mở cửa đề thờ, có sự chứng kiến của lãng. Kẻ gian ác tưởng rằng thờ không có ăn thua gì, miễn cho qua lờ rồi thôi, không dè gặp giờ linh khẩn vái bẻ cổ gà thờ, tức khắc đương sự bị hộc máu ra có vôi, thân nhân chở về chưa tới nhà thì tắt thở không kịp trời. Từ đó tiếng Lãng Ông Bà Chiêu quá thiêng liêng, nên mọi người đều kính nể đến oai ông.

Nghe đâu vào khoảng năm 1905, vua Thành-Thái nhân dịp vào Nam có đến viếng lãng miếu khẩn vái. Vong linh người quá vãng được hả lòng siêu thoát, không còn vương vấn ở trần gian, để phật người đời như lúc trước. Thỉnh thoảng ngài giáng cơ khuyên cải ác tùng thiện, tu hành, và đôi khi cũng thổ lộ việc thiên cơ cho biết vận mạng của đất nước.



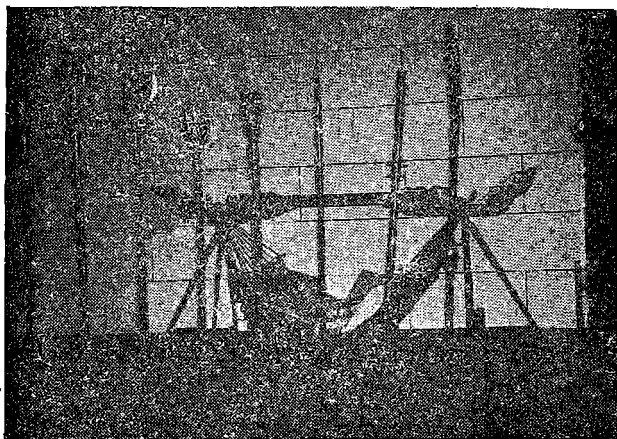
Nghi thức bên trong Chánh điện, thờ Đức Tả Quân. Giữa thờ Chân dung Ngài uy nghi lộng lẫy, hai bên Tả Hữu và phía hậu thờ các bậc công thần triều Nguyễn

BÊN TRONG NGÔI ĐỀN THỜ

Tim hiểu qua những nét đại cương về Đức Thượng-Công Tả-Quân lúc sinh thời và hai ngôi mộ của Ngài, giờ đây chúng tôi xin đề cập đến Đền thờ, một ngôi đền thờ rộng lớn kang trang nằm nóc nằm sau lăng của ngài. Ngôi đền thờ này, giữa chánh điện thờ chân dung Ngài mặc áo cầm bào, trên đội mào quan võ, mặt nhìn thẳng ra. Mé bên tả thờ bài vị ông Lê-Chất, Tông-Trấn Bắc-thành, người tâm đầu ý hiệp với ngài trong lúc sanh tiền. Mé bên hữu thờ chân dung quan Kinh-Lược-Sứ Nam kỳ là cụ Phan-Thanh-Giản, từ tiết hồi Pháp chiếm trọn xứ Nam kỳ, tại thành Vĩnh-long vào năm 1867.

Phía sau bàn giữa thờ ngài có bài vị đề « Khâm-Sai Đại-Thần, Quân Bình-Tây Đại-Tướng-Quân », bên tả có bài vị đề « Nam kỳ khai quốc công Thần », bên hữu bài vị đề « Quận-Công chi thần vị ». Cạnh bên có thờ áo mào trong lồng kiếng, hai bên có đề hai con thần mã màu hồng và màu trắng. Giữa bàn có một hòm sắc và những thanh gươm vía. Hai bên vách có hai vông cẳng của thời xưa.

Khung cảnh trong đền thờ thật là trang nghiêm rực rỡ. Điem đặc biệt trong chánh-điện có bốn cột Long-Trụ chạm rồng dính trong cây màu đen sậm không sơn phết, đề nguyên chất cây danh mộc thật là cổ kính.



Vông giá của Đức Tả Quân ngày xưa, được thờ bên trong Chánh điện với tinh thần tồn cổ

Phía trước có giá gương, phủ việt, ngoài có bác bừu lọng dù, những nghi môn tương xứng.

Phía sau bên trong chánh điện, có một đôi liễn

*« Nam triều quảng bá thịnh danh, tinh biên tái kinh thiên nhất trụ !
« Bắc chấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu ».*

Nghĩa : Tiếng tăm xa khắp Nam triều, yên bờ cõi, chống trời một cột ; miền Bắc nghe danh nghĩa khí rõ ràng, thiêng liêng giúp nước ngàn thu.

Đôi liễn ấy đề nói lên công nghiệp của ngài vẫn sống mãi với non sông muôn đời còn ghi tạc thanh danh của vị Tổng trấn Gia-Định thành.

VUA TỰ-ĐỨC CẤP RUỘNG ĐẤT CHO LĂNG MIẾU ĐỀ PHỤNG TỰ LỬA HƯƠNG

Năm Tự-Đức thứ 13 (1860), vua ban sắc dụ cấp ruộng đất hai bên từ cầu Bông chạy thẳng đến lăng miếu của Ngài, cho Bình-Hòa xã (Gia-Định) thu huê lợi để lo việc phụng tự và trùng tu lăng miếu. Đến khi ba tỉnh miếu Đông Nam kỳ thuộc Pháp (1862) thì sắc dụ ấy không còn hiệu lực nữa.

Hai chục năm sau (1882) một vị Phó Tổng và Hương chức Bình Hòa xã kêu nài, được nhà cầm quyền tỉnh (Gia-Định) là ông Lacotte chấp-nhận lời xin của hương chức, nên giao trả việc thu huê lợi ruộng đất và văn kiện ký ngày 23-5-1882, có Thống-Đốc Nam kỳ chấp thuận trong phiên nhóm mật viện ngày 29-5-1882.

Mang tiếng được giao trả, nhưng sự thật không được xuất phát. Dân chúng lấy làm bất mãn thái độ của người Pháp ở xứ này, bốp chet sự trùng tu miếu võ, cũng như lăng mộ của các danh nhân của nước ta để cho hoang phế

Bá tánh vì quá sùng phụng đến người anh hùng của dân tộc, đứng ra đóng góp để sửa sang ngôi đền thờ càng ngày càng thêm khởi sắc. Lúc bấy giờ hội Thượng-Công Quý-Tế chánh thức thành lập vào năm 1914.

Từ ngày hội Thượng-Công Quý-Tế đảm nhận việc thờ cúng cho đến nay, cũng từ đó hương chức Bình-Hòa xã đảm nhận việc thu huê lợi hương hỏa của ngài.

NGÔI ĐỀN THỜ ĐƯỢC TRÙNG TU

Năm 1937, hội Thượng-Công Quý-Tế đã phát động trùng tu đền thờ, có nhiều người hưởng ứng. Đền thờ mới được khang trang đẹp đẽ như ngày nay.

Theo bảng điều lệ của hội Thượng-Công Quý-Tế, được chánh phủ Quốc gia Việt-Nam chấp thuận do Nghị-Định số 2105-CAB/DAA ngày 7-9-1953, hội được chính thức thay thế Hương chức Bình-Hòa xã đề thi hành sắc dụ của vua Tự-Đức và tờ chuyên nhượng huê lợi ký kết ngày 23-5-1882. Nhưng đến nay tình trạng vẫn y như trước năm 1953.

Đến năm 1963, ban quản trị hội Thượng-Công Quý-Tế được cải tổ, và từ đó đến nay liên tục lo tu chỉnh về mọi phương diện từ trong cho đến ngoài. Nhất là năm 1972, hội đã tích cực cho xây cất thêm mấy dãy nhà phía sau ngôi chánh điện, đề nói rộng việc thờ phụng, đề bảo tồn di tích lịch sử, hầu cung ứng đủ chỗ cho khách thập phương đến chiêm bái.

Điều nên biết thêm, tại Lãng Ông hiện nay, phía trước đầu mộ có dựng một cái bia đá giữa một nhà bia. Trên bia có khắc những giòng chữ Hán. Bài văn bia do Kinh-Lược Đại-Sứ Hoàng-Cao-Khải soạn thảo vào năm Giáp-Ngọ 1894 (Thành-Thái năm thứ 6). Trong bản văn, ca tụng khí phách anh linh và công trạng của vị Tổng-Trấn đất Gia-Định Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt. Đề kỷ niệm cho hậu thế nhớ đến công nghiệp của ngài ; tuy ngài mất mà tiếng tăm vẫn còn muôn đời ghi tạc với sử xanh.

BẢNG HÁN VĂN KHẮC TRONG BIA ĐÁ

của Kinh lược sứ Hoàng-cao-Khải
truy tặng đức Thượng Công

Sự hữu bất tương quan, nhi tình vi chí chú yên giả, ý đức chi tự nhiên dã ; Cảnh hữu bất cập tri, nhi thần vi chí cách yên giả, chính khí chi hạo nhiên dã ! Dư ư Tả Quân Lê-Công sự hữu cảm yên, tuế Giáp Ngọ chi xuân.

Quý Đại-Pháp Tổng-Thống Đông-Dương, Toàn-Quyền đại thần Đa-La đại hiến, phụng mệnh hồi quốc, dư tổng chí, hành tiết trú Gia-định, Gia-định vị.

Bản triều long hưng chi địa, tự thuộc quý Đại-Pháp quốc quân hạt tam thập hữu dư niên hỷ. Châu xa sở chí, phong hội nhất tân, nhai đồ quảng tịch, triển tứ nhật lệ, dục tầm cự tịch, cơ ư bất khả bái thức, nhi công chi miếu mạ nguy nhiên do tồn, đồng vũ xum nghiêm, hương hỏa bí thông, kỳ mộ tắc thiết tứ châu, hành giả tị lộ, chất cư cư dân viết :

Quý Đại-Pháp quốc niệm công công nhi biểu chi dã. Y ! Dị tai ! Công chi huân danh bưu binh, sự trạng hiền hách, giai tại lục châu khai thác chi thủy dã. Hất kim tuế nguyệt dĩ liêu, giang hà hữu dị, nhi phong thanh do tại trở đầu bất khiêu, vu thử kiến

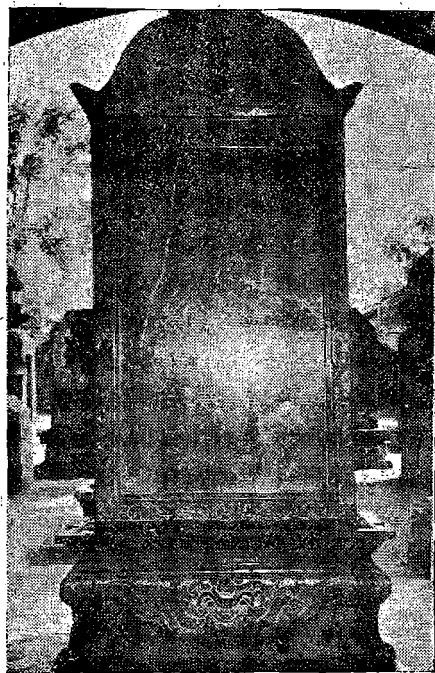
Quý Đại-Pháp quốc nhân hậu chi ý, dục vu kỳ hữu công giả, tuy cách thế dị sự, do tưởng mộ nhi sùng trọng chi dã. Công tự Văn-Duyệt, kỳ tiên Quảng-Ngãi nhân, tử Định-Tường niên thập thất, khái nhiên hữu kỳ cổ trúc bạch chí, tông ngã

Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế ư Gia-Định thành, chiến công thậm vĩ, đại định hậu hữu ưng mao thờ ủng tiết việt xứ, trí Xiêm-Lạp Kinh-Lược Thanh Nghệ lưỡng binh, ác man nhất chu tăng cừ, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu tái chiếm Gia-Định, thủy chung kỷ nhị thập niên, kỳ di ái vuu thâm dĩ cửu. Công ký một, tinh anh chi sở bàn kết, giang sơn dữ vi a hộ, mỗi thiên âm nguyệt tinh, kỳ mộ thượng hoặc văn nhân mã thanh, nhân giai kính nhi viễn chi, vị kỳ từ viết Công chi miếu, vị kỳ mộ viết công chi lăng, tương dữ thi chúc nhi hưởng tự chi phát thế, cổ kim lai anh hùng hào kiệt, sinh đương lời vũ thảo muội chi tế, phẩn kỳ chí dũng, lập đặc công nghiệp, tồn tắc vinh kỳ thân, một tắc thọ kỳ danh, tức thời sự biến thiên chi hậu, nhi phong lưu dư liệt thượng hữu hách nhiên, tại nhân giả cổ như thử phù ? Dư cửu văn anh phong sở khâm, tức kim nhật thân đồ kỳ trạng, cổ dĩ tri quý Bảo Hộ quốc chi ư Bản quốc lễ tục vô biến, tín nghĩa hữu phu, tương lai thăng bình đại cục hữu khả xác nhiên, cứ vị thực tích giả, thử tắc dư chi sở thâm hỷ dã, nãi thỉnh ư

Quý Toàn-Quyền đại-thần Sa đại hiến dĩ bi nhi chí hi, đại thần sở hân nhiên tông chi, viêm nặc chư thạch, dĩ thị bất san. Công Phu Nhân Đỗ-thị tông nhi một. dư hợp tự yên. Phan-công Lương-Khê Kinh-Lược Nam-Kỳ, nhân tư kỳ công diệc dĩ phối hưởng vu công miếu vân.

Hoàng Thành-Thái lục niên thất nguyệt sơ nhật nhật.

Phụ-Chánh Đại thần, Thái-tử Thiếu-Bảo, Võ-Hiền điện Đại-Học,
Khâm-sai Bắc-Kỳ Kinh-Lược Đại-Sứ, Diên-Mậu Tử, Thái-Xuyên
Hoàng-Cao-Khải cung đề.



*Bia đá ghi công nghiệp đức Tả Quân
dựng trong một ngôi miếu nhỏ trước Lăng Ngòi*

BIA MIẾU LÊ-CÔNG

*Việc đời có cái gì chẳng dính líu đến nhau, mà tình thực làm cho chú
trọng đến, là đức tốt tự nhiên sui khiến vậy ; hoàn cảnh có chỗ chẳng kịp
biết tới, mà tâm thần cảm cách nhau, là chính khí hiệu nhiên đưa đến vậy !
Tôi đối với việc Lê-Công có cảm tưởng đó, vào năm Giáp-Ngo (1892)
về mùa xuân.*

*Quan Toàn-Quyền Tổng-thống Đông dương Đại-thần là Đa-La Đại-
hiển (1) phụng mạng về nước, tôi tiễn chân đến thành tỉnh Gia-Định,*

(1) Đa-La Đại-hiến là quan Toàn quyền De Lanessan.

Gia-Định là đất long hưng của Bản-triều (vua Nguyễn), từ khi thuộc về nước Đại-Pháp cai quản, có hơn ba mươi năm nay, làm cho giao thông thủy lục dễ dàng, phong hội mở mang mới đẹp, đường phố được rộng, chợ búa thêm vui, muốn tìm vết cũ anh linh, coi như không thấy mà chiêm bái, thế mà đền thờ của Ông vẫn còn lừng lững, mái lâu rạn vỡ, hương lửa nghi ngút, ngôi mộ thì vầy sắt xung quanh, người đi qua lánh lối, tôi mới hỏi dân ở đây mới biết rằng, nước quý Đại-Pháp nhớ đến công Ông mà nêu ra vậy.

Than ôi ! Lạ thay ! Công lao của ông rõ ràng, sự trạng của ông lừng lẫy, đều ở lúc mới đầu mở mang ra sáu tỉnh này vậy. Đến nay ngày tháng đã xa, non sông có khác, mà tiếng tăm còn đó, hương khói chẳng ngừng, do đó thấy nước Quý Đại-Pháp có ý nhân hậu, muốn rằng bậc có công kia, dù sao đời vật đổi còn tường mền mà sùng trọng vậy. Ông tên chữ là Văn-Duyệt trước kia là người Quảng-Ngãi, rời đến ở Định-Trường năm 17 tuổi, khẳng khái có chí lớn cờ kiếm sự xanh, mới theo Đức Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế đến thành Gia-Định có chiến công rất lớn sau khi thành công được năm tiết việt phân cương là một chư Hầu, làm quan Kinh-lược Đại-thần ở Xiêm-lạp (Mên, Lào). Lại hai lần dẹp bọn giặc mọi ở Thanh, Nghệ, chém tên đầu xỏ, đi đến đâu địch theo hàng đến đấy, hai lần Tổng-Trấn thành Gia-Định trước sau đến hai mươi năm, lòng dân yêu mến càng sâu mãi vậy. — Khi Ông đã mất anh linh còn phảng phất giúp đỡ cho non sông, mỗi khi đêm tối trăng tàn, ở trên mồ có nghe tiếng quân reo ngựa hí, người đều kính trọng lánh xa, gọi đền thờ là Miếu-Ông, gọi mộ táng là Lăng-Ông, cùng nhau cầu cúng anh linh hưởng lễ chẳng thay đổi, từ xưa tới nay anh hùng hào kiệt sinh trong buổi gió mưa mờ tối (loạn) gắng lên chí dũng lập nên công nghiệp, sống còn thì sung sướng tâm thân, mất thì truyền mãi tên tuổi, gặp sau khi thời sự đổi thay, mà cái uy linh hãy còn lưu lại góp ghè ở mọi người ấy được đến thế kia ư !

Tôi đây, bấy lâu nghe được tiếng thom mà kính trọng, đến nay được thấy tận nơi sự tôn trọng này, mới biết quý quốc Bảo-Hộ đối với triều-đình ta không đời lễ-nghi phong tục, điều tín nghĩa được nêu ra, rồi đây cuộc lớn thăng bình, có thể xác định căn cứ vào tích thực này, thì tôi được mừng lắm vậy, nên tôi xin với quan Toàn-Quyền Đại-thần Sa Đại-hiến cho lập bia ghi đấy, quan Đại-thần vui vẻ nghe theo, mới khắc văn này vào đá để lại về sau chẳng mất vậy. Phu-nhân của Ông là

à Đổ-thị theo ông mà mất, tôi xin đề cùng thờ, cả Ông Phan Lương-Chê quan Kinh-Lược Nam-Kỳ, có công đức mọi người ghi nhớ, cũng đề thờ cùng hưởng ở miếu Ông vậy.

Năm vua Thành-Thái thứ sáu tháng 7 ngày mồng 1.

Quan Phụ-Chánh Đại-thần Thái-Tử Thiệu-Bảo, Võ-Hiền điện Đại-Học-Sĩ, Khâm-sai Bắc-Kỳ Kinh-Lược Đại-Sứ. Diên-Mậu Tử tước, Thái-Xuyên Hoàng Cao-Khải kính đề.

Bản dịch do thân sĩ Bắc hà Đổ Nhật Tân
(Sơn Tây).

ĐỀN HIỀN TRUNG

Đền tưởng niệm công ân của các danh sĩ, võ tướng từng dày công giúp nhà Nguyễn-Phúc, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh sau khi đã thống nhất giang san, xưng đế hiệu Gia-Long, liền cho người vào Gia-Định lập hai nơi đề thờ phượng. Ấy là hai ngôi đền, miếu Hiền-Trung-Từ và Hội-Đồng-Miếu.

Hiền-Trung-Từ hay đền Hiền-Trung xây cất ở làng Tân-Triêm thuộc Trấn Gia-Định xưa, do chỉ dụ của vua Gia-Long ban truyền vào năm thứ ba (Giáp-Tí 1804). Ngày xưa đền này xây dựng trong cuộc đất thành Ô-ma đường Võ Tánh ngày nay.

Lúc sơ khởi, đền thờ 1015 vị công thần, liệt kê như sau :

I— Bàn thờ chính giữa thờ ba vị : Hậu-Quân Quốc-Công Võ-Tánh, Thái-Sư Quận-Công Ngô-Tùng-Châu và Ứng Nghĩa-Đạo Chương-Cơ Nguyễn-Tân-Huyền.

II— Bàn thờ nhất bên trái thờ 10 vị :

1. Chương-Dinh Quận-Công Châu-Văn-Tiếp
2. Tiền-Dinh Quận-Công Tôn-Thất-Hội
3. Thiệu-Bảo Quận-Công Tống-Viết-Phước
4. Chương-Dinh Quận-Công Mai-Đức-Nghị
5. Chương-Thủy-Dinh Võ-Di-Nguy
6. Chương-Dinh Quận-Công Nguyễn-Cửu-Dật
7. Nguyễn-Cửu-Toán
8. Nguyễn-Thành
9. Hữu-Quân Quận-Công Tôn-Thất-Dũ
10. Tả-Quân Quận-Công Nguyễn-Văn-Chánh

III— Bàn thờ nhất bên mặt thờ 10 vị :

1. Chương-Dinh Quận-Công Nguyễn-Hữu-Thụy
2. Nguyễn-Đình-Thuyên
3. Nguyễn-Kim-Phàm
4. Trần-Xuân-Trạch
5. Tôn-Thất-Cốc
6. Tống-Phước-Hòa
7. Thiệu-Phó Nguyễn-Thái-Nguyên
8. Chương-Dinh Bùi-Kế
9. Chương-Cơ Đoàn-Văn-Các
10. Hoàng-Công-Thành

IV. — Bàn thờ nhì bên trái thờ 221 vị, trong đó có một người Pháp là Chương-Vệ Mạn-Hòe (Manuel).

V. — Bàn thờ nhì bên mặt thờ 221 vị.

VI. — Bàn thờ nhì bên hông trái thờ 275 vị.

VII — Bàn thờ bên hông mặt thờ 275 vị.

Đến đời Thiệu-Trị, năm thứ 6 (1846), vua Thiệu-Trị hạ lệnh cho quan tỉnh Gia-Định thay đổi những bài vị đã cũ hư, làm lại bằng gỗ tốt, hoặc bằng cẩm thạch.

Đời Tự-Đức, năm thứ 25 (1872), vua Tự-Đức cho lập thêm một cái đàn đề biếu dương, gọi là « Hiền-Trung Công-Thần ».

Về sau, trong số 1015 vị công thần đã được thờ ở đền Hiền-Trung Gia-Định, có 361 vị được chuyển thờ ở miếu Trung, trong các đền Trung Hưng, Trung-Tiết ở Huế, đền Bảo-Trung ở Bình-Định, đền Biếu-Trung ở Phú-Yên, đền Sanh-Trung ở Khánh-Hòa. Thế là nơi đền Hiền-Trung ở Gia-Định chỉ còn thờ có 653 vị.

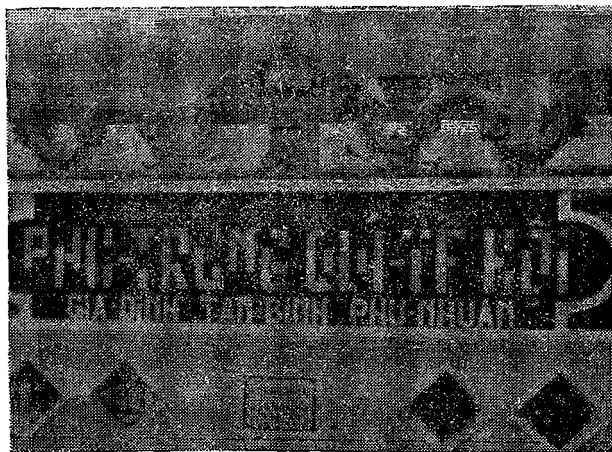
Rồi đến khi quân Pháp chiếm Gia-Định, đền Hiền-Trung khỏi lạnh hương tàn ! Vua Tự-Đức cảm niệm công ân người trước truyền đem 653 vị ấy ra thờ ở đền Ân-Tự, ở thôn Vĩ Dạ ; thuộc huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-Việt).

Ngày nay đền Hiền Trung dù đã theo thời gian mà tàn tạ biến cải, nhưng người cảm cựu những khi qua đường Võ-Tánh ở Saigon, lòng hân nao nao nhớ đến một di tích xưa từng đánh dấu một thời oanh liệt của các công thần đời chúa Nguyễn-Phúc-Ánh tranh hùng cùng Tây-Son

ĐỀN THỜ VÀ LĂNG PHÚ-TRUNG THỜ ĐỨC BÌNH-GIANG QUẬN-CÔNG VÕ-DI-NGUY

Theo «Đại Nam chính biên liệt truyện», đức Bình-Giang Quận-Công Võ-di-Nguy quê ở huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, và lúc Ngài mất năm 1801, di hài được chuyển về Gia-Định thành. Người ta cho rằng ở Phú-Vang, ngoài miếu Trung (cách Tuy-Hòa 6 cây số) cũng có một ngôi mộ của Ngài Võ-di-Nguy và ngôi mộ khác của con trai Ngài, hồi sinh tiền làm Hình Bộ Tham-Tri, có con cháu ngày nay hãy còn sống. Vì những người này quả quyết rằng ông tổ là Võ di Ngụy, người gốc ở Phú-Yên, chớ không phải ở Thừa-Thiên, cho nên ông Lê-văn-Phúc (Lê-Thọ-Xuân) giáo viên ở Hương-Điền (Bến-Tre) đã ra ngoài Trung, tới tại chỗ nghiên cứu. Nhưng ông liền thấy ngay, khi lật gia phả gia đình này, rằng đấy là ngôi mộ của một võ quan cao cấp thời Gia-Long, tên là Võ-Quang-Huy ở Tuy-Hòa (chữ Huy và Ngụy đọc giống nhau).

Riêng về lăng Phú-Trung ở Gia-Định là lăng ngài Võ-di-Nguy nằm ở Phú-Nhuận, vùng ngoại ô Saigon, thuộc tỉnh Gia-Định. Bên trong đại lộ Võ-di-Nguy, nằm ngay mặt ra đường Cô Giang, phía sau hẻm Đội Cờ. Mộ phần này xây cất theo lối kiến trúc các phần mộ lớn



Mặt tiền đền thờ Lăng Phú Trung vừa xây cất lại
bên trong thờ Đức Bình-Giang Quận công Võ-di-Nguy (Phú nhuận)

của hàng danh tướng thời kỳ đó, gồm hai vòng rào : Một vòng dành riêng bao bọc ngôi mộ thật sự, vòng kia bao bọc một hồ nước hình chữ nhật. Bên ngoài có một tấm bình phong án ngữ. Kế hai bên là bình phong có đắp hình. Một bên tạc tượng sư tử miệng há lớn, mắt lồi ra. Quanh các bức tường rào hình chữ nhật, chạm khắc tô điểm những cánh hoa mẫu đơn, hoa sen và một con kỳ lân đuôi xù.

Đối diện ngôi mộ, ở phía hậu vòng rào, có dựng một tấm bình phong chữ nhật. Trên mặt bình phong khắc nổi hai bài văn bia bằng chữ Hán. Tấm bên mặt (số 1) lược trình thành tích của Ngài Bình-Giang Quận-Công Võ-Di-Nguy. Tấm bên trái (số 2) nói về phu nhân còn trong lúc sanh tiền.

1 — Bản dịch :

« Vào ngày lành, tháng đầu mùa đông (tháng 10 âm lịch) năm Tân Dậu (6-11 — 5-12-1801) . . . cha tôi, Khâm-Sai thuộc nội Cai-Cơ, chỉ huy 5 đạo hải thuyền « Minh-Phương-Hầu », phong Tráng-Liệt công-thần đặc tấn khai phủ Trụ-Quốc Thượng-Tướng-Quân, Cầm-Y-Vệ Thượng-Trụ-Quốc Thống Phủ ». Hiếu nam Võ-Di-Thiên khắp huyết lệ.

Ngôi đền thờ của đức Bình-Giang Quận-Công Võ-Di-Nguy nằm phía trước trong cuộc đất Lăng-Phú-Trung. Khi xưa chỉ có ba gian nhỏ thấp lợp ngói âm dương. Ngày nay ban quản trị hội Phú-Trung Quý-tế giở ra xây cất lại bằng vật liệu nặng, đúc xi măng cốt sắt. Trên có một tầng lầu nhỏ Mặt trước có sân thượng. Trên dưới rộng rãi, khi cúng tế đủ chỗ cho bá tánh đến chiêm bái không chật hẹp như lúc trước.

Đền thờ mới này vẫn thờ lại như chỗ cũ. Giữa chánh điện trên-trọng giữ gìn hai hòm sắc thờ. Sắc phong đề ngày 11 tháng giêng năm Minh-Mạng thứ 12 (14-12-1831), tấn phong ông Võ-Di-Nguy chức Thái-Bảo Tướng-quân, có công bảo vệ mạng Hoàng-Đế, đổi tên thụy là Tráng-Túc (dũng mãnh và cung kính) và Phong tước Bình-Giang Quận-Công. Sắc này viết trên lụa vàng, có khung viền hình rồng. Một lá sắc khác do Thượng Thư Bộ Lễ thảo theo chiếu chỉ của Hoàng-Đế, nhân dịp phong cho Ngài Võ-Di-Nguy chức Thiếu-Bảo (năm đầu hiệu Gia-Long tức Nhâm-Tuất 1802).

Phía tả đền thờ có tạc tượng Bạch mã. Hai bên tả ban, hữu ban đều có vọng bàn thờ các vị văn thần và võ tướng triều nhà Nguyễn

ên có tám biển chữ Hán chạm mấy chữ «Võ-An-Ban». Giữa chánh-
ện có cặp hạc đứng trên lưng qui và hai hàng lễ bộ.

Phía bên trái cửa bước vô có đề một chiếc thuyền rồng nhỏ, sơn
n phết vàng lộng lẫy, tượng trưng khi ngài còn sống theo phò vua
ia-Long, được giao phó nhiệm vụ thống suất lực lượng Hải-Quân
ng pha trận mạc, cứu khờn phò nguy. Ngài tử trận tại cửa biển Thị
si, bị trúng một viên đạn đại bác của Tây-sơn vào năm Tân-dậu 1801.

Cảm niệm đến công nghiệp của ngài, đời sau người ta mới làm
chiếc thuyền tượng trưng ấy để thờ ngài, kỷ công đức của ngài
mặt tổ chức các chiến thuyền, chấn chỉnh lực lượng Hải-Quân.

Hằng năm, ngày 16 tháng giêng âm lịch, trong hội Phú-Trung
ui-Tế có làm lễ giỗ trọng thể. Đông đủ quan khách đến tham dự
ề tưởng niệm bậc tiền nhân có công với đất nước.

Chúng tôi đã trình bày tiểu sử Ngài ở phần danh nhân, xin qui
ạn đọc xem phần ấy sẽ rõ thêm, đây đủ chiến công của ngài với
ic đạo thủy-quân lực chiến của nước ta ngày xưa.



*Bên trong chánh điện Lăng Phú Trung, giữa thờ thần
vị Đức Quận Công Võ-di-Nguy cạnh bên với con Bạch mã*

MIẾU THỜ VÀ LĂNG

KHÂM-SAI CHƯỞNG-CƠ NGUYỄN-VĂN-HỌC

Tỉnh Gia-Định ngày nay có đường tên Nguyễn-Văn-Học, có bệnh viện cũng mang tên Nguyễn-Văn-Học, đủ nói lên công nghiệp của vị danh nhân ấy. Chúng tôi đã trình bày tiểu-sử của ngài ở phần Danh nhân. Nơi đây, xin nêu rõ thêm về miếu thờ và lăng của Ngài.

Du khách đến viếng tỉnh Gia-Định qua ngang góc đường Chi-Lăng và Nguyễn-Văn-Học, ắt nhìn thấy bốn ngôi cồ mộ nằm trong công viên vuông rào gần Ty Thanh-Niên. Trong cuộc đất này có Lăng của Ngài lớn hơn hết và một cái miếu nhỏ mới vừa xây cất. Ấy là miếu thờ vị công thần triều Nguyễn là Khâm-Sai Chư-ơng-Cơ Trần-Văn-Học, được vua Gia-Long cho theo họ vua, nên cũng gọi là Nguyễn-Văn-Học. (1)

Miếu thờ Nguyễn-Văn-Học do Đại-Tá Châu-Văn-Tiên, Tỉnh-Trưởng Gia-Định xây cất nhằm ngày 1-3-1972. Lễ an vị vào ngày 21-5 năm Nhâm-Tý 1972. Trước cửa miếu có tấm bảng đồng chạm khắc ghi tên họ người quá cố.

Ông Nguyễn-Văn-Học. Người đã dày công theo phò chúa Nguyễn-Phúc-Ánh từ lúc đầu tại Gia-Định, trên đường tàu quốc.

Năm Nhâm-Dần 1782, quân Tây-Sơn đánh phá, quân chúa Nguyễn thất bại. Ông cùng Giám-mục Bá-Đa-Lộc hộ tống xa giá bà mẹ Nguyễn-Vương và cung quyến lên Cao-Miên. Rồi xuống Hậu-Giang đến Cần-Thơ tìm vua, đem nhau lướt thuyền sang đảo Thổ-Châu

(1) Lăng ông Nguyễn-Văn-Học khi xưa tọa lạc nơi cuộc đất sau Ty Ngân-Khố Gia-Định, cạnh bên có cái nhà gỗ xưa. Năm 1930, Lăng này được cải táng về nơi địa điểm vườn hoa cạnh Ty Thanh Niên ngày nay.

Năm 1972, ngôi miếu được dựng lên do ý kiến của Đại-Tá Châu-Văn-Tiên, xã Bình Hòa đại thọ xây cất với sự góp sức của ông Trần-Văn-Hai Phó Chủ tịch Hội Đồng xã Bình Hòa trong năm 1972.

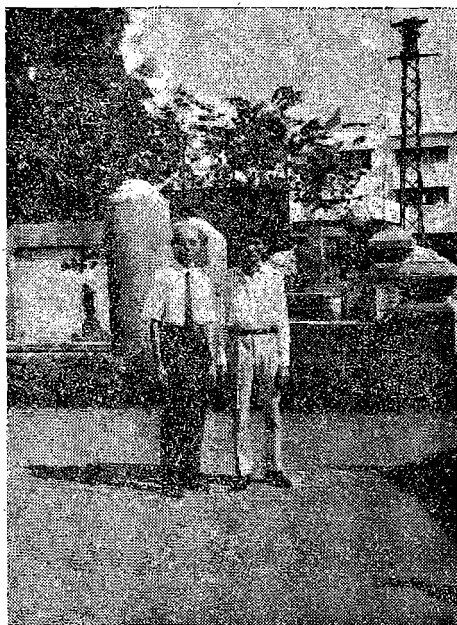
Năm Canh-Tuất 1790, ông xây thành Gia-Định, đo đất phân khu, vẽ bản đồ, và xây cất đồn bảo nhiều nơi, như đồn Mỹ-Tho v.v...

Năm 1812, nhà vua sai ông vẽ bản đồ sông rạch, đường sá các thị trấn ở thành Gia-Định và nhiều công tác khác.

Một đời tận tụy giúp nước không quản gian lao, tuổi già sức yếu, ông mãi phần trong sự tiếc thương của nhà vua và dân chúng.

Ngày nay Lăng Ngài trơ gan cùng tuế nguyệt, năm sau ngôi miếu mới vừa xây cất đề thờ Ngài Trong cuộc đất này còn có thêm ba ngôi cổ mộ khác, rêu phong cỏ mọc không biết của vị nào, mà không thấy ghi rõ danh tánh.

Chủ trương lập miếu xây đền của chánh quyền tỉnh Gia-Định ngày nay, mục đích để bảo tồn di tích lịch sử của tiền nhân nơi tỉnh nhà, là việc làm cao cả đáng nêu gương hậu thế.



Cảm niệm người xưa qua bức ảnh lưu niệm của ông Nguyễn Kim Kỳ và ông Trần Văn Hai thân hào tỉnh Gia-Định, đến viếng Lăng Đức Khâm Sai Chương-Cơ Nguyễn-Văn-Học, ngày 10 tháng 2 năm 1973.

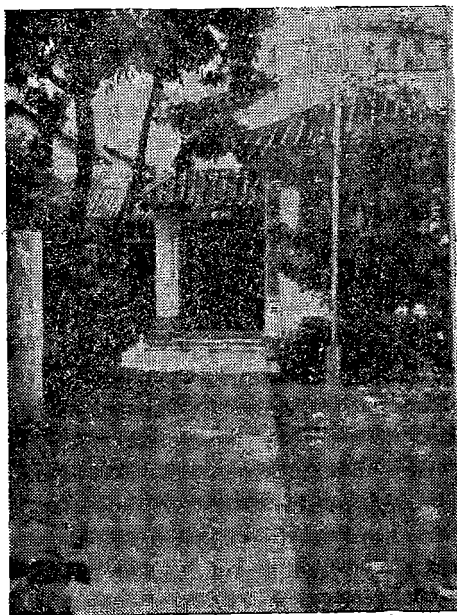
LĂNG PHÚ-THÀNH TRƯƠNG-TẤN-BỬU

Lăng Phú-Thành tức là lăng đức Long-Vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu, một vị khai quốc công thần triều Nguyễn. Người đã tận lực theo phò chúa Nguyễn-Phúc-Ánh khi lưu vong tâu quốc trong Nam, để gót nơi làng Hưng-Lễ, nay là Hiệp-Hưng tỉnh Bến-Tre.

Ông đã theo vua từng chinh trong cơn quốc nạn. Một đời phò vua giúp nước hết dạ trung can, lắm lần vào sanh ra tử, chí không sờn. Ông được nhà vua phong chức trọng, quyền cao và ban tước Long-Vân-Hầu để tưởng lệ công lao!

Hai lần ngồi chức Phó Tổng-Trấn Gia-Định thành : lần thứ nhất từ năm 1805 đến 1815. Lần thứ hai từ năm 1822 đến năm 1827.

Ông tạ thế ngày 2 tháng 8 năm 1827 dưới triều Minh-Mạng năm thứ 8. Lúc bấy giờ linh cửu ông được đem an táng tại làng Phú-



*Đền thờ Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu,
cạnh bên là Lăng Phú Thành tọa lạc tại Phú Nhuận.*

Nhượng đường Tự-Đức trên một cuộc đất rộng lớn, xung quanh có hàng rào bao bọc. Lãng kiến-trúc theo lối cổ điển. Trước có xây hai tấm bình phong chạm trổ, vách thành dày đặc, tô hồ ô-dước.

Bên trong có dựng lên một ngôi đền thờ kang trang đề thờ Ngài giữa một linh vị, áo mào, và một tượng bạch-mã đứng cạnh phủ thờ. Mấy năm về trước, chúng tôi có đến viếng lăng miếu, nhận thấy trước đầu tượng Bạch-mã lúc nào cũng có giỏ cỏ tươi đề cúng cho Bạch-mã

Lãng có Ban quản-trị lo về việc cúng tế. Hằng năm vào ngày vía rất linh đình, đề tưởng niệm bậc tiền nhân có công với đất nước, tô đậm trang sử hào hùng của đất Gia-Định thành ngày xưa.

Mặc dầu ông đã mất, nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với sử xanh, muôn đời còn ghi tạc nơi lòng người dân Việt.

VĂN MIẾU THỜ ĐỨC KHỔNG-TỬ

Cũng như tỉnh Vĩnh-Long xưa, tại tỉnh Gia-Định ngày trước, cũng có một ngôi Văn-miếu, xây dựng ở địa phận thôn Phú-Mỹ, huyện Bình-Dương, phía đông tỉnh thành.

Bên hữu Văn-miếu có dựng miếu Khải-thánh. Khởi công xây cất vào năm Minh-Mạng thứ 5 (1824).

Ngày nay Văn miếu có còn đâu ? Kề cũng đáng tiếc. Tỉnh đầu của miền Nam, mà một ngôi Văn miếu không giữ được, hẳn thật đau lòng.

Phải chăng những cơn binh biến, nhất là cơn loạn năm Quý-Tị 1833 do Lê-Văn Khôi dấy động, đã làm tiêu tan một di tích đáng được bảo tồn ấy ? Hay do quân Pháp đã tàn phá đi ?

So với Vĩnh-Long, tỉnh Gia-Định xưa, thủ phủ của miền Nam, phải có hơn chớ không kém, thế mà ngày nay Vĩnh-Long còn ngôi Văn-miếu kang trang, còn bia đề Văn-miếu và thi ca đề vịnh. Văn-miếu của tỉnh Gia-Định thì không được tô điểm giữ gìn.

Khởi lửa chiến tranh thật quá phũ phàng. Cuộc đời vật đời sao đời có chi đâu là vĩnh viễn, bất biến ? Dù có tiếc thì việc cũng đã

xây ra rồi, âu hẳn chờ mong nơi thế hệ này, hoặc các thế hệ sau sẽ nghĩ đến việc xây dựng một ngôi Văn-miếu khác trong tỉnh Gia-Định, chắc không phải là điều vô bổ ích cho nhân tâm thế đạo.

Vì Văn-miếu nơi tiêu biểu cho tinh thần văn hóa, nơi tập họp những tâm hồn phụng thờ Chân, Thiện, Mỹ. Có Văn-miếu thì cuộc sống của dân chúng trong tỉnh sẽ đẹp hơn ra về tinh thần, bởi đấng được sĩ khí trong thời tao loạn, và un đúc nên những bậc sĩ phu tài cao đức trọng, làm rạng rỡ cho dân tộc.

Bao giờ Gia Định kiến thiết lại ngôi Văn miếu như thuở xa xưa? Đề cho chúng ta và con cháu chúng ta như còn thấy mãi phảng phất hồn Dân tộc từ muôn năm cũ bằng bạc hình hiện khắp đâu đây.

LĂNG ĐỨC TẢ DINH LÊ-VĂN-PHONG

Chúng ta đã nghe nói nhiều và biết nhiều về Lăng Ông ở Bà Chiểu, tức Lăng của Đức Thượng-Công Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt. Nhưng ít ai biết đến người em trai của cụ Lê-Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt, cũng là một bậc tướng tài đáng được nhắc nhở. Ấy là Lê Văn-Phong, từng được vua Gia-Long trọng dụng, lãnh chức Chưởng Tả Dinh. Nay hãy còn lăng mộ của ông tại Gia-Định.

Lăng đức Tả-Dinh Lê-Văn-Phong, em ruột đức Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt, tọa lạc tại phía hữu đường Ngô-Đình-Khôi (nay là đại lộ Cách-Mạng), trong phạm vi xã Tân-Sơn-Hòa, hiện thuộc khu quân-sự.

Truyền thuyết này do cụ Lê-Tả-Quân đứng trông nom xây cất. Vì em ngài, Tả-Dinh Lê-Văn-Phong mất trước ngài. Bởi do ngài xây lăng cho em, nên lăng này có vẻ kiên cố và hùng vĩ.

Điều nên biết thêm, con trai của Tả-Dinh Lê-Văn-Phong là Lê-Văn-Yến, được vua Gia-Long gả Công-Chúa Ngọc Nghiên cho. Lê-Văn-Yến được phong chức Kiêu-ky Đô-Úy. Khi cưới Công Chúa Ngọc-Nghiên, được phong là Phò-Mã Đô-Úy. Và cụ Lê Tả-Quân nghiêm nhiên được dân chúng kính cẩn xưng tụng là « Phò-Mã Gia-Gia » (Cha ông Phò-Mã).

LĂNG CHA CẢ BÁ-ĐA-LỘC VÀ NGÔI ĐỀN THỜ

Lăng Cha Cả ở Tân-Sơn-Nhất là nơi táng di hài đức Giám-mục Bá-Đa-Lộc, mất tại cửa Thị-Nại năm 1799.

Mộ của cha R. P. bí thư của đức Cha cả Bá-Đa-Lộc, táng gần đấy, cũng là một cổ tích kiến trúc đáng ghi.

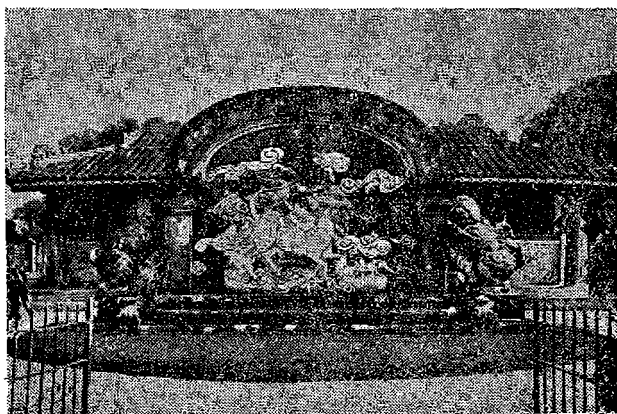
Giám mục Bá-Đa-Lộc nguyên là người Pháp, Pierre Pigneau de Béhaine Evêque d'Adran, là người đã giúp chúa Nguyễn-Phúc-Ánh cầu viện với các nước Tây-Phương. Chính ông đã được Nguyễn-Vương giao Hoàng-Tử Cảnh đưa sang Pháp làm con tin, đề cầu quân Pháp viện trợ.

Do lòng sốt sắng vận động của Bá-Đa-Lộc, đạt được kết quả nhiều sĩ quan và kỹ-sư Pháp lần lượt có mặt ở Gia-Định.

1— Olivier Puymanel, ta gọi là Ông Tín, đi chiếc tàu Dryade chở 1000 khẩu súng mà Nguyễn-Vương gửi mua ở Âu-Châu, đến đảo Côn-Lôn ngày 19-8-1788. Olivier Puymanel mới 20 tuổi.

Năm sau, 1789, tàu Méduse chở Giám-mục Bá-Đa-Lộc và Hoàng-Tử Cảnh ở Pondichéry về ghé Côn-Lôn, thì Olivier theo về Gia-Định.

Giữ chức vụ Tham-Mưu-Trưởng kiêm Chỉ-huy-trưởng pháo-binh, Olivier đã tổ chức điều khiển một trường huấn-luyện sĩ-quan của Nguyễn-Vương, lo đúc súng đại bác, vẽ sơ-đồ xây dựng các thành và tham dự nhiều cuộc hành quân.



Mặt tiền Lăng Đức Giám-mục L'évêque D'adran
(Bá-đạ-Lộc, tọa lạc tại Tân Sơn Nhất).

2— Philippe Vannier, ta gọi là Nguyễn-Văn-Chấn, làm hạm trưởng các tàu «Đông-nai», «Phụng-phi». Được phong Khâm-sai Chương Cơ, Chấn-Oai-Hầu. Đến đời Minh-Mạng đổi là Chấn-Thanh-Hầu.

3— Lau-ent Barizy, ta gọi là ông Mân, phụ-trách về vận-tải quân-nhu, mua quân-khí, hạm-trưởng tàu «Loan-Phi». Được phong Khâm-Sai thuộc nội Cai-đội, tước Thành-tín-hầu.

4.— Guillaume Guilloux, hạm trưởng các tàu «Đông-nai», «Hoàng-Tử đằng trong». Được phong chức Phó cai đội, tước Nhuệ-tái-hầu.

5.— Jean Baptiste Guillon, được phong chức Phó-cai-đội, tước Oai-dũng-hầu.

6.— Théodore Le Brun, kỹ-sư, phụ-trách việc xây dựng đồn lũy. Bản-đồ thành Saigon hồi đó do chính tay Le Brun vẽ. Được phong chức Khâm-sai Cai-đội, tước Thạch-oi-hầu.

7.— Charles Stanilas Lefèvre, cháu Giám-mục Bá-đa-Lộc.

8.— Jean Baptiste Chaigneau, ta gọi là Nguyễn-Văn-Thắng, chỉ huy tàu Long-phi. Được phong chức Khâm-sai Cai-đội, tước Thăng-tái-hầu, sau lại thăng Chương-cơ, tước Thắng-toàn-hầu.

9.— De Forçant, ta gọi là Lê-văn-Lăng, chỉ huy tàu Bằng-phi. Được phong Chương-cơ, tước Lăng-đức-hầu.

10.— Desperles, sĩ quan giải-phẫu của tàu Pandour, làm y-sĩ.

11.— Despiaux, làm y sĩ riêng của Nguyễn-Vương.

Nhưng vai trò quan-trọng nhất vẫn là Bá-đa-Lộc, người đã đích thân điều khiển nhiều trận đánh lớn và chỉ huy nhóm Olivier, Dayot, Vannier, Chaigneau v.v... trong các mưu lược, kế-hoạch.

Giám mục còn phiên dịch cả các binh thư của Pháp ra tiếng Việt, đề Nguyễn-Vương hiểu biết các chiến pháp Âu-châu.

Đến ngày 9-10-1799, Bá-đa-Lộc chết ở cửa Thị-Nại, khi có mặt trong đạo thủy quân của Nguyễn-Vương từ Qui-Nhơn ra Quảng-Ngai, hưởng dương 58 tuổi.

Nguyễn-Vương cho mang xác Giám mục Bá-đa-Lộc về Gia-định chôn cất ở gần nhà giảng của Giám-mục (cuối đường Trương-Minh-Giang, gần công vào phi trường Tân-sơn-nhất ngày nay). Ấy là Lăng Cha Cả, và truy phong Giám-Mục là Thái-Tử Thái-Phó, Bi-Nhu Quận-công.

Theo lời tường thuật của giáo sĩ Lefèvre, xác của Bá-đa-Lộc ướp bằng các chất thuốc thơm và đặt vào quan tài bằng gỗ quý, rồi đưa

về Saigon, quản xác ngót hai tháng, để mọi người điếu tể.

Tang lễ thật trọng thể, cử hành vào ngày 16-12-1799. Các giáo sĩ trong nước tập họp đưa đám, không thiếu một ai.

Các bà Thái-hậu, Hoàng-hậu và Cung-tần cũng đưa-tiến tới phần mộ.

Đạo quân cận vệ của Nguyễn-Vương 1200 người, vũ khí trang nghiêm uy nghi dàn hầu. Kế tiếp là đạo tượng binh, trên 100 con voi dưới sự chỉ huy của Hoàng-Tử Cảnh.

Đồng thời quân sĩ còn kéo nhiều khẩu đại bác theo sau.

Đám táng đi từ 1 giờ đêm đến 9 giờ sáng mới tới huyệt. Tám chục người đạo tì hộ tống linh cửu trên chiếc kiệu rất đẹp. Số đi đưa lên tới 40 ngàn người, nghẹt cả đường sá, ấy là chưa kể những người đứng xem ở hai bên đường.

Trong lăng cha cả Bá-đà-lộc, Nguyễn-Vương có dựng tấm bia đá lớn, ghi tạc công nghiệp. Lời văn bia do Đốc học Nguyễn-Gia-Kiệt tước Hoa-Xuyên-Hầu đề soạn. Hữu-Tham-Tri Bộ-binh là Lê-Tri-Chỉ, tước Tri-định-hầu viết.

Bài bia như sau :

« Nhà thầy họ Bi-nhu (Pigneau), tên là Bá-đà-Lộc (Pierré), người nước Đại-tây-dương. Lúc còn ít tuổi nhà thầy chỉ chuyên việc tu hành. Thế mà bao nhiêu sách vở của những bậc thánh hiền bên nước Trung-hoa nhà thầy đều thông hiểu hết. Đến năm đã ngoài 30 tuổi, nhà thầy mới sang nước ta, khi ấy nước ta đang loạn, nhà thầy đóng vai thượng khách của nước nhà.

« Quả nhiên nhà thầy đem học thức đã thấm lượm được bấy lâu nay ra áp dụng hữu hiệu cho thực tế. Nhà thầy lại hết lòng với chúa những khi vận nước nghiêng ngửa chia phối. Rồi nhà thầy lại được chúa giao phó cho một việc nặng nề là : ra nước ngoài để tìm quân cứu viện. Trong thời gian ấy, nay đây mai đó, không mấy lúc nhà thầy được nghỉ ngơi. Hơn 20 năm trời, khi thì giữ chức tham mưu trong quân đội, lúc thì lại giúp việc hành chánh trong các trấn. Những mưu mô, những cách thức mà nhà thầy đã kiến nghị hoặc thi hành đều có thể làm gương mẫu cho đời sau được. Cũng vì thế mà nước ta khi ấy đã dần dần có cơ chỗi dậy được. Được như thế một phần cũng là do công lao của nhà thầy.

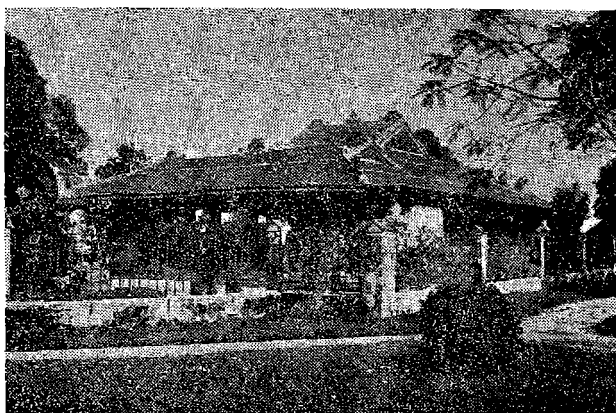
« Mùa thu năm Kỷ-Mùi (1789) nhà thầy theo chúa ra đánh phủ

« Qui-Nhon. Nửa đường nhà thầy mắc bệnh rồi mất ở trong đờn, trên
« cửa bễ Thị-Nại (QUI-NHƠN). Hôm ấy là ngày 11 tháng 9 (âm lịch).
« Năm ấy nhà thầy đã 58 tuổi.

« Cũng vào đầu mùa đông năm đó, nhà thầy được truy tặng chức
« Thái-Tử Thái-Phó trước Quận-công và an nghỉ ngàn năm tại nơi đây,
« ở phía bắc ngoài thành Gia-Định, nơi mà khi xưa thầy đã cất nhà
« giảng-đạo tại đây.

« Bia này dựng giữa ngày tốt, về mùa thu năm Canh-Thân (1800)
« đề ghi nhớ công trạng kể trên ».

Bản dịch của Nhược-Ngu
Tập-chí Văn-hóa Á-Châu



Lăng Cha Cả Bá-Đa-Lộc với nét cổ kính uy-nghi, trơ gan cùng tuế nguyệt,
trước đầu Lăng, vua Gia-Long có dựng bia đá ghi công nghiệp của Ngài.
Tọa lạc tại Tân Sơn Nhứt

CON ĐƯỜNG NGỰ VÀ MIẾU HỘI ĐỒNG

Như chúng ta đã biết, vua Gia-Long niệm công ân những người
đã tận tụy giúp cho nhà Nguyễn-Phúc dựng nên, bằng cách cho lập
đền Hiền-Trung ở Gia Định để phụng thờ. Trước đó, khoảng năm
Ất-Mão. 1795, khi còn lưu vong nơi Gia-Định, chúa Nguyễn-
Phúc-Ánh cũng đã cho xây dựng miếu Hội-đồng ở địa phận thôn Tân
Triêm, huyện Bình-Dương. Miếu Hội-đồng cũng có tên là miếu
Thánh, ở gần đền Hiền-Trung, tức là cùng trên khoảng đường Võ-

ình ngày nay.

Con đường dẫn vào đền Hiền-Trung và miếu Hội-đồng khi xưa, c gọi là con đường «ngư». Hai bên miếu có hai cái ao sen tỏa rong thơm ngát. Miếu tọa lạc ở phía ngoài thành Ô-ma (Camp des ares). Phía ngoài có cây da lâu đời, lớn được hai ôm.

Trước đền Hiền-Trung và miếu Hội-đồng ở hai đầu đường, phía bên lề, dựng hai trụ đá khắc 4 chữ «Khuyh cái hạ mã» (ngiên i, xuống ngựa), đề nhắc nhở người đi đường phải tỏ lòng sùng bái c vị tiền nhân đã có công với đất nước lúc gian nguy.

Lúc đầu, miếu Hội-đồng phụng thờ linh thần âm dương các ینگ, sau liệt thờ các vị khai sáng Trung-hưng công thần.

Đến khi thống nhất đất nước, khoảng năm Giáp-Tý 1804, vua ia-Long xuống chỉ sửa sang miếu Hội-đồng và dựng thêm đền Hiền rung như chúng tôi đã kể. Bấy giờ, nhà vua truyền đem thần vị hưởng hậu quân Bình tây Tham Thặng Đại tướng quân Thái Ủy ánh Quốc-công Võ-Tánh, và Lê-Bộ Thái-Tử Thái-sư Châu-Quận- ینگ Ngô-Tùng-Châu thờ tại gian giữa.

Kỳ dư theo thứ tự thờ hai bên tả hữu, có chép vào Hội-điền Bộ ẽ, mỗi năm hai lần tế Xuân-Thu.

Như vậy, hai vị quốc-công Võ-Tánh và quận-công Ngô-Tùng- ɦau đều được thờ gian giữa hai nơi tôn nghiêm nhất của trấn Gia- ịnh xưa là miếu Hội-đồng và đền Hiền-trung.

LĂNG QUẬN-CÔNG VÕ-TÁNH

Mặc dù đã có kê văn tăt ở phần lăng mộ, di tích lịch sử, chúng ời vẫn thấy phải kê thêm cho đầy đủ hơn. Nói đến cụ Hoài-quốc- ینگ Võ-Tánh, thiết tưởng có thêm bài này cũng chẳng phải là thừa.

Ấy là một ngôi đền thờ cũ kỹ, tọa lạc tại xã Phú-Nhuận, nằm ơng vòng rào của bộ Tổng-tham-muru hiện nay.

Miếu này xưa cất ở giữa vườn cây cỏ thọ, đào hồng, tòng bá um xuê, mà nay thì chẳng còn gì. Phía sau miếu là ngôi mộ của ục-công Võ-Tánh, một danh tướng, một anh hùng tử tiết tại ɦành Bình Định.

Chính tại Qui-Nhơn cũng có ngôi mộ của ngài. Không biết trong ai nơi này — Phú-Nhuận và Qui-Nhơn — nơi nào thờ tro của

ngài, vì ngài tự thiêu, nhục thể phải bị cháy hết, nên không còn xác.

Chúng tôi đến tận nơi để quan chiêm, thấy trong đền thờ giữa có cái khánh thờ hai bài vị và một cái long bào, bên tả tạc tượng một con ngựa bạch và một cái võng.

Trước long đình, hai bên có hai câu liên

« Vị quốc vong thân, tự cớ anh hùng quả nhị

« Sự quân hiệp lực đương kiêm hiền triết vô song.»

Trên bài vị thờ ngài, cũng có đôi câu đối :

« Tiền lâm lâm uy phong diện nhật

« Hậu anh anh bệ khí lẫm Vân.»

Quan sát chung quanh lăng và miếu thờ ngài, chúng tôi thấy thật cổ kính.

Dòng Hán tự « Võ-Quốc-Công điện » tô đậm trên cổng xây rất thấp theo lối cổ.

Mặc dầu lăng miếu này nằm trong phần đất bộ Tông-tham-mưu,



Trên đường sưu tầm di tích lịch sử. Tác giả đứng chân trước cổng Lăng Đức Quận công Võ Tánh, bên trong là ngôi đền thờ Ngài tọa lạc tại Phú Nhuận.

ng riêng biệt một khu vực sầm uất và thanh tịnh, sánh như ở khu rừng nhỏ, chung quanh tàng cây rợp bóng.

Hằng năm có hai lễ cúng vào ngày 26-27 tháng 11 âm lịch, và mừng 5-6 tháng 6 âm lịch.

Lúc thời bình có hát bội đề cúng Ngài, từ ngày đất nước bị tranh, việc hát cúng đã giảm bớt.

Gần đây, lăng miếu Võ-quốc-Công đã được trùng tu lại khang trang.

NGÔI MỘ TƯỚNG ĐỖ-THANH-NHÂN

Về tiểu truyện Đông-Sơn Thượng-tướng-quân danh hầu Đỗ-H-Nhân — một trong tam hùng Gia-Định — Chúng tôi đã trình rõ ở phần Danh nhân. Nhưng, từ lâu nay, không thấy sách báo ghi chép về phần mộ của tướng Đỗ-Thanh-Nhân tọa lạc ở nơi nào ? Chúng tôi đã may mắn được tìm biết ít nhiều về ngôi mộ của ông, xin ghi vào đây để mọi người cùng biết.

Năm 1781, tướng Đỗ-thanh-Nhân bị Nguyễn-Vương nghe lời của Chương-cơ Huỳnh-Thiêm-Lộc mà thọ hại. Nguyễn-Vương ngờ ông, rồi đành lòng xuống tay truyền lệnh bắt giết ông.

Lúc ấy, hai tướng thuộc hạ của ông là Võ-Nhân và Đỗ-Bảng đau lòng, xin xác ông đem đi mai táng, rồi dấy binh Đông-sơn trở lại giữ cứ đất Ba-giồng như cũ, không từng phục Nguyễn-Vương nữa. Võ-Nhân và Đỗ-Bảng đã chôn cất Đỗ-Thanh-Nhân ở nơi đâu ? Chúng tôi, trong một cuộc đi dò tìm di tích lịch sử, nhận thấy có ngôi mộ ông ở Phú-Lâm (Chợ Lớn), gần cuộc đất của Hòa-đồng tôn ngày nay.

Mộ ông tọa lạc trên gò đất cao. Mộ nhỏ, xây bằng ô dước. Trước mộ có dựng tấm bia đá Thanh-Hóa. Trên bia khắc mấy dòng chữ :
" ĐỖ PHỦ-QUÂN THẦN MỘ. TUẾ-THỨ, TRỌNG HẠ, HIẾU TỬ HỒNG
N LẬP THẠCH ". (còn nhiều hàng không đọc được)

Ngôi mộ của một danh tướng lầy lừng uy danh khắp chốn, khép kín trong cảnh tịch liêu, ít người biết tới. Chúng tôi tìm đến, tỏ lòng bần khoăn cảm cụ.

Mong rằng ngôi mộ này được viện khảo cổ trùng tu lại để bảo tồn một di tích lịch sử

Khi biết chúng tôi đã nhiều lần đi tìm ngôi mộ của Đỗ-Thanh-Nhân, thì cụ Đỗ-Nhật-Tân, một vị nho sĩ, có chân trong Hội-đồng

dịch thuật ở Phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách Văn-hóa, cảm tác một bài thơ chữ Hán và dịch luôn ra Việt-văn, đề di mộ tướng Đỗ-Thanh-Nhân như sau :

*Gia-Định oai hùng Đỗ tướng-quân
Phủ-Lâm bắt giặc ký di phần
Dân cư xâm chủng hà u ần
Mộ chí lưu danh thửu biệt phân
Thảo mộc thiên sầu kinh diệp lạc
Thanh minh bằng diếu thều hương phần ?
Lăng ông miếu mạo nhân chiêm bái
Diệp dữ tiềm linh thần sự quân.*

Tác giả dịch luôn ra Việt-văn :

Oai hùng Đỗ-tướng đã qua đời
Nay Phủ-Lâm còn mộ một ngôi
Mộ chí nêu ra tên mới biết
Dân cư chen chặt đất chôn rồi
Nào ai gạt lệ đem hương thắp
Cây cỏ còn buồn trái lá rơi
Miếu mạo Lăng ông tuy rạng rỡ
Thờ vua Nguyễn cả cũng than ôi !!!

Tỉ mỉ hơn, tác giả, cụ Đỗ-Nhật-Tân chú giải rõ :

Phủ-Lâm bắt giặc, ần ý ở Phủ-Lâm không ai đề ý mộ danh tướng. Dân cư xâm chủng . . . Hẳn khi táng chỗ này hoang vu, nay nhà cửa ở chen khuất mộ, ần ý khi tác giả theo ông Huỳnh-Minh đến xem thấy mộ chí hỏi ra là mộ Đỗ tướng quân.

«Diệp lạc, ví từng đời qua đi, chỉ có cây sầu với mộ ; hương thắp, ần ý nêu danh thơm của tướng quân xưa. Lăng Ông có miếu rạng rỡ thực, song khi mất cũng bị tội xiềng mả, thì cũng như Đỗ-tướng mất đi (tiềm linh) than sự thờ vua Nguyễn bạc đãi . . . »

HỒ-TỘC-TỬ HAY DŨ-TRẠCH-TỬ LĂNG QUÍ TỘC NHÀ HỒ TẠI THỦ-ĐỨC

Nếu lăng họ Phạm ở Gò Công (do sự tôn vinh của Đức bà Từ-Dũ Hoàng-Thái-Hậu Phạm-thị-Hằng) được tôn trọng bao nhiêu, thì lăng quý tộc họ Hồ ở Thủ-Đức (do sự tôn vinh của Đức bà Tá-Thiên Nhân Hoàng-Hậu Hồ-thị-Hoa) cũng được trọng vọng bấy nhiêu.

Lăng quý tộc họ Hồ ở xã Linh-Đông (xưa kia là xã Linh-Chiều-y, huyện Nghĩa-An), cách quận lỵ Thủ-Đức độ 500 thước về hướng Đông-Bắc, và choán một diện-tích ước gần 5000 thước vuông.

Sở dĩ gọi là lăng quý tộc, vì là nơi mai táng cụ Phước-Quốc-ông Hồ-Văn-Vui tức Bôi, thân phụ của Đức bà Hồ-thị Hoa, phối ất vua Minh-Mạng và là thân mẫu vua Thiệu-Trị.

Tại khu lăng này, ngoài lăng Phước Quốc-công Hồ-Văn-Vui, còn lăng thân mẫu của ngài (cụ bà Hồ-Văn-Rạng, nhũ danh Đổ-Thị-ên) và ngôi từ đường trước kia gọi là "Hồ tộc từ", nhưng bắt đầu năm Tự-Đức thứ 5 (1852) đổi tên là "Dũ-Trạch-Từ".

Nguyên cụ Hồ-Văn-Vui cũng gọi là Hồ-Văn-Bôi, là một vị danh công triều Nguyễn. Cụ quê ở huyện Bình-An, tỉnh Biên-Hòa.

Khi chúa Nguyễn-Phúc Ánh mở mang trần tại miền Nam, cụ Hồ-Văn-Bôi, tòng quân làm Túc-Trực Đội-trưởng. Cụ tận tụy phù tá Nguyễn-Trong, từng hai lần phò giá sang Xiêm, cùng Nguyễn-Vương lưu vong nơi Vọng-Các.

Năm Đinh-Vị 1787, mùa thu, cụ theo Nguyễn-Vương kéo binh Gia-Định, chống nhau với Tây-Sơn những trận thư hùng quyết liệt... Dày công lao, cụ được thăng làm Thuộc-nội Cai-đội.

Hơn mười năm xông pha trận mạc, đến khi đại định non sông, Nguyễn-Vương lên ngôi vua, cụ được phong làm Thị-trung Tá-nhất-vệ, trong năm Nhâm-Tuất 1802. Rồi thăng Khâm-sai Thuộc-nội hưởng cơ, quản lãnh Tá-nhất-vệ.

Đến năm Gia-Long thứ 3 (1804), cụ theo hộ giá nhà vua Bắc tiến, rồi khi trở về thì xin cáo lão hồi hưu.

Bấy giờ vua Gia-Long đã có lòng trọng vọng cụ, xem cụ như một vị nguyên lão đại thần đáng mến. Cụ có người con gái tên Hồ-thị-Hoa, sau đổi tên là Thiệt, vì tánh nết chân chất thiệt thà. Vào năm Bình-Dần 1806, người con gái này của cụ được vua Gia-Long chọn làm phối-thất cho Hoàng-Thái-Tử Nguyễn-Phúc-Đảm.

Thế là cụ Hồ-văn-Bôi nghiêm nhiên dự hàng quốc thích. Nhưng lăng bao lâu thì cụ mất.

Mười mấy năm sau, vua Gia-Long thăng hà. Hoàng-Thái-Tử Nguyễn-Phúc-Đảm lên ngôi, tức vua Minh-Mạng. Thế là bà Hồ-thị-Hoa được phong làm Hoàng-Hậu. Ấy là bà Tá-Thiên-Nhân Hoàng-Hậu.

Ngay trong năm đầu trị vì, vua Minh-Mạng truy phong cụ Quốc

trượng Hồ-văn-Bôi chức Hàm Nghiê-m-oai Tướng quân, Thượng-h
quân Thống-chế.

Sang đời Thiệu-Trị, cũng ngay trong năm đầu, nhà vua truy tậ
thêm cho cụ là Đặc-tân Tráng-võ Tướng-quân, Tả-quân Đô-thống-p
Đô-thống Chương-phủ-sự, Thái-Bảo, thụ là Trung-dũng, tước Phu
quốc-công. (Vua Thiệu-Trị là con bà Hồ-thị-Hoa, tức cháu ng
của cụ vậy).

Bởi thế, «Hồ tộc từ» hay «Dũ trạch từ», tức lăng quý tộc họ
ở Thủ-Đức, là di tích lịch sử có liên quan nhiều nhất với triều đ
nhà Nguyễn-Phúc.

Triều đình nhà Nguyễn chú trọng đến khu mộ họ Hồ, nên xua
vua Tự-Đức từng cử Phan-thanh-Giản sang Pháp thương thuyết v
chuộc 3 tỉnh miền Đông, có lẽ cũng vì những ngôi mộ này phần n

Ngay chính trong hiệp ước Pháp-Việt ký ngày 15-3-1874 g
Phó Đô Đốc Duprê với hai đại diện Nam triều là Lê-Quang



*Lăng Hồ tộc nhà Hồ gồm các ngôi mồ thân nhân của bà phi
Hồ thị Hoa, phối thất của vua Minh Mạng.*

Tọa lạc tại Thủ-Đức

Nguyễn-Văn-Tường cũng có nhắc đến rằng : Những ngôi mộ ấy không ai được đào bới, phá-hủy, và nhà cầm quyền còn phải cấp 100 mẫu ruộng chung quanh mộ, để lo việc hương khói và tu bổ các ngôi mộ.

HAI NGÔI MỘ CÔ HẦU CỦA ĐỨC LÊ TẢ-QUÂN

Tương truyền khi đức Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt làm Tổng-trấn-Gia-Định thành hai lần, từ năm 1812 đến năm 1815 (triều Gia-Long), lần thứ hai từ năm 1832 triều Minh-Mạng, thời kỳ ấy ông có rất nhiều người hầu cận. Trong số người phục dịch hầu hạ ông, có vị ái nam ái nữ tục gọi là Bà-Cô theo hầu rất tận tâm. Khi hai cô hầu từ trần, ông cho xây cất hai ngôi mộ khá to, đề tưởng nhớ người có công giúp đỡ trong tư thất.

Hiện nay, ngôi mộ thứ nhất nằm bên kia đầu đường Ngô-Nhân-Tịnh, ngang hông Lăng-Ông. Ngôi mộ thứ hai nằm phía đường Lê-Văn-Duyệt trong một vòng rào nhà binh.

Ngày xưa cuộc đất Lăng Ông trống trải, từ bên này qua tới bên kia thông thương không có nhà cửa. Lăng Ông nằm ngay chính giữa, hai ngôi mộ này nằm ngang chầu hầu như lúc ông còn sống.

Ngôi mộ Bà Cô còn đó, nhưng không thấy sách sử nói đến tên tuổi ra sao.

HAI NGÔI CỒ MỘ CÔNG THẦN

Tại đường Phan-bội-Châu ở Gia-Định ngày nay, hãy còn có hai ngôi mộ xưa, gốc công thần triều Nguyễn. Ai đi ngang qua đường này, lưu tâm quan sát hẳn nhận thấy hai ngôi mộ cồ ấy, rêu phong cỏ mọc, nép mình bên đám cây xanh, trơ gan cùng tuế nguyệt, hai ngôi cồ mộ này tọa lạc trị cuộc đất của cụ Võ-văn-Kỳ, nguyên công chức Ty Bru-diện ngày xưa, cạnh bên ngôi mộ cụ có một căn nhà ngói xưa của ông bà để lại từ lâu.

Theo lời cụ Kỳ thuật lại với chúng tôi, hai ngôi cồ mộ trên gần hai thế kỷ. Lúc người Pháp còn ở xứ này, muốn đến phá để tìm vàng bạc, ông tuyệt đối ngăn cản, nên mới còn tồn tại đến ngày nay. Rất tiếc vì quá xưa, chữ khắc ở đầu mộ bị tróc hết, không đọc được.

Ông Võ-Văn-Kỳ còn cho chúng tôi biết về hai ngôi mộ cồ này, lúc ông còn nhỏ nghe thuật lại, vốn là ngôi mộ của hai ông bà võ quan

triều Nguyễn, có bằng sắc, tiếc vì lâu ngày đã thất lạc. Không ai còn nhớ rõ tên họ là gì.

Mong rằng viện khảo cổ đến quan sát, để bảo vệ di tích lịch sử này, nếu không thì ắt một ngày kia chủ đất mất, rũi về tay người khác, cảnh này sẽ thay đổi là một điều đáng tiếc.

MÃ NGUY

Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, cái cảnh tàn sát vẫn thường thấy xảy ra. Và cuộc tàn sát nào cũng thường rùng rợn, bi đát náo-nùng ! Điền hình nhất trong lịch sử là trận Trường-bình ở Trung-hoa thời chiến quốc thất hàng. Chỉ trong một đêm, tướng Tần là Võ-an-quân Bạch-Khôi đã ra mật lệnh cho quân sĩ giết sạch 40.000 quân Triệu đã đầu hàng ! Quả thật là cái cảnh máu chảy thành sông, thây chất thành núi.

Lịch sử Việt-Nam ta, sau khi quân triều đã dẹp yên cuộc dấy loạn của Lê-Khôi, cuộc tàn sát tập thể cũng đã xảy ra rất thương tâm.

Nhóm Lê-Văn-Khôi dấy lên chiếm cứ thành Phiên An, chống lại binh lính triều đình ngót 3 năm (1832-1835). Cảnh nội chiến làm điêu đứng dân chúng hẳn là không ít. Cuộc chém giết đôi bên đã thảm khốc đến ngàn nào ! Thế mà sau khi đã hạ xong nhóm Lê-Văn-Khôi, nhận được tin báo tiếp, vua Minh-Mạng vẫn chưa hả lòng căm giận, truyền lệnh sang phá thành trì như đất bằng, làm cỏ dân chúng một cách oan uổng.

Số người bị bắt thì có cả thảy đến 1.137 người (1), gồm đủ mọi thành phần, già trẻ bé lớn, đàn ông đàn bà lộn lạo, khếp vào tội phản nghịch, theo giặc Khôi ở lại trong thành.

Rồi mấy ngày sau đó, trừ 6 tên bị liệt vào hàng đầu sỏ thì sẽ điệu về triều cho nhà vua quyết định cách xử phạt, số còn lại trên một ngàn một trăm ba chục (1.130) người đều bị dẫn lên « Đòng

(1) — Về con số người bị bắt giết tập thể, gom nhóm vào một nơi gọi là Mã nguy, chúng tôi theo tài liệu của ông Vương-Hồng-Sên mà ghi là 1.137 người.

Có nhiều sách khác, chỗ thì ghi là khoảng 1.200 người, chỗ thì ghi dưới 2.000 người.

lập trận » để chịu hành quyết. Nơi đồng tập trận, người ta đã đào sẵn nhiều cái hầm thật sâu và lớn. Rồi điệu từng người ra chặt đầu, giết sạch hết, quăng xác xuống hầm vùi lấp lại.

Đồng tập trận, nơi mang dấu vết những cái hầm chôn xác tập thể ấy, bỗng trở thành một địa danh đẫm máu, được truyền tụng bằng những danh xưng : «Mả ngục», «Mả ngục Khôi» hay là «Mả biển tru».

Mả ngục nay có còn dấu vết chi chẳng ? Nơi nào là nơi đích xác những nắm mồ chôn tập thể ấy ?

Trong quyển « Saigon năm xưa » của cụ Vương-Hồng-Sên (nhà Khai-Trí xuất bản lần II, trang 147) dưới phần cước chú, có nêu lời của cụ Minh-Tại Đặng-văn-Ký, nhà cách mạng lão-thành ở Gò-vấp :

Mả ngục Khôi chỗ ngã tư (Verdun cũ) Lê-Văn-Duyệt và Phan-Thanh-Giản, khoảng bệnh viện Bình dân. Từ đường Lê-Văn-Duyệt vào Chợ-Lớn, Mả ngục nằm mé tay mặt. Cứ hỏi bà Đặng-thị-Sính, là người cổ cựu tại đó thì rõ. Bà năm nay (1969) bảy mươi ngoài tuổi, người sanh trưởng tại làng Hòa-Hưng cũ.

Riêng chúng tôi đã dò hỏi, theo các cố lão ở Gia-Định ngày nay, có vị còn sống lên tới 80, 90 tuổi kể lại :

Mả ngục ngày xưa chôn một hầm cả đôi trăm xác, không khác nào đồi Võ-tắc-Thiên đồi Đường chôn dòng họ Tiết ở «Thiết-Khuru-Phân».

Có nhiều hầm chôn tập thể rải rác ở nhiều nơi. Chúng tôi may mắn được một cố lão dẫn đến chỉ các nơi Mả ngục.

1— Trước rạp hát Đại-Đồng đường Cao-thắng ngày nay, một chỗ.

2— Trong cuộc đất vườn Bà Lớn đường Phan-Thanh-Giản.

3— Nơi vòng rào Viện Hóa Đạo Thống Nhất đường Trần-Quốc-Toản.

Đó là những nơi gọi là Mả ngục, và cũng nghe nói còn một đôi nơi ở vùng Thủ-Đức, và đường Nguyễn-Văn-Thoại, nhưng chúng tôi đến đó tìm không thấy dấu tích gì cả.

Theo sách vở và lời truyền khẩu nói qua các địa điểm mả ngục như trên không biết có đúng vậy không ?

Riêng 6 người bị khép vào hàng đầu số trong vụ án Ngục Khôi, được biết như sau

1— Con của Lê-Văn-Khôi

2— Cố đạo người Pháp tên Marchand, tục gọi Cố Du.

3— Người Hoa kiều tên Mạch-Tấn-Giai.

4— Hoàn

5— Trầm : Thuộc hạ của Kê-hôi

6— Bột

Họ đã bị xử tàn khốc hơn nữa. Tất cả 6 người ấy và cái sọ của Lê-văn-Khôi đều bị nhốt vào trong cũi điều về kinh đô để thọ hình.

Mãi đến ngày 1-10-1835, mới giải về tới Huế. Vua Minh-Mạng cho mở ngay cuộc tra khảo. Ngót một tháng hạch hỏi tra tấn đủ dần, triều đình mới tuyên án xử bá đao tất cả 6 người ấy.

Ngày hành quyết là ngày 30-11-1835. Cái cách xử bá đao, tức là xẻo từ miếng thịt tội nhân cho đến hằng trăm lần, rồi mới chịu giết chết hẳn, chắc không ai là chẳng nghe nói đến.

Lóc thịt và chặt đầu xong, đao phủ mới mở dây ra, để thầy nằm sấp dưới đất mà chặt ra làm bốn khúc. Xong gom đầu tội nhân bỏ vào thùng vôi, cho lưu khắp xứ để dân chúng xem, còn thầy thì bỏ vào giỏ mà đem liệng xuống biển.

Kết thúc cuộc loạn Nguyễn Khôi bi đát đến thế là cùng. Các chuyện có dã man chẳng ? Hỏi tức trả lời.

CÁC NGÔI CỒ MỘ

TỌA LẠC TẠI SAIGON VÀ CHỢ LỚN

Tim qua những di tích lăng mộ danh nhân của đất Gia-Định đã ghi rõ từng nơi tọa lạc của phần đất này mà chúng tôi đã trình bày.

Ngoài ra còn thấy 5 — 7 ngôi cồ mộ khác nằm rải rác quanh vùng Saigon — Chợ-Lớn không thấy sách sử nào ghi. Chúng tôi thân hành đến nơi quan sát, và xin ghi lại để giúp cho những nhà khảo cổ, học giả có dịp đến đó sưu tầm tìm hiểu các ngôi cồ mộ này của ai ?

Rất tiếc vì quá lâu đời, mộ chỉ bị tróc hết nên không còn chữ đề rõ danh tánh.

1.— Tại thành Ô-Ma cũ đường Võ-Tánh, có một ngôi cồ mộ rêu phong cỏ mọc, xây rất kiên cố, chung quanh có vách thành bao bọc, trước đầu mộ có tấm bia lâu ngày quá không còn chữ, theo lời một sĩ quan ở gần bên cho biết đó là ngôi mộ của một quan đại thần triều Nguyễn, ngài thường báo mộng cho những người ở đây thấy một cụ già râu dài, tóc bạc, đội mào mang hia, ngài rất linh hiển, ai đến ngôi mộ bỏ rác, bỏ đồ như ế bị trừng phạt ngay, nên ngôi

mộ lúc nào cũng sạch sẽ không một ai dám vi phạm.

2.— Tại đường Cô Bắc có ngôi cò mộ rất lớn, nay bị nhà cửa che lấp đứng ngoài không thấy, theo lời của một vài người cổ cựu vùng này nói lại, ngôi mộ này của một văn quan dưới triều vua Gia Long, tọa lạc tại đây, thường khi cho nhiều người trông thấy, ai có chuyện chi oan khúc đến cầu ngài được sự mạch bảo.

3.— Tại đường Lý-Thái-Tổ đầu dưới gần ga Nancy cũ, bên trong ngôi chùa Long-An có hai ngôi mộ song hờn. Trước đầu mộ có chạm 4 con Lân, đứng trên đầu cột ngó ra hai bên có 2 cái miếu nhỏ, vì quá lâu đời không rõ chức tước, theo vị trụ trì ngôi chùa... nói lại đó là mộ ông và mộ bà của một công thần đã có tại đây gần hai thế kỷ nay rồi.

4.— Trong vuông rào tòa Tỉnh-trường Chợ-Lớn cũ, có tất cả 3 4 ngôi mộ xưa, sự kiến trúc rất công phu, chạm trổ khéo léo, người quanh vùng nói các ngôi mộ này rất hiển linh, đã mấy lần chánh quyền định phá, nhưng không phá được nên nay còn tồn tại. Hằng năm đồng bào ở trong cuộc đất này đều có cúng và không ai dám vi phạm bỏ rác, ngôi mộ lúc nào cũng có người quét dọn sạch sẽ.

5.— Tại đầu đường Nguyễn-Tri-Phương cũng có ngôi mộ xưa nằm sát bên lề đường, chánh quyền thời xưa đã phá mấy lần nhưng không phủng, nay ngôi mộ vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt.

6.— Tại cuộc đất cư xá Lữ-Gia Chợ-Lớn có một ngôi mộ xưa nằm gần trường tiểu học cộng đồng, theo lời giáo sư Lý-Văn-Hùng cho chúng tôi biết : đó là ngôi mộ của ông Phạm-Văn-Tham. Tương của nhà Tây-Sơn tọa lạc tại đây.

Theo chúng tôi được biết những ngôi cò mộ này không phải là ngôi mộ thường. Nhưng quá lâu đời không còn chứng tích gì để biết rõ chức tước ở vào đời nào, mong rằng những cơ quan có thẩm quyền nên bảo vệ những di tích còn lại trên mảnh đất này, để làm sống lại công nghiệp của tiền nhân.

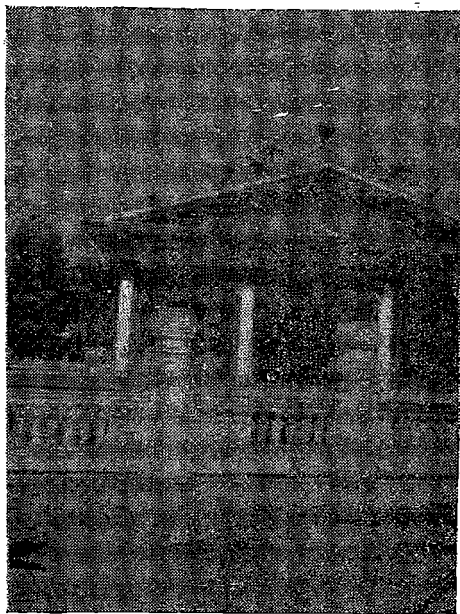
7.— Tại vườn Tao-Đàn Bờ-rô cũ có một ngôi cò mộ của vị Thống-Chế Lâm-Tam-Lan tọa lạc tại đây, rất tiếc chúng tôi không thấy sách sử nào ghi lại về tiểu sử của Ngài để cho hậu thế hiểu biết, ngày nay khách qua đường ngang qua vườn Tao-Đàn, nhìn thấy ngôi mộ nép mình dưới tàng cây cò thụ cách cổng đường vô vườn Tao-Đàn chừng 50m ở về phía mặt cạnh vuông rào hồ tắm của pháp đường Hồng-thập-tự ngày nay

NHÀ THỜ VÀ NGÔI MỘ HỌ TRƯƠNG MINH TỌA LẠC TẠI GÒ VẤP

Ai có đến vùng Gò-Vấp để tìm di tích lịch-sử, đều nghe nói đến ngôi phủ thờ xưa, tọa lạc ở quận này.

Nhà thờ họ Trương-Minh xây cất đã trên trăm năm ở Gò-Vấp. Người trong gia tộc vẫn hằng sửa sang tu bổ, nay được tồn tại đến hôm nay. Trong nhà thờ này còn giữ được nguyên vẹn trên một trăm bài vị của tiền nhân. Mỗi bài vị chạm trổ sơn son phết vàng rất cổ kính. Dầu trải qua bao mùa chinh chiến, mà ngôi nhà thờ và các bài vị vẫn tồn tại với thời gian thật đáng ngợi.

Đặc biệt, trong nhà thờ còn lưu lại mấy chậu lư hương, biển, liễn xưa của ông Thế-Tải Trương-minh-Ký, một học giả đồng thời với ông Sĩ-tải Trương-vĩnh-Ký.



*Ngôi nhà thờ Kiến họ Trương bên trong thờ nhiều linh vị xưa,
phía sau là các ngôi mồ.*

Tọa lạc tại Gò-vấp

Trong cuộc đất có hai ngôi mộ xưa nhất của cụ ông và cụ bà Trương-minh-Giảng. Ngôi mộ của ông Trương-minh-Giảng, bậc khai quốc công thần triều nhà Nguyễn, xây bằng vôi trộn hồ ô-dước theo kiểu thế kỷ 19. Giữa ngôi mộ có một núm tròn, kiểu khác hơn các ngôi mộ ở đây.

Đến ngôi mộ ông Trương-minh-Ký mất vào đầu thế kỷ 20, kiểu kiến trúc theo lối Âu tây, trên có chạm khắc bông lá hoa hòe kiểu cách giống các ngôi mộ người công giáo.

Cấp dưới là con cháu ông Thế-Tải Trương-Minh-Ký. Mỗi ngôi mộ đều có bia chạm khắc tên tuổi người quá cố theo tên thánh Joseph, Julie v.v...

Những ngôi mộ họ Trương-Minh, chứng minh kiểu mồ mả qua ba thế hệ thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 và trong thế kỷ 20 này.

Điều chúng ta nên biết thêm, dòng dõi Trương-Minh vẫn là một họ lừng lẫy tiếng tăm từ xa xưa cho đến ngày nay. Từ cụ tổ họ Trương-Minh là cụ Trương-Minh-Thành, đến cụ Trương-Minh-Giảng, dần dần xuống đến cụ Thế-Tải Trương-Minh-Ký, đều là bậc hữu-danh trong lịch sử. Nhất là cụ Trương-Minh-Ký, học giả nổi tiếng chẳng kém gì cụ Sĩ-Tải Trương-Vinh-Ký.

Thời gần đây, hai họ Trương-Minh và Trương-Vinh khét tiếng ở miền Nam nói chung, Gia-Định nói riêng.

Ngôi mộ và Đền thờ ông

PHAN-CÔNG-HỚN

Nhắc đến vị anh hùng khét tiếng ở mười tám thôn vườn trầu Hốc-Môn — Phan-Công-Hớn — đồng bào Hốc-Môn nói riêng, đồng bào Việt-Nam nói chung, hẳn đều nghe danh mà ngưỡng mộ, trọng vọng. Công nghiệp kháng Pháp cứu quốc và diệt trừ hạng cường hào ác bá của ông đã đi vào lịch sử. Chúng tôi đã trình bày rõ về tiểu sử của ông ở phần Danh-nhân.

Những bậc người mà Tô-Quốc ghi ơn như thế, cố nhiên các thế hệ sau vẫn phải nghiêng mình tưởng niệm những công trình, những di tích của người quá cố còn lưu lại hậu thế.

Ngày nay, ngôi mộ và đền thờ ông hãy còn tọa lạc trong một vùng đất rộng trên một mẫu tại Bà-Điềm.

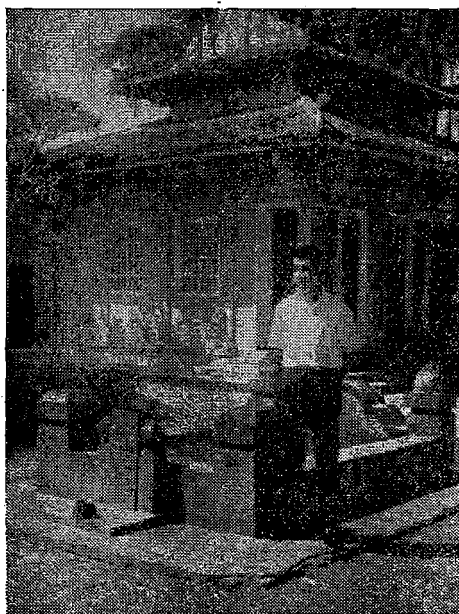
Ngôi mộ ông xây cất rất đơn giản, giữa nùm đất bằng chung quanh xây đá ông tô hồ Ô-dước, cũng như các ngôi mộ thường, nằm phía trước hông đền thờ.

Ngôi đền thờ xây bằng gạch cao ráo khang trang. Qui mô, rộng rãi, hùng vĩ.

Hàng cột mặt tiền đền thờ, bốn cột gạch mỗi cột chạm khắc một câu liễn, song song ghép thành hai đôi câu đối bằng Việt ngữ :

I— *Nhớ công đức tổ tiên gây dựng nước
Rạng cơ đồ con cháu đắp bồi sau*

II— *Vì nước hy sinh gan liệt sĩ ;
Thương nòi chiến tử nghĩa anh hùng.*



Một ngôi đền thờ khang trang, phía trước là ngôi mộ vị anh hùng Phan công Hớn, người đứng lên kháng Pháp tại 18 thôn Vườn trầu. Tọa lạc tại Bà Điềm.

Cách thờ phượng khá trang nghiêm kính cẩn. Bên trong chánh điện, bài vị thờ ông uy nghi thề thốt, nghiêm nhiên như một vị thần linh hộ quốc cứu dân. Tả ban, hữu ban cũng thiết kế các công án vọng bái, chiêm ngưỡng thành kính.

Phía sau ngôi đền còn có một gian nhà thờ một vị anh hùng áo giáp của Hốc Môn nữa là Nguyễn-Công-Hóa. Ấy là bạn đồng hành hướng của ông Phan-Công-Hớn, cùng nhau đã xả thân cứu nước, kháng Pháp đến lúc sức cơ thể kiệt.

Hằng năm, ngày giỗ ông Phan-Công-Hớn và Nguyễn-Công-Hóa âm ngày 24-25 tháng 2 âm lịch. Các vị hương chức, thân hào, ân sĩ và đồng bào Hốc-Môn nhiệt liệt hưởng ứng, tham gia cúng lễ linh đình trọng hậu. Sự tưởng niệm của đồng bào Hốc-Môn, nói lên lòng sùng bái anh hùng dân tộc muôn đời bất diệt. Khí thiêng trong nước và ngọn lửa thiêng ái quốc bừng rạng mãi.

NGÔI MỘ ÔNG TRẦN-VĂN-ĐẠO TỌA LẠC TẠI QUẬN QUẢNG-XUYÊN

Nói đến những nhân vật chống Pháp ở miền Nam có rất nhiều người dấy lên hưởng ứng phong trào Cần-Vương giúp vua Hàm-Nghị chống lại người Pháp có mặt ở xứ này, đến khi bị bắt giết, mồ chôn tọa lạc khắp nơi ít người biết đến.

Riêng về quận Quảng-Xuyên, ngày nay có ngôi mộ của ông Trần-Văn-Đạo tọa lạc tại xã Bình-khánh, khi xưa ông đã từng góp công giúp vua Hàm-Nghị để chống lại người Pháp, đến khi ông mất được đồng bào địa phương mai táng tại xã này. Nay ngôi mộ ông vẫn còn, mỗi năm trong xã có người đứng ra tảo mộ, mọi người đều ghi nhớ việc làm của ông trong quá khứ, tên tuổi ông Trần-Văn-Đạo được mọi người nhắc nhở, nhưng rất tiếc tiêu sử ông không tìm thấy trong sử sách nào cả, với tinh thần hiếu cổ chúng tôi ghi lại để đời sau tìm hiểu, người đã từng tranh đấu cho quê hương, đành ẩn nấp một nơi rừng sâu hẻo lánh ít người biết tới.

CẦU LẦU, TỊCH-ĐIỀN, ĐÀN XÃ-TẮC

Miếu Văn Thánh ngày xưa đều nằm trong vùng

Thị-Nghè (Phú Mỹ) hiện nay

Ở vùng Thị-Nghè (Phú-Mỹ), ngày xưa có xây cất một cái cầu lâu, dưới đề bộ hành qua lại, trên làm vọng canh của lính thời trước. Cầu lâu này, tọa lạc nơi địa điểm gần vùng Cầu-Sơn ngày nay.

Về tịch điền và đàn xã tắc cũng nằm trong địa điểm Thị-Nghè. Mỗi năm, vào khoảng đầu mùa mưa, ruộng có nước đều. Lúc bấy giờ Đức Tả-Quán Lê-Văn-Duyệt làm Tổng-Trấn Gia-Định thành đến làm « lễ hạ canh ». Dân chúng trong làng lập bàn hương án tiếp nghinh, hoa quả chưng bày đủ lễ. Ngài đến khấn vái rồi cầm cày hạ canh để làm gương cho nông-phu bắt đầu lo việc cày bừa. Năm nào Ngài đến, dân chúng hân hoan, mùa màng sung mãn.

Cạnh bên Sở Tịch-Điền thời ấy, có ngôi miếu thờ Thần-Nông và đàn Xã-Tắc.

Thời gian vật đổi sao dời, ruộng dâu hoá biển, con người sinh hoạt càng ngày càng đông, chen lấn cất nhà lấp mất những di tích của tiền nhân.

Lại nữa, theo sự tra cứu của chúng tôi, khoảng năm Minh-Mạng thứ 5 (1824), có đất miếu Văn-Thánh ở vùng gần rạch Thị-Nghè đổ ra sông Saigon, thuộc thôn Phú-Mỹ. Nhưng cảnh vật đổi thay, miếu Văn-Thánh ấy cũng theo vết thời gian sụp đổ.

Trong phần chú thích « Gia-Định vịnh », có ghi rõ những di tích trên. Trong quyển « Saigon năm xưa » của cụ Vương-Hồng-Sên biên soạn gần đây, cũng có ghi như thế. Mà nay, bao di tích kia đã không còn gì nữa.

ĐÌNH TÂN-KIỀNG

Đình Tân-Kiềng ở vùng Chợ-Quán ngày nay, cũng là một di tích lịch sử có từ thuở xa xưa. Chỗ đình Tân-Kiềng, ngày trước vốn có một khu chợ búa trù mật, mang tên là chợ Tân-Cảnh. Chữ « Cảnh » vì kiềng tên húy của Đông-Cung Hoàng-tử Nguyễn-Phúc-Cảnh (con vua Gia-Long Nguyễn-Phúc-Ánh) nên đọc trại ra là « Kiềng ».

Nơi đây, từng có lúc có cộp vào chợ làm náo động cả vùng. Chuyện hai nhà sư Hồng-Ân và Trí-Năng giỏi võ nghệ đánh cộp tại

ợ Tân-Kiềng, chúng tôi đã kể rõ. Nay xin kể thêm một chuyện tác có liên-quan đến vùng chợ Tân-Kiềng và đình Tân Kiềng.

Khoảng tháng 3 năm Đinh-Dậu 1777, Tây-Sơn xua quân vào chiếm Gia-Định. Vị Tham-Tán Nguyễn-Tĩnh chạy vào vùng Tân-kiềng ẩn thân, bị Tây-Sơn bắt được giết chết. Cái chết của vị Tham án này gây nhiều xúc động cho nhân dân trong vùng, và ngôi đình Tân-Kiềng được thành lập, chính là để thờ Tham Tán Nguyễn-Tĩnh và nghiêm nhiên trở nên vị Thành-hoàng ở Tân-Kiềng vậy.

Nguyên xưa kia ở Bắc hà tình thế cực kỳ rối loạn. Vua Lê chúa Trịnh ghìm nhau, lại thêm nhà Tây-Sơn dấy khởi, khiến đời sống của dân chúng quá điêu đứng.

Chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần không chống nổi với Tây-Sơn, đã phải bỏ chạy vào Gia-Định.

Chúa Trịnh-Vương Trịnh-Sâm sai Tiết-chế Bộ-binh là Tôn-Thất-hí và Tham-tán Quân-vụ là Nguyễn-Tĩnh đem binh chống cự với Tây-Sơn.

Tham-Tán Nguyễn-Tĩnh vốn người ở huyện Phù-Ly, trấn Qui-hơn, con của cụ Nguyễn-Siêu-Quần. Bản tâm của Nguyễn-Tĩnh hông muốn theo phò chúa Trịnh nữa, lòng hướng về chúa Nguyễn ang bên tàu về Nam. Ông phải miễn cưỡng vâng lệnh chúa Trịnh-âm mà đem quân đi đánh, lòng đã hoang mang nên dễ thất binh cơ, bị trận sa vào tay địch.

Chủ tướng Tây-Sơn Nguyễn-Huệ khuyên dỗ ông hãy qui thuận, ông khảng khái từ khước. Nguyễn-Huệ gắt hỏi :

— Ngươi xem chúa Trịnh trọng hơn ta sao ?

Nguyễn-Tĩnh ung-dung đáp

— Tôi đã toan bỏ chúa Trịnh mà đi, há có trọng vọng chỉ họ Trịnh ?

Nguyễn-Huệ hỏi gần

— Còn đối với ta thì sao ? Thôi, hãy về giúp ta, ta sẽ trọng vọng đúng với tài đức của ngươi.

Nguyễn-Tĩnh lắc đầu :

— Nhưng tôi đã trót đem thân thờ chúa Nguyễn, hẳn là cùng với Minh-công không có duyên tao phùng. Nay đã sa cơ, xin tùy Minh-công phát lạc tha hay giết.

Nguyễn-Huệ ngậm nghĩ giây lâu, thở dài :

— Ta không muốn giết một kẻ sĩ mà mang tiếng. Nhưng từ đây về sau, người liệu mà tránh mặt ta. Hễ chống đối ta, bắt được lần nữa thì đừng van xin vô ích.

Rồi truyền lệnh tha cho đi. Nguyễn-Tĩnh bái biệt lui ra, về nhà đất mẹ lặn lội vào Gia-Định, yết kiến chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần, tham gia mưu nghị.

Nhưng binh lực của chúa Nguyễn quá yếu. Năm Đinh Dậu 1777 tháng 3, Tây-Sơn vào Gia-Định. Binh chúa Nguyễn vỡ chạy. Tham tán Nguyễn-Tĩnh thế cùng phải ẩn náu trốn lánh nơi vùng Tân-Kiềng.

Binh Tây-Sơn lục soát khắp vùng, tìm gặp ông, bắt giải vào cho chủ tướng phát lạc.

Nhìn ra ông, Nguyễn-Huệ nghiêm mặt :

— Trước kia, nơi Phú-Xuân thất hãm, ta bắt được người, người nói rằng muốn tìm chúa cũ của mình để mà khôi phục nghiệp xưa. Ta thấy người có lòng trung không nỡ giết mà tha cho. Hiện nay thế lực chúa tôi người đã khốn cùng, mạng trời đã định trao giềng nước về cho ta, một người hào kiệt như người đáng nên suy nghĩ lại.

Nguyễn-Tĩnh ngậm ngùi :

— Tôi đành một chết mà thôi.

Nguyễn-Huệ liệu không phủ dụ được, truyền đem xử chém.

Về sau, vua Gia-Long phục quốc, cảm lòng Nguyễn-Tĩnh trung-kiên chịu chết nơi Tân-Kiềng, nên sắc phong cho ông làm Thành-hoàng nơi đình ấy.

Rồi mấy mươi năm sau, dân chúng Gia-Định cảm mến oai đức cụ Tả-quân Lê-văn-Duyệt và em của cụ là Phó-tướng Lê-văn-Phong, nên một mặt lập đền thờ cụ Lê Tả-quân, một mặt rước bài vị của Phó-tướng Lê-văn-Phong về thờ nơi đình Tân-Kiềng.

Thế là ngôi đình Tân-Kiềng thờ hai vị thành hoàng : Tham-tán Nguyễn-Tĩnh và Phó-tướng Lê-văn-Phong.

Lại nữa, bên cạnh đình có cất thêm một cái miếu thờ bà thứ phi Phi-Yến tức bà vợ thứ hai của Nguyễn-Vương. Hai bên có tượng hai đứa trẻ tức là hai vị Hoàng-tử con của Thứ-phi.

Đình Tân-Kiềng, một trong những ngôi đình cổ của đất Gia-Định ngày xưa, đáng liệt vào hàng cổ tích.

Hằng năm, đình này có hai lễ cúng vào ngày... tháng... rất linh đình,

CHỢ ĐIỀU-KHIỂN

Gần chùa Kim-Chương tức Kim-Chung-tự xưa kia, còn có một ôi chợ rất tấp nập, ấy là chợ Điều-Khiển.

Chợ này tọa lạc ở khoảng góc đường Võ-Tánh và Cống-Quỳnh nay. Sở dĩ gọi là chợ Điều-Khiển, vì lúc ấy có vị võ tướng là Nguyễn là Nguyễn-Cửu-Đàm lãnh chức Điều-khiển, coi sóc ộc trị an của dân chúng trong vùng. Bản dinh của ông Điều-khiển Nguyễn-Cửu-Đàm đóng tại đấy. Dân chúng được nhờ ơn ông mà n buôn yên tịnh, dần dần thịnh vượng nhà nhà no ấm. Chính ông iều-khiển Nguyễn-Cửu-Đàm đã đứng ra lập ngôi chợ khang trang o dân chúng có nơi tập hợp sinh-hoạt thương mại. Do đó, mọi ười hội ý gọi tên chợ là Chợ Điều-Khiển, để tỏ lòng tưởng niệm ng đức ông Nguyễn-Cửu-Đàm, mà cũng để tỏ lòng ngưỡng mộ các tướng Điều-khiển kế tiếp đã đóng bản dinh trong khu vực bao ianh chợ, giữ cuộc trị an tốt đẹp.

Về sau, khi quân Pháp xâm chiếm miền Nam, người Pháp sửa ng đường sá lại, xây cất thêm nhà cửa ở khoảng chợ Điều- iển. Các phố xá, hăng buôn của họ thiết lập ngày một nhiều. Điền nh là hăng : Blancsubé được mở ra ngay góc đường Frères Louis , Arras (nay là góc đường Võ-Tánh — Cống-Quỳnh) ; cho nên chợ iều-khiển dần dần không còn ai nhắc tới nữa, mà lại lấy tên hăng ancsubé mà gọi là chợ « Lãng-xi-Bեն ». Rồi sau đổi ra thành chợ Thái-Bình » (có lẽ do hai chữ Xi-Bեն trong danh từ Lãng-xi-bեն, c Blancsubé mà ra).

Điều nên biết thêm, chợ Điều-khiển khi xưa còn có tên là chợ Cây Da trắng mọi », vì nơi ấy có một gốc da, và dân chúng có iy bán một thứ đèn dầu phộng bằng đất sét nung, giống người ọi đen đội trên đầu một cái đèn con.

CHÙA CÂY MAI — ĐỒN CÂY MAI

Khi xưa ở vùng này có cái cầu cây nhỏ bắc ngang con rạch Ông ồng, người địa phương gọi là cầu Ông Tiều, vì nơi đây có một ít ười « Triều-Châu » ở làm rầy quanh năm.

Bên trên là một gò đất cao, là địa điểm chùa Cây-Mai, mang tên « Thiếu-Lãnh-Tự », ngôi chùa T. L. T. được xây cất nơi nền chùa

cũ của người Miên, chung quanh có đào hào sâu rộng.

Ngày xưa, hằng năm người Miên có tổ chức cuộc đua ghe làm lễ đưa nước và rước nước của dân tộc này, nay ở Nam-Vang họ còn duy trì tập tục.

Dưới đời vua Minh-Mạng, chùa được trùng tu lại khang trang hơn, lúc bấy giờ ông Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-Tri-Phương có lập tại đây một nhà thủy tạ, trên có gác cao, là nơi các cụ ngâm thơ, đọc sách, thưởng trăng.

Nơi đây lại có một cò thụ Bạch-mai, mỗi độ xuân về vào khoảng tháng giêng thì Bạch mai nở rộ, đồng bào quanh vùng nô nức đến thưởng mai. Có bài thi nói về Bạch mai của ông Tôn-Thọ-Tường, tóm lược như sau :

*Đau đón cho mai cách dưới đèn
Mười phần trong sạch dạ cheo leo
Sương in tuyết đóng cành thưa thớt
Xuân đến thu về sỏi quanh hiu
Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế
Tò le kèn lạ mặt trời chiều
Những tay rêu thánh thi thần cũ
Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu.*

Bài thơ này nói lên khi quân Pháp mang quân sang chiếm nước ta, chọn đầu địa điểm cây mai ở Phú-Lâm, xây đồn cất trại để phòng thủ sự phản công của dân quân ta, hàng ngày chúng điếm binh thời kèn gọi lính, chào cờ với tiếng kèn tò le, thay thế cho tiếng chuông chùa ngân nga, Bạch-mai trở trời một mình không người lui tới, cảnh cũ người xưa đã nhường cho chế độ tân trào.

Và nơi đây khi xưa đã từng có những cuộc giao tranh giữa dân quân ta và Pháp, qua những trận thư hùng máu đổ thịt rơi. Hồn tử sĩ còn uất hận, nên về đêm hồn ma bóng quế hiện lộng quấy phá trong đồn quân Pháp không làm gì được. Sau này nhờ tên Đội-trưởng người Việt đến chùa Giác-Viên thỉnh vị giáo thọ trụ trì và 3 nhà sư khác đến lập đàn làm chay và tụng kinh vãng sanh, các vong hồn tử sĩ được siêu thoát, không còn khuấy phá nữa.

Kể từ ngày tụng kinh cầu siêu, về đêm trong đồn được bình yên không còn ma quỷ lộng hành nữa, viên quan ba đồn Cây-Mai mới xin với Thống Đốc Pháp phong cho 3 nhà sư này lên chức Hòa

rong. Người ta gọi là «Hòa-Thượng Tây-Phong».

Chúng tôi xin ghi lại di tích của đờn Cây-Mai trải qua lắm giai
n lịch sử diễn biến trên mảnh đất Gia-Định xưa đầy thú vị.

THỦ-THIỆM VỚI TÍCH BẾN NGỰ

Địa danh Thủ-Thiệm trong tỉnh Gia-Định đã từng được mọi
ời nhắc nhở, vì những câu hát tiếng hò :

« Bắp non mà nướng lửa lò

« Đố ai ve được con đò Thủ-Thiệm.

hoặc : « Ngày đi trăm hoa hẹn hò

« Ngày về vắng bóng con đò Thủ-Thiệm.

Thủ-Thiệm sao mà có vẻ duyên dáng gợi nhớ thương, gợi bâng
iáng nơi lòng người như thế ? Vì nơi đây có lắm cảnh trí hữu
h, dễ làm say đắm lòng người.

Thủ-Thiệm là một bến đò đưa khách từ xã An-Khánh thuộc
ân Thủ-Đức qua sông Saigon tại cuối đường Tự-Do. Cạnh bến
có một ngôi chợ, gọi là chợ Thủ-Thiệm.

Theo truyền thuyết : xưa kia, nơi này gọi là Bến Ngự, vì chúa
uyễn-Phúc-Ánh lúc tâu quốc, vào Gia-Định, thường hay ngự du
đấy. Nơi đấy, có cất một nhà tắm của chúa Nguyễn trên bè gọi
«Thủy-các và Lương-Tạ». Cảnh xưa trầm lặng mà thơ mộng,
h nay huyền ảo mà chán chường.

Bến Thủ-Thiệm, chợ Thủ-Thiệm nay hãy còn. Nhưng con đò
ủ-Thiệm với cô lái đò Thủ-Thiệm, ngày nay đã nhường bước cho
éc phà máy tung tăng trên dòng nước bạc.

CẦU BÔNG

Cầu Bông xưa kia mang tên là cầu Cao-Miên, nối liền Saigon
Bà-Chiêu.

Theo «Gia-Định thông chí» của Trịnh-hoài-Đức : cầu Cao-Miên
h Tây-Bắc trấn Phiên-An một dặm rưỡi.

Tục truyền gần nơi này xưa kia cụ Tả-quân Lê-văn-Duyệt, có lập
on hoa rất ngoạn mục, nên người ta gọi cây cầu Cao-Miên ở gần
với danh hiệu hoa mỹ hơn là «Cầu hoa». Theo cụ Trương-vĩnh-
viết trong «Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs» : Cầu
ng xưa kia chính là tên Cầu Hoa. Rồi vì kiêng húy tên của bà

Hoàng-Hậu của vua Minh-Mạng mẹ vua Thiệu Trị, là Hồ-thị-Hoa, nên tiếng Hoa phải đọc trại ra Huệ hay Bông.

CẦU SƠN

Cầu này bắt ngay rạch cùng một tên, thuộc địa phận làng Thạnh Mỹ Tây bây giờ. Từ Thị-Nghè đến cầu này chừng 1 cây số, và từ đây đến trại chăn nuôi của các thầy Dòng Taberd chừng 2 cây số nữa.

Theo Trịnh-Hoài-Đức, cầu này có tên là Tất-Kiều, ở phía Bắc Trấn 7 dặm, vì sông nơi đây có nhiều cây tốt (cây sơn) nên gọi tên ấy. Khi Nguyễn-Trấn (Đô-úy của Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc) cứ thủ Gia Định lo sợ những trung-thần nghĩa-sĩ của Nguyễn-Ánh không thiếu chi người khởi binh, nếu ở giữa chỗ đất bằng muốn liên-lạc nhau mà không có thành-trì ngăn cản, thì khó phòng bị khi có biến-cổ xảy ra, nên định lấy địa-phương Tất-kiều, trên có đọt khởi nòng cao, giữa trải ra gò bằng, dưới giáp rạch nhỏ ruộng cạn, xuyên suốt từng bức từng vạt, rộng rải chu-vi ước hơn 4 dặm, 4 mặt có sông ngăn trở, có thể đóng binh ở đây.

Năm Canh-tí (1780) Nguyễn-Trấn dựng dinh trên đầu nòng cao, nơi gò bằng thì lập chợ phố, đuổi bọn thương-nhơn Saigon đến ở đó. Chỗ đất này ẩm thấp nước mặn, nên dân đến ở bị nhiều sự bất tiện; chỉ vì oai-lực hiếp-chế, nên miễn cưỡng làm theo. Vậy nên kinh dinh mấy năm mà không thành thôn ấp. Vừa tháng 5 năm ấy, Nguyễn-văn-Huệ đánh dẹp Bắc-Hà khi trở về lại kiêu-ngạo càng lắm.

Tháng giêng năm Đinh-vị (1787) nhưn ngày tế cờ khai binh đầu năm, Nguyễn-văn-Huệ vây đánh anh là Văn-Nhạc ở Qui-Nhơn, Văn-Nhạc đóng chặt cửa thành cố-thủ, và cáo-cấp cho Nguyễn-Trấn, Trấn đề Tham-đốc Trần-Tú ở giữ Gia-Định. Tháng 4, Trấn tự đem thủy binh về cứu viện thành Qui-Nhơn, đi mới đến Tiên-Chữ địa đầu tỉnh Phú-Yên bị binh Nguyễn-Huệ đón đánh bắt được. Nguyễn-Trấn bị bại, nên phố ở Tất-kiều phải bỏ, duy có Trần-Tú nhọc nhằn chống chọi với Võ-Quốc-Công (Võ-Tánh) ở Định-Tường, Nguyễn-Văn-Tuyết ở Biên-Hòa, Nguyễn-Văn-Nghĩa ở Hiệp-Lâm. Các nơi đây đều đầy nghĩa binh, do đó binh thế của Tây-Sơn mỗi ngày càng thêm suy nhược.

Trích V.H Nguyệt-san số 45-10-59
G.Đ Hương-Giang

GÒ-VẤP

Gò-Vấp là tên một quận của tỉnh Gia-định. Gọi là Gò-Vấp có ý nghĩa gì chăng ? Chúng tôi đã dụng công tra tìm trong sử sách và hỏi thăm các vị bô lão, nhưng vẫn chẳng tìm hiểu được gì đích xác.

Tuy nhiên, theo truyền thuyết cũng có thể tin được, địa danh mang tên Gò-Vấp, vì lúc trước nơi ấy là một ngọn đồi trồng cây vấp. (theo tiếng Chăm gọi là Krai, tiếng Việt là Vấp hay Lùn). Thứ cây vấp là thứ cây mà dân Chăm coi như thần mộc, yểm hộ cho dân tộc Chăm.

THỦ-ĐỨC

Ai chẳng một lần nghe nói đến nem Thủ-Đức ? Người ta nhắc đến các địa danh Thủ-Đức, Xuân-Trường như là một nơi danh thắng để giải nhàn tài tử, tao nhân mặc khách đến đây thưởng thức phong quang. Nhất là gần đây mấy tiếng quân trường Thủ-Đức, càng khiến mọi người quen tên biết tiếng một địa danh có vẻ tốt đẹp, một quận có tiếng của tỉnh Gia-Định.

Theo lời truyền khẩu của các vị bô lão ở địa phương : Khi xưa, có vị thủ đồn đầu tiên ở nơi này tên là Đức. Đến sau, ông Tạ-Trương-Minh đứng ra qui dân lập chợ buôn bán, nhớ đến công vị thủ đồn tên Đức, nên lấy tên và chức tước của ông ấy mà đặt cho chợ, gọi là chợ Thủ-Đức nay đã thành danh.

BÀ CHIỀU

Là địa danh chỉ Tỉnh lỵ Gia-Định. Có người cho rằng Bà-Chiều là một trong 5 Bà vợ của vị Lãnh binh đã xây cái cầu Ông Lãnh. Theo phương pháp Kinh-Tế tự túc mà những vị đa thê thời xưa thường áp dụng, vị Lãnh binh này đã lập 5 cái chợ, giao cho mỗi bà cai quản một cái :

Bà-Hạt (Sài-Gòn), Bà-Queo (thuộc Quận Tân-Bình), Bà-Chiều (Gia-Định), Bà-Hom (Bình-Chánh), và Bà-Điêm (thuộc Quận Hố-Côn). Trong số 5 bà, ngoài Bà-Chiều còn 3 bà để làm địa danh cho địa điểm nữa trong Tỉnh Gia-Định : Bà-Queo, Bà-Điêm và Bà-Lom.

CON RẠCH VOI ĐI VÀ LẮNG VOI

Thuở xưa tại vùng hàng keo, vô bên trong xóm trước mặt chùa Huệ-Nghiêm ngày nay, có con rạch nhỏ quanh co chạy vòng ra phía rạch cầu Bông. Nay nhà cửa dân chúng cất nhà choán gần hết khu vực, con rạch này đã cạn nhỏ. Và tại đây hiện còn lại 3 — 4 cái bầu khá rộng lớn trước mặt chùa. Đó là dấu vết voi của nhà vua đi theo đường đất quanh co, lâu ngày thũng xuống thành rạch. Mấy cái bầu còn đó, là một minh chứng.

Ngày nay, các bộ lão người địa phương kể lại, địa điểm này là chỗ voi đi và tắm hằng bữa. Thời gian đã xóa mờ bao dấu vết xa xưa.

Chúng tôi đến tận nơi quan sát và ghi lại những sự kiện di tích con rạch voi đi và Lắng voi, hầu cống hiến bạn đọc có tinh thần tồn cổ, để nhớ lại những cái gì còn sót trên mảnh đất Gia-Định này. Trải qua bao cuộc bể dâu, lòng người lạnh nhạt, đâu còn nghĩ gì đến chuyện xưa tích cũ.

NHỮNG NÉT LỊCH SỬ

PHÒNG-TUYỂN CHÍ-HÒA

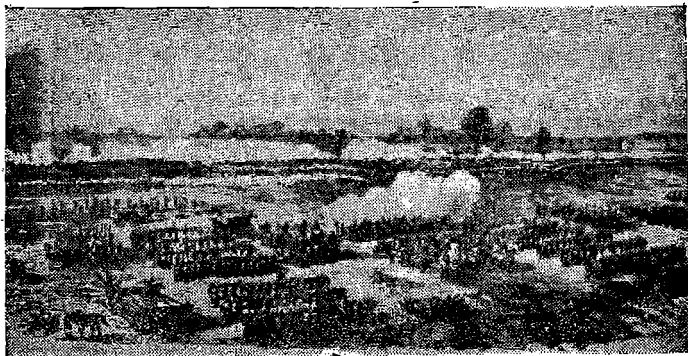
Bãi chiến trường cơn Pháp Việt giao binh

Trận chiến ác liệt và quyết định sự mất còn của Gia-định

Nhắc đến những nét di tích lịch sử khi liên quân Pháp — Ý (1) mang quân sang đánh nước ta, chúng đã chiếm thành Gia-Định từ trung tuần tháng giêng năm Kỷ-Mùi (Février 1859), nhưng quân đội ta vẫn còn giữ vững phòng tuyến Chí-Hòa để kháng chiến. Mãi đến khi quân giặc tấn công đại đồn Chí-Hòa, chọc thủng phòng tuyến, chừng ấy Gia-Định mới thực sự mất vào tay giặc.

Chúng tôi xin quay lại khúc phim quân xâm lăng hạ thành Gia-Định và đánh dứt điểm chiến tuyến Chí-Hòa để hoàn toàn làm chủ tình hình.

(1) — Y-Pha-Nho, hoặc Tây-Ban-Nha, tức nước Espagne.



Quân Pháp dàn quân tiến chiếm thành Chi Hòa

HẠ THÀNH GIA-ĐỊNH

Ngày 11-2-1859 Đề-đốc Rigault de Genouilly chỉ huy đoàn chiến am gồm có : hai hộ tống hạm Phlégéton và Primauguet, một thông áo hạm El. Cano, 3 pháo hạm, 3 quân vận hạm chở 2.176 thủy quân lục chiến ồ ạt tấn công cửa Cần-Giờ, đề vào nội địa Gia-Định.

Quân giặc pháo kích nặng nề hệ thống phòng thủ của ta tại cửa Cần-Giờ. Chúng thắng trận nhưng không đồ bộ, chỉ phá cản đề vượt sông Lòng-tảo mà thẳng đường vào Nam.

Ngày 15-2-1859, chúng kéo binh vào đến nhà Bè, áp đảo được quân ta. Rồi hôm sau, chúng tiến vào Tân-Thuận-Đông, chia hai mặt tấn công hai tiền đồn của ta. Đồn Nam ở phía bên này cầu Tân-Thuận. Đồn Bắc ở bên kia Thủ-Thiên, xã An-Khánh. Chỉ trong vài giờ bắn phá, chúng đoạt được xã An-Khánh. Chỉ trong vài giờ tấn công chúng đoạt được mục tiêu. Rồi đó Đề-đốc Rigault de Genouilly cử Trung-tá Hải-quân Jauréguiberry, Thiếu-tá công binh Dupré Dèroulède và Đại-uy Pháo binh Lacour đi thám sát tình hình thành Gia-Định.

Đến sáng sớm ngày 17-2-1859, quân giặc phát động cuộc hạ thành Gia-Định.

Dưới quyền chỉ huy của Thiếu-tá thủy quân lục chiến Martinier Pallières xua 2 đại đội đồ bộ vào thành, sau khi Đề-đốc R. de Genouilly đã ra lệnh pháo kích dữ dội mở đường trước. Đồng thời

cánh quân trừ bị của Đại-tá Lanzarotte và một cánh quân khác của Thiếu-tá Breschin cũng ồ ạt đồ quân tấn công các mặt thành.

Hộ-Đốc thành Gia-Định là Võ-Duy-Ninh không chống nổi, bỏ thành chạy.

Đến 13 giờ, quân giặc chiếm được thành, tịch thu của ta 200 khẩu đại bác, 58.000 kí lô thuốc súng trường và nhiều giáo mác, 130.000 quan tiền và vô số thực phẩm.

Gia-định thành thất thủ. Hộ-đốc Võ-Duy-Ninh chạy đến thôn Phước-Lý, huyện Phước-Lộc, bên kia Cát-Lái, cách Saigon 20 cây số thất cô tử tiết. Án sát Lê-Từ cũng tự vận chết theo . . . Bổ-Chánh Võ-Thực lãnh binh Tôn-Thất-Năng chạy về huyện Bình-Long. Tôn-Thất-Hiệp rút về Biên-Hòa, một số tàn quân thì rút về cố thủ đồn Cây-Mai và đồn Kiềng-Phước (Chợ-Lớn).

Đến ngày 8-3-1859, Đề-đốc R. de Genouilly ra tay phá hủy thành Gia-Định, bằng cách đặt chất nổ, sau khi đã cho lính di tản quân sĩ đến đóng tại một đồn ở bờ sông (ở khoảng Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân bây giờ).

Tiếng mìn nổ vang ầm, làm rung động cả một góc trời. Nhiều tảng đá và mảnh vụn văng tứ phía. Lửa bốc cháy cao ngùn ngụt đến cả tháng mới tắt.

Về phía quân ta, thỉnh thoảng các vị tướng lãnh cũng chia quân đánh du kích, há dể diềm nhiên ngồi nhìn quân xâm lăng chiếm đóng cho đành.

Đêm 3 rạng 4-7-1860, tướng Tôn-Thất-Hiệp chỉ huy một toán quân độ 3.000 người tấn công quân địch nơi đồn Kiềng-Phước. Trận đánh đẫm máu. Quân Pháp hốt hoảng dùng đại bác bắn trực xạ. Tướng Tôn-Thất-Hiệp chẳng may bị trúng một viên đạn đại bác, chết nát thây, đền nợ nước một cách anh dũng.

Được liên tiếp nhiều tin cấp báo tình hình nguy ngập ở trong Nam, triều đình họp nghị, cử người vào Nam giải cứu. Vua Tự-Đức chấp thuận đề cử Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiền lãnh sứ mạng cứu nguy Gia-Định.

Nguyễn-Tri-Phương đảm nhận chức Gia-Định Quân-thứ Thống-đốc Quân-vụ, cùng với Tham-Tán Phạm-Thế-Hiền lên đường vào đến Gia-Định trong khoảng tháng 7 năm 1860.

Từ đây, một mặt trận khác mở màn.

PHÒNG TUYẾN CHÍ-HÒA

Trận đánh lịch sử quyết định vận-mạng Gia-định

Thống-đốc Quân-vụ Nguyễn-Tri-Phương có mặt tại Gia-Định trong cơn nghiêng ngửa. Một cuộc so tài đo sức giữa hai đối thủ, giữa người yêu nước và kẻ xâm lăng, Nguyễn-Tri-Phương — Rigault de Genouilly — bắt đầu. Đôi bên dàn trận.

Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiền lo chỉnh đốn lại hàng ngũ, bổ sung quân số. Rồi lo củng cố Đại đồn Chí-Hòa thành một chiến lũy kiên cố, thiết lập các công sự làm vòng đai bao vây địch dần dần.

Phòng tuyến Chí-Hòa dài 3 cây số, rộng 1 cây số, chia làm 5 điểm tựa đề yểm trợ cho nhau. Nhiều tiền đồn bao bọc bên ngoài. Tâm điểm phòng tuyến Chí-Hòa ở gần khoảng ngã ba Bắc-Hải — Lê-văn-Duyệt bây giờ.

Người được Nguyễn-Tri-Phương tin nhiệm giao cho trọng trách trấn giữ đại đồn Chí-Hòa là viên dũng tướng Trương-Định. Sự nhận xét của Nguyễn Tri Phương quả đã không lầm. Trương-Định luôn luôn chống cự với quân xâm lăng rất hào hùng, với tấm lòng nhiệt thành yêu nước.

Quân ta ráo riết canh phòng, tỉnh thoảng tia dần quân địch. Ngày 15-10-1860, quân ta bắn trọng thương Đại-úy Hải-Quân Harmand khi gã này đi tuần thám bằng xuồng ở sông Thị-Nghè. Cũng trong khoảng tháng 10, quân ta phóng lao giết chết Đại-úy Thủy-quân lục chiến Barbé lúc gã cỡi ngựa đi tuần ở khu chùa Khải-Tường, bị lọt vào ổ phục kích của ta.

Tình hình quân địch có vẻ nguy khốn, vì sự bao vây và thắt chặt vòng đai của quân ta. Đại-tá Hải-quân D'Ariès, chỉ huy đoàn quân xâm lăng tại Gia-định, ngồi đứng không an. Vì đại binh của chúng đang bị cầm chân ở mặt trận Hoàng-hải bên Trung-Quốc, khó mong cứu viện cho chúng kịp thời.

Giá mà khi ấy quân ta đại cử tấn công, ắt cuộc diện đã xoay chuyển khác rồi. Nhưng Thống-đốc Quân-vụ Nguyễn-Tri-Phương vẫn cứ lo phòng thủ hơn là chuẩn bị kế sách tấn công.

Thời gian đôi bên cầm cự kéo dài.

Thế rồi khi mặt trận Hoàng-Hải kết thúc, chiến cuộc giữa Pháp

và Trung-Hoa chấm dứt bằng Hiệp ước Bắc-Kinh ký kết vào ngày 25-10-1860, thì quân viễn chinh Pháp lại xoay mũi dùi trở lại tấn công nước ta.

Sau khi ký xong hiệp ước Bắc-kinh, người chỉ huy mặt trận Hoàng-Hải là Đề-đốc Charner được cử giữ chức Tổng-Tư-lệnh quân đội Pháp. Lãnh sự mạng đi giải cứu cho đám quân của Đại-tá D'Ariès đang bị vây khốn tại Gia-Định.

Ngày 7-2-1861, đoàn quân viễn chinh Pháp kéo đến Saigon, do Đề-đốc Tổng-tư-lệnh Charner và Phó-đề-đốc Page chỉ huy lực lượng của chúng gồm có :

Hai hộ tống hạm L'Impératrice Eugénie, Renommer. Bốn hộ tống hạm hạng nhẹ, 16 thông báo hạm, 17 quân vận hạm, 1 tàu bệnh viện và một số thuyền buồm và thuyền nhỏ, quân số khoảng 3.000 người.

Quân Pháp đã có binh tiếp viện, tăng cường, tinh thể đã bắt lợi cho ta thấy rõ. Nguy cơ đang chờ chực sẵn rồi !

Ngay khi đến Saigon, Đề-đốc Charner cho người đi thám sát phòng tuyến Chí-Hòa. Suốt 20 ngày, án binh bất động. Người lãnh sự mạng đi thám sát tình hình quân ta lần chót là Đại-tá Crouzat, Nghe các phúc trình xong, Đề-Đốc Charner hội họp bộ Tham-mưu thảo kế hoạch tấn công.

Đến 4 giờ 30 sáng ngày 24 tháng 2 năm 1861, cuộc chiến bùng nổ. Các dàn đại bác của quân giặc đặt ở chùa Khải-Tường, Kiềng-Phước và dưới các chiếm hạm đồng loạt pháo kích vào đồn lũy Chí-Hòa. Quân ta liền phản pháo, nhưng vô hiệu quả !

Đến 5 giờ, quân giặc từ tuyến xuất phát ở đồn Cây-Mại (Chợ-lớn) ồ ạt xông lên. Đề-đốc Charner và Thiếu-tướng De Vassoigne có một toán quân Phi-châu hộ vệ, dẫn đầu. Từ bốn phía, các đoàn quân Pháp Tây-Ban-Nha tràn tới. Bộ binh của giặc chia làm hai cánh xung phong. Cánh tả do Trung-tá Hải-quân Desvaux chỉ huy ; cánh hữu do Thiếu tá công binh Allizé de Matignicourt điều động.

Từng loạt đạn lớn nhỏ thi nhau nổ rền. Xác người ngã gục từng lớp lớp. Tội ác của quân xâm lăng chồng chất.

Tuy hỏa lực quân ta yếu kém, nhưng tinh thần chiến đấu và lòng yêu nước có thừa. Tất cả đều uất nghẹn căm hờn, chống trả quyết liệt, dù trong tình thế nguy nan tuyệt vọng. Sự dũng cảm của quân

ta làm khiếp đảm quân giặc chẳng ít. Nơi đại đồn Chí-Hòa, Trương-Định vào sanh ra tử, không một chút nao núng sờn lòng.

Sôi máu hận thù, quân ta liều mình đuổi giặc. Thế nên, kết quả vẫn được an ủi phần nào. Quân ta bắn trọng thương hai sĩ quan Tây-ban-nha là Thiếu-tướng De Vassoigne và Đại-tá Palanca Gutierrez.

Đến 9 giờ (ngày 24-2-1861), đồn bị quân giặc chiếm đóng. Trận chiến vẫn còn sôi động từ chập.

Đánh nhau từ suốt sáng sớm cho đến 6 giờ chiều, quân giặc tiến chiếm dần từ tắc đất, chỉ còn cách xa chiến lũy Chí-Hòa 2 cây số về phía Tây. Rồi chúng đóng quân đêm tại đây, chuẩn bị tiếp tục tấn công vào ngày hôm sau.

Về đêm, đôi bên chỉ lo thủ thế. canh phòng dinh trại. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vẫn có từng hồi báo động, vẫn có những tiếng súng dọa dẫm, dọa nạt bắn vang dội từng cơn.

Đến 5 giờ sáng hôm sau, trận chiến lại tiếp tục. Quân giặc vẫn ở thế thượng phong, xua quân đánh phá táo tợn. Các đạo quân giặc do Đại-tá Lapelin. Trung-tá Desvaux, Trung-tá Crouzat, xua quân tràn tới.

Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiền vẫn dũng cảm chỉ huy quân sĩ chống trả. Lần hồi các điểm tựa bị quân giặc phá vỡ. Quân ta, một số lớn bị tàn sát, một số khác rút lui.

Tổng-đốc Quân-vụ Nguyễn-Tri-Phương bị thương ở cánh tay. Em của của cụ là Nguyễn-Duy bị thương. Số thương vong của quân ta kể có hằng ngàn. Hơn 1000 người hy sinh đền nợ nước, để xác tại chỗ, và một số lớn bị thương được mang đi.

Về phía Pháp, tổn thất cũng đáng kể : Trung-tá Testard tử trận, 12 quân sĩ chết và 225 bị thương.

Trong suốt thời gian quân giặc công hãm phòng tuyến Chí-Hòa Hải-đội do Phó Đề-Đốc Page chỉ huy, lãnh lĩnh pháo kích liên tục, tiêu hủy các đồn lũy của ta dọc hai bên thượng lưu sông Đồng-Nai Chí-Hòa thất thủ ! Vận mạng Gia-Định thế là đã nguy rồi, khó mong lấy lại được nữa.

Quân giặc trên đà thắng thế, tiếp tục hành quân truy sát quân dân ta. Ngày 28-2-1861, chúng tiếp đánh căn cứ tiếp vận Thuận-Kiều, cách đại đồn Chí-Hòa khoảng 20 cây số về phía bắc. Chúng toàn thắng, tiến chiếm luôn đồn Tân-Thới, không gặp một sự kháng

cự nào. Vì quân ta rút hết về Biên-Hòa, theo lệnh của thượng cấp.

Như thế, tỉnh Gia-Định đã hoàn toàn bị quân giặc làm chủ.

Đại đồn Chí-Hòa bị san bằng. Đất nước bị tước đoạt chủ quyền. Dân tộc bị oằn oại dưới gót xâm lăng, bị dày dọạ dưới ách thực dân thống trị.

Hay tin Nguyễn-Tri-Phương đã thất bại với sứ mạng giữ lấy thành Gia-Định, vua Tự-Đức giao cho đình thần nghị tội.

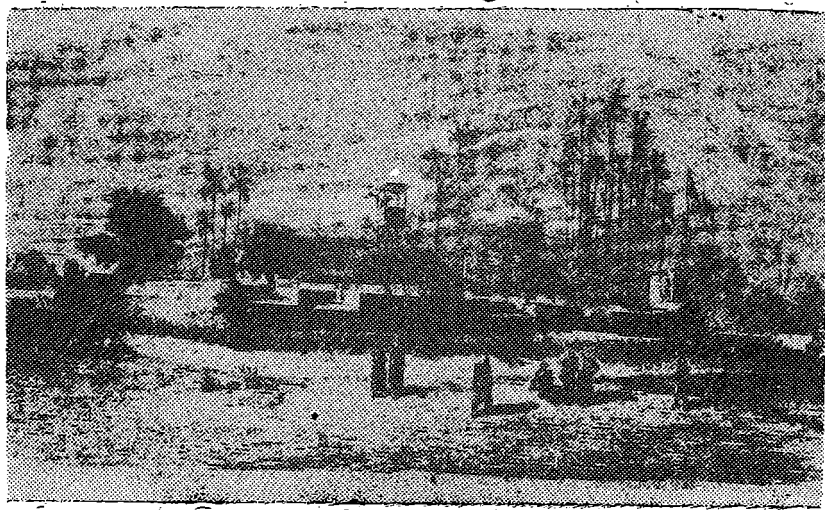
Đình nghị xin chiếu luật thi hành, buộc tội Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiền, cách chức, trăm giam hậu. Các thuộc quan trong quân thứ và tỉnh thành Gia-Định cũng đều bị cách chức.

Vua Tự-Đức rộng lượng khoan dung, phán bảo : « Đình thị như thế, nhưng trước kia các người ấy đã thực lòng giúp nước, có khó nhọc, nên cho giảm tội để lo báo đáp về sau». Rồi giáng Nguyễn-Tri-Phương xuống chức Tham-Tri, Phạm-Thế-Hiền xuống chức Lang Trung.

Một trang sử khép lại. Nỗi căm hờn của người dân mất nước dâng trào.

Trận đánh Chí-Hòa, một trận chống trả đầy hào hùng của quân dân ta, nhưng cũng không kém phần bi đát.

Thành Gia-Định thất thủ, tiếp theo sự đổ vỡ của đại đồn Chí-Hòa, thế là yết hầu của dân ta bị chặn nghẹt. Đê rồi, cả 6 tỉnh Nam kỳ đều ở trong tầm tay của quân giặc vậy !



Đồn Kiên Phước, một trong những tiền đồn của Gia-Định ngày xưa

PHẦN THỨ BA

— DANH NHÂN LỊCH SỬ

— NHỮNG BẬC TIẾT NGHĨA

VÀI NÉT VỀ DANH-NHÂN LỊCH-SỬ

ĐẤT GIA-ĐỊNH

Nặng lòng hoài cổ, tưởng niệm công nghiệp tiền nhân, đốt nén tâm hương chúng tôi thành kính ghi lại những bậc danh nhân lịch sử đất Gia-Định, đã tô đậm những trang sử vàng son, lưu lại cho thế hệ sau này.

Đất Gia-Định xưa từng là bãi chiến trường đẫm máu, giữa hai lực lượng đối nghịch nhau là nhà Tây-Son với nhà Chúa họ Nguyễn-Phúc tranh hùng, giành quyền trị nước.

Lấy công tâm mà nhận định, Quang-Trung Nguyễn-Huệ vẫn là bậc anh hùng cái thế. Công đánh tan 20.000 quân Xiêm tăng viện cho chúa Nguyễn-phúc-Ánh trong trận Rạch-gầm, và công đập nát 10.000 quân Thanh nơi trận Đống-Đa, há không là những chiến tích đuổi quân xâm lược rất oai hùng sao ? Tiếc cho vua Lê-Chiêu-Thống và chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã cầu viện quân Thanh và quân Xiêm ! Giá mà họ thành công, liệu quân Thanh và quân Xiêm sẽ đối xử sao với dân tộc ta ?

Nhưng thôi ! Bánh xe lịch sử đã quay chuyển theo cái đà của nó rồi. Mọi việc đã an bài !

Thế nên, nhắc đến các võ tướng oai hùng của triều Nguyễn, thâm tâm chúng tôi vẫn chẳng phải bùi ngùi về nỗi các tướng Tây-Son, xót xa cảnh nòi da xáo thịt.

Lại nữa, đất Gia-Định cũng từng là bãi chiến trường đẫm máu khi quân xâm lược Pháp đồ quân đánh phá. Chúng tôi càng cảm kích hơn khi nhắc đến các vị anh hùng liệt sĩ kháng Pháp trên mảnh đất Gia-Định.

Ngoài ra, các bậc văn học lỗi lạc, xử sĩ cao quý, tạo nhân mặc khách hữu danh của đất Gia-Định, chúng tôi cũng trân trọng ghi lại nơi đây đông đủ mặt anh tài. Tuy nhiên, vì phạm vi quyền sách, và vì danh nhân Gia-Định thật nhiều về mọi lãnh vực, nên chúng tôi trình bày tóm lược mà đầy đủ những đặc điểm cần biết. Còn những chi tiết khác, chúng tôi thuật rõ ở các phần đi tích, giai thoại v...v...

Một tấm lòng thành, chúng tôi trân trọng kể bày sự tích tiền nhân có liên quan đến mảnh đất Gia-Định, thủ phủ của miền Nam Việt-Nam thân yêu.

GIA-ĐỊNH TAM HÙNG

1— Gia-Định đệ nhất hùng

Đông-Sơn Thượng-tướng-quân, Phương-Danh-Hầu

ĐỖ-THANH-NHÂN

Bị Tây-Sơn đuổi bức, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh bôn tẩu trong lam, nhờ được anh hùng hào kiệt trong Nam giúp đỡ khá đông. Trong số giúp chúa Nguyễn Phúc-Ánh, có những người lừng danh bởi mỹ hiệu do dân chúng xưng tặng như : Cọp gấm Đồng-Nai Lê-An-Duyệt, Quan-Vân-Trường Việt-Nam Nguyễn-Huỳnh-Đức, Triệu-ừ-Long Việt-Nam Phan-Văn-Triệu, và đặc-sắc nhất là ba võ tướng Gia-Định được liệt vào hạng Tam-hùng là : Đỗ-Thanh-Nhân, Châu-Văn-Tiếp, Võ-Tánh.

Trong ba vị anh hùng Gia-Định đã được đương thời xưng tụng, Đỗ-Thanh-Nhân mất trước hơn cả, rồi đến Châu-Văn-Tiếp, sau rốt là Võ-Tánh. Chúng tôi xin theo thứ tự ấy mà trình bày, xin nhắc đến Đỗ-Thanh-Nhân đầu tiên.

Đỗ-Thanh-Nhân vốn người Minh hương, trước ở huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-Việt) sau dời vào cư ngụ ở trấn Phiên-An trong Nam.

Võ nghệ cao cường, lão thông binh pháp, Đỗ-Thanh-Nhân nổi tiếng hào hùng. Nghe tin Tây-Sơn dấy binh, chúa Nguyễn mông trần, ông khéo đón thời cơ, chiêu tập tráng đinh trong vùng, tổ chức những oán nghĩa quân để bảo vệ xóm làng. Dưới sự chỉ huy của ông, một đạo quân nghĩa dũng gồm trên 3.000 người được thành lập. Chọn nơi hùng cứ, ông bằng lòng với địa thế vùng Ba-Giồng ở tỉnh Định-Trường, nên ông lập đại bản dinh tại đây. Địa bàn hoạt động của ông rất rộng lớn, khiến nơi nơi đều nghe danh và kiêng phục.

Ông có chủ ý sẽ đem lực lượng sẵn có của mình mà phù tá nhà chúa Nguyễn-Phúc đối đầu với Tây-Sơn, nên ông đặt tên đạo quân của ông là binh Đông-Sơn. Đạo binh Đông-Sơn của ông là đề kinh hồng với Tây-Sơn, trên danh nghĩa hai danh từ ấy đã xung khắc với nhau, thế là ông đã nghiêm nhiên bày tỏ lập trường, có thái độ

thật dứt khoát minh bạch. Khắp nơi, hào kiệt theo về với ông khá nhiều. Bởi thế, từ năm Bính Thân 1776, ông và vị hồ tướng Nguyễn-Huỳnh-Đức được chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần (Duệ-Tông) tín nhiệm, trọng dụng và trao cho nắm giữ binh quyền. Ông nỗ lực bảo vệ chúa Định-Vương quyết một còn một mất với Tây Sơn mà thôi.

Nhưng bấy giờ thịnh thế Tây Sơn rất mạnh. Chẳng bao lâu, chúa Định-Vương bị Tây-Sơn bắt giết. Đỗ-thanh-Nhân càng uất hận, thề không đội trời chung với kẻ địch, dốc toàn lực phù tá người nối nghiệp là chúa Nguyễn-Phúc-Ánh.

Năm Mậu-Tuất 1778, Tây-Sơn đánh mạnh ở Gia-Định. Ông ra sức ngăn chặn. Hiệp cùng Lê-văn-Quản, ông đã dàn binh đánh nhau với Tây-Sơn trên sông Bến-Nghé, giết chết tướng địch là Tư-Khẩu-Oai.

Tình thế lằng lộn, ông lại phụng mạng cùng Hồ-văn-Lân đi dẹp loạn ở Chân-Lạp (Cam-Bốt). Ông cũng thành công với sứ mạng bình định nơi ấy. Ông giết Nặc-Ông-Vinh, ủng hộ con của Nặc-Ông-Tôn là Nặc-Ấn lên ngôi vua nước Chân-Lạp, để Hồ-văn-Lân ở lại bảo hộ, còn ông thì kéo quân về Gia-Định. Uy danh của ông thêm lừng lẫy.

Năm Canh-Tý 1780, tình hình Gia-Định đã được ổn định phần nào, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh xưng vương, chính ông đã trừ liệu mọi việc, tổ chức hoàn hảo lễ đăng quang của chúa mới tại Gia-Định. Niệm tắc lòng kiên trung và công lao của ông, Nguyễn-Vương phong ông làm chức Ngoại-hữu, Phụ-Chính, Thượng Tướng Quân, tước Quận Công.

Tính cương trực khí khái, ông bị ganh ghét. Nhất là tính nóng nảy đa sát của ông, không kiêng nể vì ai cả, càng khiến cho đám người ghét ông có lắm dịp dèm pha với Nguyễn-Vương.

Trong số người cru lòng hãm hại ông, có vị Chưởng-Cơ Huỳnh Thiêm-Lộc. Quyết triệt hạ ông cho kỳ được. Chưởng-Cơ Lộc tâu dèm với Nguyễn-Vương, rằng ông có ý mưu phản, nếu không sớm trừ đi, ắt sẽ sinh họa lớn về sau.

Nguyễn-Vương thấy uy quyền ông trong dân chúng đã tăng cao, vẫn có lòng nghi ngờ ông có lòng dị chí. Vì thế, nghe Chưởng-Cơ Lộc tâu dèm, Nguyễn-Vương không ngần ngại chi nữa, hạ lệnh bắt giết ông, không cần tra xét gì cả.

Ông bị giết vào ngày 23 tháng 3 năm Tân-Sửu 1781.

Thuộc hạ của ông là Võ-Nhàn và Đổ-Bảng chôn cất ông xong, t quân Đông-Sơn về đất cũ Ba-Giồng, không phục Nguyễn-Vương ra. Chẳng bao lâu, Võ-Nhàn và Đổ-Bảng chỉ huy binh Đông-Sơn, bắt được Chương-Cơ Huỳnh-Thiêm-Lộc, giết đi để rửa hận cho ông.

Ông bị giết, ai cũng thương tiếc và phiến trách Nguyễn-Vương phụ bạc một công thần đã dày công phù tá trong lúc Nguyễn-Vương còn bôn tẩu. Nhưng chắc anh linh của ông cũng hả lòng khi thuộc hạ của ông đã tỏ dạ hết sức trung thành với ông, giết kẻ gây nên thảm án của ông, làm hoen ố phần nào trong lịch sử.

Tác giả quyển « Nam-kỳ phong tục nhân-vật điển ca » là cụ Nguyễn-Liên-Phong, có bài điệu Đổ-Thanh-Nhân :

*Cờ Nghĩa Đông-Sơn nổi tợ phao
Tấm kinh Nam hải sóng đang xao
Thời may gặp chúa trang thần thánh
Vận rủi xui tôi thói Mãng, Tào
Mấy thứ công lao trôi Bích-Thủy
Ba hùng danh tiếng nhẹ hồng mao
Suối vàng như gặp Châu cùng Vĩ
Hồn lưỡng ăn năn biết nại sao.*

Nay, mộ Đổ-Thanh-Nhân hãy còn ở vùng Phú Lâm, Chợ-Lớn.

2.— Gia-Định đệ nhị hùng

Lâm-Thao Quận-Công, Tả-Quân Đô-Đốc

CHÂU-VĂN-TIỆP

Đổ-Thanh-Nhân mất đi, trong Tam hùng Gia-Định chỉ còn sót lại hai người là Châu-Văn-Tiếp và Võ-Tánh.

Châu-Văn-Tiếp sinh quán ở huyện Phù-Mỹ, tỉnh Qui-Nhơn, sau dời về thôn Vân-Hòa, tỉnh Phú-Yên. Tên tuổi ông bắt đầu sáng chói, khi Ông vào Gia-Định phù tá chúa Nguyễn-Phúc-Ánh.

Ông vốn tên tộc là Doãn Ngạnh. Anh ông là Châu-Doãn-Chữ, ai em trai là Doãn-Chấn và Doãn-Húc, em gái là Châu-Thị-Đậu tức Châu-Muội-Nương có chồng là tướng Lê-Văn-Quân.

Chẳng những võ nghệ cao cường, mà ông còn thông thạo hai ngoại ngữ Chân-Lạp và Xiêm-La (tức Kampuchea và Thái-Lan ngày nay).

Từ năm Quý-Tị 1773, Tây-Son dấy lên. Ông có tinh thần độc lập, không khuất phục Tây-Son, nên đưa cả gia đình vào nguồn Hà-Duy chiêu tập dân quân Mường, Mán chiếm giữ núi Trà-Lơn trong tỉnh Phú-Yên.

Tây-Son Nguyễn-Nhạc mến tài ông, viết thư khuyên ông cùng về hợp tác, đề chung sức nhau chống Trịnh phủ Nguyễn, tôn phò Đông-Cung Dương. Ông thuận theo. Nhưng chẳng bao lâu, cảm thấy không cùng một đường lối với Tây-Son, ông dứt khoát tách rời.

Bấy giờ, Lưu-Thú dinh Long-Hồ là Tống-Phúc-Hiệp đang đóng quân ở Vân-Phong, nghe tiếng ông, bèn ân cần cho người đến khuyên ông hãy theo phò nhà Nguyễn-Phúc. Ông chấp thuận, từ ấy ngã hẳn về phe chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần.

Năm Bính-Thân 1776, Tây-Son vào đánh Gia-Định, Tống-Phúc-Hiệp lui về tiếp cứu, giao cho ông giữ Phú-Yên, Bình-Thuận. Ông hăm hở đảm nhận trách nhiệm.

Năm sau, Đinh-Dậu 1777, Gia-Định nguy cấp, Đỗ-Thanh-Nhân ra Phú-Yên truyền lệnh chúa Nguyễn, khiến ông đem binh đánh bọc hậu để chia sức địch. Ông tung quân thi hành y theo kế hoạch. Nhưng Tây-Son đang lúc hùng cường, ông không chống nổi, phải gian nan bôn đảo cùng chúa Nguyễn.

Trong giai đoạn gian nan tranh hùng với Tây-Son, ông cùng Đỗ-Thanh-Nhân và Võ-Tánh được xưng tụng là Gia-Định tam hùng.

Năm Canh-Tý 1780, Nguyễn-Phúc-Ánh xưng vương tại Sài-Côn (Sai-gon). Ông được phong là Khâm-Sai Đại-Đô-Đốc.

Tân-Sửu 1781, ông cầm quân đi đánh ở Diên-Khánh, bại binh phải rút về Phú-Yên. Rồi nghe tin Gia-Định thất thủ, ông trờng cờ « Lương-tá-quốc » từ Phú-Yên tiến vào giải cứu.

Tây-Son vẫn liên tiếp tấn công dữ dội. Nguyễn-Vương ăn mình ngoài đảo Phú-Quốc, rồi phải lánh sang Xiêm. Ông cũng tòng vong nơi Vọng-Các.

Tại Xiêm, ông khéo ngoại giao với các cấp quân dân chính của Xiêm, nhờ thế nên Nguyễn-Vương được quốc vương Xiêm trọng

giúp sức cho về mọi mặt. Ông lại khéo tổ chức quân đội, chiến
yền, quyết tâm chờ ngày kéo về nước một mất một còn với Tây-
n.

Đến năm Giáp-Thìn 1784, lực lượng quân đội đã được bổ sung,
thế hùng mạnh, Nguyễn-Vương cùng các tướng sĩ hăm hở kéo
lại trở về. Quốc-vương Xiêm cũng phái hai viên Đại-tướng Xiêm
Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương đem 20.000 quân và 300 chiến-thuyền
o giúp. Ông được phong làm Bình-Tây đại-đô-đốc, chưởng quản
đạo quân Xiêm.

Lúc đầu, đại binh của ông cả thắng, tiến như giông bão. Nhưng
1 trận đánh ở sông Mân-Thít (thuộc Vĩnh-Long), vì khinh địch,
ng lúc xem xét các chiến thuyền đoạt được, ông bị tướng Tây-Son
Chưởng Tiền Bảo núp dưới thuyền xuất kỳ bất ý đâm ông một
li gươm trúng ngực.

Ông thét to một tiếng, rút gươm chém chết Chưởng-tiền-Bảo.
lại nơi vết thương tuôn rớt áo, ông than :

— Trời chưa muốn cho tôi dẹp yên Tây-Son hay sao, nên dứt
ng tôi !

Ông ngã gục, tắt hơi tại Mân-Thít, tháng 10 năm Giáp-Thìn 1784.

Nguyễn-Vương tạm chôn cất ông tại cồn Cái-Nhum (nay thuộc
ận Tam-Bình, tỉnh Vĩnh-Long). Chừng thụ phục xong Gia-Định,
Nguyễn-Vương truyền cải táng ông trọng thể tại ấp Hắc-Lặng, huyện
ước-An (cách tỉnh lỵ Bà-Rịa 10 km).

Đến khi Nguyễn-Vương lên ngôi tức vua Gia-Long, sắc sai
ng-Đức-Siêu soạn bài văn tế, truy phong ông là Tả-Quân Đô-Đốc,
ốc Quận-Công.

Ông nghiêm nhiên được kể là bậc công thần thứ nhất cơn lưu
ng tại Vọng-Các.

Đời Minh-Mạng, nhà vua truy phong ông tước Lâm-Thạo Quận-
ng.

Đời Tự-Đức, cho lập đền thờ ông tại Hắc-Lặng (Bà Rịa).

Trong quyển « Điều cồ hạ kim thi tập », cụ Nguyễn-Liên-Phong
lưu Châu-văn-Tiếp

Sức mạnh ông Châu ví cạp hùm

Ba hùng Gia-Định tiếng đồn um

Giải thân mấy lúc liều tên đạn

*Đường thượng ghe phen lướt bụi lùm
Cấm giặc Tây-Sơn năm chẳng ngủ
Động lòng Xiêm chúa phán ra giùm
Tiêu tiêu gió thổi sông Mán-Thít
Một ngôi sáng lò xừ Cái-Nhum.*

Gần đây, cụ Đỗ-Phong-Thuần trong tập "Long-Giang thi tập" cũng đề cao Châu-Văn-Tiếp :

*Phò đức Cao-Hoàng vẹn trước sau
Cụ Châu-Văn Tiếp bậc anh hào
Văn hay không tế thời nguy biến
Võ giỏi tung hoành trí lược thao
Mấy lượt qua Xiêm tìm chúa cũ
Nhiều phen chống nguy cứu binh trào
Ra quân chưa thắng thân đã thác
Đề khách anh hùng thâm xiết bao.*

Bài văn tế của Đặng-Đức-Siêu phụng mạng vua Gia-Long tuyên đọc như sau :

*"Vạc hạ Võ mùi canh còn lạt, lòng những tưởng cây sức diêm mai
Tiệc trung hưng cuộc rượu đang gầy, trời nở khiến lia tay khế
nhiệt.*

« Phong quang này ai chẳng ngậm ngùi ;

Cơ hội ấy nghĩ càng thương tiếc.

« Nhớ tướng quân xưa :

Ngọc non Côn cầu khí tinh thành

Vàng sông Lệ đúc lòng trinh liệt.

*« Trong thành Mãng mong lòng bội ám, gói thao kiếm sừng lạn
trời Tây ;*

*Dưới cờ Lưu quyết chí đầu minh, gương trung nghĩa bóng ngời
nước Việt.*

*Nghìn dặm trái lá gan Dự-Nhượng, nghĩa vi quân đất võ trời gầy
Trăm trận phơi năm mặt Tử-Long, oai đẹp loạn sừng sâu nện
thiết.*

*Trong khuôn cứu mấy quyền Ngoại tá, chống giềng trời, cầm mĩ
nước, son nhuộm tấm lòng ;*

*Ngoài chiến chinh đeo ấn tướng quân, tru đảng nguy, dẹp loài gian
máu dầm mũi bạc.*

Đường thượng đạo ăn non lẫn lựa, qua sông Lào, lên đất Sóc,
lọt mình trĩu trĩu gánh giang san.

Nẻo chuyên cần sông núi gian nan, tìm chúa cũ, mượn binh Xiêm,
lặng cõi nhân dân oai thích lịch.

Lướt sóng khua chèo Tồ-Địch, đàm Trung nguyên rửa sạch bọn
đàn ai ; xây vai dựa vách Từ-Nghi, niệm thiên địa chỉ dung bài tiếm
hiết.

Lừng lẫy quyết lấy đầu tặc tử, danh tôi còn ngô được vương tròn ;
Rủi ro khôn hẹn máy binh cơ, sao tướng đã bóng đà lờ lệt.

Hội mây rồng nửa chút lỗ làng ;

Duyên tôi chúa trăm năm cách biệt.

Trời Thuận-Hóa chăm nhận còn xơ xác, tướng cậy người cứu
húng lăm than ;

Thành Qui-Nhơn tiếng cáo chữa được an, không có người hầu ai
ảnh đẹp.

Dân đang trông, binh đang mển, trời đất sao phụ kẻ huân lao ;

Trong chưa trị, ngoài chưa an, thời vận khiến hại người hào kiệt.

Đài họa tượng đành rành còn đề dấu, tướng hình dung lòng bất
rời ;

Bổ tấu công chông lớp hãy ghi tên, mển công nghiệp lụy tuôn lác
ác.

Ngài muôn một tướng còn diên bá, thân thi tạm gởi chốn long
ương ;

Mỗi ba quân nay đã tóm thâu, quan quách ngõ táng an mã liệt.

Gia-Định đệ tam hùng

Phụ quốc Thượng-Tướng-Quân Hoài-Quốc-Công

VÕ-TÁNH

Năm Tân-Sửu 1781, Đổ-Thanh-Nhân mất. Năm Giáp-Thin
1784, Châu-Văn-Tiếp qui thần. Thế là trong tam hùng Gia-Định chỉ
bỏ sót một Võ-Tánh hiên ngang dũng liệt.

Võ Tánh nguyên quán ở làng Phước-Tĩnh (tục gọi lười Rê,
hống Bộng) Bà-Rịa xưa, thuộc dinh trấn-biên sau kêu là Biên-Hòa.

Sinh trưởng trong thời loạn lạc, ông học thông võ nghệ, binh
sur. Anh ông là Võ-Nhàn theo giúp Đông-Sơn binh của Đổ-Thanh-
nhân tại Ba-Giồng. Đến khi Đổ-Thanh-Nhân bị giết, anh ông hiệp
lực Đổ-Bảng bắt được Chương Cơ Huỳnh-Thiên-Lộc trả thù cho

chủ tướng xong, mới cùng với ông chiêu tập dân quân, hùng cứ một vùng Thập bát phủ viên, tức Mười tám thôn Vườn trầu ở Hố-Môn Gia-Định. Ít lâu, hai anh em ông kéo binh chiếm giữ Khổng-Tước-Nguyên, tức vùng Gò-Công, trương cờ khởi nghĩa.

Đạo quân nghĩa dũng của ông đến 10.000 người, chia thành 5 đoàn, gọi là đạo quân « Kiến-Hòa ». Ông tự xưng là Tổng-Nhung bên văn, ông có Ngô-Tùng-Châu giúp đỡ. Bên võ, có Nguyễn-văn-Hiếu, Mạc-văn-Tô, Mai-Tấn-Huệ, Mai-Tấn-Vạn là những viên dũng tướng, lo việc tổ chức quân đội.

Khi chúa Nguyễn-Phúc-Ánh ở Xiêm về trú ngụ tại Vinh-Long, nghe tiếng ông, bèn sai sứ thần là Trương-Phước-Giáo và Nguyễn-Đức-Xuyên đem lễ vật trọng hậu đến triệu thỉnh ông về giúp. Ông cùng các thuộc hạ đồng ý chấp thuận, theo phù tá Nguyễn-Vương từ năm Mậu-Thân 1788. Ông được phong làm tiên phong dinh Khâm-Sai Chương-Cơ và được Nguyễn Vương gả em gái là Ngọc-Du. Các thuộc hạ của ông như Võ-văn-Lượng, Nguyễn-văn-Hiếu, Mạc-văn-Tô, Trần-văn-Trí đều được phong làm Cai-Cơ.

Từ đây thỉnh danh ông càng nổi dậy. Năm Kỷ-dậu 1789, ông vây đánh tướng Tây-Son là Phạm-văn-Tham, khiến Tham phải đầu hàng. Năm 1790, ông cùng Lê-văn-Quân đánh tan rã đạo binh của Đào-văn-Hồ, thu phục thành Diên-Khánh.

Đến năm 1793, khi Nguyễn-Vương đem quân tiến đánh Qui-Nhơn, ông được phong làm Khâm-sai quản suất thu quân dinh, Bình-Tây Tham-thặng Tướng quân Hộ-giá.

Năm 1794, ông làm trấn thủ thành Diên-Khánh, ít lâu thì giao quyền lại cho tướng Tôn-Thất-Hội, rồi kéo quân về Gia-Định, thăng chức Đại-Tướng-Quân, tước Quận-Công.

Năm Đinh-Tị 1797, ông theo Nguyễn-Vương ra đánh Quảng-Nam, cả thắng hai tướng Tây-Son là Đô-Đốc Nguyễn-Văn-Giáp và Nguyễn-Văn-Ngụ.

Năm Kỷ-Mùi 1799, ra đánh Qui-Nhơn lần thứ hai, ông cùng Chương-Hữu-Quân Nguyễn-Huỳnh-Đức đánh bại tướng Tây-Son là Thái-Phó Lê-Văn-Ứng, Đô-Đốc Nguyễn-Thật, thu phục các tướng về hàng là Lê-Chất, Lê-Văn-Thanh, Nguyễn-Đại-Phát.

Thành Qui-Nhơn được đổi tên lại là Thành Bình-Định. Ông cùng Ngô-Tùng-Châu lãnh mạng ở lại trấn giữ.

Chẳng bao lâu, đại binh Tây-Sơn do Thái-Phó Trần-Quang-Diệu và Đại-tur-Đồ Võ-Văn-Dũng kéo binh vây thành. Ông sai Lê-Chất về Gia-Định báo tin, rồi hết sức cố thủ, đề Nguyễn-Vương thừa hư độ binh ra đánh lấy Phú-Xuân (Huế).

Bị vây suốt 14 tháng trời, ông vẫn một mực kiên tâm trấn giữ. Tình thế mỗi lúc một nguy nan. Ông vẫn không hèn nhát bỏ thành mà chạy.

Đến khi sức đã hết, ông sai người ra trao cho Trần-Quang-Diệu một bức thư, có câu

« Phận ta là chủ tướng, đành một chết dưới cờ. Còn như quân sĩ không tội tình gì, xin chớ nên giết hại »

Rồi đó ông lên lầu Bát giác, hỏa thiêu mà tuân tiết. Hiệp trấn Ngô-Tùng-Châu cũng uống thuốc độc tử nghĩa. Tù trưởng Nguyễn-Tấn-Huyền cũng cảm kích, gieo mình vào lửa đỏ quyên sinh.

Đến khi Nguyễn-Vương lên ngôi tức vua Gia-Long, truyền lập đền thờ ông ở nền cũ lầu Bát-giác (Binh-Định), sai người đưa di hài ông về chôn tại Phú-Nhuận Gia-Định và truy tặng là Dực-Vận công thần, Phụ Quốc Thượng-Tướng-Quân, Trự-Quốc Thái-Úy, tước Quốc-Công.

Đời Minh-Mạng, lại truy phong ông làm Hoài-Quốc-Công.

Đến nay, vùng Bình-Định còn lưu truyền câu hát cảm khái

Ngó lên gò tháp Cảnh-Tiên

Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm.

Ở tỉnh Gò-Công, tại Gò-Tre cũng có miếu thờ ông. Tương truyền đây là chỗ ông dựng cờ tụ nghĩa trước. Gần bên miếu thờ ông, có ngôi mộ dưỡng mẫu của ông, người bản xứ quen gọi là Mả Bà Cổ.

Nơi đền thờ ông ở Bình-Định, có nhiều đôi câu đối truy điệu khá hay như :

« Nhất trường oanh liệt song trung miếu

« Vạn cổ linh hương bát giác lâu. »

Đôi câu đối trên đây là của cụ Phụ-Chánh Tôn-Thất-Hàn truy điệu. Thượng-Thư Bộ Giáo-dục là Phạm-Quỳnh cũng có đôi câu đối phụng cúng :

« Cô thành đương nhật nghị nhiên, vị quốc tận trung, võ tướng văn thần trang nhất tử.

« *Cờ mọc tà dương kiến thử, lệnh nhân khởi cảm, linh từ khiến
trùng tự thiên thu.* »

Nơi ngôi miếu thờ ông ở xóm Gò-Tre, thuộc xã Long-Thuận,
tỉnh Gò-Công, trước cửa miếu hai đôi liễn do cụ giáo học Nguyễn-
Huỳnh-Mai phụng đề

« *Tân hòa huyện Bảo dân, vạn thắng trận chỉ kim lưu chánh khí,*

« *Bình-Định thành hoàn tiết, Bát giác lâu tự cờ hiệu trung tâm.*

« *Kỳ-lân-các thiên thu danh bằng nhật*

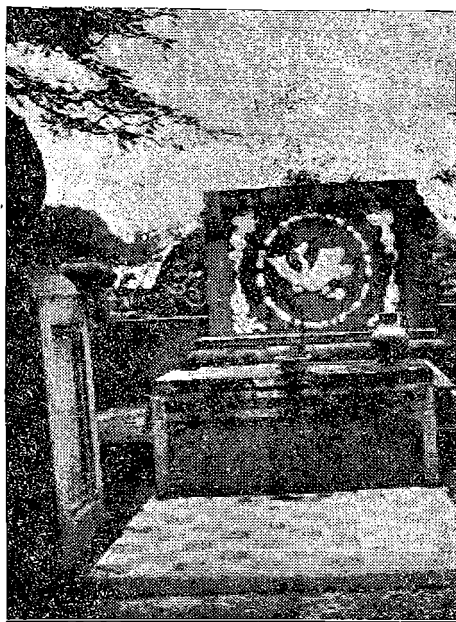
« *Khổng tước thành vạn cờ nghĩa tham thiên.* »

Cụ Hình-Bộ Chủ-Sự Trần-Đình-Thiều phụng cúng :

« *Khổng tước kỳ khảng khái cần vương, tam hùng thủ liệt ;*

« *Bàn xã địa thung dung tự nghĩa, nhất biểu trung hưng.* »

Vua Gia-Long cũng có phái Hàn-Lâm Học-Sĩ Đặng-Đức-Siêu
soạn bài văn tế Hoài-Quốc-Công Võ-Tánh và Lễ-Bộ Thượng-Thư
Ngô-Tùng-Châu. Xin xem ở tiểu truyện Ngô-Tùng-Châu, chúng tôi
có ghi lại đầy đủ.



Lăng Hoài quốc Công Võ Tánh, tại Phú-Nhuận.

GIA-ĐỊNH TAM GIA

Về bên võ, Gia-Định xưa có Tam hùng : Đổ-Thanh-Nhân, Châu-văn-Tiếp, Võ-Tánh. Về bên văn có Tam Gia : Lê-Quang-Định, Ngô-Nhân-Tĩnh, Trịnh-Hoài-Đức.

Tam hùng lừng lẫy tiếng tăm, thì tam gia cũng nức tiếng tài tình. Chúng tôi đã trình bày về Gia-Định Tam hùng, xin nhắc ngay đến Tam gia của Gia-Định thuở xưa :

1.— LÊ-QUANG-ĐỊNH

Lê-Quang-Định hiệu Tấn-Trai, tự Tri-Chỉ, nguyên quán ở huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-Việt). Cảnh nhà bần bách, dần dần gia đình ông phải ly hương vào lập nghiệp ở Gia-Định.

Vốn có tư chất thông minh, hiểu học, tài ba mẫn tiếp, ông được một vị Y sư là Hoàng-Đức-Thành đem lòng thương mến, gả con cho. Từ ấy, ông càng cố gắng đào luyện sở học, lập thân dựng nghiệp sao cho đề tiếng muôn đời. Cùng một chí hướng, ông cùng Ngô-Nhân-Tĩnh và Trịnh-Hoài-Đức kết giao với nhau rất tâm đắc.

Giữa thời loạn lạc, ông và hai bạn thân vẫn nâng niu ngọn bút tài hoa, dùng văn thơ làm phương tiện di dưỡng tánh tình và tỏ bày kiến thức. Chính ông và hai bạn Ngô, Trịnh đã thành lập một thị xã mang tên là « Bình-Dương thi xã ».

Năm Mậu-Thân 1788, nhân có khoa thi tại Gia-Định, ông ra ứng thí, đỗ đạt vẻ vang. Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đang lúc thu dụng nhân tài, rất hài lòng về ông, bổ ông làm chức Chê-Cáo ở viện Hàn-Lâm.

Ít lâu, vì nhu cầu công vụ, ông sung chức Điền-Tuấn-Quan, cùng với Trịnh-Hoài-Đức, Ngô-Tùng-Châu trông coi việc khai khẩn điền thổ.

Năm Canh-Thân 1800, ông được thăng Hữu-Tham-Tri Bộ binh. Sau đó, ông phụng mạng cùng Nguyễn-văn-Nhân giúp đỡ Hoàng-tử Cảnh giữ thành Gia-Định, đề Nguyễn-Vương các toàn bộ tướng sĩ tiến đánh ra Trung, Bắc, thu phục non sông gom về một mối.

Đến năm Nhâm-Tuất 1802, đất nước đã thống nhất, ông được phong làm Thượng-Thư Bộ Binh.

Rồi đó, lo việc bang giao, sửa sang chính trị, vua Gia-Long cử ông làm Chánh-sứ sang nhà Thanh bên Trung-Quốc. Nơi xứ người ông đã cùng với phái đoàn gồm có Nguyễn-Gia-Kiệt, Hoàng-Ngọc-Uẩn v... hùng đàm biện luận khiến vua quan Trung-quốc phải mến phục. Làm tròn sứ mạng, trở về nước, ông càng được vua Gia-Long trọng vọng hơn.

Năm 1806, nhà vua trao cho ông sứ mạng soạn bộ sách lịch sử nước nhà. Ông phụng mạng soạn xong bộ « Nhất thống dư địa chí » gồm 10 quyển, ghi rõ phong tục, sông núi và đường sá trong nước hết sức tường tận.

Năm 1810, ông đời làm Thượng-Thư Bộ-Hộ kiêm coi Khâm-Thiền-Giám, tức đài quan sát thiên văn. Sau đó, ông còn đảm nhận việc kiểm tra dân số, lập sổ đình điền và chia hạng ruộng đất.

Đến năm 1813, ông lâm bệnh, cáo quan về quê tịnh dưỡng, vua Gia-Long sai người đến tư thất ông mà thăm viếng và ban cho Sâm quế, đề tỏ lòng ưu ái trọng đãi.

Nhưng chẳng bao lâu ông mất, thọ 54 tuổi.

Đến đời Tự-Đức, khoảng năm 1852, ông được liệt thờ vào miếu Trung-hưng Công-Thần.

Ngoài bộ « Đại-Việt nhất thống dư địa chí », ông còn nhiều thi văn in chung với thi văn của Ngô-Nhân-Tĩnh và Trịnh-Hoài-Đức trong bộ « Gia-Định Tam gia thi »

2.— NGÔ-NHÂN-TỊNH

Là bạn chí thân của Lê-Quang-Định và Trịnh-Hoài-Đức, Ngô-Nhân-Tĩnh là một nhân vật tài hoa trong hàng Gia-Định Tam-gia ấy. Tài học và đức độ của ông được đương thời xưng tụng, trọng vọng.

Ngô-Nhân-Tĩnh vốn người Minh-hương, dòng dõi người Quảng Đông. Vì không thần phục nhà Thanh, gia tộc ông bỏ nước sang ta lập nghiệp ở Gia-Định.

Ông tự là Như-Sơn, là một trong các học trò xuất sắc của cụ Gia-Định xử sĩ Sùng-Đức Tiên-sinh Võ-Trường-Toản. Văn tài trác lạc, học vấn uyên bác, danh tiếng ông ngang hàng với Lê-Quang-Định và Trịnh-Hoài-Đức, nên được liệt vào Tam-Gia Gia-Định xuất sắc về văn học và sử học.

Khi Nguyễn-Vương lánh nạn Tây-Sơn mà vào Nam lo mưu phục nghiệp ông cùng hai bạn là Lê-Quang-Định và Trịnh-Hoài-Đức ra giúp Nguyễn-Vương một lượt. Ông được bổ làm việc ở viện Hàn-Lâm với chức vụ Thị-độc.

Năm 1798, ông đang làm Hữu-Tham-Tri Bộ binh, được cử đi sứ nhà Thanh với mục đích là dò thám mọi việc.

Năm 1800, ông theo hộ giá Nguyễn-Vương tiến đánh Qui-Nhon, từng bị vây hãm trong thành, ý chí vẫn kiên trung sắt đá.

Đến năm Nhâm-Tuất 1802, Nguyễn-Vương lên ngôi vua, ông được cử làm Giáp-Phó-Sứ, sang Tàu đưa quốc thư và nộp lại những ấn sách của nhà Thanh trước đây phong cho Tây-Sơn. Cùng góp mặt trong phái đoàn, có Trịnh-Hoài-Đức và Hoàng-Ngọc-Uần. Ông làm tròn sứ mạng về vàng.

Năm Gia-Long thứ 6 (Đinh-Mão 1807), ông phụng mạng sung chức Chánh-sứ cùng với Phó-sứ là Trần-Công-Đàn đem ấn sách vào thành La-Bích ở Nam-Vang (Campuchia), phong cho Nặc-Ông-Chân làm vua Chân-Lạp.

Năm 1811, ông lãnh chức Hiệp-Trấn Nghệ-An. Tại đây, trong sứ-mạng phục vụ nhân dân, ông hết lòng lo cho dân chúng, tìm đủ mọi cách để nâng cao mọi sinh hoạt cho dân, cho đời sống tươi đẹp. Lòng tru ái của ông, được dân chúng cảm động xưng phục.

Cũng trong thời gian làm Hiệp-Trấn ở Nghệ-An, ông đã cùng với Đốc-học Nghệ-An là Bùi-Dương-Lịch hợp soạn bộ sách « Nghệ-An phong-thổ ký ».

Năm sau, Nhâm-Thân 1812, ông được thăng làm Thượng-Thư Bộ-Công. Bấy giờ, Đức Thượng-Công Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt vào làm Tổng-Trấn Gia-Định thành. Ông được vua Gia-Long cử làm phụ-tá cho cụ Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt. Trong sứ mạng Hiệp-Tổng-Trấn Gia-Định thành, ông được nhân dân mến phục.

Năm sau, 1813, ông cùng Tổng-Trấn Lê-Văn-Duyệt phụng chiếu đem binh đưa Quốc-vương Chân-Lạp là Nặc-Ông-Chân về nước, rồi hội đàm cùng Xiêm-La để bàn việc Chân-Lạp. Xong việc trở về, có người gièm pha với vua Gia-Long, vu khống rằng ông đã hối mại quyền thế, ăn của đút lót của Chân-Lạp và Xiêm-La. Nhà vua nghi ngờ ông, nhưng không quả trách gì. Ông buồn phiền lâm bệnh nặng mà mất trong mùa xuân năm Quý-Dậu 1813. Mộ phần của ông nằm

ở xã Chí-Hòa Gia-Định, nay thuộc vào địa phận Saigon.

Về sau, ông được truy phong là Kim-Tử Đại-Phu, Vinh-Lộc Thượng-Khanh, tước Trịnh-Viễn-Hầu.

Thi-văn của ông nay hãy còn trong tập « Gia-Định Tam thi » gồm chung với thi văn của Lê-Quang-Định và Trịnh-Hoài-Đức.

3.— TRỊNH-HOÀI-ĐỨC

Trong Gia-Định Tam-gia, Lê-Quang-Định và Ngô-Nhân-Tĩnh qua đời rồi, còn một Trịnh-Hoài-Đức nổi bật ngôi sao sáng chói trên vòm trời Văn-học và Sử-học. Hơn nữa, ông là một vị công thần đặc lực của triều Nguyễn lúc khai cơ, giúp vua Gia-Long rất nhiều về phương diện chính trị, ngoại giao, kinh tế.

Trịnh-Hoài-Đức tự Chí-Sơn, hiệu Cấn-Trai, vốn người Minh-hương ngụ ở dinh Trấn-Biên (Biên-Hòa). Khi thân phụ ông mất, ông mới 10 tuổi, mẹ dời nhà về ở dinh Phiên-Trấn (Gia-Định) cho học với cụ Võ-Trường-Toản.

Năm Mậu-Thân 1788, khi Nguyễn-Vương khắc phục Gia-Định, mở khoa thi, ông cùng Lê-Quang-Định ứng thí, đều đỗ đạt và được bổ làm Hàn-Lâm-Viện Chế-Cáo. Rồi sung chức Điền-Tuấn-Quan, trông coi việc khai khẩn đất đai ở Gia-Định.

Năm 1793, ông được làm Đông-Cung Thị-Giảng. Sau đó ông phụng mạng phò Đông-Cung Cảnh ra giữ thành Diên- Δ hánh.

Năm sau, 1794, ông thăng làm Ký-Lục dinh Trấn-Ninh, ít lâu đời làm Hữu-Tham-Tri Bộ-Hộ.

Đến năm Nhâm-Tuất 1802, non sông thống nhất, vua Gia-Long phong ông làm Thượng-Thư Bộ-Hộ. Đoạn sung chức Chánh-sứ, cùng với Binh-Bộ Tham-Tri Ngô-Nhân-Tĩnh và Hình-Bộ Tham-tri Hoàng-Ngọc-Uần sang sứ nhà Thanh, đưa quốc thư và nộp lại những ấn sách của vua Thanh đã phong cho Tây-Sơn, cùng giải luôn đám cướp biển Đông-Hải-Vương Mạc-Quan-Phù với Thống-binh Lê-văn-Canh và Phan-văn-Tài. Sứ bộ đi trên hai chuyến thuyền Bạch-Yến và Huyền-Hạc.

Năm 1808, ông được bổ làm Hiệp-Trấn Gia-định thành, phụ tá cho Tổng-trấn Nguyễn-văn-Nhân.

Năm 1812, ông về kinh H dự lễ Minh-Lăng của Hiếu-Khương

oàng-Hậu. Tháng này năm này, đổi làm Lê-Bộ Thượng-thư, kiêm
uân Khâm-Thiên-Giám.

Năm 1813, lại đổi làm Lại-Bộ Thượng-Thư. Đến năm 1816, ông
i được bổ vào Gia-Định làm Hiệp-Tổng-Trấn lần thứ hai. Sau đó,
ni Tổng-trấn Nguyễn-văn-Nhân về kinh, ông từng tạm thay quyền
ông-trấn Gia-định, được nhân dân xưng phục.

Mùa hạ năm 1820, vua Minh-Mạng triệu ông về kinh làm Lại-
ộ Thượng-Thư như trước, kiêm cả Binh-bộ Thượng-Thư, và Sung
ức phó Tổng-tài Quốc-Sử-Giám, thăng Hiệp-Biện Đại-Học-Sĩ.

Trước khi nhậm chức, ông dâng biểu từ chối đòi ba lượt, nhưng
ua Minh-Mạng tỏ lòng ưu ái, ông đành phải vâng mạng. Khi hộ
lá bắc tuần, ông có dâng lên vua hai bộ sách « Lịch đại kỷ nguyên »
à « Khang-Tế-Lục ».

Năm 1823, ông đã già yếu, dâng sớ xin do đường biển trở về
Ha-Định an dưỡng. Vua Minh-Mạng sai quan Lê-Bộ Phạm-Đăng-
lương đến thăm và càm ông ở lại. Ông đành chỉ xin nghỉ ba tháng.
ua chấp thuận. Mãn hạn nghỉ phép, ông trở ra nhậm chức, vua ban
ho ông 2.000 quan tiền và vật liệu để ông làm nhà ở phía cửa đông
goài thành.

Đến năm Ất-Dậu 1825, mùa đông, ông mất, thọ 61 tuổi. Vua
ãi triều ba ngày, truy tặng ông là Thiếu-Phó Cẩn-Chánh-Điện Đại-
lọc-Sĩ, xuống chiếu xuất tiền kho làm lễ ma chay, đưa về an táng
i Gia-Định, và ông Hoàng Miên-Hoảng thay mặt đi đưa.

Khi đưa linh cửu ông về đến Gia-Định, Tổng-Trấn Lê-Văn-
uyệt đến phúng điếu và đi đưa tới huyệt tại làng Bình-Trước, thuộc
nh Biên-Hòa bây giờ.

Đời Tự-Đức, nhà vua truyền liệt thờ ông ở miếu Trung-Hưng
ông thần và đền Hiền-Lương.

Văn thơ của ông và Lê-Quang-Định, Ngô-Nhân-Tĩnh in chung
ong một bộ nhan là « Gia-Định Tam gia thi ».

Ngoài ra ông còn để lại đời các bộ sách

Cẩn-Trai thi tập

Bắc sứ thi tập

Gia-Định thông chí

Khi phụng mạng đi sứ nhà Thanh, ông có cảm tác 18 bài thơ liên
oàn bát cú bằng Việt-văn, có những bài thật đặc sắc :

... Tấm lòng chẳng phải phải phân trần
Ít nói là người dưỡng tánh nhân
Đã bện bó rơm làm đũa qui
Lại trao cục đất tượng ông thần



Dầu chưa phẩn nước tô gương mặt
Sẵn có cây đa cây tấm thân.
Hầu muốn học đòi theo thể ấy
Song theo thể ấy dạ bần thần.
Bần thần lại giận đũa hung hăng
Quán Sở lâu Tần đã mấy trăng
Phơi phói mưa xuân hang dẽ lấp
Chang chang nắng hạ lửa chưa hừng
Thu trao thơ nhạt lời no ấm
Đông gởi tin mai chuyện khó khăn
Trời đất bốn phương non nước ấy
Làm chi nên nổi việc lãng nhãng.
Lãng nhãng bủa díp sự hoang đàng
Tiệc ngọc thuyền hoa bạn đãi đàng
Thần phận linh đình đào thổ lộ
Trách duyên lạt lẽo liễu xây quàng
Còn trăng nháng bóng cây mai bạc
Dì gió đưa duyên đóa cúc vàng
Ơn đội chúa xuân cơn gặp gỡ
Canh tàn chén rượu giọng mê mang.



Mê mang cho đến bụt là tiên
Năm đầu trăm bài giả dạng điên
Vui giả trước hoa vại đóa cúc
Lo chi trong đây một đồng tiền
Lưu-linh vợ lạy không từ chén
Lý-Bạch vua kêu chẳng xuống thuyền
Hầu muốn học đòi theo thể ấy
Song le thể ấy hãy chưa yên.



*Chưa yên ta phải tính làm sao
Cơm áo ngồi yên dễ dựng nào
Ngàn trượng ơn sâu lai láng biển
Muôn trùng nghĩa nặng chấp chồng cao
Đất an cõi Việt rùng rờ thăm
Trời giúp nhà Ngu biển thánh sâu
Mới biết tài trai đến nợ nước
Dám đâu nói chuyện ăn nguồn Đào.*

III

NĂM VỊ HỒ TƯỚNG OAI TRẤN GIA-ĐỊNH THÀNH

Kể từ năm Nhâm-Tuất 1802, non sông thống nhất, chúa Nguyễn-Ánh đăng quang xưng hiệu Gia-Long, thì miền Nam Việt-nam này, thủ phủ là Gia-Định thành, trước sau đã có những vị tướng-Trấn và Phó Tổng-Trấn lừng tên tuổi : Nguyễn-Văn-Trương, Nguyễn-Văn-Nhân, Lê-Văn-Duyệt, Nguyễn-Huỳnh-Đức, Trương-Tấn-

Đó là không kể những văn thân phụ tá, với chức Hiệp-Tổng-, như : Ngô-Nhân-Tĩnh, Trịnh-Hoài-Đức cũng đã vang dội tầm một thời.

Bên văn, chúng tôi đã kể về Ngô-Nhân-Tĩnh, Trịnh-Hoài-Đức trong " Gia-Định tam gia ". Nay xin kể đến những vị hồ tướng đã chức Tổng-Trấn và Phó-Tổng-Trấn

1— NGUYỄN-VĂN-TRƯƠNG

Nguyễn-Văn-Trương vốn người tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt), ông tên tuổi đã từng vang lừng ở Gia-Định thành với chức tướng-Trấn.

Ông là vị võ tướng giỏi nhất về thủy chiến, danh tiếng vang lừng có hơn chớ chẳng kém danh tướng Võ-Di-Nguy cũng giỏi về thủy-quân lục chiến như ông.

Trước kia, ông ở trong hàng ngũ Tây-Sơn. Nghe tiếng chúa Nguyễn-Phúc-Anh chiêu hiền đãi sĩ tại Gia-Định, ông rời bỏ Tây-Sơn thẳng vào Nam, bái kiến chúa Nguyễn tại Long-Xuyên. Thủ dụng được ông, Nguyễn-Vương mừng rỡ khôn cùng, phong ngay cho ông làm Khâm-sai Chương-đạo Tiền phong, Trung-Quân Thủy-dinh.

Đảm nhận trọng trách điều khiển đoàn quân Tiền phong Thủy quân lục chiến, ông tỏ ra xứng đáng với lòng tin tưởng của Nguyễn-Vương.

Năm Nhâm-Tí 1792, ông cùng Tiền-Quân Nguyễn-Văn-Thành đem chiến thuyền từ cửa Cần-Giờ ra đốt phá Thủy-trại của Tây-Sơn ở cửa Thị-Nại (Qui-Nhơn). Ông đã thành công, đắc thắng khải hoàn.

Năm sau, 1793, ông phò Nguyễn-Vương ra đánh Qui-Nhơn. Ông chỉ huy đoàn Thủy-quân lục chiến đổ bộ lên Phan-Raug, tiến chiếm 2 phủ Diên-Khánh và Bình-Khương, rồi hội với Bộ binh của tướng Tôn-Thất-Hội vây thành Qui-Nhơn. Nhưng Tây-Sơn cố thủ. Suốt ba tháng trời không hạ được thành, Nguyễn-Vương đành phải hạ lệnh rút quân về Gia-Định.

Đến năm Tân-Dậu 1781, ngày rằm tháng giêng, ông lập chiến công hiển hách đê đê. Ngày ấy, ông cùng Tống-Phước-Lương đem quân tiến đạo tấn công vào đồn thủy của Tây-Sơn nơi cửa Thị-Nại. Đoàn quân của ông và Tôn-Thất-Lương phối hợp với đạo chiến thuyền do Lê-Văn-Duyệt và Võ Di-Nguy điều động, đốt phá được toàn đội thủy quân của Tây-Sơn, tịch thu một số chiến lợi phẩm lớn lao.

Đến tháng 2 năm ấy, ông thừa thắng thống suất Thủy-Sư tiến đánh Quảng-Nam. Đại binh của ông ấy đoạt nhiều chiến thắng khác, đưa Nguyễn-Vương lên ngôi vua, gom non sông về một mối. Đánh Nam dẹp Bắc công lao hạng mã của ông khiến các tướng đều trọng, và vua Gia-Long cũng đem lòng ưu ái. Bởi thế, năm Ất-Sửu 1805, sau khi đã an định tình hình khắp nơi, vua Gia-Long cử ông vào coi sóc miền Nam với chức vụ Tổng-Trấn Gia-Định thành, thay cho Nguyễn-Văn-Nhơn tạm thời đảm nhận chức Lưu-Trấn. Thì là tên tuổi Nguyễn-Văn-Trương thêm ghi đậm nét vàng son miền Gia-Định Đồng-Nai.

Ngồi chức Tổng-Trấn Gia-Định thành được hai năm thì ông ọc chiếu vua triệu về kinh, đảm nhận chức vụ khác.

Đến năm Canh-Ngọ 1810, ông mất, thọ 70 tuổi ; được truy g là Thái-Bảo Quận-Công.

Đời Minh-Mạng, ông lại được truy phong là Đoan-Hùng Quận-ng.

2— NGUYỄN-VĂN-NHƠN

Nguyễn-Văn-Nhơn, người huyện Vĩnh-An, tỉnh An-Giang xưa, in phụ ông là Trấn Quốc Tướng-Quân Minh-Đức-Hậu Nguyễn-ang.

Ông là vị Tổng-Trấn Gia-Định thành mà vua Gia-Long đã tỏ g hậu đãi hơn cả. Vì ông đã tận tâm phục vụ chúa Nguyễn hơn các hàng tướng-sĩ.

Từ năm Giáp-Ngọ 1774, nghe tên quan Lưu-Thứ Long-Hồ là ng-Phước-Hiệp và Cai-Bạ Nguyễn-Khoa-Thuyên truyền hịch mộ ân, ông ra ứng nghĩa. Bấy giờ ông mới 22 tuổi, lãnh chức Đội-ởng, quản suất 4 đội tân binh đóng ở Vân-Phong. Lúc đầu, ông dưới quyền chỉ huy của Nguyễn-Khoa-Thuyên, sau thuộc quyền c chiến Nguyễn-Khoa-Kiên, rồi đến Tống-Phước-Hòa, dần dần lập ọc nhiều công trận.

Đến năm Mậu-Tuất 1778, ông thăng làm Cai-cơ, từng sát cánh i Dương-Công-Trừng, nêu danh nơi Sa-Đéc. Chẳng bao lâu, ông 1 lượt được thăng chức Cai-cơ Vệ-úy, rồi làm Lưu-thủ Trấn-biên m lãnh chức Trung-Quân-Dinh Hữu-Chi Hiệu-úy, vào năm Mậu-ân 1788.

Năm Kỷ-Mùi 1799, khi Nguyễn-Vương ra đánh Qui-Nhơn, ông ọc phong chức Chương-Cơ, lãnh nhiệm vụ ở lại trấn thủ đất Gia nh, giúp đỡ Hoàng tử Hi.

Khi bình định xong đất nước, ông dâng lên vua Gia-Long một n điều trần, xin nhà vua hãy thi hành 14 điều :

- 1.— Định lại các thứ thuế
- 2.— Cầu người hiền
- 3.— Lập hương học
- 4.— Cử người hiệu liêm

- 5.— Cải cách phong tục
- 6.— Định phép khoa cử
- 7.— Cải cách hình phạt
- 8.— Định sắc phục kẻ trên người dưới
- 9.— Đặt phép cho nghiêm việc quan lại
- 10.— Phát chẩn cho dân nghèo
- 11.— Tiêu biểu người trinh tiết
- 12.— Thăm định phép tắc
- 13.— Lập các nơi đồn trại.
- 14.— Bỏ những thuế tạp.

Năm Gia-Long thứ 7, Mậu-Thìn 1808, Phiên-An trấn được đổi tên lại là Gia-Định thành. Tướng Trấn-Thủ khi ấy là Trung-quân lãnh chỉ triệu hồi kinh, người được thay nắm quyền Tổng-Trấn Gia-Định thành chính là Nguyễn-Văn-Nhơn.

Chẳng những ông làm Tổng-Trấn thành Gia-Định, lại còn kiêm lãnh nhiệm vụ cả hai trấn Bình-Thuận và Hà-Tiên.

Ngồi chức Tổng-Trấn suốt năm năm, ông tận tụy phục vụ dân chúng đem lại an ninh phúc lợi cho khắp nơi. Đến năm Quý-Dậu 1813, ông được chỉ triệu về kinh. Người thay thế ông là Đức-Thượng-Công Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt. Nhưng được vài năm, Nguyễn-Huỳnh-Đức lại phụng mạng thay cụ Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt làm Tổng-Trấn.

Rồi đến năm Kỷ-Mão 1819, Nguyễn-Huỳnh-Đức tạ thế. Nguyễn-Văn-Nhơn lại phụng mạng vào làm Tổng-Trấn Gia-Định lần thứ hai. Cũng trong năm này, vua Gia-Long thăng hà. Ông về kinh điếu tang.

Sang đời Minh-Mạng năm thứ 3 (Nhâm-Ngọ 1822), ông mất, thọ 70 tuổi, được truy tặng là Thái-Bảo Quận-Công.

Đức Minh-Mạng phán với Trịnh-Hoài-Đức rằng : « Nhân là bậc huân cựu đại thần, trung thành cần hậu, chẳng may mất đi, trẫm rất cảm thương ».

Đời Tự-Đức, ông được liệt thờ vào miếu Trung-Hưng công thần và Thái miếu, truy phong là Kinh-Môn Quận-Công.

Lăng mộ ông ở ấp Khánh-Thuận, làng Tân-Đông (xưa là Tân-Khánh) tổng An-Thanh-Hạ, cách tỉnh lỵ Sa-đéc hơn 8.000 thước. Trên tấm bình phong phía sau có khắc bài thơ của vua Thiệu-Trị ngự chế trong năm 1846 :

Trước công vô lạng ông, có đôi liễn :

« *Tứ thể nhân luân thiên lũng ốc ;*

Quốc gia trung hiếu lưỡng âm phong. »

Đốc-Phủ-Sứ Nguyễn-Đăng-Khoa có bài thơ điệu ông

Cần vương giữ vẹn tiết trung thân

Lửa đỏ đành đem gởi chút thân

Gia-Định cao thẳng ngôi Tông-Trấn

Nam-kỳ thống lãnh chức Trung-Quân

Kỳ-Nam đáng đứng trong trời đất

Liệt sĩ hầu lên nẻo thánh thân

Nuốt đạn vừa tên không hề mạng

Non sông âu cũng nhứt công ân.

3.— TẢ-QUÂN QUẬN-CÔNG LÊ-VĂN-DUYỆT

Trong hàng Tông-Trấn thành Gia-Định khi xưa, lỗi lạc nhất là Thượng-Công Tả-Quân-Đinh Lê-Văn-Duyệt. Đây là vị Tông-ín mà tài đức và uy võ đã từng khiến các lân bang đều khiếp phục, ng-vọng.

Thượng-Công Lê-Văn-Duyệt sinh năm Giáp-Thân 1764, tại vùng n dã gần vàm Trà-Lọt (nay thuộc làng Hòa-Khánh, tỉnh Định-òng).

Nội tổ của ông là cụ Lê-Văn-Hiếu từ Quảng-Ngãi thiên cư vào r (sau được truy phong là Quang-Tiến Chiêu-Nghị Tướng-Quân úu-Thuận-Hầu).

Sau khi cụ Lê-Văn-Hiếu qua đời, thân phụ của ông là Lê-Văn-ại rời vàm Trà-Lọt, đến ngụ tại vùng Rạch-Gầm, ở bên rạch ông , nay thuộc làng Long-Hưng Định-Tường.

Bấy giờ, Tây-Sơn và nhà Nguyễn-Phúc đang tranh hùng. Chúa uyễn chạy vào Nam, các nẻo đường đất nước miền Nam trải đầy igr gió nhất là thủ phủ miền Nam là đất Gia-Định là bãi chiến òng xung sát giữa đôi bên gay go hơn cả.

Bắt đầu từ năm Canh-Tí 1780, Lê-Văn-Duyệt mới 17 tuổi, được uyễn-Vương tuyền làm Thái-Giám.

Ít lâu sau, nhận thấy ông giỏi võ, tài trí mẫn tiệp, Nguyễn-ơng phong ông làm Cai-Cơ, coi hai đạo quân thuộc nội.

Tháng 3 năm Nhâm-Dần 1782, Tây-Sơn vào đánh lấy Gia-Định Nguyễn-Vương chạy xuống Rạch-Gầm, Cai-Lữ (thuộc nhiều), rồi lại thua chạy ra Phú-Quốc cùng cung quyến. Trên đường tâu quốc, nhất Nguyễn-Vương nhờ đến sự bảo vệ của Lê-Văn-Duyệt mà được an lòng.

Rồi từ năm Kỷ-Dậu 1789, ông mới thật sự bắt đầu trở thân oai nghiêm nhiên đứng vào hàng tướng lãnh thượng thặng. Nguyên mộ hôm, nghe các bạn luận bàn về tài cầm binh giỏi của Tống-Phước-Hiệp, Tống-Viết-Phước, Nguyễn-Văn-Thành, ông không đồng ý nói to :

— Mấy người ấy chưa có thể gọi là toàn tài, ông Phước thì dư đồng mà kém mưu, ông Thành thì mưu thừa mà đồng thiếu. Theo tôi thì chỉ có ông Tôn-Thất-Hội mới là người đủ trí đồng. Sau này nếu tôi có cầm binh thì quyết phải làm được như ông ấy.

Nguyễn-Vương nghe nói, thung dung hỏi ông :

— Người cũng có thể cầm binh được sao ?

— Bẩm, được.

Rồi từ đó, ông xông pha trận mạc, trở tài trí đồng. Trải trăm trận vào sanh ra tử, ông lập nhiều chiến công hiển hách, đặc biệt là trận đánh ở cửa Thị-Nại trong đêm rằm tháng giêng năm Tân-Dậu 1801, ông đã cùng các tướng Nguyễn-Văn-Trương, Nguyễn-Văn-Thành, Tống-Phước-Lương, Võ-Di-Nguy dùng hỏa công toàn thắng đánh một trận đề đời.

Trận Thị-Nại này được gọi là « Võ công đệ nhất » trong thời trung hưng của triều Nguyễn.

Đến tháng 5 năm ấy (Tân-Dậu 1801), ông phụng mạng cùng với Lê-Chất, Tống-Viết-Phước, đem binh cứu viện thành Phú-Xuân.

Nguyễn-Vương đặc biệt ban cho ông một chiếc trống trận và một cây cờ lệnh đề tăng uy trong việc điều khiển ba quân.

Dần dần ông đắc thắng nhiều trận về vang. Nguyễn-Vương đặc phong ông tước Quận-Công.

Tháng 5 Nhâm-Tuất 1802, sau khi lên ngôi, vua Gia-Long thăng chức cho ông là Khâm-Sai Chương Tả-Quân-Dinh Bình-Tây Tướng-Quân, hiệp cùng Lê-Chất đem Bộ binh đi tiên phong đánh ra Bắc. Tháng 10, ông thành công, thu phục Bắc hà và đổi lại là Bắc thành.

Năm 1804, ông dẹp yên loạn Mọi Đá Vách.

Năm 1809, vua Gia-Long ngự vào Quảng-Nam, ông được giao trấn thủ đê-dê.

Đến năm 1812, ông lãnh chức Tổng-Trấn thành Gia-Định, gồm luôn hai trấn Bình-Thuận và Hà-Tiên. Có Long-vân-Hầu Trương n-Bửu làm Phó Tổng-Trấn và Tịnh-viễn-Hầu Ngô-nhân-Tịnh làm p-Tổng-Trấn. Đồng thời, ông lại được lệnh đem theo đội Thần-h-quân ở hai trấn Thanh, Nghệ, năm đội quân Bắc thành và đội ợng quân gồm trên ba ngàn người vào Gia-Định.

Oai trấn thành Gia-Định, ông đã khiến các nước Xiêm-La, Chân p đều kiêng nể. Đương thời đều sợ oai ông, xem như «Cọp Gấm ng-Nai».

Chính ông đã lập ra hai cơ quan từ thiện là «Anh hài» và «Giáo ỡng» : Những trẻ nào thích việc kiếm cung được chăm nom ở cơ an «Anh hài» để rèn luyện võ nghệ hầu sau lập công giúp nước. n những trẻ khác và những quả-phụ thì được vào cơ quan «Giáo ỡng» để học văn chương và tập nghề nghiệp.

Tháng 6 năm Ất-Hợi 1815, ông phụng chỉ về triều. Rồi lãnh h đi dẹp giặc ở Quảng-Nghĩa, chính ông đã cho đắp lũy dài chạy c suốt tỉnh Quảng-Nghĩa : Phía Bắc tới huyện Hà-Đông, phủ Tam , tỉnh Quảng-Nam ; phía Nam tới huyện Bồng-Sơn của tỉnh Bình-nh. Lũy dài trên 100 cây số, có 115 đồn bảo, đặt quân đóng giữ hiêm nhật.

Từ năm 1820, ông nỗ lực coi sóc miền Nam, an ninh trật tự ợc vấn hồi ở khắp thành Gia-Định.

Năm Minh-Mạng thứ 5 (1824), vua gả con gái thứ 10 của Tiên là Ngọc-Nghiên Công-Chúa cho người con thừa tự của ông là Lê-n-Yến (Lê-văn-Yến này vốn là con người em ông là Lê-văn-Phong).

Đầu năm Ất-Dậu, 1825, ông được vua sai Thị-Vệ vào tận Gia-nh ban tứ phẩm vật cho ông và các thuộc liêu là Trương-tấn-Bửu ỹễn-văn-Thoại, Nguyễn-xuân-Thục, Nguyễn-nhật-Vĩnh cùng vui ân.

Phu nhân của ông là Đổ-thị-Phận cũng được vua ban 1.000 quan n.

Cho đến năm Nhâm-Thìn, ngày 30 tháng 7 (25 Aoüt 1832) ông trần tại thành Gia-Định thọ 69 tuổi.

Miếu mộ của ông đều xây cất tại xã Bình-Hòa Gia-Định ; được

nhân-dân kính cần gọi là «Lăng Ông» hay «Lăng Ông Thượng», h
Đền thờ Đức Thượng-Công», và thiện tín Trung-Hoa thì tôn xưng
danh hiệu «Miếu thờ Phò-Mã Da Da».

Vì người con thừa tự của ông là Lê-văn-Yến được vua gả Cô
chúa Ngọc-Nghiên, và phong là Phò-Mã Đô-Úy.

Cuộc đời của một vị Thượng-Công, oai trấn Gia-Định thà
đáng được đề cao như thế. Nhân dân tôn sùng ngưỡng mộ là lẽ
nhiên. Đến như sau khi ông mất, bị kẻ quyền thần đem siểm lễ
hại đến thình danh ông, gây ra sự phẫn uất của Lê-văn-Khôi p
nổi loạn, như tôi trình bày đầy đủ ở phần giai thoại đề công đờ
lãm.

Thơ văn truy niệm cụ Lê Tả-Quân, từ xưa đến nay kể rất nhi
Gần đây, ông Vị-Giang Trần-gia-Phúc có bài Cung đề lăng đức T
Quân Lê-văn-Duyệt :



Đức Tả-Quân Lê-văn-Duyệt

Miền Nam đệ nhất miếu Lăng Ông
Hương khói ngàn thu đất Lạc Hồng
Phò chúa bao phen yên xã tắc
Giúp dân mấy độ đẹp non sông
Tài năng dựng nghiệp bền bia đá
Đức độ nên danh vững tượng đồng
Nức tiếng anh linh trong bốn cõi
Muôn năm phù hộ giống tiên rồng.

Ông Nguyễn-văn-Cuộc, giáo viên hưu ở Tân-An có hai bài thơ vịnh Lăng Tả-Quân Lê-văn-Duyệt :

Bà Chiêu có lãng ngài Tả-Quân
Một thời oanh liệt tiếng vang lừng
Phò vua giúp nước tròn trung nghĩa
Cứu khốn trợ nguy vẹn thủy chung
Bia tạc ngàn đời trang kiện tướng
Danh lưu muôn thuở đấng anh hùng
Hương xông trầm tỏa chuông ngân vọng
Tạo cảnh tôn nghiêm đáng kính sùng.

Lăng Ông Bà Chiêu nhận quanh năm
Som tối trưa chiều khách viếng thăm
Kẻ đến nguyện cầu cho được phước
Người vào khẩn vái đề xin xâm
Chuông ngân lanh lảnh tan phàm nảo
Trầm tỏa ngạt ngào lãng tục tâm
Nhìn cảnh bỗng nhiên lòng cảm thấy
Xót xa thế sự buổi thăng trầm

4.— KIẾN-XƯƠNG QUẬN-CÔNG NGUYỄN-HUỲNH-ĐỨC

Chúng ta đã biết qua thân thế và công nghiệp của ba vị Tổng-Trấn Gia-Định thành : Nguyễn-văn-Trương, Nguyễn-văn-Nhơn, Lê-văn-Duyệt. Bên cạnh 3 ngôi sao sáng ấy, còn có hai vị Phó-Tổng-Trấn : Nguyễn-Huỳnh-Đức và Trương-Tấn-Bửu cũng đã được lịch sử ghi đậm nét son vàng.

Vốn là bậc công thần của Nguyễn triều, nên Huỳnh-Tường-Đức

được ban cho theo họ vua là họ Nguyễn. Bởi thế, đương thời ghép họ Nguyễn vào họ tên của ông, mà gọi là Nguyễn-Huỳnh-Đức. Cũng như vị công thần Khâm-Sai Chương Cơ Trần-văn-Học, cũng được ban họ vua, nên cũng gọi là Nguyễn-văn-Học.

Nguyễn Huỳnh-Đức là một tướng lãnh thượng thặng của nhà Nguyễn. Ông sinh năm Mậu-Thìn 1748, tại giồng Cái-Èn, thuộc làng Trường-Khánh tổng Hưng-Nhượng, huyện Kiến-Hưng (nay thuộc làng Khánh-Hậu, tổng Hưng-Long, quận Thủ-Thừa, tỉnh Long-An). Vì ông đã từng ngồi chức Tổng-Trấn Gia-Định thành, cho nên chúng tôi xin nhắc đến ông nơi đây.

Ông vốn dòng dõi nhà tướng, tồ phụ là Hoàng-Công-Châu làm Suất đội; thân phụ ông là Huỳnh-Công-Lương làm Cai-Đội. Đến đời ông, võ nghệ tinh thông, được đời xưng tặng hồ tướng.

Xuất thân, ông gia nhập đạo nghĩa quân Đông-Sơn của Đổ-Thanh-Nhân. Rồi sau, ông và Đổ-Thanh-Nhân đều theo phụ tá chúa Nguyễn.

Năm Nhâm-Dần 1782, ông được phong làm Tiên-quân. Trong trận đánh ở Tứ-Kỳ-Giang (thuộc vùng Long-An và Gò-Công), ông đã trở thành lực giải nguy cho Nguyễn-Vương. Đền đáp ân nghĩa của ông, Nguyễn-Vương mới xem ông như người trong họ, do đó tặc danh Huỳnh-Tường-Đức của ông, đổi gọi là Nguyễn-Huỳnh-Đức.

Năm Quý-Mão 1783, thất trận Đồng-Tuyên, ông bị Tây-Sơn bắt. Nguyễn-Huệ vốn mến tài ông, muốn thu dụng, tự tay mở trói cho ông và khuyên ông qui hàng. Ông không đầu phục. Nguyễn-Huệ vẫn trọng đãi ông, không làm hại gì. Sau đó, ông tìm cách trốn thoát được, trở về cùng Nguyễn-Vương.

Nguyên năm Bính-Ngọ 1786, ông được Nguyễn-Huệ dùng làm Phó-tướng, hiệp cùng tướng Nguyễn-Văn-Duệ coi giữ Nghệ-An. Thừa dịp ấy, ông đánh lừa được tướng Tây-Sơn Nguyễn-Văn-Duệ, đem một đội kỵ binh qua Châu Lạc-Hòa, bằng ngã Ai-Lao để sang Xiêm tìm về với chúa cũ là Nguyễn-Phúc-Ánh.

Khi ra đi, ông gửi lại cho Nguyễn-Văn-Duệ một bức thư, đại ý : «Vi Nghĩa vụ, ai thờ chúa nấy, nên ông phải đi tìm chúa cũ mới là trọn đạo».

Ông sang Xiêm tìm Nguyễn-Vương không gặp, liền trở về Gia-Định, Chúa tôi trùng phùng, gương trung liệt của ông khiến mọi người

đều cảm phục. Nguyễn-Vương phong ông làm Khâm-Sai Chương-Cơ, quản-trung-chỉ tướng sĩ.

Năm 1791, ông lập nhiều chiến công oanh liệt : bắt sống Thái-Bảo Tây-Sơn là Phạm-Văn-Tham, giải vây được cho Lê-Văn-Quản tại Phan-Rí.

Năm 1792, Nguyễn-Vương ra đánh Qui-Nhơn, ông được lệnh án thủ ở Bà-Rịa, rồi lãnh chức Khâm-Sai Chương-Quản Hữu-Quân-Dinh Bình-Tây Phó Tướng quân. Ít lâu, ông được thăng làm Bình-Tây Tướng-quân, lãnh mạng trấn thủ Bình-Thuận, Diên-Khánh.

Năm Mậu Ngọ 1798, ông cùng Nguyễn-Văn-Trương đem thủy quân qua cứu viện cho nước Xiêm chống nhau với Miến-Điện.

Từ năm Kỷ-Mùi 1799, ông liên tiếp lập nhiều công trận, càng được Nguyễn-Vương trọng vọng, giao cho trở về Định-Tường, sắp đặt việc trị an tại đấy.

Đến năm Nhâm-Tuất 1802, ông được phong tước Quận-Công, cử làm trấn thủ thành Bình-Định và giữ chức Tiền-quân thay cho Nguyễn-Văn-Thành.

Năm 1810, ông lại được thay Nguyễn-Văn-Thành làm Tổng-Trấn Bắc-Thành. Năm 1812, thăng làm Khâm-Sai Chương Tiền quân.

Năm 1813, ông xin cáo lão hồi hưu. Vua Gia-Long không chấp-thuận, bổ ông làm Tổng-Trấn Gia-Định thành, thay cho Tổng-Trấn Lê-Văn-Duyệt được chiếu triệu về kinh. Rồi sau đó, khi ông mất, Lê-Văn-Duyệt tái nhậm chức Tổng-Trấn Gia-Định thành như trước.

Thế là cuộc đời ông trước sau đã từng làm Tổng-Trấn ở hai nơi. Ngồi chức Tổng-Trấn Bắc thành năm 1810. Ngồi chức Tổng-Trấn Gia-Định thành từ năm 1813. Thật vẻ vang hơn hết các tướng của Nguyễn-triều, coi sóc đủ cả hai miền Nam Bắc.

Cho đến năm Kỷ mao 1819, ngày mùng 9 tháng 9, ông mất, thọ 72 tuổi. Được truy tặng là Duy-Trung Dực-Vận Công-thần, Đặc-Tấn Phụ-Quốc Thượng-Tướng-Quân, Thái-Phó, Quận-Công.

Đời Thiệu-Trị, ông được truy phong là Tráng-võ tướng quân, tước Kiến-Xương Quận-Công.

Ông sinh hạ được 4 người con trai :

1. — Nguyễn-Huỳnh-Toán, cưới Công-chúa Thái-Bình Ngọc-Châu, con gái thứ 5 của vua Gia-Long ; thọ chức Phò-Mã, Phiêu-Kỵ Vệ-Úy.

2. — Nguyễn-Huỳnh-Thành, Phó-Mã cưới Công-chúa Định-Hòa Ngọc-Cơ, thọ chức Kinh-Kỵ Vệ-Úy.

3. — Nguyễn-Huỳnh-Nhiên, lãnh chức Trung-quân Phó-Vệ-Úy.

4. — Nguyễn-Huỳnh-Thỏa, làm Tiên Phong Phó-Vệ Úy.

Một người con nuôi của ông là Nguyễn-Huỳnh-Phồ (tức Nguyễn-Đình-Phồ), làm đến Ninh-Thái Tổng-Đốc.

Hiện nay, mộ và miếu thờ ông còn ở làng Khánh-hậu tỉnh Long-an.

Ngay cửa vào gian giữa nhà thờ ông, có hai hương án, trên có chân dung ông mặc phẩm phục võ quan, có đề phẩm tước. Theo lời ông Nguyễn-Huỳnh-Tân, cháu 5 đời của ông, thì bức chân dung của ông do họa sĩ Nguyễn-Văn-Vện ở tại chợ Củ-Chi (nay thuộc tỉnh Hậu-Nghĩa), thành tâm tưởng tượng vẽ ra hồi năm 1942.

Sau hương án, giữa gian nhà thờ, có một bộ ván cây sao bằng nguyên một tấm cây dài 3 thước 4, ngang 1 thước 3 và dày 1 tấc 8 phân, lúc sanh tiền ông thường nằm nghỉ.

Trên bộ ngựa bày la liệt khám cùng ngai và bài vị đề chữ Hán cùng các đồ dùng của ông khi sinh thời như gối, tráp, quạt, hàm sắc.

Phía trên có bức hoành đề ba chữ « Vạn lý danh », ở mộ và nhà thờ có rất nhiều câu đối ca ngợi công tích vẻ vang của ông.

Ngoài cửa nhà thờ cách một cái sân nhỏ lại còn có một tiêu-đỉnh, trong đề một cái đèn vông của ông khi xưa và một lá cờ lệnh hình đuôi nèo nay đã phai cả màu sắc ; cùng một cái khánh đồng bề dài 7 tấc 3, bề đứng 5 tấc 7, gáy dài 4 phân tây. Cái khánh này đúc ra trên 150 năm (1819) và có khắc mấy chữ nhỏ « Kỷ mao niên, trung thu tạo » — Đúc vào tiết trung thu, năm Kỷ mao 1819. (Thuật theo bài : Sử liệu Việt-Nam « Theo dấu người xưa. Tướng khai quốc công thần Tiền-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức » của ông Trần-Hồng-Thu, nhật báo Đồng-Nai ngày 23-10-1970.

5.— LONG-VÂN-HẦU TRƯƠNG-TẤN-BỬU

Từng hai phen làm Phó Tổng-Trấn Gia-Định thành, tướng Long Vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu cũng vang lừng tên tuổi chẳng kém gì các danh tướng oai trấn Gia-định như 4 vị : Nguyễn-văn-Trương, Nguyễn-văn-Nhơn, Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-Huỳnh-Đức mà chúng tôi đã kể.

Long-vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu sinh năm 1752, tại làng Hưng-Lễ, nay là Hiệp Hưng, tổng Bảo-Phước, tỉnh Bến-Tre. Thân phụ của ông là Trương-Tấn-Khương, thân mẫu là Trần-Thị-Nghĩa.

Từ năm Đinh-Tỵ, 1787, ông theo phò Nguyễn-Vương. Bấy giờ ông đã 36 tuổi, rất giỏi võ, lại có sức mạnh, tính tình trầm tĩnh.

Khi Nguyễn-Vương ẩn trú vùng Cái-Mít, ông đã hết lòng che chở, canh phòng Tây-Sơn, và lãnh nhiệm vụ tuyên-truyền, chiêu mộ dân quân. Nguyễn-Vương phong ông làm Khâm-Sai Đốc-chiến Cai-cơ, phục vụ dưới quyền của Hậu quân Tôn-Thất-Hội.

Tháng 6 năm Canh-Tuất 1790, ông thăng chức Hậu-quân Hậu-chi Chánh-Trưởng-chi, rồi dời qua chưởng quản Tiền-quân.

Tháng 2 năm Đinh-Tỵ 1797, thăng Tiền-quân Phó-tướng. Từ đây ông lập nhiều chiến công lẫy lừng trong những cơn chiến đấu cùng Tây-Sơn ở Bình-Định, Hội-An. Ông đã cùng Lê-Chất và Nguyễn-Đình-Đắc vào sanh ra tử khắp chiến trường Trung, Bắc.

Đến năm Nhâm-Tuất 1802, ông được thăng Chương-dinh, vẫn giữ chức Tiền-dinh Phó-Tướng, cai quản đạo quân Tú-tại Bắc thành. Bốn năm sau, Bính-Dần 1806, khoảng tháng 11, ông tạm thay Nguyễn-Văn-Thành làm Tổng-Trấn Bắc thành.

Khi giữ chức Tổng-Trấn Bắc thành, trước sau ông đã đánh 36 trận với các thổ phỉ ở Hải-Dương, Bắc-Ninh, Sơn-Tây và Quảng-Yên.

Năm Canh-Ngo 1810, ông lại quyền lãnh chức Tổng-Trấn Gia-Định thành. Đến năm Nhâm-Thân 1812, khoảng tháng 7, Lê-Văn-Duyệt được cử làm Tổng-Trấn Gia-Định, thì ông làm Phó Tổng-Trấn.

Năm Bính-Tí 1816, chính ông đã coi sóc việc đắp thành Châu-Đốc. Rồi được triệu về kinh Chương-quản Trung-quân.

Đến năm Tân-Tỵ 1821, ngày 28 tháng 3, ông lại được bổ làm Phó Tổng-Trấn thành Gia-Định như trước, thay cho Huỳnh-Công-Lý phạm pháp bị Tổng-Trấn Lê-Văn-Duyệt xử chém.

Năm sau, 1822, ông được thăng trật Chanh-Nhất-Phẩm. Thân phụ ông là Trương-Tấn-Khương thì được truy phong là Nghiêm-Oai Tướng-quân Thượng-Bộ-quân Trung-quân Thống-chế. Thân mẫu ông là Trần-Thị-Nghĩa cũng được truy phong là hàng mệnh-phụ phu nhân.

Bấy giờ ông đã già yếu, xin cáo quan về hưu ở Gia-Định, trong năm Ất-Dậu 1825, ngày 17 tháng 11.

Theo tài liệu của ông Nguyễn-Duy-Oanh trong quyển « Bến-Tre trong lịch sử Việt-Nam » trang 275, lúc về hưu, Long-Vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu có mấy câu cảm tác :

*Đã gần đến lúc thí thân cho đất
Còn dám đâu đánh bạc với trời
Trên đầu tóc bạc phơi phoi
Chuột chạy cùng sào còn mong chi nữa.
Trước mặt bủa đường mây thoát thoát
Ngựa đi hết nước còn dám đâu mong. . .*

Rồi đến ngày mùng 10 tháng 6 năm Đinh-Hợi, nhằm 2 Août 1827, ông từ trần thọ 76 tuổi.

Vua Minh-Mạng có ban cho 2.000 quan tiền và 5 cây gấm tốt để giúp thêm vào việc tang. Và chính cụ Tổng-Trấn Gia-Định thành Tả-quân Lê-Văn-Duyệt đã bồn thần đứng lo việc cất táng vị Phó-Tổng-Trấn Long-Vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu, người phụ tá đắc lực mà cũng là người bạn già thân thiết của cụ, tại ấp Phú-Thành, xã Phú-Nhuận.



Lăng Long-Vân-Hầu Trương-Tấn-Bửu tại Phú Nhuận.

Đến đời Tự-Đức năm thứ 5 (1852), ông được thờ vào miếu trung-hưng công thần và đền Hiền-Lương.

Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc ở ấp Phú-Thành, xã Phú-Nhuận, tỉnh Gia-Định, góc đại lộ Cách-Mạng 1-11-63 và đường Tự-Đức, được nhân dân xưng gọi là lăng Phú-Thành. Và tại làng Hiệp-Hưng, Tổng Bảo-Phước, quận Ba-Tri (trên đường Ba-Tri trở về Giồng-Trôm) cũng có đền thờ ông.

Ông có 3 trai và 1 gái : Trương-Tấn-Cầm, Trương-Tấn-Cường, Trương-Tấn-Thuận và Trương-Tĩnh-Cửa.

Người cháu của ông là Trương-Tấn-Chí, mất trong cuộc kháng Pháp dưới cờ nghĩa của Phan-Liêm, Phan-Tôn vào đêm 20 tháng 10 năm Đinh-Mão, nhằm 15 Novembre 1867. Quân Pháp đã bắn chết Trương-Tấn-Chí, khi Tấn-Chí xung phong phất cờ lặn xả vào vòng chiến đánh đuổi quân xâm lược.

NGUYỄN-ĐĂNG-TRƯỜNG

Người khăng-khăng không đầu-phục Tây-Son

Thành thật mà nói, trong hàng ngũ những người quyết theo Chúa Nguyễn vào Nam, lánh Tây-Son, có lẽ không ai bằng Nguyễn-Đặng-Trường. Đành rằng vẫn có những người như Dương-Công-Trừng, Nguyễn-Huỳnh-Đức, Vũ-văn-Lượng, trước sau một mực quyết chống Tây-Son, dù khi bị bắt vẫn chỉ tạm khuất một lúc rồi cũng bỏ trốn, và chẳng may bị bắt lại thì đành chịu chết mà thôi. Nhưng đó là những võ tướng. Còn về mặt văn thân, thì xét ra thật chưa có mấy ai được như Nguyễn-Đặng-Trường này.

Theo chính sử, Nguyễn-Đặng-Trường quê quán ở miền ngoài, nhưng vì không phục Tây-Son, nên quyết chí theo gót chúa Nguyễn lánh vào Đàng trong, tức vào Gia Định Đàng-Nai.

Ông là người nổi tiếng văn học. Tính khí trung liệt, khi đã quyết định điều gì, thì chẳng bao giờ ông đổi ý, kiên gan giữ vững khí tiết.

Bấy giờ miền ngoài loạn lạc. Vua Lê chúa Trịnh ghìm nhau. Các nhà Trịnh, Nguyễn và Tây-Son chống đối nhau, gây nên cảnh nội loạn thương tâm, máu xương sông máu não nùng.

Nguyễn-Đặng-Trường xét xem tình thế, lấy quyết định phải trốn lánh vào Nam theo chúa Nguyễn. Khi ấy, chúa Định-Vương Nguyễn-

Phúc-Thuần sau mấy trận giao tranh ác liệt với Tây-Sơn, vẫn không chống nổi, đã thẳng đường chạy thoát vào Gia-Định. Nguyễn-Đặng-Trường hay tin, cũng vội vã cuốn gói hành trang chạy theo. Nhưng không kịp, loanh quanh ăn náu một lúc, ông tìm cách vượt biên đề vào Gia-Định cho kỳ được. Đi đến Bình-Định, chẳng may trời nổi phong ba, chiếc thuyền đào tị trôi giạt vào bờ. Quân tuần tiểu của Tây-Sơn trông thấy, chặn bắt ông giải nạp cho chủ tướng. Ông không nao núng, thản nhiên chờ xem tình thế xảy ra sao, tùy cơ ứng biến mà liệu bề đối phó.

Tây-Sơn Nguyễn-Huệ là vị chủ tướng vẫn có lòng biết trọng đãi kẻ sĩ. Thấy quân tuần bắt Nguyễn-Đặng-Trường giải đến. Nguyễn-Huệ nhận biết là người có tài văn học, ý muốn lưu dụng, bèn thân mở trói, khuyên dỗ đầu hàng. Ông khéo léo từ chối. Nguyễn-Huệ cũng không nài ép, mà cũng không nghiệt ngã giam cầm ông làm chi, tha cho ông về mà nói :

— Nay đang buổi loạn, ông hãy liệu lấy thân, ông đã không muốn đem tài năng phục vụ cho chúng tôi, thì chúng tôi cũng không bắt ép làm chi. Nhưng chúng tôi xin khuyên ông lần chót. Đã không theo giúp chúng tôi, thì tự hậu ông cũng chớ giúp ai. Hãy làm khách bàng quan nhìn xem thế sự. Nếu ngã hẳn về phe chống đối chúng tôi, chừng ấy, mà bị bắt được, quyết không dung tha nữa.

Rồi đó, Tây-Sơn tha cho ông về. Mấy lời thăm thía của Tây-Sơn vẫn có tác động tâm lý ông phần nào, khiến ông càng thêm băn khoăn nghĩ ngợi. Và sau rốt, ông vẫn quyết định chọn con đường vào Gia-Định giúp chúa Nguyễn chống lại Tây-Sơn mà thôi.

Đã quyết ý, mặc kệ sự thế xảy ra sao thì ra, ông thẳng đường vào Nam. Lần này ông đi thoát. Tới Gia-Định, ông gia nhập hàng ngũ của chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần, trừ mưu quyết sách chờ cơ báo phục.

Tây-Sơn xua binh vào Nam đánh phá. Chúa tôi Nguyễn-Phúc chạy tản mác như đàn gà gặp phải cáo già. Thế Tây-Sơn mạnh như chẻ tre, chiếm lấy Gia-Định chẳng khó khăn gì. Nguyễn-Đặng-Trường không chạy thoát, chẳng may lại lọt vào tay Tây-Sơn.

Gặp lại ông trong cảnh bị trói giải nạp, Nguyễn-Huệ nghiêm mặt trách ông và vẫn ân cần khuyên dỗ ông theo về với mình. Ông khăng khăng đáp :

— Ta nay đã chọn một bề. Tôi trung không thờ hai chúa. Đã n nước này, ta chỉ đành một chết.

Thấy ông cương quyết không đổi chí, Nguyễn-Huệ không dung đối nghịch, truyền đem ông ra chém. Ông thản nhiên chịu giết chết.

Cái chết của ông, khiến sĩ phu hầu hết đều ngùi ngùi thương cảm.

KHÂM-SAI TIỀN-QUÂN CHỦ-ÔNG-CƠ NGUYỄN-VĂN-THÀNH

Nhà Nguyễn-Phúc tổ chức quân đội, thường giao trọng trách cho các vị tướng lãnh chưởng quản bốn đạo quân : Tả-quân, Hữu-quân, Tiền-quân, Hậu-quân. Chúng ta đã biết qua cuộc đời của :

Hữu-quân Nguyễn-Văn-Nhơn

Tả-quân Lê-Văn-Duyệt

Hậu-quân Võ-Tánh

Và đây vị võ tướng Khâm-sai Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành cũng vang lừng tên tuổi ở Gia-Định.

Nguyễn-Văn-Thành đã giúp chúa Nguyễn-Phúc-Ánh rất nhiều công việc chống đánh Tây-Sơn để thống nhất giang-sơn. Ông quê quán ở làng Bác-Vọng, huyện Quảng-Điền, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-kiệt) sau di cư vào Gia-Định (Nam-Việt).

Tài trí của ông so ra chẳng kém vị võ tướng nào thời ấy. Xuất thân, ông tự chiêu tập một số dân quân độ 800 người, hợp tác với Võ-thanh-Nhân ứng thời cứu loạn. Ông cũng chọn con đường phò chúa Nguyễn-phúc-Ánh, chống nhau với Tây-Sơn.

Biết việc vọng ngoại là điều bất lợi cho dân tộc, nên khi chúa Nguyễn lưu vong ở Xiêm, định cạy viện với Xiêm, chính ông đã từng hết sức can ngăn. Nhưng chúa Nguyễn chẳng nghe theo, mới có cảnh 100 chiến thuyền Xiêm và 20.000 quân Xiêm theo gót chúa Nguyễn oanh hành ở Hậu-Giang. Và rốt cuộc, đoàn quân Xiêm ấy cũng chẳng làm nên trò trống gì, bị Tây-Sơn đập tan ở Mân-Thít, Rạch-râm.

Ông tận lực giúp chúa Nguyễn, cầm quân đánh Tây-Sơn khắp nơi, lập nhiều công trận lớn. Ông đã 3 lần kéo binh từ Gia-Định ra đánh Qui-Nhơn, đương đầu với Đại tướng Tây-Sơn là Trần-quang-Điệu, đồng tài, đồng sức, cầm cự nhau nơi Bình-Định.

Nguyễn-Vương tướng thưởng công lao ông, phong ông đến chức Khâm-sai Tiền-Quân Chương-Cơ, giao cho giữ thành Bình-Định.

Khi thống nhất non sông, vua Gia-Long càng tin cậy nơi ông, trao trọng trách cho ông coi giữ miền Bắc với chức vụ Tổng-Trấn Bắc-thành. Ông đã không phụ lòng nhà vua, giữ yên đất Bắc. Sau đó ông được triệu về triều, quản lãnh Trung quân.

Tài cán như thế, công cao vọng trọng là thế, ông có ngờ đâu rốt cuộc ông lại bị nghi ngờ. Chỉ vì kẻ tiểu nhân ganh ghét dèm siểm, dựa vào một bài thơ của con ông là Nguyễn-văn-Thuyên, mà thêu dệt bảo rằng cha con ông có dị chí, mưu phản. Và cũng vì vua Gia-Long không hoàn toàn tốt bụng, nên nhẫn tâm nghe theo đũa gian nịnh, mà hạ lệnh giam cầm ông, bức tử ông, đến nỗi ông phải tuyệt vọng, uống thuốc độc tự-vận.

Cái chết của ông, cũng như các vụ án Lê-Chất. Lê-Văn-Duyệt, gây xúc động chẳng ít trong hàng tướng lãnh dày công với nhà Nguyễn-Phúc. Mãi đến đời Tự-Đức, nhờ có Đông-Các Đại-Học-Sĩ Võ-Xuân-Cần dâng sớ giải oan cho ông và các vị công thần đã bị bôi nhọ danh dự, mới oan của ông mới được giải tỏa.

Chẳng những làm tướng giỏi, từng Chương-Tiền-Quân, Trung-Quân, mà Nguyễn-Văn-Thành còn có văn tài, văn học lỗi lạc. Vào tướng văn, ra tướng võ, uy danh của ông rất xứng đáng được ngưỡng mộ.

Khi được triệu về kinh, có lúc ông được cử làm Tổng-Tài, trông nom việc soạn các sách Quốc-sử và Hình-luật, chính ông đã đóng góp đắc lực trong việc soạn Bộ luật Gia-Long, tức bộ «Hoàng Việt luật lệ» gồm 2 phần, 22 quyền, 398 điều luật, được ban hành năm 1812, và đầu năm 1815 được ấn loát phổ biến.

Ông cũng là tác giả các bài văn : «Điền mê khúc», đề phủ dụ nhóm người còn nhớ nhà Lê cũ, và soạn bài «Văn tế tướng sĩ trận vong» được xem là áng văn kiệt tác trong nền quốc văn hiện tại.

Nay ở Gia-Định còn có mộ ông.

BÌNH-GIANG QUẬN-CÔNG VÕ-DI-NGUY

Tại Phú-Nhuận hiện nay hãy còn ngôi lăng miếu uy nghiêm của Bình-Giang Quận-Công Võ-Di-Nguy, tục gọi là lăng quan Trung

Thủy. Vì ông đã từng làm chức Trung-Quân Chương-Thủy-Dinh, dũng liệt trong các trận Thủy-Chiến, và đền nợ nước trong trận đánh ở cửa Thị-Nại.

Võ-Di-Nguy sinh năm 1745, nguyên quán ở huyện Phú-Văn, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-Việt).

Đời chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần, tứ Duệ-Tông, ông được giao phó cho chỉ huy đội chiến thuyền. Khi thành Phú-Xuân bị quân Trịnh chiếm đoạt, Định-Vương chạy vào Gia-Định trong năm Ất-Mùi 1775. Ông ở lại cầm cự với quân chúa Trịnh. Ít lâu, rồi hiệp cùng viên Cai đội Tô-Văn-Đoài đem 200 quân chạy vào Gia-Định theo chúa Nguyễn. Đến năm Đinh-Dậu 1777, Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần bị Tây-Sơn bắt giết tại Ba-Vát (Bến-Tre), ông vẫn theo phò người kế vị là chúa Nguyễn-Phúc-Ánh, tận lực chống nhau với Tây-Sơn lắm trận quyết liệt.

Năm Nhâm-Dần 1782, ông lãnh chức Trung-quân Cai cơ, hiệp cùng Trung-Quân Trương-Phúc-Dinh tổ chức Hải-quân, đề đương đầu với đoàn Thủy-quân lực chiến của Tây-Sơn.

Năm Giáp-Thìn 1784, ông theo Nguyễn-Vương chạy sang xiêm, đóng quân ở Vọng-Các, lo bổ sung lực lượng. Đến năm Đinh-Mùi 1787, khi Nguyễn-Vương kéo quân về nước, đồn binh tại Long-Xuyên, ông lãnh sứ mạng ở lại Phú-Quốc bảo vệ cho vương mẫu và cung quyến Nguyễn-Vương.

Năm 1788, khắc phục thành Gia-Định, ông được phong làm Nội-Thủy Trung-Thủy-Thuyền, rồi thăng Khâm-sai thuộc nội Cai-Cơ.

Năm 1793, hộ giá Nguyễn-Vương ra đánh Qui-Nhơn, ông cùng với Nguyễn-Văn-Trương và Võ-Tánh điều động hải-quân, đồ bộ đánh chiếm được phủ Bình-Khang.

Năm 1799, ông lại điều động thủy quân chống nhau với Tây-Sơn, nhưng vẫn bất phân thắng bại.

Đến năm Tân-Dậu 1801, ông phụng mạng cùng Lê-Văn-Duyệt đem Thủy-quân ra đánh ở cửa Thị-Nại, quyết tâm triệt hạ cho kỳ được Thủy trại của Tây-Sơn. Đây là trận Thủy chiến dữ dội nhất, trận thư hùng quyết định, để tiếng trên lịch sử.

Đây, đôi bên đã dàn trận như sau :

Phía Tây-Sơn, Trần-Quang-Diệu đem đại binh dàn ngang ngăn

chận, lại cho đắp thêm đồn bảo ở cầu Phú-Hòa-Đông và cầu Tân-Hội, quyết không cho Bộ binh của Nguyễn-Vương tiến được. Về mặt thủy, tướng Võ-Văn-Dũng thiết lập thủy trại la liệt ở cửa Thị-Nại, tức là cửa biển Qui-Nhon ngày nay, tập trung toàn lực thủy quân trong vịnh này, và đem ba chiếc chiến thuyền lớn « Định Quốc » chận ngang hải khẩu, khiến thủy quân của Nguyễn-Vương không sao vượt qua dễ liên lạc với lục-quân.

Phía Nguyễn-Vương, sau mấy tháng bị phong tỏa, bộ tham mưu quyết định phải dùng hỏa công đánh cửa Thị-Nại. Bèn mật sai triệu Lê-văn-Duyệt, Võ-di-Nguy và các tướng lãnh về họp kín, thảo kế hoạch tấn công.

Kế hoạch như sau

Đêm ấy, rằm tháng Giêng năm Tân-Dậu 1801. Nguyễn-Văn-Thành nhận mật lệnh kéo quân cướp trại, để cản chân các tướng Tây-Son về mặt bộ. Đồng thời, Nguyễn-Văn-Trương, Tống-Phước-Lương cũng lãnh mật lệnh dẫn một đoàn binh thuyền đi trước. Tiếp theo sau là Lê-Văn-Duyệt và Chương-Thủy-Quân Võ-Di-Nguy cũng dẫn một đạo chiến thuyền sẵn tới. Nguyễn-Vương thân đốc chiến.

Vừa tới cửa Thị-Nại, Nguyễn-Văn-Trương chặn bắt được thuyền tuần tiễu của Tây-Son, tra hạch được khẩu hiệu, nên vào được sâu nơi Thủy trại mà đốt phá.

Rồi vào hồi 10 giờ rưỡi đêm ấy, Võ-Di-Nguy cùng Lê-Văn-Duyệt kéo toàn đội chiến thuyền xông vào. Quân Tây-Son, từ các đồn trên núi triều núi Cầm-Tòa bên hữu, và ở bãi Nhạn bên tả nả súng lớn pháo kích Võ-Di-Nguy trúng đạn nơi đầu tử trận.

Võ-di-Nguy đền nợ nước trong trận này. Nhưng các chiến hữu đã rửa được hận cho ông, dùng hỏa công triệt tiêu tất cả Thủy-trại Tây-Son, toàn thắng.

Trận Thị-Nại này được gọi là « Võ công đệ nhất » trong thời Trung hưng của triều Nguyễn.

Nguyễn-Vương truyền đưa thi thề Võ-di-Nguy về Gia-Định làm lễ mai táng, truy phong ông là Tá-mạng Công-thần, Đặc-Tấn Thưởng Trạ-Quốc, Thiếu-Bảo, Quận-Công.

Rồi năm 1801, ông được thờ ở miếu Thị-Nại công thần.

Sang đời Minh-Mạng, năm thứ 5 (1824), ông lại được thờ nơi Thê-miếu. Năm 1831, lại được truy phong là Tá-mạng Công-thần,

đặc tấn Tráng-Võ Tướng-Quân, Thủy-quân Đô-thống-phủ Chương-phủ-sự, Thái-bảo, tước Bình-Giang Quận-Công.

Hiện nay, miếu mộ ông tọa lạc tại đường mang tên ông Võ-Di-Nguy ở hẻm sau dãy phố Đội Có Phú-Nhuận, quen gọi là đền Phú-Trung, vì ở ấp Phú-Trung, do hội Phú-Trung Tương-Tế chăm nom.



Lăng Bình Giang Quận-Công Võ-di-Nguy, tại Phú-Nhuận

KHÂM-SAI CHƯỞNG-CƠ NGUYỄN-VĂN-HỌC

Ở Bà-Chiều có ngôi mộ của vị Khâm-Sai Chương-Cơ Trần-Văn-Học. Vâng, đúng ra là Trần-Văn-Học. Bởi ông dày công giúp chúa Nguyễn-Phúc-Ánh, nên chúa Nguyễn đổi theo họ chúa, nên mới gọi là Nguyễn-Văn-Học. Trường hợp này, chẳng khác nào trường hợp Nguyễn-Huỳnh-Đức, vốn tên họ thật là Huỳnh-Tường-Đức, vì được cho theo họ nhà vua, nên cũng gọi là Nguyễn-Huỳnh-Đức vậy.

Ngôi mộ của vị Khâm-Sai Chương-Cơ Trần-Văn-Học tức Nguyễn-Văn-Học hiện nay nằm trong công viên cạnh Ty Thanh-niên Gia-Định, và cũng tại Gia-Định có bệnh viện mang tên là bệnh viện Nguyễn-Văn-Học để kỷ công một vị tiền nhân lỗi lạc trong đời vua Gia-Long, Minh-Mạng.

Nguyễn-Văn-Học, người huyện Bình-Dương, thành Gia-Định.

Ông tài học xuất sắc, từng được đức Giám mục Pháp là Bá-Đa-Lộc (L'évêque D'adran) mến tài, kết giao rất thân thiết.

Sinh trưởng trong thời loạn lạc, ông nuôi chí giúp bậc chân-vương, dẹp loạn an dân. Nghe tiếng chúa Nguyễn-Phúc-Ánh biết chiêu hiền lễ sĩ, ông cùng giám mục D'adran đến yết kiến Nguyễn-Vương tại Gia-Định. Nguyễn-Phúc-Ánh được ông phù tá, vui mừng trọng dụng ngay.

Năm Nhâm-Dần 1782, Tây-Sơn vào đánh phá. Ông đã tận tâm bảo vệ cung quyến chúa Nguyễn chạy lánh nạn Tây-Sơn, trú ngụ tại Long-Áo, thuộc nước Cao-Miên (Kampuchea). Tại đây, ông bàn tính cùng các anh em lưu vong « Nước nhà đang biến loạn, chúng ta nên tùy nghi mà xử sự ». Rồi đó, không đợi mạng vua, ông tự tiện ra lệnh cho người Miên hộ vệ xa giá bà mẹ Nguyễn-Vương và cung quyến do đường Hậu-giang tiến đến Cần-Thơ đề tìm Nguyễn-Vương. Mặt khác, ông sai Giám-quân Nguyễn-Hữu-Thụy sang Xiêm cầu viện.

Tây-Sơn lúc ấy thắng thế khắp nơi, đuổi bức Nguyễn-Vương bôn tẩu khắp nẻo đường đất nước miền Nam. Tình thế nguy ngặt, ông đơn thân lo liệu mọi phương cách cứu nguy. Ông đích thân đem quốc thư sang triều đình nước Xiêm, tỏ bày tình thế, mong nhờ vua Xiêm ủng hộ. Vua Xiêm thuận giúp, cho binh thuyền đi đón Nguyễn-Vương về Xiêm.

Bên Xiêm, vua tôi cùng nhau bàn luận chuyện cứu nguy. Nguyễn-Vương chấp thuận ý kiến của Bá-Đa-Lộc, bèn cử ông cùng đi với phái-đoàn sang Pháp do Bá-Đa-Lộc hướng dẫn, gồm có : Phạm-Văn-Nhân, Nguyễn-Văn-Liêm .v. .v. hộ tòng Hoàng-Tử Cảnh sang Pháp cầu viện.

Lần xuất ngoại cầu viện này, ông đã kinh qua các nước Ấn-Độ, Anh quốc, Bồ-Đào-Nha, đâu đâu ông cũng cực lực trần tình, nhờ viện trợ. Do sự tích cực vận động của ông, đạt được kết quả khả quan.

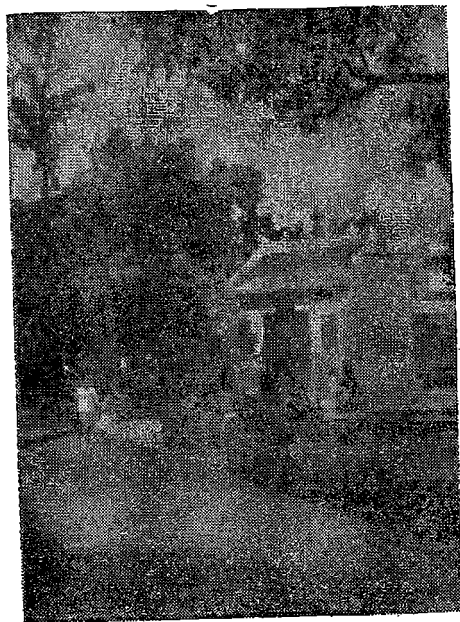
Năm Bính-Ngọ 1786, phái đoàn xuất ngoại cầu viện chia làm hai : xuống hai chiếc tàu : một chiếc đưa Hoàng-Tử Cảnh và Bá-Đa-Lộc sang Pháp, một chiếc thì đưa ông cùng Phạm-Văn-Nhân và Nguyễn-Văn-Liêm trở về Vọng-Các tường trình cho Nguyễn-Vương được rõ.

Khi thuyền đưa ông về đến đảo Thổ-Châu, thì Phạm-Văn-Nhân và Nguyễn-Vương ở lại Vọng-Các, còn ông thì lại theo thuyền ngoại

ốc mà ra đi vận động thêm nữa.

Do sự vận động tận lực của ông, mùa thu năm ấy, nước Bồ-đào-ha sai tướng là Antonio Vincent Da Rosa mang quốc thư và lễ vật đến nơi hành tại để hiến dâng Nguyễn-Vương và tặng vua Xiêm 100 m vải và 20 khẩu súng, rồi mời Nguyễn-Vương sang nước họ, cho biết rằng họ đã có sẵn 56 chiến thuyền đậu tại thành Goa đang đợi anh để kéo tới tiếp viện. Vua Xiêm có ý chẳng bằng lòng. Nguyễn-Vương biết ý, không muốn làm phật lòng vua Xiêm, cho sứ giả của Bồ-đào-Nha lui về, bảo rằng sẽ xét lại rồi sẽ quyết định. Đoạn Nguyễn-Vương phái quan Hộ-Bộ là Trần-phúc-Glai sang Bồ-đào-Nha đáp lễ. Sau đó, Nguyễn-Vương lại nhờ đến Nguyễn-văn-Học sang Pháp học thuật cho Bá-đà-Lộc biết tình hình. Ông vâng mạng lên đường uất ngoại vận động nhiều lượt nữa.

Năm 1787, sứ mạng đã làm xong, ông ở lại Vọng-Các cùng Nguyễn-Vương, phụ trách việc thông dịch ngoại ngữ, kiêm cả việc coi sóc Công-binh-xưởng, chế tạo vũ khí.



Miếu thờ Khâm sai Chưởng cơ Nguyễn-văn-Học

Năm 1790, chính ông đã thảo dự án, họa bản đồ và đốc công xây thành Gia-Định, mở các con đường trong thành. Ông lại cùng sĩ quan Pháp là Vannier chỉ huy các thuyền lớn bọc đồng, chống nhau với Tây-Sơn.

Năm 1792, cũng chính ông đã thảo đồ án và đốc công xây đồn Mỹ-Tho.

Non sông thống nhất, vua Gia-Long phong ông làm Cai-Cơ, rồi đổi làm Giám-Thành-Sứ Khâm-Sai Chưởng-Cơ vào năm Quý-Dậu 1803.

Ông tận tâm phù tá hai triều vua Gia-Long và Minh-Mạng. Trong đời Minh-Mạng, ông cũng có phụng mạng nhà vua, vẽ bản đồ núi sông, đường sá, các trấn ở thành Gia-Định, cho đến địa giới nước Chân-Lạp bản đồ Gia-Định thành của ông, nay hãy còn ghi rõ trong quốc sử.

Bấy giờ, ông đã cao tuổi. Vua Minh-Mạng rất trọng vọng ông, thường ban lời dụ cùng ông : « Khanh cũng không còn sống được bao lâu nữa, há chẳng nghĩ đến việc lưu danh lại với đời sao ? » Rồi ban cho ông 100 quan tiền.

Chẳng bao lâu ông mất. Sĩ phu đều thương tiếc.

GIA-ĐỊNH XỬ-SĨ SÙNG-ĐỨC TIÊN-SINH VÕ-TRƯỜNG-TOÀN

Bậc túc nho vang danh ở miền Nam khi xưa, hẳn không ai sánh nổi cụ Võ-Trường-Toàn. Bởi thế, cụ được xưng tụng là Gia-Định Xử-Sĩ Sùng-Đức Tiên-Sinh, thật rất xứng đáng.

Võ-Trường-Toàn quê quán ở làng Thanh-Kê, dinh Quảng-Đức (nay thuộc huyện Quảng-Điền, Trung-Việt) sau dời vào Nam, ngụ ở huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-Định.

Cụ học rộng tài cao, thông đạt kim cồ, nhất là tâm chí cực kỳ cao khiết, có phong thái bậc thánh hiền xưa.

Gặp khi nước nhà có nội loạn vì Tây-Sơn và nhà Nguyễn-Phúc tranh hùng, cụ ở ẩn, mở trường dạy học tại Gia-Định. Chính những bậc văn học lỗi lạc như Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-nhân-Tịnh, Ngô-tùng-Châu, Phạm-đăng-Hưng, đều là môn đệ của cụ.

Chúa Nguyễn-phúc-Ánh mộ tiếng bậc cao hiền như thế, nên khi bôn tẩu tại Gia-Định, vẫn thường triệu thỉnh cụ đến đàm đạo sử sách

ôi về thời thế, rất mực cung kính trọng đãi cụ, xem cụ như vị cố
ấn tối cao. Cụ sẵn lòng đáp lời cầu hỏi của Nguyễn-Vương, nhưng
một mực cương quyết từ chối quan chức bổng lộc của Nguyễn-
Vương ban cho.

Tuy nhiên, để đáp ơn tri ngộ, cụ có dâng lên Nguyễn-Vương
0 điều về phương lược cứu quốc và kiến quốc.

Ngày mùng 9 tháng 6 năm Nhâm Tý 1792, cụ mất. Nguyễn-
Vương ban tên hiệu cho cụ là : « Gia-Định Xử-Sĩ Sùng-Đức Võ-Tiên
sinh » để khắc vào bia mộ, và đôi liễn truy điệu :

« Triều hữu huân danh, bán thuộc hà phần cực học ;

Đầu nam phong giáo, tề khâm nhạc lộc dư huy. »

Đại ý đôi liễn, tỏ lòng mến trọng công đức của tiên sinh đã
tem sự giáo hoá rèn luyện làm rạng rỡ trong triều ngoài quận, sánh
như Vương-Thông, Châu-Hi.

Các môn đệ của cụ cũng có đôi liễn tưởng niệm :

« Sinh tiền giáo huấn đặc nhân, vô tử như hữu tử ;

Một hậu lưu danh tại thế, tuy vong giả bất vong. »

Nghĩa : « Lúc sống dạy dỗ được người, không con cũng như có ;

Chết đi tiếng tăm còn để, mất mà chẳng mất. »

Hài cốt của cụ lúc đầu chôn cất tại làng Hòa-Hưng, huyện Bình-
Dương (Gia-Định). Đến đời Tự-Đức năm thứ 18 (1865), cụ được
đai táng tại làng Bảo-Thạnh, quận Ba-Tri, tỉnh Bến-Tre (nay là Kiến-
Hòa).

Và từ năm 1855, tại làng Hòa-hưng có lập miếu thờ cụ, theo
đòi của Phó-Kinh-Lược-Sứ Phan-Thanh-Giản.

Đến năm Đinh-Mão, cụ Phan-Thanh-Giản soạn bài văn bia, ghi
công đức cụ. Bài văn bia soạn thảo bằng Hán văn, bản dịch của cụ
Ngạc-Xuyên Ca-Văn-Thỉnh như sau :

*« Đạo trời thánh tuy là đồng, mà chỗ hiểu biết của con người do
hiểu thấy điều nghe có khác, vậy nên người đời sở dĩ lập thành được
công thật là khó vậy.*

*« Huống hồ mình sinh ra trong đời không gặp được bậc thánh, không
gần được bậc hiền. Muốn biết chỗ ẩn vi xa rộng, được sáng tỏ, to
bọn như mặt nhật, mặt nguyệt, như các sông ngòi, thật rất khó khăn*

« Ôi ngắm non Thái chỉ mong đi tới đánh

« Trông đầu nam, chân cổ nhón lên sao

« Đồi vôi nhà Xứ-Sĩ Võ-Tiên-Sinh ở Gia-Định, triu triu một tấm lòng thành.

« Tiên sinh họ Võ, húy Trường-Toán. Đời trước hoặc nói là người Thanh-kê (Quảng-Đức), hoặc nói là người Bình-Dương (Gia-Định), trước thọ nghiệp cùng ai chưa hề rõ được, chỉ biết sở học của Tiên-sinh tới bậc dày dặn đầy đủ, chắc thật, có thuật nghiệp thâm uyên thông đạt. Xây hồi loạn Tây-Son, tiên sinh ẩn trú mở trường dạy học, thường học trò tới mấy trăm. Ông Ngô-tùng Châu là môn sinh cao đệ nhất. Bậc thứ nhất là chú công Trịnh-hoài-Đức, Phạm-ngọc-Uần, Lê-quang-Định, Lê-bá-Phẩm, Ngô nhân-Tĩnh. Bậc danh sĩ là ông Chiêu, ông Trúc, nhà ẩn dật, ngoài ra không thể kể hết được. Các ông ấy đều gặp hồi phong vận, thời trung hưng triều Gia-Long đứng bậc tối hiền, có người hoặc sát thân để làm nên điều nhân, hoặc quên mình để trọng tiết nghĩa, thấy đều nên công nghiệp lớn trên đời.

« Lúc ngự vào Gia-Định, đức Thế-Tổ Cao-hoàng-Đế hằng triệu tiên sinh tới ứng đối. Lại nghe tiên sinh học rộng khắp kinh, và sở trường nhất một tứ thư. Ông Chiêu, nhà ẩn dật là bậc túc học được theo tiên sinh học thấu nghĩa «Tri ngôn, dưỡng khí». Từng thấy tiên sinh để trong sách vở lời này : «Sách đại học một nghìn bảy trăm chữ, tan ra vô số sự vật, tóm lại còn 200 chữ, tóm nữa chỉ còn một chữ, lại tóm nữa thì một chữ cũng không.»

« Hay thay, sở học của Tiên-sinh, thật là rộng lớn mà tinh vi vậy, dầu đọc bất cứ ngàn muôn kinh sách nào cũng rõ nghĩa lý được

« Tiên sinh không khứng ra làm quan, nên đại khái không thấy được sự nghiệp. Từ thuở tiên sinh lấy lối học nghĩa lý để giáo hóa, chẳng những đương thời đào tạo được nhiều bậc nhân tài mà còn truyền thuật, giảng luận, trau dồi về sau, tới nay, dân gian trong sáu tỉnh Nam kỳ, tỏ lòng trung nghĩa, cảm phát dám hy sinh tới tính mạng, xét ra tuy nhờ đức thâm nhân của quân vương nhuần gội, cố kết nhân tâm, nhưng nếu không có công đức mở mang huấn dục của tiên sinh từ thuở trước thì làm sao có được nhân như thế.

« Đến năm Nhâm-Ti 1792, ngày mùng 9 tháng 6, tiên sinh ra người thiên cổ. Lòng vua cảm mến tiếc thương, ân từ hiệu « Gia-Định Xứ-Sĩ Sùng-Đức Võ-Tiên-Sinh » để ghi vào mộ.

« Sau thời thái bình, chú công môn đệ của tiên sinh tản lạc xa xuôi, không thể nêu cao tài đức của Tiên-sinh được. Tới triều Tự-Đức

n thứ 5 (1852), được chỉ vua ban chuẩn lập phường đề tinh biểu tại
vện Bình-Dương, làng Hòa-Hưng, bậc đồng nhân lại lập đền thờ,
n ruộng đề phụng sự, mỗi năm xuân thu cúng tế.

« Gần đây, xảy ra việc binh lửa, cảnh đền thờ hoang phế, mộ phần
ngày hư đẽ đẽ vấy bất tiện. Cùng với người đồng quận với tiên sinh,
Nguyễn-Thông, đốc học tỉnh Vĩnh-Long, chúng tôi hội các thân sĩ mưu
n việc dời mộ, Gởi tờ thông tư cùng quan Hiến-Sứ tỉnh An-Giang
Phạm-Hữu-Chánh, tỉnh Hà-Tiên cũng hiệp vào, liền ủy thác cho đám
tài Võ-Gia-Hội, nhóm các thôn mục làng Hòa-Hưng, kính cẩn việc
zi mộ, thâu liệm hài cốt trong quan quách mới. Cùng nhau thương nghị
ng quan Học-sứ Nguyễn-Thông đứng chủ tang, việc tang lễ làm xong,
n (Đình-Mão), chọn ngày 28 tháng 3 đưa thi hài an táng tại đất
ng làng Bảo-Thạnh, huyện Bảo-An, lại táng luôn di của đức nguyên
hi và của ấu nữ.

« Mộ xây tại hướng Đông-Bắc ngó về Tây-Nam, dựa vào một gò
ngó qua một đám cây vẹt, đối diện là khoảng trống vừa rộng vừa xa,
ng ra u tịch mà thanh tú, rõ là quang cảnh tốt đẹp thật.

« Trước mộ mười trượng, có lập đền thờ. Trước đền bảy trượng
xây phường. Đâu đấy đều an bài cả. Tại tỉnh, trên các bạn đồng
n, dưới phủ huyện, huấn giáo, sĩ tử, có các thân sĩ hai tỉnh An-Giang,
n Tiên cùng các sĩ phu ba tỉnh vùng Gia-Định lưu ngụ trong ba tỉnh
v đều tham dự vào lễ kiết táng.

« Việc an táng vừa xong, chúng tôi xin vua ghi tinh biểu cũ. lại xin
người dân giữ mộ, một người phu trông đề lo việc gìn giữ quét trước.

« Chúng tôi lo sợ nổi lâu năm, thời buổi đổi thay, sau này người
ng biết tới đề chiêm ngưỡng, nên kính cẩn thuật lại mọi điều và làm
minh :

« Minh rằng :

« Than ôi ! Tốt thay vì tiên sinh. Sở học kin sâu, sở hành dày dặn.

« (Bình sinh rằng) giấu kín chôn lấp trong thâm tâm điều sáng suốt,
lỗi lạc, tinh anh.

« (Tiên sinh khác nào như) một cái chuông to, tùy theo sức người
nh, bỗng phát ra tiếng lớn.

« (Tiên sinh yêu ta) dạy mỗi đạo rộng.

« Kẻ hậu giác (như ta) nhón chân ngưỡng trong cái đạo mà trọn
i ta ngàng mặt trông không thấy hết.

« Càng già lại càng chắc chắn rõ rệt.

« Tiên sinh gần bậc ông Hà-Phấn (Vương-Thông nhà Tày), ông Lộc-Động (Châu-Hi đời Tống), tà khở tâm mà trông cái đạo ấy.

« Sở dĩ Sùng-Đức Võ-Tiên-Sinh còn đề cho đời những vinh quang rực rỡ, vì tiên sinh noi theo nhân nghĩa đạo đức, tước của trời ban cho.

Tự-Đức năm thứ 20, Đinh-Mão (1867) tháng 3 ngày 28

Kẻ văn sinh Phan-Thanh-Giản tắm gội trước đề ghi bài minh.

« Lại lập bài vị Tiên-sinh thờ ở Túy-Vân-Lâu (Văn miếu ở Vinh-Long) khiến thợ khắc bia gặp lúc quan binh Lang-sa vô tới, thợ khắc bỏ dở công việc. Tới năm Giáp-Thân (1872) cộng chung là 81 năm, ngày rằm tháng 8, tôi mượn thợ trùng tu, làm cho bia còn lại mãi mãi ».

Vinh-Long, Minh-hương

Trương-Ngọc-Lang cần thừa lập.

NINH-HÒA QUẬN-CÔNG NGÔ-TÙNG-CHÂU

Một khi đã nhắc đến Hoài-Quốc-Công Võ-Tánh, hiển nhiên không ai quên được Ninh-Hòa Quận-Công Ngô-Tùng-Châu. Vì sinh thời, một võ tướng, một văn thần ấy đã khắng khít với nhau như bóng với hình, và khi lâm cơn nguy ngặt, cả hai vị đều cùng nhau tử tiết, treo gương nghĩa liệt cho hàng văn sinh và trang võ đồng.

Ngô-Tùng-Châu, người huyện Phù-Cát, tỉnh Bình-Định (Trung-Việt), sau dời vào ở Gia-Định.

Theo học với cụ Xứ-Sĩ Võ-Trường-Toản, văn tài và khí tiết của ông chịu ảnh hưởng của thầy học rất sâu xa, nên trọn đời ông đã cần trọng xử thế, có nhân cách rất cao và phong thái ung dung thanh nhã như bậc hiền giả. Lại giao du toàn những trang anh tuấn tài hoa như Lê-Quang-Định, Ngô-Nhân-Tĩnh, Trịnh-Hoài-Đức, nên thân danh ông càng sáng giá, được hầu hết sĩ phu kính trọng.

Khi chúa Nguyễn-Phúc-Ánh lánh nạn Tây-Sơn chạy vào Gia-Định, lo mưu khôi phục, ông cũng như một số đồng người của đất Gia-Định, dù muốn dù không, đều bị guồng đời xô đẩy mà phải dứt khoát định thái độ, lập trường, mà chọn một con đường trong thời loạn lạc. Tức là ông cùng các bạn chọn lấy con đường phù tá chúa Nguyễn-Phúc-Ánh. Được ông ra giúp, Nguyễn-Vương mừng rỡ, bỏ

ông làm việc ở Viện-Hàn-Lâm. Ông đã phục vụ đắc lực về mặt
hóa giáo dục, giúp cho chúa Nguyễn thu phục nhân tâm, ổn định
hình.

Năm Canh-Thân 1780, Nguyễn-Vương lại bổ dụng ông chức
Tuấn-Quan, coi sóc về phần việc đôn đốc dân chúng lo việc
h nông, sản xuất lương thực để tiếp tế thích ứng cho quân đội
việc thống nhất đất nước. Ông và một nhóm chuyên viên gồm 12
rời cũng làm tròn sứ mạng ấy.

Càng ngày càng biết rõ tài ông, Nguyễn-Vương tỏ lòng trọng đãi,
ng chức cho ông là Tham-Tri Bộ-Lễ, kiêm Phụ-Đạo-Đông-Cung
ái-Tử, tức là Nguyễn-Vương đã tin cậy tài đức của ông, giao phó
ái-Tử cho ông dạy dỗ

Năm Kỷ-Mùi 1799, Nguyễn-Vương lấy được thành Qui-Nhon,
tên lại là thành Bình-Định. Võ-Tánh và ông được giao cho trọng
ch giữ thành. Võ-Tánh làm Trấn-Thủ, ông làm Hiệp-Trấn, cùng
tu cố sức giữ thành Bình-Định, để Nguyễn-Vương yên tâm tiến
h ra Phú-Xuân.

Bấy giờ, đồng tướng Tây-Son là Trần Quang-Diệu và Võ-Văn-
ng đem binh vây đánh thành Bình-Định rất ngặt. Võ-Tánh một
t cho Lê-Chất lên vượt vòng vây, thẳng vào Gia-Định báo cáo tình
h, một mặt đốc suất quân sĩ rán sức cố thủ.

Trong thành, Ngô-Tùng-Châu vẫn ung dung lo khuyên dỗ quân
giữ vững tinh thần, chịu đựng sự bao vây của Tây-Son suốt mấy
ng trời. Dần dần, lương thực thiếu hụt, lòng quân đã xao xuyến
g động. Võ-Tánh liệu thế khó giữ thành được nữa, và lại liệu
ng Nguyễn-Vương đã có đủ thời giờ tiến đánh lấy Phú-Xuân
oc rồi, nên họp bàn cùng Ngô-Tùng-Châu :

— Hai ta đã rán sức đến mức cuối cùng, cố cầm chân quân
h ở đây, để Nguyễn-Vương lên đi đánh lấy Phú-Xuân là nơi
an trọng hơn. Ấy là hai ta đã hy sinh tuyệt đối, để thành toàn kế
ch « Lấy gạch đổi vàng ». Nay đã hoàn thành chí nguyện, ta tính
r việc tự xử phạt ta cũng vừa.

Ngô-Tùng-Châu khẽ hỏi Võ-Tánh

— Tướng quân định xử trí ra sao ?

Võ-Tánh ung dung :

— Kế hoạch xử trí của ta là ở nơi lầu Bát giác kia ! Đề ta

viết thư cho tướng Tây-Sơn Trần-Quang-Diệu, gọi quân sĩ trong thành vào tay gã, xin đừng giết hại. Rồi ta tự xử phạt ta đúng với tư cách kẻ làm tướng, thành mất thế ắt phải chết theo thành mà thôi.

Ngô-Tùng-Châu cảm động lui ra. Quả nhiên, Võ-Tánh sai người đem thư cho Trần-Quang-Diệu, rồi đến lầu Bát giác tự thiêu mà chết.

Võ-Tánh đã qui thần. Ngô-Tùng-Châu cũng nâng chén thuốc độc mà tử tiết vào ngày 27 tháng 5 năm Tân-Dậu 1801.

Nguyễn-Vương hay tin ông và Võ-Tánh đã hy sinh, vô cùng thương cảm. Thống nhất xong đất nước, lên ngôi tôn, vua Gia-Long truy tặng ông là Tán-trị công thần, Thái-Tử Thái-Sư Quận-Công.

Sang đời Minh-Mạng, lại truy phong ông là Ninh-Hòa Quận-Công. Ông cùng Võ-Tánh được thờ ở miếu Song-Trung, miếu Trung hưng công-thần ở Huế, và miếu Hiền-Trung ở Gia-Định.

Trong đời Gia-Long, nhà vua có sai Đặng-Đức-Siêu vào Gia-Định truy điệu ông và Võ-Tánh, soạn bài văn tế thống thiết.

TẢ-QUÂN PHÓ TƯỚNG

VÕ-VĂN-LƯỢNG

Võ-Văn-Lượng, một viên võ tướng đã dày công giúp chủ Nguyễn-Phúc-Ánh đương đầu với Tây-Sơn. Ông cũng từng là thuộc hạ của Võ-Tánh, cùng nhau hoạt động vang tiếng ở vùng Mười Tám Thôn Vườn Trầu (Hóc-Môn) và vùng Tân-Hòa (Gò-Công).

Sinh trưởng ở đất Gia-Định, ông cũng như Võ-Tánh, nức tiến hào kiệt của đất Gia-Định — Đồng-Nai. Tỏ tiên vốn nguyên quán Quảng-Bình (Trung-Việt), sau mới dời vào Nam lập nghiệp.

Ông có tính khí khái, hào hiệp. Thân phụ ông tên Chung, vốn nhà giàu có. Đang buổi loạn lạc, ông được thân phụ cho học võ nghệ, văn võ gồm tài, quanh vùng đều trọng nề.

Năm Bính-Thân 1776, chủ tướng Tây-Sơn Nguyễn-Lữ đem binh vào đánh Gia-Định. Binh đao khói lửa lan tràn. Quân sĩ Tây-Sơn kéo đến vây đánh nhà ông. Dù có võ nghệ, nhưng sức mọn khó thể đương cự nổi với toán quân tinh nhuệ, ông đành bắt lực nhàn tài sản, thân đoạt cả, và gia đình ông cũng bị hành hạ đến mức.

— Chúng bỏ đi rồi, ông cảm hận ngổ cùng cha : « kẻ địch cây măng há khắc dân lành. Con xin khởi nghĩa binh để dẹp loạn an dân ».

Từ ấy, ông đốc lòng chiêu tập dân quân, kéo cờ khởi nghĩa. Hằng bao lâu, thân phụ ông mất. Ông cũng rời vùng đất quê hương, lập với Võ-Tánh, Mạc-Văn-Tô thành lập căn cứ ở Mười Tám Thôn Trờn Trầu (Hốc-Môn). Số quân tập hợp có đến hàng nghìn người.

Thanh thế càng ngày càng lẫy lừng. Ông và các bạn đồng chí kéo về Gò-Công lập khu kháng chiến.

Năm Đinh-Tỵ 1787, ngày mùng 1 tháng 7 (nhằm 13 Aout), Nguyễn-Vương ở Vọng-Các về, đóng quân tại Ngao-Châu, sai Nguyễn-Đức-Xuyên đi chiêu dụ nhóm hào kiệt tự nghĩa ở Gò-Công. Ông và Võ-Tánh chưa tỏ thái độ dứt khoát, khiến Nguyễn-Vương bực bực đem lòng hoài vọng.

Tháng tư năm sau, Mậu-Thân 1788, Nguyễn-Vương tiến binh đến Hồi-Oa, lại sai Trương-Giáo đi triệu thỉnh các vị hào kiệt ấy một lần nữa. Trước tấm thịnh tình và lễ vật trọng hậu của Nguyễn-Vương, ông cùng Võ-Tánh và toàn thể anh em chấp thuận ra phủ tá hạ Nguyễn-Phúc.

Nguyễn-Vương phong ông làm Cai-Cờ, ông xin với Nguyễn-Vương để tự mình đảm đương hẳn một đạo quân đi đánh, nếu bại trận thì xin chịu tội. Nguyễn-Vương khen ngợi và chấp thuận.

Trong trận Võ-Tánh đánh nhau với Tây-Sơn ở Ba-Lai thất bại, một số chiến thuyền của chúa Nguyễn bị quân địch tiêu diệt. Ông đem theo vài mươi tên quân giả dạng làm lái buôn, chèo hai chiếc thuyền nhỏ đi theo binh thuyền Tây-Sơn. Đêm ấy, Tây-Sơn mở tiệc khao quân, thuyền đậu san sát ở sông Long-Hồ. Ông chờ họ no nê ngủ say rồi, xuất kỳ bất ý tung quân đánh phá. Giữa đêm khuya, tiếng hô khẩu hiệu vang rền. Ông chỉ huy chèo mấy mươi tên quân lập ược chiến công hiển hách. Nguyễn-Vương nghe tin cả mừng, vội vàng về Gia-Định khen thưởng, thăng cấp cho ông là Trung-Quân Tá Chỉ Hiệu-Ủy.

Năm Quý-Sửu 1793, ông theo hộ giá tiễn quân ra đánh ngoài Trung-Bắc. Nguyễn-Vương quân ở Nha-Trang, sai ông cùng với Hiệu-Ủy Nguyễn-đình-Đắc đánh hạ được đền Hoà-Bông, rồi thu phục được hành Diên-Khánh.

Suốt mấy năm vất vả, lập nhiều công trận, ông được phong làm Thượng-Cơ, rồi thăng Tả-Quân Phó-tướng.

Khi mất, được truy tặng là Chương-Dinh, Thượng-Tướng.

LÊ-VĂN-KHÔI

Nóng lòng rửa hận cho Tả-Quân Thượng-Công Lê-Văn-Duyệt, giết phường tham nhũng, oanh liệt chống trả với binh triều.

Lê-Văn-Khôi, vốn tên thật là Nguyễn-Hựu-Khôi, một thổ hào cừ khôi ở đất Cao-Bằng, văn hay võ giỏi, có tinh thần hiên ngang bất-khuất.

Trong đời ông, ông không phục ai cả. Thế mà khi cụ Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt ra kinh lược vùng Thanh-Hóa Nghệ-An, ông lại tỏ ra mến phục phong độ của cụ Tả-Quân. Bèn thân đến yết kiến cụ Tả-Quân, xin theo giúp đỡ cụ. Cảm động lòng chân thành của ông, Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt chấp thuận, xem ông như người con nuôi, cho đổi tên họ lại là Lê-Văn-Khôi.

Tương truyền : Đời Minh-Mạng năm thứ nhất (1820) ông theo hầu đức Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt từ kinh đô vào Gia-Định trấn nhậm, khi ngang qua tòa thành xưa ở Bình-Định, cách thành mới 6 cây số, ông cùng cụ Lê-Tả-Quân ghé viếng miếu mộ Hậu-Quân Võ-Tánh, và xem di tích thành Đồ-Bàn. Nhìn dấu vết cổ đô Chiêm-Thành, ngắm hòn tháp Cánh-Tiên, Lê-Văn-Khôi xúc cảm làm một bài thơ đường luật đưa trình cụ Lê-Tả-Quân xem, còn truyền tụng hai câu chót.

«Ca quân lâu đài vân cọng khứ

«Duy dư Tiên tháp lão càn khôn».

Nghĩa : Tiếng đàn hát ca xang, cảnh lâu đài cung điện, đã cùng mây bay đi, đi mất ; chỉ còn một tháp Cánh tiên thì gan cùng tuế nguyệt, khoe già với đất trời.

Rồi đó, cụ Lê-Văn-Duyệt vào Gia-Định nhậm chức Tổng-Trấn. Lê-Văn-Khôi dốc lòng phục vụ, càng khiến cụ Lê-Tả-Quân rất mực tin dùng.

Cho đến khi cụ Lê-Tả-Quân qua đời, tinh thể đổi khác. Vua Minh-Mạng bãi bỏ chức Tổng-Trấn Gia-Định thành, đổi trấn làm tỉnh, bổ Bạch-Xuân-Nguyên vào làm Bố-Chánh tỉnh Gia-Định, Tổng Đốc là Nguyễn-Văn-Quế, án sát là Nguyễn-Chương-Đạt.

Bố-Chánh Bạch-Xuân-Nguyên vốn có ác cảm với cụ Lê-Tả-Quân nên cố trình bày chuyện để triệt hạ uy tín của cụ Tả-Quân. (Chúng tôi trình bày rõ ở phần giai thoại, về vụ án cụ Lê Tả-Quân).

Bởi thế, Bạch-Xuân-Nguyên bới móc các chuyện đã làm của người đã khuất, ghép vào tội đại nghịch bất đạo. Đồng thời, gả ý in truyền bắt giam Lê-Văn-Khôi.

Lòng quân dân bất phục. Lê-Văn-Khôi từ trong ngục thất liên c được với nhóm quân dân bên ngoài, mật mưu khởi nghĩa chống 5i kẻ tham quan ô lại.

Thế rồi, đêm 18 tháng 5 năm Quý-Tị (1833), Lê-Văn-Khôi thoát được khỏi khám, hiệp cùng với nhóm dân quân bên ngoài đã in sàng ứng trợ, dấy lên đoạt thành Phiên-An, giết chết Tổng-Đốc Nguyễn-Văn-Quế và bắt sống Bộ-Chánh Bạch-Xuân-Nguyên đem "lăn ền" về tế cụ Lê-Tả-Quân.

Cuộc bạo động đã phát khởi, và lan rộng. Trong vòng một tháng, nhóm Lê-Văn-Khôi chiếm được tất cả 6 tỉnh miền Nam.

Vua Minh-Mạng được tin cấp báo, vội vàng cử ngay các vị róng lãnh thượng thặng vào đánh dẹp giặc «Ngụy Khôi». Tổng-hước-Lương làm Thảo-Nghịch Tả-Tướng-Quân, Phan-Văn-Thúy làm hạo-Nghịch Hữu-Tướng-Quân, Trần-Văn-Năng làm Bình-Khẩu Tướng quân, hiệp cùng hai viên Tham-Tán Quân-vụ là Nguyễn-Xuân và Trương-Minh-Giang, suất lãnh thủy binh, bộ binh và tượng binh, ào đánh Lê-Văn-Khôi.

Tình thế cực kỳ khàn trương, bấy giờ một chiến hữu đã từng về sống chết với nhau là Vệ-Ủy Thái-Công-Triều lại trở lòng qui thuận triều đình.

Nỗi đau khổ, cảm hờn tràn ngập. Nỗi lo lắng quá độ khiến cho dân xác quá suy nhược. Vào khoảng tháng chạp năm Quý-Tị 1833, Lê-Văn-Khôi bình mất.

Tuy nhiên, nhóm chiến hữu trung kiên với Lê-Văn-Khôi vẫn trong quyết chiến đấu với binh triều đến cùng. Ròng rã hơn hai ăm, đến khoảng tháng 7 năm Ất-Mùi 1835, binh triều mới chiếm ử được thành Phiên-An. Nhóm Lê-Văn-Khôi bị triệt hạ dần và cuộc ậy lên chống đối bị dập tắt.

Dẹp xong cuộc dấy binh của Lê-Văn-Khôi, các tướng lãnh triều ệnh lập tức cho đề mấy chữ « Thành Phiên-An đã hạ » trên một lá ờ đỏ, giao cho một số dân binh thay nhau chạy ngựa luôn ngày luôn ệm từ Gia-Định về Kinh-Sư báo tiếp. Ấy là « Hồng kỳ báo tiếp » = ờ đỏ báo tin mừng thắng trận.

Vua Minh-Mạng cả mừng, truyền đóng cũi giải các trọng phạm ở Gia-Định thành về kinh. Số người bị liệt vào hạng đầu dọc là 6 người trong đó có con của Lê-Văn-Khôi mới lên 7 tuổi, một linh mục người Pháp tên Marchand tục gọi là cổ Đu, và một người Trung Hoa tên Mạch-Tấn-Giai. Sáu tên trọng phạm bị đóng cũi giải về Kinh sư, đem chém ở ngoài ấy. Còn lại một số quân sĩ và nam, phụ, lão, ấu, bắt được trong thành gồm có 1.831 người thì bị đem chém hết tại Gia-Định, rồi chôn chung một hầm gọi là « Mả Ngụy.»

Về Mả-Ngụy và sáu người bị liệt vào hàng trọng phạm, điệu về kinh xử án bá đao, chúng tôi xin trình bày thêm ở phần giai thoại : Mả-Ngụy và 6 trọng phạm bị xử bá đao.

CÁC NHÂN-VẬT LỊCH-SỬ TRONG THỜI NHÀ NGUYỄN TRUNG-HƯNG

Ngoài các nhân vật lớn mà chúng đã trình bày ở phần Danh-nhân này, hãy còn rất nhiều nhân vật đáng kể khác. Chúng ta không thể bỏ qua mà phụ công ân các bậc tiền nhân đã đề tên vào lịch sử.

Trong bộ « Đại Nam nhất thống chí », phần lục tỉnh Nam kỳ, về tỉnh Gia-Định, còn có ghi những nhân vật lịch sử của tỉnh Gia-Định ngày xưa

1.— PHẠM-NGỌC-UẦN

Người huyện Bình-Dương, nổi tiếng văn học, Ông rất giỏi về hành chánh làm quan trải từ Hàn-Lâm-Viện qua Hình-Bộ Tả-Tham-Tri, rồi làm Cai-Bộ ở Vĩnh-Thạnh-Trấn (Vĩnh-Long).

Đức độ thanh cần liêm chính, ông được nhân dân xưng phục công đức. Vì có đức tính tốt, ông được bổ dụng phục vụ ở bộ binh và bộ hộ.

Đến khi ông mất, được tặng chức Tham-Chính, liệt thờ vào miếu Trung-hưng công thần.

2.— LÊ-BÁ-PHẨM

Người huyện Bình-Dương. Khi đầu Trung hưng, ông làm Quốc-Giám Thị-Học, rồi đổi sang làm việc ở viện Hàn-Lâm, ít lâu, ông

ược bổ-nhậm Ký-Lục ở Trấn-định. Rồi trải làm các chức Cai-Bộ ở
huảng-Nam, Tả-Tham-Tri ở Bộ Hình.

Được triều đình tín nhiệm, ông được đề cử đi sứ nhà Thanh.
Tròn sứ mạng trở về, ông lãnh chức Hiệp-Trấn Thanh-Hóa. Sau,
ông được triệu về kinh, trao cho chức Tham-Biện sự vụ ở hai bộ
linh và bộ Hộ. Rồi ra làm Hình Tào ở Gia-Định. Được vài năm,
ông được lệnh triệu hồi, nắm quyền Hiệp-Trấn Nghệ-An.

Đến năm đầu hiệu Minh-Mạng (1820) ông thăng làm Thượng-
thư bộ Hình và bộ Hộ, rồi mất. Triều đình truy tặng ông là Hiệp-
hiện Đại-Học-Sĩ, ban Thụy hiệu là Cần-Hậu.

3 — TỐNG-VIỆT-PHƯỚC

Viễn tổ của ông vốn người ở tỉnh Thanh-Hóa, sau vào Gia-Định,
ngụ ở huyện Bình-Dương.

Ông rất dũng cảm thiện chiến. Khi chúa Nguyễn lưu vong ở
Vọng-Các (Xiêm) ông từng theo hộ giá. Về sau, xông pha trận mạc
lày công, ông được thăng làm Thuộc nội Chương cơ Tả-Quân, dinh
phó Tướng.

Khi từng chinh ở Quy-Nhơn, ông dẹp tan được quân Tây-Sơn.
Nhưng vì khinh địch, năm Tân-Dậu 1801, trong chiến dịch Tân-Quan,
ông bị tướng địch là Từ-Văn-Chiêu sát hại.

Triều đình truy tặng ông là Thiếu-Bảo Quận-Công, Thụy-hiệu
Trung-liệt, cho thờ vào miếu Bao-Trung và hai miếu Hiền-Trung,
Trung-hưng công-thần.

Năm Minh-Mạng thứ 18, lại được truy phong tước Bình-
Giang Quận-Công.

4. — TÔN-THỌ-VINH

Người huyện Bình-Dương. Ông cùng từng chúa Nguyễn lưu
vong nơi Vọng-Các.

Nhiều công trận, ông được phong làm phó Thống-Chế, cai quản
lạo quân Thần-Sách, rồi lại tạm quyền lãnh đạo quân ở dinh Tiên-
Phong đi từng chinh Quy-Nhơn.

Ông tử trận, truy tặng chức Chương-Cơ, liệt thờ ở miếu Biếu
trung và miếu Trung-Hưng công thần.

5.— TRƯƠNG-PHƯỚC-LUẬT

Viễn tổ của ông vốn quê quán ở Thanh-Hóa, sau di cư vào Gia Định, ngụ ở huyện Bình-Dương

Ông tận tụy phù tá chúa Nguyễn, từng có công hộ giá sang Vọng-Các. Xông pha chiến trận, ông rất giỏi về thủy quân và đạo binh Tượng.

Trong trận đánh ở Quy-Nhơn, ông bị mất, truy tặng chức Chương-Cơ, liệt thờ nơi miếu Hiền-Trung và Trung-Hưng công thần.

6.— TRƯƠNG-MINH-THÀNH

Người huyện Bình-Dương, nổi tiếng văn học, Ông từng thi đỗ đạt xuất thân làm Nho học Huấn-Đạo. Rồi trải qua chức vụ Thị-Thư Viện Phụng-chỉ, kiêm Thượng-Hữu-Khanh, Cai-Bộ Quảng-Đức, Hữu Tham-Tri bộ Hộ.

Về sau, ông làm đến Thượng-thư Bộ Lễ.

Con ông là Trương-Minh-Giảng cũng là một viên danh tướng, từng lãnh ấn Trấn-Tây Tương-Quân, gia chức Đông-Các Đại-Học-Sĩ, tước Bình-Thành-Bá.

7.— HOÀNG-NGỌC-UẦN

Người huyện Bình-Dương. Khi đầu trung hưng, ông ra ứng nghĩa, được bổ làm Tả-Quân Thư-Ký.

Khoa Tân-Dậu 1801, ông thi đỗ, bổ làm Tham-Mưu, rồi đòi làm Thị-Học ở viện Hàn-Lâm.

Ông từng phụng mạng đi sứ nhà Thanh và đi sứ nước Xiêm. Làm tròn sứ mạng, trở về thăng làm Cai Bộ Bình-Hòa, kế chuyển sang làm Tả-Tham-Tri Bộ Hình.

Chẳng bao lâu, lại phụng mạng sung chức Ất-Phó-Sứ, sang nhà Thanh lần nữa. Nhiều công lao với quốc gia, ông làm đến Hiệp-Trấn Nghệ-An, rồi đòi sang Khâm-Sai Bắc-Thành Hình-Tào.

8.— NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

Người huyện Tân-Long. Khi đầu trung hưng, ông làm Thị-Thư-Viện, rồi thăng Hữu-Tham-Tri Bộ Công.

Tùng chinh ở Qui-Nhơn, ông đảm nhận việc đốc suất quân sĩ

ếp tế lương thực, thăng làm Tá-Tham-Tri Bộ-Binh, ra coi việc chính Bắc thành kiêm lý việc Thủy Sư.

Chẳng bao lâu, ông được lệnh triệu hồi, đổi vào Gia-Định lãnh ộc Hộ-Tào.

9.— NGUYỄN-ĐÌNH-THUYỀN

Người huyện Tân-Long, làm đến chức Ngoại-Tả Chương-dinh.

Năm Canh-Tí 1780, có nhiều công trận, nhất là việc dẹp yên rợc cuộc binh biến ở Ba-Giồng trong năm Tân-Sửu 1782, do các uộc hạ Đỗ-Thanh-Nhân báo thù cho chủ tướng, bị Nguyễn-Vương ghe dèm giết hại, ông được thăng Chương-Cơ.

Năm Quý-Mão 1783, Tây-Sơn vào chiếm Gia-Định. Ông cùng ôn-Thất-Dũ làm Trung-Quân, tiến binh đóng đồn ở chùa Đồng-uyên chống nhau với địch, tử trận.

Được truy tặng Quận-Công, liệt thờ ở miếu Hiền-Trung và miếu Trung-Hưng công thần.

10.— NGUYỄN-VĂN-LOAN

Người huyện Bình-Dương. Xuất thân làm Cai-Cơ.

Năm Đinh-Vị, chống nhau với Tây-Sơn ở vùng Ba-Lai, ông tử trận. Được truy tặng chức Chương-Cơ, liệt thờ vào miếu Hiền-Trung và miếu Trung-tiết công thần.

Và các nhân vật sau đây cũng đều là người huyện Bình-Dương, nh Gia-Định, có tên trong lịch-sử : Võ-Doãn-Triêm, Nguyễn-Văn- Huệ, Trương-Phước-Giáo, Trần-Lợi-Trinh, Trần-Văn-Tánh và Trương Phước-Đĩnh.

Hầu hết đều là võ tướng, văn thần có công với nhà Nguyễn, công lúc trung hưng, đối đầu với Tây-Sơn.

HỘ-ĐỐC GIA-ĐỊNH THÀNH VÕ-DUY-NINH

Vị tướng đầu tiên tử tiết ở thành Gia-Định

Khi liên quân Pháp-Y đem hạm đội xâm phạm Đà-Nẵng, chúng bị Nguyễn-Tri-Phương cầm chân tại đây suốt năm tháng. Chúng xoay a cách khác. Một phần ở lại Đà-Nẵng do đại tá Toyon điều khiển, phần khác kéo vào Nam đánh phá tỉnh Gia-Định, mưu chiếm miền

Nam đề làm căn cứ diềm xuất phát tiến đánh Trung Bắc sau này.

Ngày 30 tháng chạp năm Mậu-Ngọ (2 Février 1859) đoàn quân Pháp Ý xâm lăng kéo vào Nam. Thế là giữa lúc dân chúng nước ta làm lễ rước ông bà, đón mừng năm mới, thì hung thần chiến tranh đang lên đường hăm dọa miền Nam.

Dân chúng thành Gia-Định vừa mới vui hưởng 3 ngày Tết năm Kỷ Mùi, bỗng phải xôn xao vì một tin báo động : Bọn Bạch quỷ sắp kéo tới nơi.

Hộ-Đốc thành Gia-Định là Võ-Duy-Ninh được tin cấp báo tình hình khẩn trương, giặc Phú-Lang-Sa (Pháp) đến đánh. Ông vội vàng đốc suất quân dân chuẩn bị tác chiến.

Đoàn quân xâm lăng dưới quyền chỉ huy của Đề-Đốc Rigault de Genouilly gồm có Hai hộ-tống-hạ hạng nhẹ là Phlégéton và Primauguet, 3 pháo hạng, 1 thông báo hạng El Cano của Ý-Pha-Nho (Tây-Ban-Nha) và ba quân vận hạng.

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

(1822-1888)

Tục gọi là Đồ-Chiều, tự Mạnh-Trạch, hiệu Trọng-Phủ, sau đổi là Hối-Trai.

Sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm-Ngọ (1-7-1822) tại làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương, phủ Tân-Bình, tỉnh Gia-Định Nam phần. Là con đầu ông Nguyễn-Đình-Huy (Người huyện Phong-Điện, tỉnh Thừa-Thiên, Trung-Phần ; làm Thơ-lại dưới quyền Tả-Quận Lê-Văn-Duyệt) và bà thứ-thất là Trương-Thị-Thiệt (quán làng Tân-Thới, Nam-Phần).

Lúc nhỏ, ông theo cha ra Huế học tập ; đến năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843), thi trường Gia-Định đỗ Tú-Tài.

Năm 24 tuổi, đang ở Huế đề chờ khoa thi Hương vào năm Kỷ-Dậu (1849), nhưng được tin mẹ mất tại Gia-Định, ông phải vào Nam cư tang.

Giữa đường, vì quá thương nhớ mẹ, ông sinh bệnh mù cả hai mắt, mặc dù có tay danh y chạy chữa cũng không khỏi được. Trong dịp này, ông được vị y sư truyền cho nghề thuốc.

Năm sau, vào đến Saigon, tìm kế độ nhật, ông mở trường dạy học. Sĩ-tử xa gần nghe danh ông, đến xin thọ giáo rất đông.

Pháp chiếm Sài gòn (1858) ; Đồ-Chiều chạy về Cần-Giuộc, nơi quê vợ, lại tiếp tục dạy học trò. Khi Cần-Giuộc thất thủ, ông dời về Ba-Tri (Bến-Tre).

Nạn nước càng ngày càng thêm trầm trọng ; vì mù lòa tàn tật không thể xông pha nơi chiến trận để đánh đuổi quân thù, nhưng ông vẫn đặt lòng kỳ vọng vào cuộc kháng chiến của nghĩa quân, nhất là cuộc kháng chiến của Trương-Công-Định, bạn ông.

Nhà cầm quyền Pháp muốn đem ân huệ hậu đãi ông, nhưng ông nhất định từ khước, cố giữ phẩm cách thanh cao cho đến khi nhắm mắt lia trần.

Ông mất ngày 24-5 năm Mậu-Tý (3-7-1888) tại làng An-Đức quận Ba-Tri, tỉnh Bến-Tre ; thọ 66 tuổi.

Tác phẩm chính của Đồ-Chiều là truyện « Lục-Vân-Tiên » (2.076 câu lục bát), trong đó, tác giả đã gói gắm nỗi lòng và mộng ước, nhưng còn có mục đích đem đạo nghĩa để khuyên răn người đời.

-Sách được in ra bằng chữ quốc ngữ lần đầu tiên tại Sài gòn vào năm 1867 do một người Pháp là G. Janneau sao lục và chú thích ; về sau, văn hào Trương-Vĩnh-Ký lại cho in lần khác vào năm 1889.

Ngoài ra, năm 1885, một người Pháp khác là Eugène Bafot đã dịch « Lục-Vân-Tiên » sang Pháp-văn và được ấn hành tại Paris vào năm 1887, nhan đề là « Histoire du grand lettré Louc Văn Te-ien » (Paris, Challamelainé).

Thêm vào đó, Nguyễn-Đình-Chiều còn lưu lại các tác phẩm khác là « Dương-Tử Hà Mậu », « Ngự tiều vấn đáp y thuật », một ít thơ nôm (như thơ « Sĩ, nông, công, thương », Thơ cảm khúc Phan-Thanh-Giản », « Thơ điệu Trương-Công-Định », ..v..v..) và mấy bài văn tế nổi tiếng (« Văn tế Sĩ-dân Lục-tỉnh », « Văn tế vong hồn mộ nghĩa »...).

NGUYỄN-THÔNG

Danh-sĩ triều Tự-Đức, có tinh thần kháng Pháp

Nguyễn-Thông tự Hi-Phấn, hiệu Kỳ-Nguyên, biệt hiệu Độn-Am. Ông là một danh sĩ có tiết tháo, có tinh thần bất khuất, tên tuổi vang lừng nơi Gia-Định.

Đời Tự-Đức năm thứ hai (1849) ông đỗ cử nhân lúc mới 23 tuổi. Ông nổi tiếng văn học, làm quan rất mực thanh cần, liêm khiết.

Vua Tự-Đức trọng vọng ông, bổ làm Bộ-Chánh. Khi ông hoạt động ở Gia-Định, hầu hết sĩ phu đều tỏ lòng mến phục.

Khoảng năm Tân-Dậu 1861, quân Pháp đánh chiếm Gia-Định, ông đã từng đứng trong hàng ngũ kháng chiến. Chính ông đã hết sức tán trợ công cuộc khởi nghĩa của vị cử nhân Phan-Văn-Đạt và người cháu một gọi ông bằng cậu là Trịnh-Quang-Nghị. (1) Nặng lòng yêu nước, có tinh thần bất khuất, ông hằng thúc đẩy các sĩ phu vùng lên hỗ trợ cho cuộc kháng Pháp.

Nhưng thế quân ta không chống nổi với võ khí tân thời, và hỏa lực của quân Pháp làm chủ được tình hình trên khắp các mặt trận, khiến ông và các sĩ phu ôm lòng căm hận, tạm rút lui về các khu an toàn, dưỡng quân chờ lúc chống trả.

Sau khi cuộc khởi nghĩa của cử nhân Phan-Văn-Đạt và Trịnh-Văn-Nghị bị dẹp tan, Phan-Văn-Đạt đền nợ nước, còn Trịnh-Quang-Nghị thì rút quân về chiến khu ở miền Tây, vùng Hà-Tiên — Châu-Đốc, thì Nguyễn Thông lui ẩn ở Vĩnh-Long.

Triều đình vẫn trọng vọng ông, bổ làm Đốc-Học Vĩnh-Long. Tại đây, ông đã cùng cụ Phan-Thanh-Giản hết lòng lo về mặt văn hóa, đào luyện nhân tài cho đất nước. Cố nhiên, ông không bao giờ nguôi cái hận bị ngoại bang xâm lược. Lòng yêu nước cao độ, tinh thần chống pháp quyết liệt, ông vẫn hằng khích lệ sĩ phu giữ vững lòng kiên trung báo quốc bất hợp tác với giặc và tìm cách đánh đuổi quân xâm lăng cho kỳ được.

Kịp khi quân Pháp tấn công luôn 3 tỉnh miền Tây, cả 6 tỉnh Nam kỳ đều lọt vào tay chúng, Nguyễn-Thông rời bỏ chức vụ Đốc học Vĩnh-Long, dời cả gia quyến ra ở Bình-Thuận (Trung-Việt), tỏ rõ ý bất-khuất.

Chính ông đã soạn tiểu sử các vị anh hùng kháng Pháp đương thời như Trương-Định, Hồ-Huân-Nghiệp, Phan-Văn-Đạt, Trịnh-Quang-Nghị, Lê-Cao-Dống, đề phổ biến trong quần chúng, nêu cao tiết nghĩa hy sinh cứu quốc.

(1) — Về cuộc khởi nghĩa của cử nhân Phan-Văn-Đạt và Trịnh-Quang-Nghị, chúng tôi đã kể ở tiểu truyện Phan-Văn-Đạt.

Các văn phẩm của ông thầy đều sâu sắc, cảnh tỉnh sĩ phu đứng
mê danh lợi, giữ cao khí tiết của người có văn học, phẩm hạnh.

Lúc hoạt động ở Gia-Định, Vĩnh-Long, cũng như khi đem gia
yến ra ở Bình-Thuận, trước sau một mực, ông chuyên tâm vào việc
y dựng văn hóa dân tộc.

Ông từng dự vào việc khảo duyệt bộ «Khâm định Thông giám
song mục». Các tác phẩm còn lưu lại với đời đều được sĩ phu nhiệt
tán thưởng. Ấy là các bộ sách

1.— *Ngọa du sào thi văn tập*

2.— *Kỳ xuyên thi văn sao*

3.— *Đôn am văn tập*

4.— *Kỳ xuyên cùng độc.*

Các cụ chí sĩ Phan-Bội-Châu, Huỳnh-Thúc-Kháng đều từng có
q giáo với ông, và chịu ảnh hưởng của ông rất sâu xa.

Khi ông mất, các sĩ phu đều thương tiếc, tưởng niệm văn tài và
tát tháo của ông.

Con cháu ông về sau cũng noi gương ông, bắt hợp tác với Pháp,
ng vào hàng ngũ chí sĩ, vận động cho phong trào Duy-Tân cứu
tộc. Tên tuổi con cháu ông như Nguyễn-Trọng-Lôi, Nguyễn-Quý-Anh
ng được nhắc nhở bên cạnh những chí sĩ Phan-Châu-Trinh, Phan-
-Châu, Huỳnh-Thúc-Kháng, Nguyễn-Thượng-Hiền.

Ngày nay, tên tuổi Nguyễn-Thông được nêu ở nhiều con đường
miền Nam này, kẻ rất xứng đáng vậy.

PHAN-VĂN-ĐẠT

Vị cử nhân nghĩa dũng kháng Pháp,
bị giặc bắt sống và xử bắn

Theo tài liệu của cụ Kỳ-Xuyên Nguyễn-Thông, trong quyển «Kỳ-
uyên văn sao», bản dịch của hai ông Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm
Bùi-Quang-Tung, đăng trong tập san «Sử địa» số 3, xuất bản năm
1966, trang 99-101

Phan-văn-Đạt tự Minh-Phủ, quê ở thôn Bình-Thanh, huyện-Tân-
hanh, tỉnh Gia-Định,

Thân phụ ông là Phan-văn-Mỹ, tính người cao nhã, giữ nét khiêm
ng, sống đạm bạc, không đua chen danh lợi, rất trọng đãi hiền sĩ.

Ông chịu sự giáo dục của thân phụ rất nghiêm cần, nên từ thuở nhỏ đã có vẻ đứng đắn như người lớn. Tư chất thông minh sáng suốt, sự học của ông khá lỗi lạc. Cho đến việc máy móc ông cũng lưu tâm học hỏi, chỉ xem qua là có thể bắt chước làm được. Đã thế, cốt cách phong lưu, ông cũng hay nghiên cứu về âm nhạc, thích thổi sáo.

Khi thân mẫu ông qua đời, cảnh nhà ông đang hồi sa sút. Đến năm Canh-Thân 1860, ông đỗ cử nhân, muốn đi làm quan nhưng không đủ tiền đi ra ngoài Huế, nhờ các bạn thân đến lo liệu cho. Nhưng ra đến Kinh sư thì ông lại bỏ về. Vì tính ông ngay thẳng không ưa a dua.

Dân chúng trong vùng quê ông đều kính mến ông. Ai có việc tranh giành, thường đến nhờ ông phân xử, họ bảo nhau rằng : « Sự sự chênh lệch thì nhờ mặt cân, muốn hết tranh giành thì nhờ ông Phan ».

Tháng 3 năm Tân-Dậu 1861, thân phụ ông tạ thế. Chôn cất xong, ông búi người bảo cùng các bạn thân :

— Việc riêng của tôi thế là xong. Từ nay về sau tôi sẽ tùy theo tạo hóa vãn xoay.

Nói thế, vì ông đã nhận rõ thời cuộc, thâm tâm đã có tự chủ trương mình sẽ phải làm gì trước hiện tình quốc gia đang bị xâm lăng. Lúc ấy Gia-Định đã thất thủ rồi.

Ông đứng lên, cùng với chú bên ngoại là Trịnh-Quang-Nghị chiêu tập dân quân khởi nghĩa. Thanh niên ở các huyện lân cận ngưỡng mộ uy tín của ông và Trịnh-Quang-Nghị, nhiệt liệt hưởng ứng, theo về đông đảo. Cùng nhau chia quân đóng giữ ở phía nam Biện-Kiều, thôn Bình-Thanh, tỉnh Gia-Định.

Cờ nghĩa của ông và Trịnh-Quang-Nghị phát phới nêu cao. Sự tận tâm, lòng hy sinh của ông làm sáng thình danh ông qua những trận chỉ huy dân quân đánh đuổi kẻ cướp nước.

Cho đến ngày 16 tháng 7 năm Tân-Dậu 1861, quân Pháp bắt đầu đánh úp vị trí đóng binh của ông. Bị đàn áp dữ dội, ông và 8 nghĩa quân bị bắt sống. Còn Trịnh-Quang-Nghị đóng quân ở phía Tây-Nam Biện-Kiều cũng bị quân Pháp tấn công, nhưng cố chống cự rút lui được.

Giặc tra tấn cực hình, ông vẫn không khuất phục. Tám người nghĩa binh cùng chung số phận với ông, có vẻ lo ngại bị giết, ông

trời bảo :

— Tôi thì chắc chết, còn các anh thì không can gì. Nhờ các anh m nói lại với các bạn đồng tâm nên cố sức làm cho thành công.

Sau nhiều lần tra tấn, khuyên dỗ ông hàng phục không được, róng giặc tức giận. Tên thông dịch viên của chúng tăng công :

— Người ấy — chỉ Phan-Văn-Đạt — là đầu sỏ bọn phiến loạn, ên bản bỏ phức đi cho rồi.

Chúng đem ông ra xử bản tại chợ Gia-Định. Tám người nghĩa inh thì ít lâu sau được thả ra.

Ông chết vì việc nước lúc mới 34 tuổi. Lúc ấy, quân Pháp uồng bắt rất gắt, mọi người đều phải trốn tránh. Có bà Trịnh-Thị (chị của Trịnh-Quang-Nghị) sai người đi tìm được thi hài ông, đem hôn cất ở nơi phía Nam Biện-Kiều là nơi ông khởi nghĩa.

Triều đình Huế nghe biết chuyện ông, truy tặng ông Hàm-Tri-hủ, ban cho em ông là Phan-Văn-Thanh Hàm Bá-Hộ và ra lệnh cho lập miếu thờ.

HỒ-HUÂN-NGHIỆP

Ngồi chức Tri-Phủ Tân-Bình, giúp nghĩa quân kháng Pháp

Hồ-Huân-Nghiệp, người làng An-Định, huyện Bình-Dương, tỉnh Hà-Định, vốn là cháu nội cụ Kỳ-Lục (như Tuần-Phủ). Hồ-Văn-huân.

Tính ông khảng khái. Tài học của ông vào hàng cụ phách trên ăn đàn. Sĩ phu hầu hết đều có lòng quý trọng ông.

Dung mạo ông, theo lời thuật của cụ Kỳ-Xuyên Nguyễn-Thông, ông quyền « Độn am văn tập » : « Hình thù rất cổ quái, mũi nhọn như mũi vịt, tay dài như tay vượn ; tính tình trầm tĩnh mà cứng cỏi ».

Khi thân phụ ông là Hồ-Lợi tạ thế, ông làm nhà ở bên mộ, ông hiếu cảm động mọi người.

Năm ông 30 tuổi, có khoa thi, nhiều bạn thân khuyến khích ông tranh khôi, ông từ chối :

— Đời đang buổi loạn, khoa giáp làm chi ? Tôi nay đã chán ý ông danh, mong được phụng dưỡng mẹ già cho trọn đạo là thỏa nguyện.

Rồi đó, ông vẫn an phận dạy học, nuôi mẹ. Nhưng ông há dể

ngồi yên mãi được, khi mà quân đội Pháp đã có mặt ở miền Nam nước Việt. Trời Gia-Định lao xao đàn chim Việt đậu cành Nam, tác kêu gào hờn mắt tở. Bạc sĩ phu có tâm huyết lẽ nào đành làm ngư ?

Hồ-Huân-Nghiệp không thể là con người vô tâm trong cảnh nước mất. Thế là ông phải đáp ứng tiếng gọi của non sông là là đương nhiên.

Khi ấy, Trương-Định đóng binh ở Tân-Hòa, Gò-Công, ra lời hiệu triệu các nhân sĩ góp sức cứu nước. Hồ-Huân-Nghiệp có mặt trong buổi nhóm họp. Ông tham dự với tư cách một nhân sĩ, tâm tâm rất tán thành nguyện vọng và đường lối kháng chiến của Trương-Định, nhưng chưa có ý định đóng góp thế nào cho đại cuộc.

Vài hôm sau, ông đang ngồi nhà thì tiếp được bức điệp văn của Trương-Định, đại ý ngỏ cho ông biết toàn thể anh em đã đề cử ông vào chức vụ Tri-Phủ Tân-Bình, ông hãy tận tâm giúp kháng chiến, đừng phụ lòng anh em tin tưởng. Ông còn do dự về nỗi mẹ già thiếu người chăm nom. Thân hào hai huyện Bình-Dương, Tân-Bình lại gửi thêm cho ông một bức thư, nhất định buộc ông phải đi nhận chức, Trong thư có những lời tha thiết chính đáng :

« . . . Trong khi quốc gia lâm nạn, trọng phụ ắt phải vì nước quên nhà. Vậy ông là người xứng đáng làm tiêu biểu cho cả binh dân, lẽ nào vì chữ hiếu mà bỏ trách nhiệm non sông ? »

Hai bạn thân ông là cụ Tú Phạm-Như-Châu, cụ cử Lê-Xuân-Khánh cũng khuyên ông phải lấy trung làm hiếu. Ông dứt khoát tỏ thái độ, chấp nhận lên đường nghĩa vụ.

Đảm nhận nghĩa vụ hành chính trong khi quân Pháp đã chiếm đóng ở nhiều nơi, cố nhiên ông phải vất vả lưu động. Các cơ quan hành chính do ông điều động, thành công mỹ mãn. Đôi khi ông cũng hòa mình với nghĩa quân, chống trả cuộc tấn công của giặc.

Quân Pháp đàn áp dữ dội. Chúng bao vây tấn công vào nhiệm sở của ông.

Ngày 12 tháng 3 năm Giáp-Tý 1864, ông bị chúng bắt được, đem về giam giữ ở Phủ Tân-Bình. Viên tướng chỉ huy Pháp tra khảo ông :

— Những ai đứng ra triệu tập nghĩa binh ?

Ông không đáp, chúng nạt nộ.

— Hiện nay, triều đình đã ký hòa ước, có sao còn phiền loạn ? Ông thao thao bất tuyệt thóa mạ dã tâm của thực dân. Viên sĩ quan Pháp nổi giận, sai đem ông ra bắn bỏ. Một vị giáo sĩ Pháp ông thạo chữ Hán, thấy ông khảng khái nên đứng ra bảo đảm, và khuyên ông hợp tác. Trước sau một mực, ông chịu chết chứ không chịu giặc.

Không lay chuyển được lòng ông, lại còn bị ông lăng nhục, búng truyền lệnh đem ông ra xử chém. Ông bị hành quyết lúc mới 30 tuổi.

Lúc sa cơ, ông có bài thơ tuyệt mạng :

*Kiến nghĩa minh cam bất dững vi
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi
Thử thân sinh tử hà tu luận
Duy luyện cao đờng bạch phát thù*

Bản dịch của Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm :

*Thấy nghĩa không làm dững để chi ?
Hiếu trung là phận của nam nhi
Tử sinh sá kể thân này đã
Riêng nhớ nhà huyền nổi tuyết ti (1)*

CAO-ĐỨC-LÂN và PHẠM-VĂN-QUỲNH

Hai vị Tiên-hiền đã lập làng Tân-Thới-Nhi quận Hóc-Môn

Hóc-Môn vẫn là vùng có tiếng với Mười Tám Thôn Vườn Cau (Thập bát phù viên) nêu cao tên tuổi những nhân vật yêu nước, như Phan-Công-Hớn tức Quản Hớn thời Tự-Đức, Nguyễn-An-Hương, Nguyễn-An-Ninh thời gần đây.

Nhưng Hóc-Môn sở dĩ được phồn thịnh như ngày nay, hẳn là nhờ những bàn tay xây dựng từ lúc xa xưa, những bậc tiền hiền đã hy công khai hoang, qui dân lập ấp thuở đầu tiên, bao giờ cũng được lòng đề cao trong lịch sử đề nhân dân tưởng niệm công ân.

Trong các bậc tiền hiền đã góp công xây dựng cho vùng Hóc-Môn trở nên khu trù mật, theo sự khảo cứu của chúng tôi đáng kể hai cụ tiền hiền Cao-Đức-Lân và Phạm-Văn Quỳnh.

) — *Tuyết ti tóc bạc trắng như tuyết, tơ.*

Do lời thuật của các vị bô lão và do bài khảo cứu về « Gốc tích Hốc-Môn » của ông Lục-Y-Lang, đăng trên tạp chí « Pháp-Việt » ngày trước, chúng tôi xin trình bày về hai vị tiền hiền họ Cao và họ Phạm đã mở mang làng Tân-Thới-Nhi.

Nguyên khoảng năm Tân-Hợi 1851, vùng Hốc-Môn đã được mở mang ra buôn bán phồn thịnh, mang tên là huyện Bình-Long. Quan huyện đầu tiên đến trấn nhậm là Lưu-Đình-Lễ.

Bấy giờ, hãy còn nhiều nơi chưa khai thác đúng mức. Quan sát địa thế, trù liệu qui mô xây dựng, hai vị có uy tín trong làng Tân-Thới-Nhất là Cao-Đức-Lân và Phạm-Văn-Quỳnh mới bàn tính với nhau, tìm cách mưu phúc lợi cho dân chúng. Rồi đó, hai ông mới làm đơn nhờ Cai-Tổng Đặng-Thúc-Vinh và Phó Tổng Trần-Văn-Hiệu chuyển đệ xuống tỉnh Gia-Định, xin lập làng và cắt miếu cắt chợ ở một vùng trong huyện Bình Long tức Hốc-Môn.

Quan Tỉnh chấp thuận và giúp đỡ thêm phương tiện cho hai ông thi hành mọi công cuộc dự trù. Hai ông Cao-Đức-Lân và Phạm Văn Quỳnh vui mừng phấn khởi bắt tay vào việc. Dân chúng cảm động nghĩa cử của hai ông, cũng rập nhau tán thành, góp sức góp của để chóng hoàn thành công tác xây dựng quê hương, mưu điều công ích.

Do lòng sốt sắng và sự điều khiển siêng năng của hai ông Cao-Đức-Lân và Phạm-Văn-Quỳnh, chẳng bao lâu dân chúng trong vùng Bình-Long thành lập xong một làng mới nữa, có đầy đủ qui mô. Quan trên khen ngợi công lao. Dân chúng tán tụng hoan nghinh, chuẩn bị làm lễ khánh thành.

Mọi người hân hoan đến việc đặt tên cho làng mới lập. Thôi thì đủ thứ mỹ danh được nêu ra, đề nghị xin chấp thuận.

Hai ông Cao-Đức-Lân và Phạm-Văn-Quỳnh cũng đã nghĩ đến điều ấy từ lâu. Thăm nghĩ mình ở trong phần đất của làng Tân-Thới-Nhất, hai ông bèn xin đặt tên làng mới lập là Tân-Thới-Nhi.

Quan trên và các đại diện dân chúng cũng tán thành cái tên ấy. Thế là từ năm Tự-Đức thứ 5 (Nhâm Tý 1852) làng Tân Thới Nhi trong quận Hốc Môn (tức huyện Bình-Long xưa) được chính thức ghi vào lịch-sử. Và tên tuổi hai vị tiền hiền Cao-Đức-Lân và Phạm-Văn-Quỳnh cũng gắn liền với địa danh Tân-Thới-Nhi mãi muôn đời.

PHAN-VĂN-TRỊ (CỬ TRỊ)

1830 — 1908

Người đã kích Tôn-thọ-Tường hăng nhất, nêu cao tiết tháo

Trong hàng khoa bảng xuất thân, biết dùng ngọn bút sâu sắc để chỉ những ai phản bội quyền lợi nhân dân, Tổ-quốc, không ai bằng ử Trị. Không cầm súng thì cầm bút, trọn đời ông, văn chương chỉ phương tiện để ông gián tiếp đóng góp tâm huyết với quốc gia ông khi bao chiến sĩ quê hương đã đem xương máu đền đáp ơn c đất ngọn rau nước tồ.

Ông sinh năm Canh Dần (1830) tại làng Hanh-thông, tỉnh Gia-ịnh. Thông minh đĩnh ngộ, ông nổi tiếng anh tài. Năm 20 tuổi (Kỷ ậu 1849) ông đỗ cử-nhân, nên tục thường gọi là Cử Trị.

Đường khoa danh đã hiển đạt, nhưng ông không muốn dấn róc chốn quan trường, sống ung dung ngoài vòng cương tỏa, sinh lai với nghề y và dạy học. Lúc nào ông cũng biểu lộ phong thái của ịc người khoáng đạt, gìn tiết tháo.

Năm 1862, quân đội Pháp dấy động, chiếm Gia Định, Ông ởng Vinh-Long lánh thân. Cùng với các sĩ phu tiết nghĩa như guyễn-Đình-Chiều, Bùi-Hữu-Nghĩa, Huỳnh-Mẫn-Đạt v.v... ông ụng vào hàng ngũ bất hợp tác với Pháp, cực lực đả kích những đã xu thời cầu mị.

Đến khi ba tỉnh miền tây cũng lọt luôn vào tay quân đội xâm-ung, ông tê tái :

*Tò le kèn thổi tiếng năm ba
Nghe lọt vào tai dạ xót xa.
Uốn khúc sông rồng mờ mịt khói
Vắng hoe thành phụng ủ sầu hoa.
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
Cắt đứt thương thay cuộc giáng hòa !
Gió bụi đời cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.*

Rồi nhìn thấy đất nước ngày một bị cai trị dưới ách ngoại bang, ại phần đông sĩ phu đã trở mặt theo về hợp tác với tân trào, đại ện điển hình là Tôn-thọ-Tường, ông nổi lòng công phẫn, mài bút ện như gươm, bút chiến hào hùng, khiến người người khâm phục.

Cho đến nỗi Tôn-thọ-Tường cũng tự cảm thấy hồ thẹn, thu mình lại trong những bài thơ thân như « Tôn phu nhân quy Hán », « Từ Thứ quy Tào » v.v.. vẫn chẳng khỏi bị ông đánh thép chê trách qua những bài thơ họa lại, ý vị thâm trầm sâu sắc.

Hắn đến ngày nay không người Việt nào mà chẳng biết 10 bài liên hoàn vịnh thời cuộc của Tôn-thọ-Tường, mà Phan-văn-Trị đã họa chọi rần rỏi, nghiêm-khắc cực kỳ. Chỉ cần ghi lại đây một bài mở đầu thôi, cũng đủ cho các thế hệ sau thấy hai xu hướng đối kháng nhau rõ rệt. Tâm trạng yếu hèn xu mị thực dân của Tôn-thọ-Tường đã phát biểu trắng trợn :

*Giang san ba tỉnh hầy còn đây
Trời đất xui chi đến nỗi này !
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay
Xăng vắng thềm tỉnh thương đời chỗ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày
Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc
Khuyến đàn con trẻ chó thày lay.*

Nghe giọng điệu ấy, cố nhiên Phan-văn-Trị khó nổi dần lòng ông cảnh cáo ngay :

*Hơn thua chưa biết đó cùng đây
Chẳng dẽ nên ta mới thế này
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay
Nuôi muông giết thú còn chờ thuở
Bủa lưới săn nai cũng có ngày
Đừng mượn hơi hùm rung nhất khi
Lòng ta sắt đá há lung lay !*

Quả thật, tấm lòng sắt đá của ông, suốt cuộc đời ông luôn luôn giữ vững, chẳng lung lay trước hoàn cảnh đảo nghịch nào. Đề hiểu rõ ông hơn nữa, chúng ta hãy xem đến bài xướng họa thứ 10 trong thập thủ liên hoàn vịnh thời cuộc, giữa hai đối thủ đại diện hai phe hợp tác và bất hợp tác, ta sẽ cảm mến ông hơn nữa.

Tôn-thọ-Tường xướng :

*Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy*

*Đất quết đã đành bia lỗ miệng,
Chén tàn e nổi trở bàn tay
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp
Mắt trắng xem trời cánh khó bay
Chí muốn ngày nào cho được toại !
Giang san ba tỉnh hãy còn đây !*

Lập luận của hạng phản bội dân tộc thường là đưa đây, môn n vuốt ve. Ông đời nào chịu được những lời trơn hèn dùa bọ làm nhục cả tinh thần một dân tộc như thế. Ông hoạ sang sảng, lời như như thét :

*Năm hàng vốn thiệt thảo cùng ngay
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
Nồi chìm mặc thể tình dày mỏng,
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*

Ý chí rắn rỏi, ông cương quyết tranh đấu đến cùng. Dưới mắt ông, phe phái Tôn-thọ-Tường như không có, và ông cho đó là cái nhục của dân tộc. Từ lúc ông ngâm câu "Tan nhà cảm nỗi câu ly hận, đất thương thay cuộc giảng hòa", ông sống cuộc đời thanh bần ăn Nghe đâu có bậc sĩ phu cao khí tiết, lập tức ông tìm đến giao cùng nhau hoạch định phương chước cứu quốc. Nghe đâu có hào khí khởi nghĩa, ông nhiệt thành khích lệ.

Khi ông ở ẩn nơi Phong-diền (Phong-Dinh), ông thường rong thuyền câu, thính thính sông rộng trời cao dải tấm lòng ưu sầu, uất đau nỗi quốc phá gia vong :

*Xem hết nhơn tình rồi nghĩ nghị,
Thú vui chừn có một thuyền câu.*

Hoặc :

*Người hỡi Nghiêm-Lãng có biết chăng,
Lòng ta ý gã đố ai bằng.*

Thấy Đinh-Sâm vùng lên kháng Pháp, giết vị Cai tổng Nguyễn-Vĩnh, được dân chúng hưởng ứng, ông ủng hộ tinh thần ngay.

Đến khi Đinh-Sâm dần dần hao mòn lực lượng mà thất cơ bại sự ông than thở khôn cùng.

Tuổi càng già lòng ông càng đau đớn trước cảnh non nước lìa đặt vào guồng cai trị của ngoại bang. Tuy nhiên, ông vẫn tin tưởng tương lai đất nước, tinh thần bất khuất của dân tộc, mong mỗi trẻ Nam đất Việt sẽ rực rỡ màu xuân. Tâm sự ông hoàn toàn ký thác trong 10 bài cảm hoài, giải tỏ lòng cùng các thế hệ sau, muôn thế hệ đồng vọng mãi.

Thi văn của cụ Cử-Trị sáng tác rất nhiều, vì phạm vi quyển sách chúng tôi đành giảm bớt, chỉ lược lại những bài đặc sắc có nhiệm văn tâm văn khí đã nói lên tấm lòng bất-khuất.

Đối với non sông quốc thổ lúc nào cụ cũng thiết tha đến vận mạng quê hương dân tộc bị trị, khi mảnh đất thương yêu 6 tỉnh miền Nam đã lọt vào tay người Pháp.

Cụ cảm cảnh buồn tủi, ẩn dật nơi chốn đồng không hiu quạnh ở trong một căn nhà lá nhỏ sớm cháo chiều rau, giữ chữ thanh bạch đề nhìn thế sự.

Khi sinh tại Hạnh Thông Gò Vấp tỉnh Gia-Định, đến khi mất tại Phong-Điền Cần Thơ, trong một ngôi nhà lá nhỏ mộ phần cụ đắp bằng đất, trước đầu mộ có dựng bia chí khắc tên họ năm sinh và ngày mất, đề cho người đời biết đó là ngôi mộ của cụ Cử-Trị, lúc sinh thời gìn câu tiết tháo, với tinh thần bất hợp tác với Pháp, chịu nghèo túng mà ta giữ được thanh danh nêu gương cho hậu thế tên tuổi cụ đã đi vào lịch sử, đáng cho thế nhân nhắc đến.

TÔN-THỌ-TƯỜNG

Một danh sĩ thân Pháp chịu nhiều tai tiếng

Tôn-Thọ-Tường sanh năm 1825, tại phủ Tân-Bình tỉnh Gia Định dưới triều vua Minh-Mạng.

Thân phụ ông là Tôn-Thọ Đức, làm quan đến chức Tuần-Phủ Thuận-Khánh. Thế mà gia đình ông vẫn lâm cảnh bần hàn, mà động cơ thúc đẩy ông không giữ được tiết tháo của văn thân đời trước mà phải ra giúp việc cho Pháp từ năm 1862, trong thời Tự-Độc dần dần được Pháp phong cho ông làm Đốc-Phủ-Sứ. Tục gọi ông Đốc-Phủ-Tường, hoặc Đốc-Phủ Ba-Tường.

Thuở 20 tuổi, ông đã nổi tiếng văn học. Nhưng lận đận trên đường công danh vì nhà nghèo chật vật, nhiều lúc ông phần chí, oán chạnh như tình bạc đãi. Do đó, khi Pháp chiếm đóng Gia-Định, ông ra làm việc với Pháp.

Sĩ phu đồng thời chê trách ông rất nhiều. Bao nhiêu văn thơ ông n ra, đều bị sĩ phu họa lại với ý mắng nhiếc ông đã quên hết liêm tiết tháo của một nho gia, nếu không nói nặng ông là phản quốc. Ông số sĩ phu đã kích ông thậm tệ, có cụ cử Phan-Văn-Trị, cụ cử-Khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, cụ Trần-Phủ Huỳnh Mãn-Đạt v.v...

Bị công kích chê bai quá nhiều, ông gượng gạo biện minh cho n sự mình qua bài thơ « Từ-Thứ quy tào » :

*Thảo đầu dám sánh kẻ cày voi
Muối xát lòng ai nấy mặn mèi
Ở Hán còn nhiều trang cột cả
Về Tào chỉ sá một cây còi
Bâng khuâng nhớ chúa khôn nâng chén
Bị rịn trông vua biếng giờ roi
Chẳng dặng khôn Lưu thà đại Ngụy
Thân này đành gát ngoại vòng thời.*

Ông biện minh cách nào vẫn cũng không xóa được sự khinh ghét sĩ phu. Nhất là khi ông làm bài « Cáo Thị » hiểu dụ các nhóm hĩa quân hãy buông súng về qui thuận với Pháp, qua những lời lẽ dương võ lực mạnh bạo của người Âu-tây, càng khiến sĩ phu nh ông ra mặt.

Tương truyền, có lần cụ Trần-Phủ Huỳnh-Mãn-Đạt tình cờ ông ngồi xe song mã ở giữa đường, cụ Trần-Phủ lánh mặt. Ông trông thấy, dừng xe lại mừng rỡ hỏi han. Cụ Trần-Phủ lạnh at đọc một bài thơ mỉa mai. Ông cũng gượng gạo ngâm đáp một , có câu « xe ngựa bao nhiêu, bụi bầy nhiêu », nói lên tâm sự của g chẳng vui gì trong sự giàu sang oai quyền, gặp cuộc đời đời mà ải quyền biến, chớ không phải hoàn toàn vì danh vì lợi.

Lòng ông có đúng như thơ ông hay không ? Công luận phẩm h đã nhiều. Dù thế nào thì thân ông cũng đã nhờ nhuốc ít nhiều, ó mà gột sạch cho hết được tai tiếng. Có điều ông không đến nổi tận lương tâm như Tổng-Đốc Trần-Bá-Lộc, Tổng-Đốc Hữu-trung, Đốc-Phủ Trần-Tử-Ca, nên lịch sử hãy còn ghi nhẹ về ông

phần nào trong tình trạng có thể được giảm khinh về sự thân Pháp của ông.

Về sau, ông mất ở Hà-Nội (Bắc-Việt) vào năm 1877, trong khi giúp việc cho tòa Lãnh-sự Pháp ở ngoài ấy. Linh cửu ông được đưa về chôn cất tại Phú-Nhuận Gia-Định.

Đời bấy giờ, trong dân gian có bài ca dao nói về ông và tiền-s Phan-Hiền-Đạo

*Lớp sau Thanh-Giản tiếng đồn
Là Phan-Hiền-Đạo với Tôn-Thọ-Tường
Ông thời nho nhã văn chương
Ông thời thơ phú tốt đường diệu công
Ông về thác Vĩnh kim đông
Ông ra giúp nước bưng đồng tương tri
Một còn một thác trọn nghì
Ngàn thu rặng tiếng Nam kỳ danh nho.*

PHAN-CÔNG-HỚN

Vẫy vùng kháng Pháp nơi Mười Tám Thôn Vườn Trầu
Hốc-Môn

Mười Tám Thôn Vườn Trầu ở Hốc-Môn, mang tên Hán-văn là «Thập bát Phù viên» nức danh nhờ có những trang sử vẻ vang. Nơi đây, Phan-Công-Hớn, tục gọi là Quán-Hớn đã vẫy vùng kháng Pháp, giết vị Đốc-Phủ-Sứ Trần-Tử-Ca tục gọi là quan lớn Ca. Nơi đây, nức tiếng hai cụ Nguyễn-an-Khương, Nguyễn-an-Cư, thân phụ và chú ruột nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh. Cũng nơi đây, cụ Đặng-thứ Liêng sung sướng tự hào «Mười Tám Thôn Vườn Trầu ấy quê nhà»

Thời thực dân Pháp ngự trị trên đất nước ta, chúng đã thi hành chính sách ngu dân, đào tạo những tay sai để sẵn sàng làm theo mệnh thị của chúng, hầu dễ bề cai trị. Trong số người hợp tác với Pháp có vị Đốc-Phủ Trần-Tử-Ca trấn nhậm ở huyện Bình-Long (Hốc-Môn) nổi tiếng tham nhũng. Dân tình oán hận. Không chịu được cảnh nước mất, dân bị trị, Phan-Công-Hớn đứng lên cầm đầu dân chúng huyện Bình-Long nổi dậy chống bọn tham nhũng hại dân.

Quán Hớn đa mưu túc trí, có nhiệt huyết. Thấy dân chúng lầm than khổ khổ, ông không thể đành lòng được nữa, liền quyết hy sinh

ăng Pháp, diệt những tên tham tàn bạo ngược. Thề theo lòng dân ủng hộ huyện Bình-Long, ông sắp đặt cuộc khởi nghĩa, và quyết giết quan lớn Ca để cảnh cáo quan lại tham nhũng.

Bấy giờ quan lớn Ca vẫn nhờn nhờn tự đắc. Bóc lột dân chúng vợ vét cho thỏa túi tham không đáy. Khi đã giàu có lớn rồi, vợ ông quan lớn Ca lại còn tổ chức những cuộc hát xướng, vui cười ăn xướng máu của dân. Quan lớn có dè dặt dân chúng đã ngầm ủng hộ Quận Hớn, và vấn đề hành động chỉ còn là vấn đề thời gian.

Địp thuận tiện đã đến. Đêm ấy, đêm 27 tháng chạp năm Giáp-tân 1884, Quận Hớn đốc suất nghĩa quân bắt thần tấn công vào tư nh của quan lớn Ca.

Vài tên lính gác dinh không đủ sức chống cự với các toán nghĩa quân lần từng đợt xông vào. Đuốc cháy ánh sáng tỏa rực một vùng. Sáng mấy mươi nghĩa quân đã lãnh chỉ thị của Quận Hớn, tung súng chục bó đuốc đốt phá.

Trong cảnh hãi hùng, tư bề nghĩa quân hùng hổ bủa vây, quan lớn Ca không trốn thoát, bị nghĩa quân giết chết, cắt đầu bêu trên cột gỗ đền.

Dân chúng vừa kinh hoàng vừa thỏa mãn phần nào. Thỏa mãn thấy kẻ tham nhũng tàn độc đã phải chấm dứt cuộc đời tàn dân hại nước. Kinh hoàng vì lo ngại sự trả thù dữ tợn của bè lũ thực dân cấu kết với bè lũ tay sai của chúng.

Việc khủng khiếp xảy ra. Quân Pháp đàn áp dân chúng huyện Bình-Long thẳng tay. Hàng trăm, hàng ngàn người ngã gục dưới súng ống, dưới lưỡi lê, mà chúng gọi là bọn phiến loạn phải diệt trừ sạch. Những ai không bị giết, thì bị chúng bắt giam tra tấn tàn khốc.

Quận Hớn cùng một số nghĩa quân vẫn cương quyết chống trả. Nhưng sức yếu thế cô, dần dần lực lượng bị tiêu hao, cuối cùng ông ngã vào tay Pháp.

Hành hạ ông đến nước rồi, chúng mới đem ông ra xử bằng máy chém. Trước khi bị hành quyết, ông yêu cầu đao phủ cho đi một dao thật tốt, ông không có vẻ sợ hãi chi cả.

Người anh hùng đã đền nợ nước tại chợ Hốc-Môn.

Cuộc khởi nghĩa của Quận Hớn thất bại. Quận Hớn bị bắt giết. Những tên tuổi ông lịch sử không quên tán dương, cũng như không quên nhắc đến tên quan lớn Ca.

Lưu hương, lưu xứ, đàng nào thì cũng lưu danh muôn đời trên lịch sử, trên bia miệng. Có điều, vinh nhục khác nhau. Cái chết của Quán Hớn, và của quan lớn Ca, khiến địa danh Hốc-Môn cũng không bị lãng quên trong lịch sử.

TRẦN-VĂN-HIỆU

vị Phó Tổng Bình-Long có công quy dân lập ấp

Quận Hốc-Môn khi xưa vốn mang tên một Tổng là Tổng Bình-Long, Nơi bài « Góc tích Hốc-Môn », chúng tôi đã trình bày rõ về quá trình diễn tiến công cuộc khai khẩn ở vùng này.

Dưới triều vua Tự-Đức, hưởng ứng chính sách đồn điền của cụ Kinh-Lược-Sứ Nguyễn-Tri-Phương, các quan lại địa phương đều dốc lòng lo việc đồn điền dân chúng khẩn hoang, mở mang đất đai để lập các khu trú mật.

Bấy giờ, khoảng năm Tân-Hợi 1851, ở Tổng Bình-Long (tức Hốc-Môn), có ông Trần-Văn-Hiệu đã hết lòng chăm lo việc quốc kế dân sinh.

Với chức vụ Phó-Tổng, ông Trần-Văn-Hiệu hằng mưu phúc lợi cho dân chúng trong vùng, không cậy thế mà tác oai tác quái như phần đông tham quan ô lại. Quan sát địa thế trong vùng, ông nghĩ đến việc phải đồn điền dân chúng tích cực khai khẩn đất hoang, mở mang kinh tế. Ông dự thảo chương trình qui dân lập ấp, lập làng và ngỏ ý với các bạn đồng chí hướng, nguyện cùng nhau thực thi kế hoạch, đề đồng bào dân chúng được thành thoi sung túc hơn trong đời sống, an cư lạc nghiệp.

Được nhiều bạn đồng chí tán thành, ông đệ ý kiến lên cấp trên đề xem phê chuẩn ra sao. Điều đáng vui mừng cho ông, ông được vị Cai-Tổng là Đặng-Thúc-Vĩnh và vị Tri-huyện đầu tiên là Lưu-Đình-Lễ chuẩn nhận ý kiến xác đáng của ông. Rồi cùng nhau thực thi chương trình qui dân lập ấp, lập làng, mở mang vùng Hốc-Môn thành nơi trú mật, phồn thịnh, được dân chúng xưng tụng công ơn.

Đến năm Kỷ-Tỵ 1859, liên quân Pháp-Ý hạ thành Sài gòn, rồi kéo lên chiếm đoạt Hốc-Môn, Tri-Huyện Lưu-Đình-Lễ rút lui về Bình-Long. Ông Phó Tổng Trần-Văn-Hiệu cùng với Phó-Tổng Đặng-Thúc-Vĩnh lui về quê ở ẩn.

Khi ông mất, dân chúng đều thương tiếc, ông nghiêm nhiên được ng bào Bình-Long xem như là một vị tiền hiền có công ơn sâu nặng với dân chúng trong vùng Hóc-Môn.

NGUYỄN-AN-KHƯƠNG, NGUYỄN-AN-CỰ

Nhân-vật lừng danh ở vùng Hóc-Môn

Trong hàng ngũ cách mạng ở miền Nam, người hoạt động rất táo bạo và kín đáo, đặc lực, phải kể đến Nguyễn-An-Khương ở hàng đầu.

Nguyễn-An-Khương thâm thông nho học, có lòng yêu nước, nồng nàn ý chí phụng sự quốc gia dân tộc. Hưởng ứng phong trào vận động Duy-Tân và Đông-Du phát triển mãnh liệt ở ngoài Trung-Bắc, gắn liền lạc với các đồng chí cũng hoạt động ráo riết trong Nam.

Tuy nhiên, ông rất dè dặt và khéo biết che mắt người Pháp. Ông rất mặt thần nhiên, ngồi dịch các truyện Tàu như : Tam-Quốc-Chí, Thủy-Hử, Phấn-Trang-Lầu v.v... Và cũng làm trợ bút cho tờ báo «ông-cổ mìn đăm». Nhưng các việc ấy chỉ là tấm bình phong che mắt đám thực dân và đám tay sai của chúng.

Bên trong, ông âm thầm tán trợ các chí sĩ lo việc cứu nước, gỡ rối cai trị của thực dân. Ông thành lập khách sạn «Chiêu-Nam-Lầu» ở Saigon, để làm cơ sở kinh tài cho cách mạng và là trụ sở kín đáo cho đồng chí lui tới thảo luận kế hoạch với nhau. Hơn nữa, «Chiêu-Nam-Lầu» cũng là phương tiện đưa rước các thanh niên xuất dương, ông ứng phong trào Đông-du cần học, đào luyện cán bộ ứng dụng ch hợp vào các cuộc khởi nghĩa giành lại chủ quyền đất nước đã bị Thực dân Pháp tước đoạt.

Người em ruột của ông là Nguyễn-An-Cự cũng đồng tâm chí với ông. Tinh thông nghề thuốc, Nguyễn-An-Cự đã lấy nghề thuốc làm nghiệp, ra tay cứu giúp người nghèo lâm bệnh, nổi tiếng là Hoa-Đạo ở đất Hóc-Môn. Và cũng như anh, ngoài việc dùng y tài cứu nhân thế, Nguyễn-An-Cự còn chuyên tâm chữa trị cho các đồng chí cách mạng chẳng may lâm bệnh, tận tình đóng góp đặc lực vào các cuộc cách mạng, bằng tất cả khả năng về hằng sản lẫn hằng tâm.

Là một lương y tận tâm cứu chữa bệnh nhưn bất cứ nơi nào, nên có nhiều người lạm dụng cử chỉ rộng rãi của cụ mà không quên trả tiền công lẫn tiền thuốc. Cụ cười thể thái nhân tình

như vậy, nên trước cửa tiệm cụ có hai câu đối

« *Đau tiếc thân, lành tiếc của, thói ở bạc đã quen ;
Mất lòng trước, được lòng sau, ai có tiền thì hốt. »*

Ông có óc hài hước, nên một hôm ông nhìn cụ bà rồi hạ bút

*Nửa bên Nam-Việt, nửa bên Tàu
Tác vóc trung người chẳng thấp cao
Ghế ý dựa lưng xiêu nửa cái
Võng tre ghé đít đứrc vài tao
Đi ngang cửa sổ ngờ trời tối
Đứng nép buồng trong ngõ đống bao
Ai có năm xưa từng thấy ả
Ngày nay mới biết ả ra sao.*

Đọc bài thơ trên đây, ai cũng nhận thấy cái khéo tả dạng của Nguyễn-An-Cư. Rõ là dạng người đàn bà Minh-Hương, vóc dáng trung-bình mập-mạp.

Cụ lại có đôi liễn dán thờ chung ba ông Hiệu-Thồ, Thần-Tài và Táo-Quân, cũng chẳng kém về ngạo mạn chua chát :

« *Ít giấy hẹp hòi thờ một chỗ
Giúp tôi giàu có bớ ba ông. »*

Điều đáng cảm động hơn cả là chuyện cụ Nguyễn-An-Khương đã dương chí cho con là Nguyễn-An-Ninh. Khi nghe Nguyễn-An-Ninh tỏ bày tâm chí muốn sang Pháp học, cụ Nguyễn-An-Khương đã nghiêm khắc khuyên bảo con giữ vững khí tiết, đừng vì bả vinh hoa mà đổi lòng đổi chí, phản bội quê hương nòi giống. Đề cho Nguyễn-An-Ninh có ấn tượng thiêng liêng nung đúc nơi lòng, cụ đưa con lên Lăng-Ông Bà-Chiều tuyên thệ.

Trong khung cảnh long trọng trang nghiêm ở buổi yết miếu cụ Tả-Quân Quận-Công Lê-Văn-Duyệt, những người có chứng kiến đều không khỏi xúc động tâm tình, bồi hồi cảm khái. Cụ bằng lòng với buổi tuyên thệ của con, rồi mới cho con lên đường sang Pháp du học.

Chịu ảnh hưởng của cha, chú, về sau Nguyễn-An-Ninh đã sống một cuộc đời làm rạng danh thanh niên Hốc-Môn nói riêng, Việt-Nam nói chung.

Cuộc đời của hai cụ Nguyễn-An-Khương và Nguyễn-An-Cư quả là những tấm gương trong sáng. Nhắc đến các vị chí sĩ cách mạng tiền bối từng hoạt động ở động ở Saigon, Gia-Định như các cụ

Mạnh-Tự Trương-Duy-Toàn, Nhật-Quang Trần-Chánh-Chiều tức Gilbert Chiếu, Mộng-Liên Đặng-Thúc-Liêng v.v.. tưởng không ai là chẳng nghiêng mình tưởng nhớ đến hai anh em Nguyễn-An-Khương, Nguyễn-An-Cur, làm vinh dự thêm cho địa danh Hốc-Môn chẳng ít.

NGUYỄN-AN-NINH

Thần tượng của thanh niên tân học miền Nam

Ngày nay, nói đến tên Nguyễn-An-Ninh không còn ai là chẳng biết. Tài năng, tâm chí và đức độ hy sinh phục vụ đồng bào tổ quốc của Nguyễn-An-Ninh, đã khiến được mọi người khâm phục.

Người thanh niên của vùng Hốc-Môn — Bà-Điêm — Nguyễn-An-Ninh — đã nghiêm nhiên là thần tượng của giới trẻ ngưỡng mộ. Thân phụ của ông là cụ Nguyễn-An-Khương. Chú ruột của ông là Nguyễn-An-Cur. Có cha và chú đều là bậc chí sĩ đáng kính của đất nước, ông đã sống một cuộc đời thanh khiết, tận tụy phục vụ đồng bào, quê hương, không hề tiếng con nhà cách mạng.

Học chữ Hán với cha và chú, ông có cái vốn nho học thật phong phú. Từng sang Pháp du học, đỗ cử nhân luật trong lúc mới 20 tuổi, cái vốn văn hóa Pháp của ông cũng hơn người. Ông đã nói và viết chữ Pháp đến người Pháp cũng phải công nhận là ông nói tiếng Pháp còn hay hơn... đa số người Pháp chánh tông.

Khi du học ở Pháp, ông vẫn đã từng làm trợ bút cho vài tạp chí ở bên ấy, bán bài đề tự túc cầu học. Rồi khi trở về nước, với mảnh bằng cử nhân luật trong tay, ông vẫn chỉ sống với nghề viết báo, soạn sách, hoạt động cách mạng, tuyệt nhiên không để cho người Pháp dùng tài mình, tuyệt nhiên không để cho bả vinh hoa cám dỗ được mình, giữ đúng như lời thề giữa Lãng-Ông Bà-Chiều, trước sự chứng giám của một người cha nghiêm khắc biết dưỡng chí cho con.

Tại Pháp, ông đã giao du với hầu hết các chính khách có tiếng của ngoại quốc, và từng thân cận học hỏi với các cụ Phan-Châu-Trinh, Phan-Văn-Trường, Nguyễn-Thế-Truyền. Bởi thế, khi trở về nước ông chủ trương tờ báo Pháp văn «La Cloche fêlée» (Cái Chuông nứt) những tư tưởng cách mạng của ông đã biểu lộ rõ ra.

Dưới sự bảo trợ của hội Thanh-niên Trí-Đức và hội khuyến-

học Nam-kỳ, ông đã đăng đàn diễn thuyết tại Hội-Quán ở Sài gòn hai lần đều được hoan nghinh tán thưởng. Ông đã kêu gọi thanh niên nên dốc lòng tô điểm cho nền văn hóa Việt-Nam và phải nuôi « Cao vọng của thanh niên », học để làm người, học để phụng sự Văn-hóa Dân-tộc.

Thực dân Pháp chú ý đến ông, cho nhân viên công lực theo dõi ông, làm khó dễ ông đủ điều. Ông vẫn không nao núng, cứ theo lương tâm, theo chính nghĩa mà làm.

Những thanh niên tân học có ý chí cách mạng, như Tạ-Thu-Thâu, Phan-Văn-Hùm, Lê-Văn-Thứ đều xem ông như bậc đàn anh, như thần tượng đáng tôn thờ. Dần dần, dân chúng cũng ngưỡng mộ ông, noi gương ông đến nỗi gây thành một phong trào Nguyễn-An-Ninh. Hơn nữa, trước cao trào quần chúng ngưỡng mộ Nguyễn-An-Ninh thực dân pháp dựng đứng lên một cái mà họ gọi là « Hội kín Nguyễn-An-Ninh ».

Đề có cơ bắt giam ông, ghép ông vào tội phiến loạn, phá rối trị an

Thực dân muốn làm tình làm tội gì ông thì làm, ông không hề sờn lòng, không đầu hàng khuất phục

Đề giữ vững khí tiết, ông sống một cuộc đời thật đạm bạc. Ông học nghề nấu dầu cù là mà đạp xe đi bán dạo ở khắp miền nông thôn, trước làm kế sinh nhai, sau tuyên truyền giác ngộ đồng bào ở thôn quê hiểu tinh thần ái quốc và quyền lợi của dân nước.

Người bạn đường sát cánh với ông là Phan-Văn-Hùm từng chung chia cay đắng khổ nhọc trên những nẻo đường nông thôn Bà-Điêm, Bà-Queo, Đức-Hòa, Củ-Chi, Bến-Lức.

Vụ đánh Cai-Nên (1) đã là cái cơ đề thực dân nắm tay ông, ra lệnh tập nã ông. Ông tự ra nạp mình, và chịu vào tù, mặc cho thực dân tác oai tác quái. Vụ mất tinh ở Xóm Lách, đường

(1) Tên Cai-Nên, lính của thực dân Pháp thời bấy giờ, đánh Nguyễn-An-Ninh một roi gân bò tại nhà ga Bến Lức, bị Nguyễn-An-Ninh và Phan-văn-Hùm đánh trả lại. Vụ ẩu đả này đã tạo một cơ cho thực dân bắt Nguyễn-An-Ninh và Phan-văn-Hùm. Về sau Cai Nền là tay sai đắc lực được thực dân cho thăng làm chức Quản Mã-Tà. Năm 1940, y bị Huỳnh-văn-Một dùng súng mìn bắn chết tại xóm Cây-Đa ở Đức-Hòa, Sau 1945, Huỳnh-văn-Một trở nên chỉ đội trưởng chi đội 15, hoạt động vùng Đức-Hòa.

Lanzarotte (nay là Đoàn-Công-Bửu), lại càng là cái có hùng hồn nhất để chúng khép ông vào tội tù nặng nề hơn

Càng khốn đốn, ông càng được quần chúng yêu thương hơn. Âu cũng là điều an ủi và khích lệ ông vững một dạ kiên trinh, hy sinh vì chính nghĩa phục vụ đồng bào đất nước.

Tên tuổi ông làm chấn động khắp mọi giới, mọi nước. Đã thế, chính ông đã sang Pháp mời rước cụ Phan-Châu-Trinh về nước lo vận động cho cụ Phan-Châu-Trinh đăng đàn diễn thuyết hai lần hai đề tài :

1.— Luân lý và đạo đức Đông-Tây

2.— Quân-trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa.

Cũng chính ông đã rước cụ Phan-Văn-Trường, rồi cụ Nguyễn-Thế-Truyền về nước, đề toan xách động quần chúng nổi bước các bậc cách mạng lão thành mà vùng lên.

Quần chúng lao động rất thương mến ông. Bởi thế khi có tên ông ra ứng cử Hội-Đồng Đô-Thành trong số lao động, là luôn luôn ông được ủng hộ tận tình.

Thực dân càng ghét ông càng thấy cần phải hại ông, đề nhờ cái gai trước con mắt họ. Vì thế, chúng làm cho ông điều đứng đủ mọi mặt, cốt ý khủng bố tinh thần ông, lũng đoạn tư tưởng ông.

Trước sau ông đã bị bắt tù đầy tất cả 5 lần. Lần sau rốt đi đày ngoài Côn-Đảo, rồi mất một cách thê thảm tại đây vào khoảng tháng 7 âm lịch năm Quý-Mùi 1943 !

Ông sinh năm 1900, mất năm 1943, hưởng dương 44 tuổi. Nhưng suốt cuộc đời ông là những chuỗi ngày khổ nhục, hi sinh.

Ông mất, nhưng khí thế nhân dân nhờ ngọn lửa thiêng ái quốc do ông nhen nhúm cho, sẽ không bao giờ tắt.

Ngoài những bài báo, những bài diễn thuyết, công trình về văn hóa của ông chỉ còn lại vốn vẹn mấy tập sách mỏng :

1.— Tôn giáo

2.— Hai Bà Trưng.

Từ bao lâu nay, sách báo viết về ông kể thật dồi dào, chúng tỏ đồng bào, dân nước không quên ông, không bội bạc với công ơn của ông làm rạng rỡ tinh thần thanh niên với cao vọng vươn lên, tranh đua cùng nhân loại thế giới về mặt phụng sự văn hóa.

Về sách, Phan-Văn-Hùm đã nhắc nhở đến ông nhiều trong quyển « Ngồi tù khám lớn », Lê-Văn-Thử đề cao ông với quyển « Hội kín



*Di ảnh nhà Cách Mạng
Nguyễn An Ninh*

Nguyễn-An-Ninh ». Gần đây hơn, nữ-sĩ Phuong Lan (quả phụ Lan-Đình Bùi-Thế-Mỹ) cũng đã xuất bản quyển «Nhà cách mạng Nguyễn An-Ninh». Ấy là những quyển sách có giá trị, xin quý bạn đọc tìm đọc sẽ được hài lòng hơn, đủ đề bổ túc cho một bài cô đúc về tiểu truyện Nguyễn-An-Ninh hơi ngắn ngủi. Biết nói làm sao cho cạn niềm thương tiếc của người trai đất nước, người thanh niên vùng Hóc-Môn địa linh nhân kiệt ấy.

TỔNG KẾT :

Về phần Danh Nhân lịch sử của đất Gia-định ngày xưa cũng như các nhà cách mạng, các chí sĩ cận đại, đã và đang đóng góp vào việc cứu nước và dựng nước, chẳng may bị ngã gục nơi chốn rừng sâu núi hiểm, hoặc chết trong chốn ngục tù chưa được nhắc đến, những tiểu sử của các vị ấy chưa sưu tầm được chính xác, vì lẽ đó chúng tôi chưa vội nêu lên, mong khi tái bản, chúng tôi sẽ bổ túc thêm những phần còn lại, xin bạn đọc thông cảm và thứ lỗi cho.

Mục đích của chúng tôi lúc nào cũng làm sống lại những nhân vật lịch sử ấy, để làm sáng tỏ công nghiệp của các ngài, hầu góp phần tô đậm trang sử vàng son của giống Tiên-Rồng bất khuất.

HUỲNH-MINH

PHẦN THỨ TƯ

— HUYỀN-THOẠI

— GIAI-THOẠI

— ĐỊA-DANH

TÌM HIỂU VỀ ĐỊA DANH GIA-ĐỊNH VÀ CÁC TỈNH MIỀN NAM

Là người Việt, hẳn không ai là chẳng biết miền này vốn do công khai thác của các tướng lãnh trong thời chúa Nguyễn. Thực thi kế hoạch tầm thực (tầm ăn) để hoàn thành chương trình Nam-Tiến, từ đời chúa Võ-Vương Nguyễn-phúc-Khoát, vị danh tướng Nguyễn-cur-Trinh, tài giỏi văn võ, đã dần dần mở rộng bờ cõi miền Nam, đặt miền Nam này thành một dinh mang tên là Phiên-trấn-dinh.

Xuống đến đời chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần và cháu là chúa Nguyễn-phúc-Ánh vào Nam lo mưu chống Tây-Sơn để khôi phục non sông, thì miền Nam thuở ấy vẫn còn mang tên là Phiên-Trấn-dinh. Kịp khi thống nhất non sông, chúa Nguyễn-phúc-Ánh lên ngôi vua xưng hiệu là Gia-Long, thì thủ phủ miền Nam nghiêm nhiên có tên là Gia-Định. Chữ « Gia » nghĩa là tốt đẹp, « Định » là sắp xếp đã an ổn vững vàng rồi. Hai chữ « Gia-Định » có nghĩa là mảnh đất tốt đẹp đã được bình định an ổn.

Dưới triều Gia-Long, toàn lãnh thổ miền Nam đặt là một thành, mang tên là Gia-Định thành.

Đến triều vua Minh-Mạng thì miền Nam chia làm 6 tỉnh, thủ phủ miền Nam là vùng Sài-gòn, Chợ-Lớn, Gia-Định ngày nay mang tên là Gia-Định tỉnh. Sáu tỉnh miền Nam được đặt tên là Gia-Định, Biên-Hòa, Vĩnh-Long, Định-Tường, An-Giang, Hà-Tiên. Lấy mấy chữ đầu tên 6 tỉnh mà đọc cho dễ nhớ thì là « Gia, Biên, Vĩnh, Định, An, Hà ». Mấy tên ấy đều có nghĩa rất tốt đẹp, thiết tưởng chúng tôi khỏi phải giải thích tên từng tỉnh, hẳn mọi người đều đã hiểu nghĩa tốt đẹp thông thường của các danh xưng trong 6 địa danh ở miền Nam khi ấy.

Nhưng, gồm chung mà nói, thì 6 chữ đầu của 6 tỉnh ghép lại là : Gia, Biên, Vĩnh, Định, An, Hà có ngụ ý gì chăng ?

Theo chỗ chúng tôi được biết, khi đặt tên cho 6 tỉnh miền Nam như thế, hẳn là triều đình nhà Nguyễn đã có họp nhau thảo luận chớ chẳng không. Có lẽ triều thần đã nghĩ rằng công nghiệp bình định miền Nam, thống nhất non sông từ Nam chí Bắc, quả là công nghiệp vĩ đại hiển hách của vua Gia-Long, sánh ngang với công nghiệp của Hán Cao Tổ Lưu Bang đã dẹp yên nhà Tần mà gồm thâu Trung-

Nguyên về một mối.

Đời Hán, khi bình định xong đất nước, các triều thần đã khen ngợi vua Hán Cao Tổ, qua câu : « Khoái mã gia tiên, vĩnh định an hà ». Nghĩa : Chạy ngựa ra roi, định an non nước lâu dài.

Dựa vào câu khen vua Hán như trên mà suy luận, chúng ta nhận thấy triều thần nhà Nguyễn cũng ngầm tán tụng công nghiệp của vua Gia-Long chẳng kém gì. Do đó, lấy 6 chữ cuối trong câu là « Gia Tiên Vĩnh Định An Hà » = Ra roi định an non sông lâu dài, sửa trại ra là « Gia Biên Vĩnh Định An Hà », đặt tên cho sáu tỉnh miền Nam thật là đắc thể.

Gia = Gia-Định = Định xong tốt đẹp

Biên = Biên-Hòa = Vui hòa nơi biên thùy

Vĩnh = Vĩnh-Long = Bền vững hưng thịnh vĩnh viễn

Định = Định-tường = Điềm lành ổn định

An = An-giang = Non sông an vui

Hà = Hà-tiên = Sông trong có Tiên xuất hiện Rồi đến khi quân Pháp đánh chiếm miền Nam, đất Gia-định vẫn nghiêm-nhiên là thủ phủ của Nam-Kỳ thuộc Pháp. Dầu khi chia miền Nam ra làm 20 tỉnh thì tỉnh đứng đầu vẫn là tỉnh Gia-Định (số 1)

Muốn cho dễ nhớ tên 20 tỉnh Nam-Kỳ, bấy giờ trong dân gian lại truyền nhau câu về dễ nhớ : Gia châu, Hà, Rạch trà, Sa Bến, Long trâu sóc, Thủ, Tây, Biên, Mỹ, Bà, Chợ, Vĩnh, Gò, Cầu, Bạc,

Chẳng rõ xuất xứ do ai Khéo ghép các chữ đầu tên của mỗi tỉnh mà đặt đề ra như thế. Chúng ta có thể chia ra mà đọc từng đoạn như thế này :

1— Gia, 2— Châu, 3— Hà, 4— Rạch, 5— Trà, 6— Sa, 7— Bến, 8— Long, 9— Tân, 10— Sóc, 11— Thủ, 12— Tây, 13— Biên, 14— Mỹ, 15— Bà, 16— Chợ, 17— Vĩnh, 18— Gò, 19— Cầu, 20— Bạc.

Vi lý do mỗi tỉnh mang một con số như thế nên số ghe và số xe ngựa thời bấy giờ ở tỉnh nào sẽ mang số của tỉnh đó.

Như ghe và xe ngựa ở tỉnh Gia-Định thì mang số 1, ở tỉnh Mỹ Tho thì mang số 14 v. v. . .

Thời đó nếu có ai xuống bến ông lãnh, thấy ghe thương hồ đậu dài theo bến mua bán, nhìn qua trước mũi có gắn số, thì biết ngay ghe đó ở tỉnh nào đến.

Sáng kiến của người đặc ra theo số thứ tự 20 tỉnh miền Nam dưới thời Pháp, dụng ý để cho người ta nhớ dấu hiệu con số của tỉnh mình còn hiểu qua các tỉnh khác, bằng cách trông vào con số mà biết được ngay.

Đĩ vãng trôi qua, nhưng đến nay bìa miệng vẫn còn nhắc nhở các danh từ ấy, âu cũng là một giai thoại ghi nhớ mua vui.

ÔNG HOÀNH ÔNG TRẮM

Mấy tiếng « Ông Hoàng ông Trắm » đã hóa ra câu thành ngữ ám chỉ những hạng người cứng cỏi, ngang ngạnh. Đến nỗi nơi thôn quê thảnh thoảng vẫn còn nghe cha mẹ rầy những đứa con ngỗ nghịch « Mày quá lắm rồi đa nghe. Bộ muốn làm « Ông Hoàng Ông Trắm hả ? »

Thế thì Ông Hoàng Ông Trắm là ai ? Nhân vật ở thời đại nào ? đã hành động ra sao mà tiếng đời còn lưu tiếng bắc, tiếng chi sĩ và ?

Ấy là hai thuộc hạ của Lê văn Khôi, người đã chủ mưu cuộc đánh chiếm thành Phiên-an tức thành Gia-Định ngày xưa, khuynh đảo những phường tham quan ô lại, chống nhau với binh triều suốt mấy năm trời.

Cuộc binh biến do Lê văn Khôi gây ra trong năm Quý-tị 1883, Chúng tôi đã thuật rõ ở tiểu truyện Lê văn Khôi. Ngày nay, mấy danh từ Ngụy Khôi, Mã Ngụy hầy còn lưu truyền, chính là do cuộc đột biến của Lê văn Khôi chống triều đình, vì lòng phẫn uất triều đình đã đối xử tệ bạc với đức Tả-quân Quận-công Lê văn Duyệt.

Tương truyền sau khi lấy lại thành Gia-Định, triều đình truyền bắt những tên trọng phạm trong vụ « Ngụy khôi », gửi về Huế. cho triều đình xử tội lãn trì.

Các quan địa phương ở Gia-Định cho giải về kinh 6 tên trọng phạm, đứng đầu là người con của Lê văn Khôi mới lên 7 tuổi. Còn 5 người nữa là : Cố Du, tức vị cố đạo người Pháp tên Marchand, một người Hoa-kiều tên Mạch-Tấn-Giai và ba tên thuộc hạ của Lê-văn-Khôi là Hoàng, Trắm, Bột.

Tương truyền, khi 6 tên trọng phạm ấy bị đóng gông mà nhốt vào cũi giải về Huế, dân chúng theo coi đông đảo. Hai ông Hoàng, Trắm thân nhiên, ngạo mạn cười nói vang vầy : Ông Hoàng ông Trắm

âm vang bài thơ ứng khẩu :

Hai bên thiên hạ thấy hay không ?
Một gánh cương-thường há phải gông ?
Quần quai hai vai quân tử trúc
Nghinh ngang một cõ trượng phu tông
Sống về đất Huế danh còn tạc
Thác ở trời Nam tiếng hã không.
Gẫm việc nên hư trời đất định
Phản thần đéo hỏa đứ cời ông.

Tưởng nên nói thêm : Bài thơ trên đây, xưa nay vẫn thường o là của cụ Thủ-khoa Huân. Nhưng, đã số học giả nhận xét rằng ông phải là khẩu khí của một vị Thủ-khoa. Cho nên, có dư luận khác ng số này có sự nhận xét của cụ Trương Vĩnh Ký, cho rằng chính g Hoàn ông Trám đã ứng khẩu đọc cho dân chúng nghe, khi bị t giải về Huế, chịu án xử lãn trì, tức là bị xử tử bá đao, trăm o lóc thịt cho đến chết, rồi chặt xương làm 4 khúc.

Nếu quả bài thơ trên đây do ông Hoàn hay ông Trám khẩu iễn trong lúc sa cơ, đời sau càng nhận thấy rõ tác phong chọc trời uấy nước của Hoàn và Trám. Thảo nào danh xưng « Hoàn Trám » ặng bị thiên hạ gán cho những hạng người thường bị coi là đọc ang chẳng biết trên đầu có ai.

Tuy nhiên, bình tâm xét kỹ, chúng ta sẽ nhận thấy thái độ phản ăng của nhóm Lê Văn Khôi có phải là quá đáng đâu ? Vì ai gây n nổi ?

Hơn nữa, sau cơn loạn, triều đình đã giết hằng ngàn người, đến i địa danh « Mã Ngụy » còn ghi trên lịch sử, thì còn giết làm chi n đứa trẻ con lên sáu tuổi (con Lê văn Khôi). Ông Hoàn ông Trám ngạo nghễ trước sự trừng phạt quá tàn nhẫn của triều đình, âu ng là do lòng bất phục mà ra.

Hành động của ông Hoàn ông Trám là do sự bất công của ều đình thúc đẩy, dồn kẻ vũ phu vào tận chân tường, bảo sao họ ặng ngang nghạnh chống trả. Giá mà triều đình có chính sách Chiêu i, biết dùng người, biết đâu hạng ông Hoàn ông Trám cũng hữu ing được với đời.

MỐI TÌNH KỶ LẠ XẢY RA TRƯỚC CỬA THIỀN CHUYỆN BÀ HOÀNG-CÔ VỚI NGÔI CHÙA TỪ-ÂN

Đây là một thiên giai thoại trong chốn cửa thiền, xảy ra gần hai thế kỷ trên đất Gia-định thành, đến nay các vị đại hòa thượng phái Cồ-son-Môn vẫn hay nhắc lại.

Từ năm Đinh-dậu 1777, chúa Nguyễn từ Đàng ngoài chạy loạn Tây-son, vào ẩn náu ở Gia-định. Cảnh nội loạn do hai nhà Tây-son và Nguyễn-Phúc tranh hùng gây nên tại miền Nam, núi xương sông máu phơi bày không bút mực nào tả xiết. Giữa cơn quốc biến, lòng người diên đảo, người ta chỉ mong trời Phật hộ trì qua những lời khẩn nguyện, lấy đó làm nguồn an ủi tinh thần.

Bấy giờ, Gia-định có nhiều ngôi chùa xưa như chùa Tập-phước, Khải-tường, Giác-duyên, Giác-lâm, Từ-ân v.v... Các ngôi chùa này đều của phái Lâm-tế.

Trong đám cung quyến của chúa Nguyễn, có một bà hoàng-cô thường đến chùa Từ-ân lễ Phật.

Vị trụ trì chùa Từ-ân húy là Thiệt-Thành, pháp danh Liễu-Đạt. Ngài là đệ tử của Hòa-Thượng Phật-Y, trụ trì chùa Khải-tường, và là đời thứ 35 nối truyền của phái Lâm-tế.

Hằng bữa bà Hoàng-cô đến chùa dâng hương lễ bái, lòng riêng cảm mến đức độ tu hành của hòa thượng Liễu-Đạt. Một hôm, bà ngỏ ý cùng hòa thượng, nguyện xin làm công quả, lo việc hộ cơm và giặt giũ xiêm y cho ngài. Nghe qua lời thưa thốt của trang lá ngọc cành vàng, như ai thì ắt sống lòng dường đã xiêu xiêu, nhưng đối với bậc chân tu thì đó là điều đại cấm kỵ, đáng sợ. Hòa thượng nhỏ nhẹ từ chối và bắt đầu từ ấy tìm cách lánh mặt, quyết nghiêm cần giữ gìn giới luật, lòng trần gột sạch, chẳng chút tơ vương.

Ngài không ở trong chùa nữa, bàn giao công việc cho các đệ tử trông nom, rồi ra ngoài cắt một cái cốc nhỏ xa chùa, rào kín chung quanh, cấm túc một năm, không tiếp xúc một ai. Ngài làm như thế, cốt ý tránh gặp mặt bà Hoàng-cô. Nếu ngài ở chùa, bà thường lui tới e mang tiếng thị phi, thế gian dèm siểm.

Bà Hoàng-cô hiểu ý, càng thêm mến phục người chân tu, dạ bàng hoàng, trí vẩn vơ, niềm tục vẫn xui giục bà tìm đến để gặp người mà bà đã đem lòng cảm thương.

Vườn thiền lễ đầu đề chớm nở hoa tình. Bà hoàng-cô đã yêu i chẳng ? Không hẳn là như thế. Nhưng biết đâu chầy ngày rồi ăng cảm được lòng mà làm hư hại danh tiết nhau.

Hòa thượng đã hiểu lầm tình ý của Hoàng-cô chẳng ? Biết đâu ông-cô thật sự mến phục nên muốn làm công quả cúng dường, chứ o phải có dạ lang chạ tà dâm ? Nhưng, người chân tu vẫn không uốn gàn nữ sắc. Cho nên, hòa thượng Liễu-Đạt sớm xa lánh, để r tiếng tốt cho nhau là hơn.

Hướng chi, hòa-thượng Liễu-Đạt này vốn là người Trung-Hoa. gài giỏi võ nghệ lắm, lòng dạ cương trực, đã từng giết nhiều tham ian ô lại, rồi sau vô Nam tu phái Lâm-tế, ngụ chùa Từ-ân. Con ười cương trực như thế, tự nhiên rất chánh tâm.

Thấy tu hành còn bị khảo đảo, không thể ở đây mãi được, nửa m hòa thượng Liễu-Đạt lên ra khỏi cốc, lội bộ lên Cù-lao Phố ở ên-hòa, đến chùa Đại-giác xin cắt một cái cốc nhỏ để tu, quyết lánh Hoàng-cô không cho gặp mặt.

Một thời gian sau, bà Hoàng-cô vẫn đề lòng dò hỏi tin hòa-ượng Liễu-Đạt, được người ta mách cho biết hòa thượng đã lên cắt c trong cuộc đất chùa Đại-giác. Bà bèn tìm đến đó viếng thăm, tỏ y tâm sự thầm mong trộm nhớ.

Quả là oan gia đeo đuổi mãi không thôi. Hòa thượng Liễu-Đạt ánh sắc bảo Hoàng-cô :

— Tín nữ không nên nói năng như thế, lỗi với Trời Phật. Bàn o phước duyên thiền bạc, nên đã nguyện sám hối tu trì. Cầu xin nữ hồi tâm, ơn trên sẽ gia hộ cho, thân tâm an lạc.

Bà Hoàng-cô vừa thẹn vừa hối hận, nhưng vẫn bị sóng tình dòi p, buồn bã ngổ lời thiết yếu, xin hòa thượng hãy nghĩ đến tấm tình ân thật của bà mà hoàn tục, để bà được thỏa nguyện ba sinh mơ ước.

Hòa thượng Liễu-Đạt đành phải kiểm có tri hoãn, khế ôn tồn uyên giải Hoàng-cô :

— Vì bản đạo đã nguyện hứa với trời Phật cấm túc nơi đây một m. Xin tín nữ hi xả cho bản đạo tròn ước nguyện lần chót, rồi u hạn một năm sẽ tính.

Nói như thế đề trấn tĩnh lòng dục vọng của Hoàng-cô đó thôi, ó thật ra ngài không bao giờ tính hoàn tục.

Lời hẹn một năm thắm thoát rồi cũng đến ngày. Càng gần đến

ngày kỳ hạn, hòa thượng Liễu Đạt càng âu sầu. Không thể để cho Hoàng-cô trông đợi một cách thất vọng, ngài đành nghĩ đến cách tự thiêu, để cảnh cáo bà Hoàng-cô sớm giác ngộ.

Trong lúc vắng người, Hòa Thượng lên ra ngoài kiểm củi khô chất chung quanh cốc, rồi chờ đúng ngọ thì nôi lửa đốt cốc, tự thiêu hóa nhục thân.

Lửa đỏ bao trùm hừng hực. Ngài vẫn ung dung ngồi kiết già chấp tay niệm Phật mà hóa.

Giờ ấy, bà Hoàng-cô sửa soạn đem thức ăn đến cốc để hộ ngài như mọi bữa. Bất giác trông thấy lửa hừng nơi cốc, bà chợt hiểu ngay việc gì đã xảy ra. Xúc động mãnh liệt, không còn nghĩ đến điều chi nữa, bà nhảy vào ngọn lửa để cùng chịu chết với người mà bà đã nguyện chung tình, kết thúc một cuộc tình duyên ngang trái.

Người thuật câu chuyện trên đây cho chúng tôi nghe là Hòa-thượng Hồng-Cử, nay đã 83 tuổi, trụ trì ngôi Từ-Ân-Tự. Thuật xong, ngài cảm động rơi nước mắt, chập lâu mới nói ra lời :

Trước cảnh như vậy, ai nấy đều tỏ lòng thương hại một bậc chân tu, trọn đời vì Phật pháp mà hy sinh thân mạng để bảo trọng thanh danh, và người ta cũng cảm mến tấm lòng chung thủy của vị Hoàng-cô đeo đuổi mỗi tình trong nỗi tuyệt vọng.

Câu chuyện đó xảy ra ngoài trăm năm vẫn còn chứng tích. Hai bài vị của Hoàng-cô và của Hòa-thượng Thiệt-thành (tức pháp danh Liễu-Đạt) được thờ chung khít nhau tại bàn thờ chùa Từ-ân hiện nay. Chùa này nằm tại Phú-Lâm, đường Tân-hóa, chạy thẳng vào Cầu-Tre.

Chúng tôi đến nơi để quan chiêm và được vị Hòa-thượng Hồng-Cử hướng dẫn đến xem hai bài vị, ngài còn đọc cho chúng tôi ghi chép như sau

1.— Bài vị Bà Hoàng-cô

« Pháp danh Thích môn hộ giáo. Từ-ân-tự Lâm-tế chánh tông. Hoàng-cô sùng tu Từ-ân Bồ-tát giới, đệ tử pháp danh Tể-Minh, tự Phu-nhật, giác linh chi vị ».

2.— Bài vị của Hòa-thượng Liễu-Đạt, húy Thiệt-Thành :

« Sắc tứ Từ-ân, đường thượng Lâm-tế chánh tông, tam thập ngũ thế, húy Thiệt-Thành, Thượng Liễu hạ Đạt hòa thượng, giác linh chi vị ».

Theo lời Hòa-thượng Hồng-Cử trụ trì ngôi Sắc Tứ Từ-Ân, còn cho chúng tôi biết thêm một vài huyền thoại xảy ra nơi chùa.

Hằng năm vào ngày 23 tháng chạp, chùa làm lễ tắm Phật, quét lá bụi trên các bài vị đề sửa soạn ăn Tết, rải các ông đạo sơ ý sai chỗ bài vị của Hòa-thượng và Hoàng-cô lệch qua một bên, nên cho trong chùa bị xáo động ngay. Hoa quả cúng trên bàn đều lăn xuống đất, làm cho trong chùa phải lật đặt sắp lại bài vị ngay r cũ thì mới yên.

Ngôi Từ-ân-tự hiện nay còn lưu lại nhiều tượng Phật cổ và một bài-vị của các Tồ.

Trên chánh điện, chúng tôi còn thấy một tấm biển xưa sơn son t vàng đến nay phai nhạt, ghi những hàng chữ

« Sắc tứ Từ-ân-tự. Minh-Mạng tam thập niên, trọng-xuân ngoạt, nhựt. Hoàng-đệ Thường-Tin chế tạo hiển cúng ».

Ngôi Từ-ân-tự so với các ngôi chùa cổ ở Thủ đô đáng liệt vào g ưu trong những ngôi chùa xưa của đất Gia-định.

Thời Pháp đến chiếm nước ta, ngôi chùa Từ-Ân bị phá hủy i tiên, kể đó là chùa Khải-Tường ở góc Lê-quí-Đôn.

Lúc bấy giờ các vị Tồ mới dời chùa Từ Ân về Chợ lớn, nă địa điểm này cách nay gần 100 năm.



Chùa Từ-Ân với giai-thoại bà Hoàng Cô, nay còn chứng-tích.

MỘT TRANG SỬ BI ĐÁT

TÂY-SƠN NGUYỄN-NHẠC CHIẾM THÀNH PHIÊN-AN TÀN SÁT HẰNG NGÀN NGƯỜI HOA KIỀU Ở GIA-ĐỊNH

Trong thời Tây-Sơn cùng chúa Nguyễn phúc Ánh tranh hùng trên mảnh đất miền Nam, đã xảy ra câu chuyện thương tâm cho số phận Huê kiều ở Gia-định khi xưa.

Từ đời chúa Võ-Vương Nguyễn phúc Khoát, mảnh đất miền Nam đã dần dần được triệt để khai thác. Tiếp tay, có những nhóm Huê kiều đã bỏ nước họ mà sang ta, vì lòng còn tưởng nhớ nhà Minh, không phục nhà Mãn Thanh. Nhóm Huê-Kiều di cư lập nghiệp ở Gia-Định, Sài-Gòn, Chợ-Lớn ngày xưa, chẳng bao lâu đã buôn bán phát đạt.

Ngờ đâu cơn vui chưa thỏa, họa thảm lại vương vào. Đến đời Chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần và cháu là Nguyễn-phúc-Ánh chạy loạn Tây-Sơn vào Nam, mang theo tai ách đao binh cho toàn thể dân chúng ở đây. Riêng số phận người Huê kiều cũng trong một sớm một chiều vùng bị tàn sát tập thể, vô cùng bi đát, không thể tưởng tượng được.

Chuyện đã xảy ra vào khoảng năm 1782, khi Nguyễn-Nhạc chúa Tây-sơn hạ được thành Phiên-An (Gia-định), thừa cơ làm cỏ sạch Huê-kiều ở Saigon, Chợ lớn, Gia-định.

Sở dĩ có việc giết chóc tàn sát xảy ra khủng khiếp đối với người Tàu, vì hai lý do :

1) Thuở ấy, người Huê kiều bày ra cò gian bạc lận, mua bán tráo chác, bóc lột người nghèo; một vốn chín mười lời, dựa phe dựa đảng theo thế lực của quan quân.

2) Bọn đầu não của Huê-kiều lúc ấy, chẳng những không tiếp tay với Tây-sơn Nguyễn-Nhạc chống lại Nguyễn-Ánh, mà trái lại còn tiếp tế lương phạn và làm dọ thám, gián điệp tình báo cho chúa Nguyễn.

Vì hai lẽ đó, nên Nguyễn-Nhạc mới tức giận đến cực điểm, tàn sát Huê kiều không chút nhơn tay.

Theo sử, cụ Trịnh-Hoài-Đức thuật lại : Sau trận giặc năm 1782, các tiệm mua bán của người Tàu ở vùng Gia-Định, Saigon Chợ lớn, hàng hóa như thuốc men, hàng vải, trà Tàu, đường cát, tương chao, giầy má, trong tiệm tuôn ra bỏ ngập đường sá, lớp liệm dưới sông, không ai dám vớt.

Qua năm 1873, hàng hóa khan hiếm, nhảy vọt lên giá cao, chỉ một cuộn gấu 2 lượng bạc, kim may mỗi cây hơn 1 lượng bạc, tàu 9 quan tiền một cân, mà không có người bán.

Còn binh sĩ ở lại trốn tránh, cũng bị Tây-sơn truy nã, bắt giết

Lúc bấy giờ, kiều dân Tàu bắt lộn nam phụ lão ấu đều bị sát bằng dao búa, gươm giáo lụi chết như rạ, thây nằm chõng chát ở ngang, lớp trên bờ, lớp dưới sông. Từ Vàm Bến Nghé đến ở Ông Lãnh chạy vô kinh Tàu-hũ Chợ-lớn, xác sinh lên chõng chát hôi thúi. Nước vàng trở thành xanh, trên mặt nổi màng màng, tép dưới sông không ai dám ăn, nước không dám uống, phải đào giếng lấy nước xài.

Từ xưa đến nay, ở đất Đồng-nai Bến Nghé, đã có hai lần Huê-u bị tàn sát tập thể. Một lần dưới triều Minh-Mạng, sát hại dân hàng theo Lê văn Khôi vào năm Quý-Tị 1833, tại Gia-định, chết cả ngàn người một lượt, đem chôn ở Đồng Tập trận, gọi là Mã Ngụy. Lần đầu tiên vào năm 1782, Tây sơn Nguyễn Nhạc giết người ở chúng tôi đã kể trên.

Ở đời, mọi việc xảy ra thảy đều do quả nghiệp ở tiền kiếp mà nên mới có xảy ra những chuyện trả thù như thế. Theo quan niệm nhân của chúng tôi như vậy, còn có người cho là không có số mạng gì cả, mọi sự việc trên đời đều tương đối giữa thuyết âm dương, duy tâm và duy vật, ai tin bên nào cứ tin.

Theo chúng tôi nghĩ, chiến tranh giết chóc, cũng đều do nơi định mệnh tạo-hóa an bài tất cả, chớ không cái gì là ngẫu nhiên.

Trở lại vấn đề người Tàu bị sát hại khắp các nẻo đường kể trên. Ở giai đoạn ai còn ai mất những người giỏi trốn tránh may mắn sống sót lại, lo gây sự nghiệp bằng chí nhẫn nại cần cù, bán từ gạo đậu phộng rang, lấy từ xu từ các ; ở trần vai gánh cháo huyết ở trong xóm, lâu ngày tích thiếu thành đa, gây dựng lại cơ sở làm không bao lâu trở nên giàu có.

Ngày trước, Hui Bon Hỏa, Quách Đàm đã từng sống nghèo khổ ở buôn tảo bán tần, trở nên tỉ phú.

Còn người Việt không biết đoàn kết, khi thất bại rồi nản chí lỏng muốn làm, như thế làm sao bằng người Tàu được.

Ngày nay khắp Sài-gòn, Chợ-Lớn, Gia-định, những nơi làm ăn

quan trọng nào đều do người Tàu nắm giữ hết. Giàu có là nhờ có thiện chí, dám hạ mình không sợ mắc cỡ, họ thất bại keo này gãy khúc khác, cố làm cho được họ mới nghe. Vì vậy nên ngành thương mại ở đây đều lọt vào tay họ cả.

Nhưng không biết con cháu người Tàu có nghe ông bà tồ phụ của họ kể qua bài học của thuở Tây sơn tàn sát cho họ nghe không! Xin đừng gian ngoa, xảo trá, luật tuần hoàn thưởng phạt công minh.

Nay chúng tôi nhắc lại giai thoại này để cho biết một giai đoạn lịch sử xảy ra cũng tại Gia-Định thành ngày trước, gây hậu quả cho người Tàu phải chịu vạ lây chết chóc như thế.

LÚC SANH TIỀN ĐỨC THƯỢNG-CÔNG TẢ-QUÂN LÊ VĂN DUYỆT VỚI SỞ THÍCH ĐÁ GÀ VÀ XEM HÁT BỘI.

Đời người, không ai là không có sở thích, Cụ Tả-quân Lê văn Duyệt riêng thích thú với các cuộc đá gà và xem hát bội.

Dưới nhãn quan của cụ Tả-quân Lê văn Duyệt, cụ cho rằng Hát bội là Dân-tộc-tính, trong đó trung, hiếu, tiết nghĩa biểu dương đầy đủ. Xem Hát bội là để nhận thức rõ về nhân-sinh-quan, hỉ nộ ái ố diễn tả theo một quy tắc, một hình thức ca diễn độc đáo của Dân Tộc.

Còn thú Đá gà thì cụ cho rằng đó là tập đánh giặc chống xâm lăng, bồi dưỡng tinh thần thượng võ, dũng cảm. Vì con gà nòi có đủ những đức tánh của một bậc Đại tướng cầm quân ra trận.

Tương truyền từ thuở trẻ cụ Lê-Tả-quân rất thích cuộc Đá-gà, Cụ sinh năm Đinh Tỵ 1763, tại làng Long Hưng thuộc tỉnh Định-Trường (Mỹ-tho). Sinh ra với bản chất ái nam, nên tính khí của cụ cũng khác thường. Bình sinh thường tham dự các cuộc Đá gà, và cụ cũng tự nuôi khá nhiều gà chọi. Nơi các trường gà, cấp độ tranh giải, phần nhiều gà của cụ đều thắng cuộc. Rủi khi gà của cụ sa cơ, cụ trần trọc không an giấc được, ra sức huấn luyện lại bầy gà như huấn luyện cho tướng sĩ xông pha chốn chiến trường. Nếu gà nào của cụ bị thua đến hai lần, cụ chẳng tiếc gì đem giết liền, trừng phạt gắt gao như phạt một ông Tướng bại trận chiếu theo quân pháp đời xưa.

Khi chúa Nguyễn Ánh bị Tây-sơn đánh đuổi chạy vào Nam,

xuống Định-tường, ngụ nơi nhà thân sinh của cụ là cụ cố Lê văn Toại ở vòm Tà-lọt, thuộc làng Long-Hưng, Rạch Ông Hồ tức Rạch Gầm. Rồi cảm ơn sự tiếp đãi châu áo của gia đình cụ, chúa Nguyễn phúc-Anh thu-dụng cụ làm chức Thái-giám.

Đến năm Ất-tị 1785, chúa Nguyễn ở Xiêm về khởi binh khôi phục đất nước, cụ dần dần lập nhiều công to, thăng đến chức Chương Tả-quân, Quận-công.

Khi thống nhất non sông, Nguyễn Vương lên ngôi Hoàng Đế tức vua Gia-Long, cụ nghiêm nhiên là bậc Đệ nhất khai quốc công thần, oai quyền lệch một góc trời.

Tuy vậy cụ vẫn giữ cái sở thích nuôi gà nòi và tổ chức các cuộc Đá gà. Các triều thần có người không ưa cụ, kiếm chuyện dèm pha với nhà vua.

Ngày kia, vua Gia-Long nhóm họp triều thần, cụ đến chậm hơn các quan một chút. Nhà vua nghiêm nghị phán hỏi cụ :

— Khanh còn bận xem đá gà ?

— Muôn tâu bệ hạ, hạ thần khó ở phải gượng vào chầu.

— Nhưng tính khanh rất ham gà chọi !

— Muôn tâu thánh thượng, điều đó quả có. Hạ thần tưởng ham gà chọi không phải là một tội lỗi. Có lẽ là một việc nên khích lệ, vì đó là một cuộc tham dự có ý nghĩa và đem áp dụng vào việc đời sẽ gây nên kết quả rất hay.

— « Chọi gà mà có ích như vậy ư ? »

Nghe giọng Hoàng-Thượng quở mạt vậy, bá-quan đều len lét liếc trộm Tả-quân.

Lê văn Duyệt nét mặt vẫn thản nhiên, vẫn quỳ tâu riết, bằng giọng đường hoàng đĩnh-dạc và khúc-triết như thường, nghe tựa người bình văn hay tuyên chiến :

— Muôn tâu, nếu hạ thần đã giúp được Bệ-hạ một việc nhỏ gì trong quân là nhờ gà chọi cả. Bệ hạ thứ cho tội nói thẳng, hạ thần xin tâu, như người xưa đã nói, gà quả là một loài cầm gồm đủ 5 đức lớn.

1 — Đầu có mào như đội mũ là Văn

2 — Chân có cựa nhọn là Vũ

3 — Thấy kẻ địch trước mặt dám xông vào là Dũng

4 — Thấy cái ăn thì gọi đồng loại đến cùng ăn là Nhân

5 — Ban đêm cứ tới giờ, tới canh là gáy . . . là Tín

Văn, vũ, tín, nhân, dũng, 5 đức ấy là 5 đức cần cho kẻ cầm quân, làm tướng . . . mà nếu không có 5 đức ấy thì ba quân không lấy gì làm phục, quân giặc không lấy gì mà phải thua.

Hạ thần học thiên tài sơ, toàn nhờ gà chọi dạy cho 5 đức ấy ngay từ thuở nhỏ, nên nay mong ơn vũ lộ mới được dự làm kẻ nhân thần.

Dám mong Bộ-hạ tha cho hạ thần cái tội ham chơi gà chọi !!!

Tâu xong, quan Tả quân Lê đập đầu lạy mãi.

Vua Gia-Long mỉm cười, thân ra nâng dậy, ủy-lạo mấy câu và hẹn Duyệt hôm sau đem hết cả gà chọi vô cung đấu dâng ngự lãm...

Trên đây là giai đoạn về sở thích Đá gà. Còn về việc thích xem Hát bội, tương truyền một giai thoại cũng cực kỳ lý thú :

Ngày kia, cụ Lê Tả-quân duyệt xem một tuồng hát bội. Các đào kép đều biết tính nghiêm khắc của cụ, nên ai nấy đã cố gắng lột hết tinh thần diễn xuất, không dám biểu diễn sai hay hát sai một câu nào. Vì cụ Lê Tả quân rất sành thưởng thức Nghệ thuật Hát bội, thường tự tay cầm châu. Hễ đào kép nào hát hay, cụ châu thưởng thì rất mực hả lòng. Bằng như nghe cụ khắc tang trống (tức tỏ ý chê trách) thì xanh mặt sợ hãi.

Có lần, một kép hát thủ vai Thủy-thần, cầm ngọn roi mà hát khách biểu diễn như đang cỡi cá lý ngư vượt biển xuống Long-cung :

Bóng chiều đã xế non tây

Mau lên lưng cá về ngay điện đài

Long-cung Thủy-phủ gần kề . .

Rồi giờ roi như giục thúc, kép hô : « Họ Họ . . . » như đang giờ roi giục ngựa.

Cụ Lê Tả quân thấy trái, cỡi cá chớ đâu phải ngựa mà hô « Họ ! Họ », cụ toan khắc tang trống đề phạt kép hát sai, liền nghe kép hát nổi tiếp ngay :

« Tưởng rằng ô-mã, ai dè lý ngư ».

Thì ra kép hát giựt mình biết đã biểu diễn sai, nên lanh trí hát câu sửa sai rất nhanh.

Cụ Lê Tả-quân thích ý, châu cho mấy tiếng trống, khen-vang :

— Hay ! Hay ! Khéo lắm.

Đời nay, việc bảo tồn quốc túy là giữ vững căn bản, Hát bội vẫn

được nhiều bậc thức giả ưu tú noi theo. Hội « Khuyến lệ cổ ca », và đặc biệt ban « Vân hạc » thường trình diễn trên đài Truyền thanh, Truyền hình hằng được đồng bào thưởng thức hoan nghinh.

Còn như về việc chơi gà chọi, hiện nay vẫn còn có nhiều vị sĩ quan cao cấp mê say. Nhiều vị thích đá gà nòi đề so vi so vầy, và hiểu giống nào gan lì, âu cũng là học theo sách của đức Thượng-công Lê tả-quân.

Ngay như Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc-trách Văn-hóa lâu nay vẫn có tổ chức cuộc so tài giữa các ban Hát bội ở ba miền Nam Trung Bắc, đồng thời cũng có ấn hành nhiều tuồng Hát bội xưa, chú giải tinh tường đề bảo tồn một nền Văn-hóa cổ truyền.

Gần đây, ông Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng cũng có cho phổ biến tác phẩm khảo về Hát bội của ông, ấn bản đặc biệt gồm hai thứ tiếng Việt và Pháp, có nhiều hình ảnh đặc sắc.

SỰ TÍCH ĐỊA DANH RẠCH THỊ-NGHÈ

Người ta thường nói ; Xóm Thị-Nghè, Rạch Thị-Nghè, xóm nằm bên rạch, rạch chảy ven xóm, một cách mật thiết, khác nào hình với bóng. Tra cứu các sử sách xưa có liên hệ tới vùng này, nhứt là quyển « Gia-Định thống chí » của Trịnh-Hoài-Đức (1765-1825) thì hai chữ Thị-Nghè, Mụ Nghè, Bà Nghè là tên mà dân chúng thời đó đã dùng để gọi vợ ông Nghè làm thơ-lại tại Trấn-ly Gia-Định.

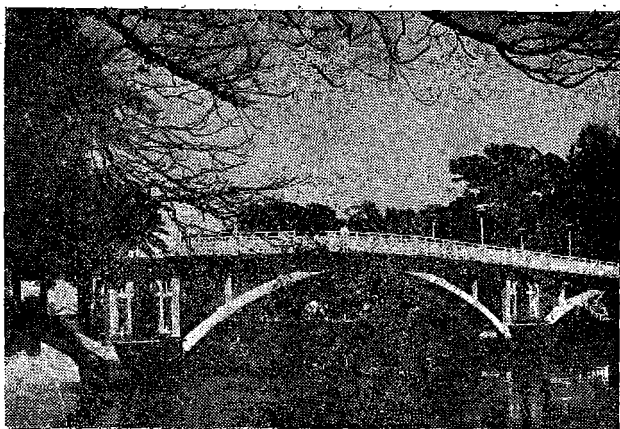
Chúng ta lui lại thời-gian cho đến cuối thế kỷ thứ 18 : hồi đó trấn-ly Gia-Định ở ngay trung tâm Thủ-đô Sài gòn bây giờ mà địa thế đã được lựa chọn kỹ-lưỡng, với 3 con sông bao bọc về 3 mặt là Kinh Tàu-Hủ, sông Bến Nghé (tức sông Sài gòn) và Rạch Bà Nghè tức Nghi-Giang theo sách địa lý xưa.

Hai vợ chồng ông Nghè ở bên kia rạch và hằng ngày ông Nghè phải « sớm đội nón đi, tối đội về » và không biết vào buổi trưa ông Nghè của chúng ta đã xách nón đi đâu ? Dù sao chẳng nữa, bà Nghè không quan tâm đến việc đó, vì Bà tin-tưởng hoàn toàn nơi đạo-đức của 1 đồ đệ Không-Phu-Tử. Nhưng có một điều Bà quan tâm đến rất nhiều là : một khi đi làm, chồng bà phải đi đò sang sông ; khi nắng ráo không nói gì, nhưng nếu gặp phải mưa to gió lớn, thì là cả một vấn đề. Bà rất lo ngại cho chồng bà và đồng thời bà cũng không quên những đồng bào trong thôn ấp khi muốn đi làm ăn buôn

bán mà gặp phải 1 chướng ngại vật lớn lao, quá sức của họ là : con sông Thị-Nghè. Bà bèn nghĩ ra một phương kế là xuất tiền, mua vật liệu, huy động nhơn lực, chỉ huy công cuộc xây dựng 1 cây cầu bằng gỗ khá rộng và vững chắc, để cho xe ngựa có thể qua lại dễ dàng, và đồng thời dân chúng cũng có thể dùng cái cầu này, qua lại thông-thương với trấn lỵ Gia-Định.

Như vậy là bà Nghè của chúng ta đã khéo léo áp dụng phương châm « Tam Túc », biết tự túc về tư tưởng, tự túc về tổ chức, và tự túc về kỹ thuật. Bà nêu gương sáng về « phát triển cộng đồng », « đồng tiến xã hội » cho nên đồng bào trong vùng này đã ghi ơn bà và đặt tên cái cây này là cầu Bà Nghè, rồi lần hồi về sau, cái xóm, con sông cũng đều mang danh-hiệu của Bà.

Sử sách không thấy nói chõng bà tên gì ; nhưng sử-gia Trịnh, Hoài-Đức có cho ta biết bà Nghè chính-danh là Nguyễn-thị-Khánh, con của Thống-suất Nguyễn-cửu-Vân, tức Vân-Trường-Hầu. Bà là em ruột của Điều-khiển Nguyễn-cửu-Đàm, là người đã xây một cái lũy dài vào năm 1772, gọi là Bán-bích cò-lũy (lũy cũ nửa vách) chạy dài từ sau đồn Cây Mai qua trường đua Phú-Thọ, vùng Hòa-Hưng, Bến Tầm Ngựa, gò Tân-Định cho đến Cầu Bông. Lũy này có công dụng phòng ngự mặt Tây-Nam trấn lỵ Gia-định, vì 3 mặt kia đã có sông bao bọc, như trên kia đã nói.



Rạch Thị-Nghè ngày xưa với chiếc cầu ngày nay.

Ngoài ra, Nguyễn-cửu-Đàm đã lập ra 1 cái chợ gọi là chợ Điều-
hiền, tức là chợ Thái-Bình bây giờ ; ông cũng là người cho vét và
mở rộng Kinh Ruột Ngựa, tức Mã-Trường Giang, nối liền Rạch-Cát
(Sa-giang với sông Lò Gốm ở Chợ Lớn bây giờ). Về mặt quân-sự
Điều-Khiển Nguyễn-cửu-Đàm đã tổng xuất binh thuyền đánh tan quân
Xiêm-La tại Nam Vang năm Nhâm-thìn 1772.

Trở lại cái tên Bà Nghè, chúng ta thấy sử-gia Pétrus Trương-
Vĩnh-Ký viết là Nguyễn thị Canh trong bài « Souvenirs historiques sur
Saigon et ses environs » đăng năm 1885 trong tạp-chí « Excursions et
Reconnaissances ». Sở dĩ có sai lầm như vậy là vì Pétrus Ký đã căn
cứ trên 1 bản dịch pháp văn của Gabriel Aubaret, Trung-Tá Hải-quân
Pháp, đã dịch quyền Gia-định thông-chí của Trịnh-Hoài-Đức, vào năm
1863, dưới nhan đề là « Histoires et description complète de la Basse
Cochinchine ». Trong bản dịch này, Aubaret đã ghi tên Canh thay cho
tên Khánh, là vì người Tây phương đã Tây-âm-hóa chữ Khánh.

Phổ thông số 94, 15-12-1962 GD Thái văn Kiềm.

ĐÁ VÁCH MẠCH BÀ HUYỀN BÍ NƠI CÁC THẦY PHÙ THỦY LUYỆN BÙA, LUYỆN NGÃI

Từ thuở khai thiên lập địa, đất nước này có biết bao chuyện lạ
và huyền bí, chính các khoa học gia thấy tận mặt cũng phải khoanh
tay chịu phép không thể giải thích được qua những hiện tượng lạ.

Tỉnh Gia-định ngày xưa, nơi làng Bình-thắng giáp ranh quận
Thủ-đức ngày nay, tại vùng này dưới lòng đất có nổi lên một tảng
đá bề cao độ 6 m, bề dài 8 m, bằng phẳng đứng sừng sững như tấm vách.
Người địa phương gọi là đá vách. Ở phía sau có nhiều vồ đá nhỏ
lên như hòn giả sơn, chung quanh cây cối mọc um tùm huyền vũ.

Cạnh bên tảng đá vách có một cái giếng Bà rất cũ kỹ. Trước
miếng có một cái giếng bề ngang chừng 1 m ngập đầy nước, nơi đó
người ta có đóng một cây nọc cặm một cái gáo dừa có cán, để cho
những ai đến giếng cạnh, van vái bà xin nước uống.

Một điều đáng chú ý, mạch nước tuy đầy nhưng luôn luôn đục
ngầu đỏ. Người lạc bước đến đây thành tâm khẩn vái bà đề xin
nước uống, thì bỗng nhiên dưới giếng dường chuyển động nồ như
bong bóng, tức thì mặt nước lại xoáy tròn cuốn nước đục xuống đáy

giếng, nước trong lại trào lên đầy mặt giếng như nước lóng phèn. Ai nấy đều ngạc nhiên, cho là một hiện tượng huyền bí mà khoa học cũng không cắt nghĩa được.

Lúc bảy giờ, khách có mặt lấy cái gáo cạnh bên múc nước và rửa mặt, thấy trong người khoẻ khoắn. Rồi day lại cúi đầu tạ ơn bà, thì nước trong lại biến mất, nước đục trào lên như cũ.

Một nhân chứng hiện nay là Ông bà Trần-khoan-Hậu tức Quản Hậu ở Ty Cảnh-Sát Quận 3, nay đã về hưu. Ông đang làm trưởng ban hộ niệm chùa Xá-Lợi, có đến đó vào năm 1945, đã chứng kiến tận mắt qua sự việc xảy ra như vậy.

Theo lời các cố lão địa phương còn kể lại cho chúng tôi nghe, nơi Đá vách Mạch bà là chỗ rất linh thiêng huyền bí. Ngày lành tháng tốt trong đêm trăng tròn, các thầy phù thủy cũng như các nhà sư tu thiền thường đến đây để luyện đạo, thấy trên vách đá hiện ra những hình bóng của các vị quan đại thần đội mão mang hia y phục triều đình, không khác nào trên màn bạc. Chính một nhà sư nay đã 83 tuổi ở chùa Từ-ân, kể lại những điều ông đã mục kích mà cách nay 30 năm ông đã đến đó.

Vị trí cảnh này nay vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, nép mình trong cảnh tịch liêu ít người biết. Muốn đến đây phải lên nghĩa trang quân đội, đi vô chừng 3 cây số, cảnh vắng vẻ nhà cửa thưa thớt, kém sự an ninh, ít người lui tới, trừ ra những nhà luyện đạo họ mới dám mạo hiểm để dẫn thân vào cảnh này.

Cảnh huyền bí của Đá vách Mạch bà, sự thật thế nào, chúng tôi thật cũng chưa dám quyết đoán. Tuy nhiên, sẵn có lòng tin mọi việc huyền bí ở thế gian này, không có gì là chẳng có thể xảy ra. Cơ tạo hóa nhiệm màu, mắt người trần nhìn sao thấu hết.

Trên cương vị người thích sưu khảo những cở tích, cở vật, những điều lạ tai lạ mắt, dựa vào tư cách và niên kỷ của các vị mà chúng tôi đã hân hạnh tiếp xúc hỏi han, chúng tôi mạnh dạn trình bày ra đây.

Hướng chỉ, chúng tôi cũng đã đích thân đến quan chiêm cảnh vật nơi đây. Quả là chốn sum nghiêm, huyền ảo biết đâu những hiện tượng đã xảy ra vẫn là sự thật.

Ngày nay khoa học xương minh, những điều có tính cách siêu khoa học, hẳn phần đông đều lắc đầu, khó tin tưởng. Nhưng, chuyện

lên cung trăng ngày xưa ai chẳng cho là chuyện không tưởng, hư huyền, mà ngày nay thì hai nước Nga, Mỹ dẫn đầu thế giới về mặt khoa-học, đã thực hiện chuyện lên trăng rồi đó.

Vạn vật, không có gì là không, không có gì là có, sắc sắc không không huyền ảo, tuy người có tâm đạo họa chẳng mới không dám quyết liệt bài bác những điều huyền bí, những gì thuộc về tính chất siêu linh, siêu hình vậy.

TRÍ-NĂNG VÀ HỒNG-ÂN HAI VỊ SƯ ĐÁNH CỌP VÙNG TÂN-KIỀNG

Vùng Chợ quán hiện nay còn có đình làng Tân-Kiềng, nơi thường dùng làm hí viện hát bội và cải lương. Khi xưa, chỗ này cũng có một ngôi chợ là chợ «Tân-Cảnh». Vì kiềng tên húy của Đông-cung hoàng-tử Nguyễn-phúc-Cảnh, nên gọi trại chữ Cảnh ra chữ Kiềng. Do đó, dân chúng quen gọi là chợ Tân-Kiềng, đình Tân-Kiềng, thay vì Tân-Cảnh.

Thuở trước, nơi đây là một chợ lớn có tiếng. Mỗi cuối năm, chính quyền có đem tù tử-hình, hành quyết tại chợ Tân-Kiềng để dân chúng xem mà răn mình. Và những lúc đầu năm, chính quyền cũng có tổ-chức những cuộc vui chơi lớn lao, cho dân chúng tham gia hỉ hạ.

Hơn nữa, để giữ trật tự an ninh trong vùng, nhà cầm quyền địa phương cũng có đặt một đồn binh đóng giữ ở đây. Rõ là mọi sự tổ chức, đều có qui mô hẳn hoi, mỗi mỗi đều được chính quyền ghé mắt chăm sóc châu đáo.

Thế mà, nơi thị tứ Tân-Kiềng lại có chuyện cọp vào chợ, và gây nên một cuộc đánh cọp rất hào hứng, mà người hạ cọp lại là hai nhà sư tục gọi là Trí-Năng và Hồng-Ân. Chuyện đã xảy ra thật hi hữu.

Nguyên ngày 25 tháng giêng năm Canh-dần 1770, đời chúa Định vương Nguyễn-phúc-Thuần, giữa đêm bỗng có cọp dữ xuất hiện nơi chợ. Tiếng gầm làm rúng động mọi người. Nhà nhà đều cửa đóng then cài. Ai nấy đều có vẻ kinh hoàng. Nhiều người vội vàng lên đi báo cho quân lính đóng ở Đồn Dinh, một đồn ở Bến Nghé.

Hay tin, vị đồn trưởng Đồn Dinh lập tức phái binh đến vây bắt. Cọp chống cự dữ dằn, làm loạn cả lên. Đến nỗi quân lính phải triệt phá nhiều gian nhà, làm nhiều lớp rào bao vây, mà vẫn không ai làm gì được cọp dữ.

Suốt 3 ngày dân chúng sống trong tình trạng lo ngại. Xảy có một nhà sư tên Ân từ xa vừa đến Bến Nghé. Nhà sư Hồng-An biết võ nghệ. Thấy tình thế quan quân vây bắt hồ đừ vô hiệu quả, nhà sư Hồng-An cùng với đồ đệ là Trí-Năng tình nguyện xin vào bắt cho được cọp đừ, đề trừ hại cho dân chúng.

Vị đồn trưởng tỏ vẻ ái ngại, bảo cùng sư Hồng-An :

— Thầy liệu sức hạ nổi cọp đừ chẳng ?

Sư Hồng-An quả quyết :

— Dù thế nào chúng tôi cũng rán vì dân trừ hại.

— Thầy có cần dùng chi chẳng ?

— Không. Chúng tôi xin tự sức đấu với cọp, một mất một còn. Nhưng chắc phần thắng sẽ nghiêng về chúng tôi. Ở trên ắt gia hộ chúng tôi.

Rồi đó hai thầy trò sư Hồng-An chuẩn bị chiến đấu với thú đừ đang khát máu.

Bên trong rào vây, cọp gầm thét vang dội, khí thế cực kỳ hung hăng. Không chút nao núng, sư Hồng-An bảo đồ đệ :

— Vào thôi con nhé.

Sư Trí-Năng khẳng khái bạch cùng thầy :

— Xin vâng.

Dứt lời, nhanh như cắt, Trí-Năng phóng vào rào vây. Tiếp theo, sư Hồng-An cũng phi thân vào đánh cọp.

Cọp gầm lên, xông tới chụp hai nhà sư. Rất mực bình tĩnh, sư Hồng-An dũng mãnh chống nhau với cọp. Sư Trí-Năng cũng hiệp cùng thầy, kẻ trước người sau trở tài hạ thú đừ.

Bên ngoài, quân lính và dân chúng hò hét trợ oai, ai nấy đều tấm tắc khen thầm tài nghệ và sự gan dạ của hai nhà sư.

Sau một hồi quần thảo giữa người và thú, Hồ bị đánh đau chạy núp trong lùm tre. Sư Hồng-An đuổi theo, quyết hạ Hồ cho kỳ được. Ngọn thiền trượng của Hồng-An đập tung lùm bụi, khuấy động chỗ cọp đừ ẩn thân. Cùng đường, cọp nổi hung liều mạng nhảy ra vồ lấy nhà sư. Đã thủ thế sẵn, sư Hồng-An và sư Trí-Năng vùng gậy đánh cọp tới tấp.

Trong lúc quần nhau với cọp, chẳng may sư Hồng-An lui bước sụp vào mương nhỏ, bị cọp dẫn xé. Trí-Năng nhanh tay đánh bạt hồ ra đề cứu thầy.

Cọp bỏ Hồng Ân, quay lại song đấu với Trí-Năng. Ngọn gậy của Trí-Năng nhằm đầu cọp mà đập thẳng tay. Chỉ trong nháy mắt, Trí-Năng lừa thế đập trúng đầu cọp một gậy như búa bõ. Cọp dẫy chết ngay.

Dân chúng bên ngoài đã đổ xô ra xem hai nhà sư đánh cọp, ng lúc căng đông. Khi thấy sư Hồng-Ân ngã quy, bị cọp chụp, mọi người la thất thanh, đã toan liều mạng nhảy vào trợ chiến, vì bị kích thích bởi tấm gương nghĩa dũng của hai nhà sư đầy can trường và y lòng hy sinh cứu đời.

Kịp khi thấy sư Trí-Năng giết được cọp, mọi người nhiệt liệt tay tán thưởng. Rồi thì như làn sóng cuộn cuộn tuôn đổ, từng người nhảy xô vào vòng rào, công kênh sư Trí-Năng mà ca-tụng.

Một số đông người cũng loay hoay lo băng bó vết thương cho Hồng-Ân. Nhưng sư Hồng-Ân đã bị tử thương, không còn làm gì cứu sống được nữa. Ai nấy sụt sùi rơi lệ.

Dân chúng nơi chợ Tân-Kiền thương cảm người nghĩa khí, nên họp nhau chôn cất sư Hồng-Ân tại một khu đất gần chợ, rồi xây tháp thờ dương nhà sư đã hy sinh hạ cọp cứu dân.

SỰ TÍCH NHÀ BÈ

Và câu chuyện phú hộ Võ Thủ Hoảng
bố thí cầu ân đức giải trừ Gông.

«Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai vào Gia-Định Đờng Nai thì vào».

«Nhà Bè» khi xưa, tên chữ là «Phù-Gia, ở khoảng vàm ba con sông ; sông Phước Long (Đờng-Nai) ở hướng bắc chảy xuống và sông Tân bình ở hướng Nam chảy ra hai sông hợp lại chảy xuống hướng đông làm sông Phước-bình : Vì thế gọi là vàm ba sông (Tam-giang-khẩu) cách đông nam tỉnh lỵ Biên-hòa 73 dặm).

Xưa, sự thông thương phải dùng đò dọc, dân cư thưa thớt. Khách buôn qua lại, ghe đò nhỏ hẹp, sự nấu nướng ăn uống thật là khổ sở. Phú hộ Võ Thủ Hoảng bèn bó tre lại làm bè, trên bè cất bếp, chứa bắp núc, gạo củi và đồ ăn, để cứu giúp những người lỡ đường. Về sau, nhân dân bắt chước làm bè buôn bán đôi chác đôi nhau đến hai ba mươi tốp, nhóm thành một cái chợ giữa sông ; tên vàm sông ấy có tên là Nhà Bè.

Đến lúc đường đi thông luôn, dò dọc bỏ cả. Khi Tây Sơn vào chiếm, Nhà Bè bỏ nát, chẳng ai lại nữa.

Võ Thủ Hoảng chính là người đã sáng lập «Nhà Bè» và tên ấy được truyền tụng đời đời. Võ Thủ Hoảng là hạng người thế nào ?

Ngày trước, đồng bào ta có tục kiêng tên rất ngặt, đối với những người trên trước. Kiêng tên quan Kinh lược Nguyễn-Tri-Phương, chữ Phương được gọi trại ra là Phang ; Duyệt là Duyệt, Long là Luông, Càng là Kiềng, Thành là Thiềng v.v... Do đó, Võ thủ Hoảng tục gọi « Thủ Huồng ».

Võ quê quán ở Vùng Cù-lao Phố, tỉnh Biên Hòa. Xuất thân làm một viên thơ lại, thuộc triều nhà Nguyễn. Võ nhờ thủ đoạn bóc lột vợ vét của dân mà thành giàu có. Sẵn tiền bạc, Võ lại cho vay đặt nợ, ăn lời cắt cò, tịch thu ruộng đất người ta mà làm giàu thêm. Chuyện chết làm sống, chuyện sống làm chết, một đời tráo trở, thiên hạ đều nghe tên nê mặt.

Nhưng cuộc đời có vay có trả, luật của tạo hóa chẳng kiêng vị gì ai. Võ Thủ Hoảng càng già tay ép tháo mỡ dẫu dân chúng, cảnh gia-đình Võ càng hiển nhiên sự sầu thảm bạc phước : Vợ chồng không con cái chi cả. Được ít lâu, người vợ lại qua đời, chung quanh thì không một người thân thích nào cho Võ có thể tin cậy giao phó sự sản muôn triệu được.

Tính lại nhà cửa tiền bạc nhiều quá không làm gì cho hết được, Võ định đi suốt từ Nam ra Bắc, trước du lịch sau mua ít món đồ cồ.

Tương truyền : Võ đi ra Quảng-Yên, nghe thiên hạ đồn chợ «Mạnh ma» nhóm, có đủ cả người dương gian âm phủ mua bán đôi chác với nhau, Võ lấy làm lạ, men chân đến đấy xem thật hư thế nào. Thình lình Võ gặp người vợ từ cõi âm hiển hiện. Võ sững sờ nhìn vợ :

— Chuyện thật hay là tôi đang nằm mộng đây ?

Người vợ buồn bã chẳng nói gì. Võ hỏi dồn :

— Mình sống lại được rồi chăng ?

Người vợ lắc đầu, Võ châu mày :

— Mình là ma

—

— Mình có thể đem tôi xuống viếng cõi âm một chuyến hay không ?

Người vợ gặt đầu. Vợ chồng than thở cùng nhau vĩnh biệt. Đoạn đưa nhau đi. Đến một nơi kia, thỉnh linh Võ nhìn thấy cái gông rất lớn, bên cạnh có người ngồi canh giữ. Võ tò mò hỏi :

— Gông kia để dùng làm gì mà nặng nề to lớn thế ?

Người giữ gông nói :

— Đó là gông để dành sau làm tội một nhà triệu phú ở Cù lao Phố.

Những điều ông nghe thấy, dù thật dù hư, vẫn là bài học hay khiến ông ăn năn hối lỗi. Trở về Gia-định, ông liền tổ chức cuộc làm chay, siêu sinh cho những oan hồn, tiền của mười phần, đem bố thí cho dân chúng nghèo khổ đến 7 phần.

Rồi nhìn thấy sự bất tiện của nhân dân khi qua lại trên vàm ba sông, ông lại bỏ tiền ra cất một dãy nhà bè ở giữa sông, như đã kể ở đoạn trên.

Ngoài ra, ông còn cho vùng Cù lao Phố một số tiền lớn, để cất một ngôi chùa. Rồi mua đá ong lót đường và làm cầu tại rạch ở vùng Chợ Đồn. Chùa kia được nhân dân truyền tụng là Chùa Thủ Huỳnh, cầu nọ cũng là cầu Thủ Huỳnh, để tiếng cho đời nhắc nhở, xét công xét tội mà suy nghiệm tìm lẽ sống.

Hơn nữa, Võ Thủ Hoảng tức Thủ Huỳnh, cũng cho gọi tất cả những ai còn thiếu nợ đến nhà, xé cho tất cả giấy nợ và trả đất ruộng lại cho những người nghèo. Ai cũng cao rao ân nghĩa ấy.

Sau, ông mất đi, dân sự cảm mến, lo phụng sự nhang khói trong chùa.

Theo ông Hồng Minh, trong tạp chí « Pháp Việt » tháng Février năm 1947 : Đến đời vua Đạo Quang nhà Thanh ở Trung-quốc, vua Thanh có gửi giấy sang hỏi triều đình Việt-Nam : « Tỉnh Gia-Định có ai tên Thủ Hoảng chăng ? Triều đình ta nhận có và hỏi vua Thanh xem có ý chi ? Triều đình nhà Thanh cho biết : « Vua Đạo Quang sinh ra nơi bàn tay có chữ son « Nam Việt Gia-Định Thủ Hoảng ».

Do đó, vua Thanh cũng có cúng ba cốt Phật bằng vàng cho chùa Thủ-Huỳnh (1) ở Biên-Hòa

Trích theo tài liệu sưu khảo của nhà văn Nguyễn Bá Thế trong tạp Văn-Đàn số 47-1956.

(1) Chùa Thủ Huỳnh ở cù lao phố Biên-Hòa ngày xưa này là chùa Đại Giác.

SỰ TÍCH HỐC-MÔN

18 THÔN VƯỜN TRẦU VANG TIẾNG

Trên đường sưu tầm tài liệu lịch sử, chúng tôi có dịp đến quận Hốc-Môn gặp được các vị bô lão sinh quán tại xã Tân-Thới-Nhi, kể qua sự tích Hốc-Môn ngày xưa cho chúng tôi ghi chép, và tìm được một bài sưu khảo nói về Hốc-Môn của nhà văn Nguyễn-Bá-Thế dựa theo tài liệu báo « Pháp Việt » hồi năm 1947 đăng tải nói về nguồn gốc Hốc Môn, phối kiểm qua các tài liệu xưa và nay nhận có phần xác thực, chúng tôi xin tường thuật về nguồn gốc Hốc-Môn, một địa danh oai hùng nổi tiếng của tỉnh Gia-định có những trang sử vàng son đáng được nêu lên :

Cách đây vài trăm năm, Hốc-Môn chỉ là một đám rừng lớn đầy đầy ác thú, gai góc hố hào khắp nơi, không một ai qua lại. Mãi đến sau mới có người tuôn rừng phá bụi, quy dân lập ấp dựa theo lối trồng trồng bia rừng ở rải rác theo miệt Cây-lài, Củ-chi, Bàu-xiêm, làm cho mấy miền trên đây một ngày một thêm bành trướng.

Một bà già tên Hưng bèn cất một cái quán ở dưới gốc da, gần dinh quận Hốc-Môn bây giờ. Thiên hạ gọi là Quán Bà Hưng và cây da Bà Hưng. (Cây da ấy đã bị đốn trong trung tuần tháng bảy dương lịch năm 1939). Dân chúng tấp nập ghé quán Bà Hưng.

Nhiều người ở Củ chi, hằng ngày đi Saigon hoặc Cholon (xưa gọi là Chợ Kinh) mua sỉ cá khô đem về bán lại cho dân trong vùng.

Nhờ cuộc buôn bán phồn thịnh, chỗ quán Bà Hưng trở nên ngôi chợ nhỏ. Người Nam, người Tàu tấp nập tụ về và tràn lãn qua tới bên kia mé rạch chỗ ga xe điện Hốc-Môn ngày trước. Ở đây có một vùng môn nước ước chừng ba bốn mẫu. Do đó có tên là Hốc-Môn. Sau muốn cho người Hoa kiêu dễ đọc, người ta mới gọi là Phúc môn.

Đến năm Tân Hợi 1851, Hốc-Môn lại mang tên là Bình-Long quan huyện đầu tiên đến trấn nhậm là Lưu-Đình-Lễ, lúc bấy giờ một ít dân trong vùng là ông Phạm văn Quỳnh và Cao Đức Lân, bèn làm đơn nhờ cai tổng Đặng-Thúc-Vinh và phó tổng Trần-văn-Hiệu chuyễn đệ xuống tỉnh Gia-Định, xin lập làng và cất miếu cất chợ.

Được quan trên chuẩn cho, thăm nghĩ mình ở trong phần đất của làng Tân-Thới-Nhứt, hai ông Quỳnh và Lân mới đặt tên làng là

Tân-Thới-Nhi (nhằm năm Tự-Đức thứ năm Nhâm-Tý 1852).

Kỷ-Ty 1859, quân Pháp hạ thành Sài-Gòn. Kéo luôn lên Hốc Môn chiếm đoạt. Quan huyện Lưu-Đình-Lễ rút lui về Vinh Long. Ở miệt sông Trà, có quân Hối và đội Trừ chiêu tập nghĩa binh, đẩy lên chống xâm lăng. Nhưng binh ít thế cô, quân Hối và đội Trừ bị đánh tan. Từ ấy, tên đồn Hốc-Môn đổi lại là Tân-thới.

Tân-Dậu 1861, chính phủ Pháp phái ông Lucien de Grammont lên cai trị Hốc-Môn. Grammont rất nhiều râu, mỗi khi giận thì nhai râu nghe rào rào, do đó dân chúng gọi ông ta là quan nhai râu. Được ít lâu, Lucien de Grammont đổi đi nơi khác, viên hàm tri huyện Trần Tử Ca đến trấn nhậm Hốc-Môn.

Có thể lục to tát, họ Trần thấy chợ Hốc Môn ở làng Tân-thới-nhi rất phồn thịnh, bèn lập tại cầu Bến nọc (một nơi trứ nọc rất nhiều), một ngôi chợ đặt tên là chợ Huyện Ca, mục đích thao túng thị trường, vơ vét tất cả các nguồn lợi.

Đình-Sửu 1877, quan huyện Trần-Tử-Ca lại dự định cất một cái chợ khác, tại chỗ Chợ Cầu bây giờ. Chợ mới vừa dựng xong, Kỷ Mão 1879, Trần lại được thăng chức đốc-phủ-sứ. Do đó, chợ Mới còn có tên khác nữa là « Chợ Quan lớn Ca ».

Bấy giờ, Trần-Tử-Ca lại sắm hai cái xe bò, để bạn hàng buôn bán hàng bông, hàng trầu cau của chợ Hốc-Môn đem sang bán tại chợ của ông, và cũng lập một cảnh vườn to lớn tại làng Tân-hưng. Lục gọi là « Vườn quan lớn ».

Quan lớn Ca càng vơ vét, dân chúng càng than oán.

Cho đến năm Giáp Thân 1884, trung tuần tháng 6 dương lịch, nhân làm lễ hạ thổ lục tuần, Trần mở cuộc chơi linh đình, bày ra trường đua ngựa tại làng Mỹ-hòa và Tân-đông-trung, tại chợ Hốc-Môn. thì bày cuộc làm chay, rước hát bộ cho dân chúng xem suốt mấy ngày đêm.

Quan lớn vui đùa. Nhưng dân gian khổ sở. Quan lớn càng phát đạt giàu to, dân gian càng bị ép thác mỡ dầu. Nghẹn trong tiếng nấc, sự căm hờn của quần chúng vùng bộc phát lên. Ba giờ chiều ngày 27 tháng chạp năm Giáp-thân 1884, hằng ngàn dân chúng huyện Bình Long (Hốc-Môn) nổi dậy, đốt tiêu dinh thự quan lớn họ Trần, giết hết hai vợ chồng quan lớn, cắt đầu bêu trên cột lồng đèn giữa chợ.

Cuộc biến loạn đã xảy ra chớp nhoáng và kinh khủng. Cai-tổng

Hòa và phó-tổng Thạch rối lòng. Nhà cầm quyền thi hành chính sách đàn áp thẳng tay. Quân Hón và một người nữa tên Hóa nghiêm nhiên là kẻ cầm đầu, bị truy nã ráo riết và rốt cuộc phải sa vào tay bọn thực dân. Chúng tuyên án tử hình. Hai người ấy bị đem chém tại chợ Hốc Môn.

Tuy nhiên, dân chúng vẫn căm hờn, xôn xao náo động vì những cuộc bắt bớ của đám con quan lớn Trần. Nhà cầm quyền phải bỏ ông đốc phủ Ngôn ở Gò-công lên cai trị mới yên. Từ ấy, Hốc-Môn lần lượt nằm dưới quyền chăm nom của các ông quận trưởng : Ý Quảng, Tân, Vinh, Cường, Chức, Thính Sâm, Khoa Thường, Nam, Chấn, Nhã, Châu, Sò, Trà, Thân, Ký, Thọ và chuyển tiếp đến ngày nay các vị quận trưởng nhà binh mang cấp bậc từ Đại úy đến Thiếu Tá.

HỐC MÔN QUẬN TRẦU CAU CŨNG LÀ NƠI SẢN XUẤT ĐỒ THANH BÔNG

Theo tài liệu của ông Phan-đại-Hưng viết về quê hương của ông đăng trên báo Thần Chung số 97 — 103 — 109 ngày 17/10/56.

Nói về Hốc Môn là xứ trầu cau, chúng tôi xin trích ra đây hiến quý bạn đọc hiểu qua nhân-vật, sản-phẩm xứ này.

Những thực khách sành sỏi ở Sài-gòn Chợ-lớn và các nơi có dịp tới Hốc-Môn ăn bì, uống rượu đế, không ai quên được hương vị đặc-biệt của món ăn này, rượu nấu chất nếp, nước trong, nhạt ngọt, bọt nhiều.

Nhưng sự thật ở Hốc Môn không phải chỉ có bì và rượu nếp ngon mà thôi :

Trầu và cau Bà Điền (quận Hốc-Môn) có tiếng trong toàn xứ Việt Nam.

Trước kia, Hốc-Môn gồm có 18 thôn mà thôn nào cũng có trồng trầu. Vì thế, quận này được biệt danh là « Thập bát phù viên », (18 thôn vườn trầu). Và hiện nay, đây đó tại quận, nhà nào cũng có vườn trầu, vườn cau, hoặc năm bảy nọc trầu vài chục cau trồng dài theo mương hay hàng rào xung quanh nhà.

Mấy bà nội trợ ăn trầu, nhất là mấy « bà già trầu » tìm cho được cau và trầu Bà Điền. Tại sao mấy bà thích ăn trầu Bà Điền ?

ì trầu Bà Điem lá nhỏ và vàng tươi. Còn cau Bà Điem thì dày, ăng và lớn ruột, vỏ mềm. Cau Bà Điem có một mùi thơm ngọt, ặc biệt không chát mà cũng không say.

Trong việc giao tế, nhứt là việc hôn nhân, trầu cau đóng một ai trò hết sức quan trọng : Miếng trầu là đầu câu chuyện. Hay : Trầu cau dùng lễ nghĩa nhân mới nong.

Chẳng những trầu cau giữ một địa vị quan trọng trong việc lao tế, trầu cau trong văn chương bình dân cũng có một địa vị đặc iệt. Người ta đã tạo nên cả một sự tích nói lên đầy tình nghĩa ượng tâm.

« Có hai anh em giống nhau
Giống nhau đến nỗi chị dâu phải lăm
Người em thấy vậy thương tâm
Bỏ đi rồi bị côi âm hồn về.
Thương em mất, anh thăm thê,
Đi theo tới đó hồn quy diêm đài.
Vợ chàng đi kiếm tới nơi
Ôm mã chùng khóc tắt hơi theo chùng.
Đến sau có vua Hùng-Vương
Hỏi ra sự tích cảm thương vô cùng.
Truyền rằng trong việc hôn nhân
Trầu cau dùng lễ nghĩa nhân mới nong. »

Đặc biệt, trầu cau được thể-hiện rất nhiều qua các câu phong ao, đồng-dao hoặc câu hò, câu hát. Xin ghi lại vài câu sau đây :

Trồng trầu thả lộn dây tiêu
Con theo hát bội mẹ liêu con hư.

Trồng trầu thì phải khai mương
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.

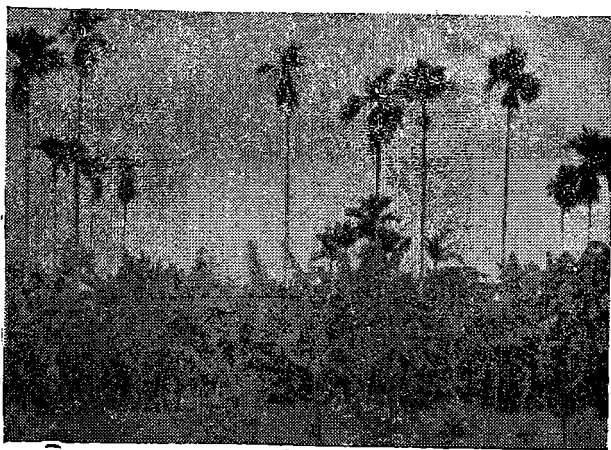
Con chim chìa vôi bay ngang đám thuốc
Con cá bả trầu lội tuốt mương cau
Cau không bồng cau đực
Trai không vợ cực lắm anh ơi !

*Trái cau nhỏ nhỏ
Cái vỏ xanh xanh
Anh gặp em giữa chợ Bến-Thành
Đến nay bày con đông đúc, anh phải đành vậy thôi.*



*Quả cau nhỏ nhỏ
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần
Mai anh lại học xa
Lấy em từ thuở mười ba
Đến năm mười tám thiệp đà năm con
Ra đường thiệp hãy còn son
Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng.*

Ngoài ra cau và trầu góp phần không ít vào nền kinh-tế tại quận Hóc-Môn, nên quận này được liệt gọi là quận trầu cau cũng không lấy làm quá đáng. Và cũng là nơi sản xuất đồ hàng bông, rau, cà, cải, mướp, bầu, bí, tiêu thụ khắp Đô thành Saigon Chợ lớn, đều dùng đồ thanh bông ở đây.



Vườn trồng cau của đồng bào ở xã Đông-thạnh, Hóc-môn

QUẬN HỐC-MÔN LÀ NƠI ĐỊA LINH, NHÂN KIỆT

Theo thầy địa-lý, địa-thể nào có : « Sơn cao thủy trường » là chỗ an-xuất anh-hào tuấn-kiệt.

Hốc-môn không có núi cao sông rộng, nhưng Hốc-môn có địa-ạch (mạch nước ở trong đất) và có địa-tích (xương sống của đất) nên có thể cho là địa linh. Xin trình bày ra sau đây :

Tại khu Quang-Trung, làng Tân-Đông-Thượng có một mạch suối gọi là Cầu Suối. Hai bên Cầu Suối này có hai cái đồi là :

Đồi Trung-Hưng và Đồi Cây Xoài.

Nước Cầu Suối chảy chia đôi dòng ?

Một dòng chảy qua Lái-Thieu, Thủ-dầu-một.

Một dòng chảy qua rạch Hốc-Môn, tới Cầu Sa là ngọn cùng tuy khe xuống không di chuyển tới nữa được, nhưng dòng nước vẫn tiếp tục chảy mãi cũng qua miệt Lái-thieu (Bình-dương sông Thủ-dầu-một).

Hình thể này là mạch rồng vì hai bên đầu rồng (khu Quang-Trung) có hai cái sừng (2 cái đồi). Hàm rồng có ngọn suối (Cầu Suối). Nước phun ra hai vòi đều chảy ra vùng sông sâu nước lớn sông Thủ-dầu-một) và chảy mãi từ ngàn xưa đến ngày nay.

Địa thể này thầy địa lý TẢ AO (ông Thánh địa-lý của nước Việt-Nam) cho là quý địa, sản xuất được anh-tài, nhân kiệt đánh đổ gian quân lộng quyền (Am Á xuất xá).

Nhân kiệt quận Hốc môn, trước có hai ông Phạm-công-Hớn và Nguyễn văn Hóa, nhị vị anh hùng trong «Trận Thập Bát Phù-Viên» (1883) và sau này có vị anh tài là Nguyễn An Ninh, một nhà học ông tài cao, một chiến sĩ tiên phong của phong trào cách mạng dân chủ, một người Việt đã nêu cao tấm gương hy sinh vì nước.

Hơn nữa, tại khu Quang-Trung trong quận Hốc-Môn, hiện là nơi đào tạo chiến-sĩ nhiều nhất để cung cấp cho quân-đội VNCH. Các chiến sĩ này có nhiều người đã là anh hùng cứu quốc và kiến quốc, họ đã đền nợ nước tại chiến trường, hoặc hiện còn tại quân ngũ và đang tiếp tục sứ mạng cao quý của người chiến sĩ cộng hòa trong đó có Chuẩn tướng Lê Văn Hưng người hùng tử thủ An-Lộc.

Như vậy, quận Hốc-Môn là một địa linh, đã, đang và sẽ tiếp tục sản xuất những trang anh-kiệt cho non sông gấm vóc của nước Việt-Nam yêu quý của chúng ta.

Người dân Hốc-Môn từ nông-phu đến sĩ-phu đều có tính nết diêm đạm cần cù, siêng năng, mẫn cán, không nhỏ nhen, tí tiện, có tâm hồn nghệ-sĩ, có óc phán-đoán châm biếm một cách tế-nhị. Tuy nhiên, họ không khuất phục trước sự áp bức bất công dầu từ đâu đến và vẫn nuôi chí-hưóng quật-cường không theo kim ố cồ.

Hốc-Môn không được diễm-phúc là một Quận giàu có.

Ánh sáng văn-minh chiếu rọi rất chậm trễ hơn nhiều quận khác ở tại Nam phần Việt-Nam.

Tuy cách Thủ đô Sài-Gòn có 21 cây số mà đèn điện và nước máy mới có từ cuối năm 1959 (Lễ khánh thành điện lực Hốc-Môn ngày 15/8/1959). Hốc Môn không giàu vì :

— Không có cánh đồng ruộng lúa mênh mông bát ngát như miền Hậu-Giang Lục tỉnh ;

— Không có những vườn dừa rộng lớn âm u như miệt Kiến-Hòa, Định-Trường.

— Không có đồn điền cao su với diện tích bao la như ở vùng Đất Đỏ (miền Đông Nam-phần Việt-Nam).

Trái lại Hốc-Môn có nhiều đặc điểm mà lịch sử nước nhà đã ghi chép lại những trang vàng son chói rạng với tinh thần bất khuất, không sợ uy-quyền của người dân 18 thôn vườn trầu như sau :

1) Trận « Thập bát phu-viên » năm 1883.

2) Phong trào cách mạng dân-chủ — Hội kín Nguyễn-An-Ninh năm 1926.

3) Phong trào khởi nghĩa chống thực-dân Pháp năm 1930, 1940 và 1945.

Tinh thần bất khuất với ý chí quật cường chống xâm lăng của người dân Hốc-Môn — Bà-Điêm làm cho thực dân Pháp phải lưu ý luôn luôn nể sợ.

Chúng gán cho người dân Hốc-Môn cái danh từ là « người làm cách mạng (révolutionnaire), chống đối người Pháp (anti français) hay là nghịch với chánh phủ (anti gouvernemental).

Vì vậy chúng luôn luôn làm cản trở dân Hốc-Môn trong việc tiến thủ.

— Về Văn Hoá : Không cho phép dân xuất-dương ngoại quốc để học hỏi thêm.

— Về Kinh Tế : Không có kỹ nghệ (xưởng công kỹ nghệ lớn hư ngày nay).

— Về Chánh Trị : Không được lập hội hè, nghiệp đoàn.

— Về Xã Hội : Ít nhà trường, không có bệnh viện chỉ có chôn-viện . Mặc dù thực dân Pháp kèm chế như vậy, nhưng Hốc-Môn vẫn là « Lò Cách mạng » ung-đúc nhiều chiến sĩ cách mạng có tiếng tăm từ trong và ngoài nước.

Trong số này người được nổi danh nhất là

Ông Nguyễn An Ninh, một nhà trí thức (đỗ bằng Cử nhân Luật ở Pháp năm 1924), một nhà văn, nhà báo, một chiến sĩ tiên-phong trong phong trào cách mạng dân chủ.

Ông Nguyễn An Ninh nêu cao tấm lòng hy sinh vì dân vì nước, ông bị đày và chết tại Côn Đảo vào tháng 8 năm 1943.

Không theo kim ố cồ.

Hiện tại quận Hốc Môn còn có lắm người đàn ông để đầu tóc. Việc quan hôn tang tế vẫn theo cổ tục.

Nhất là : « Trai thời trung hiếu làm đầu

« Gái thời tiết-hạnh làm câu trau mình ».

Trung với chánh thể vì dân, cho dân và bởi dân.

Chánh-thể nào đi trái với đường lối trên, dân không theo lại còn làm cách đả phá cũng vì họ có : TINH-THẦN BẮT-KHUẤT, CHÍ-CHÍ QUẬT-CUỜNG.

GÒ VẤP VỚI NGÔI MIẾU NỒI

Tỉnh Gia Định ngày nay có một di tích lâu đời nhất là ngôi Miếu nôi, không sách sử nào ghi chép. Chúng tôi tìm đến để ghi lại những điều mắt thấy tai nghe

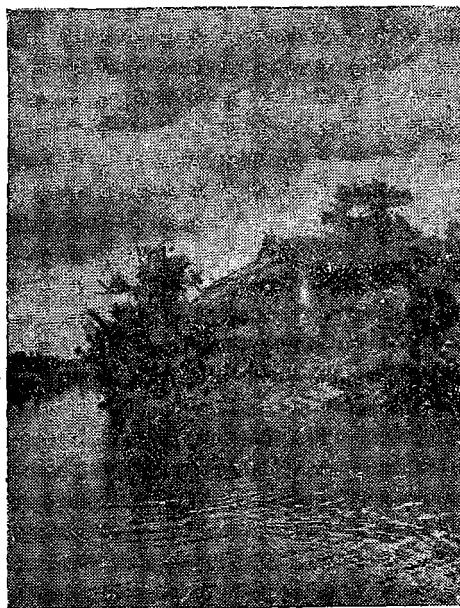
Khoảng giữa sông Bến Cát, chi nhánh sông Bình Lợi, nổi lên một cái cồn nhỏ hình chữ nhật, độ chừng 100 thước vuông. Dưới cồn đất này, lại có đá xanh lồi chung quanh. Trên cồn có một ngôi miếu xưa chẳng biết xây dựng từ đời nào, đồng bào địa phương gọi là miếu nôi. Bên trong miếu thờ Tề thiên Đại thánh và Ngũ long ông chúa, vẫn thường được dân chúng quanh vùng đến xin xăm lễ bái, cầu tài mua bán.

Phía bên kia cồn và miếu nổi này, là xã An phú đông. Cảnh trí của cuộc đất nhỏ nhô lên giữa dòng sông rất nên thơ mộng. Chung quanh có cây cao bóng mát. Khách thừa lương mển cảnh tịch liêu, trong những ngày rảnh rỗi thường đến đây du ngoạn. Vì chốn này vắng vẻ, xa thành thị, riêng biệt một khu vực trời nước bao la. Phải là nơi lý tưởng cho những ai có tâm hồn trầm lặng.

Muốn đến đây phải ngang qua chợ Gò vấp, rẽ về phía tay mặt, gặp ngôi đình xã Hạnh thông, có một con đường trải đá thẳng ra tới mé sông, bên đò Bến cát, rồi có ghe xuồng đưa ra đó.

Nhưng thời buổi chiến tranh, người lui tới đã thưa thớt. Miếu đã bỏ hoang, cây cỏ mọc um tùm. Nhà thảo bực dựng trước miếu nay đã sập.

Cứ một cái tên miếu nổi, đủ thấy tính cách quái đản của tòa cồn miếu không ai biết nguồn gốc ra sao. Mọi sự thù dật quanh cách thờ phượng Tề thiên Đại thánh và Ngũ hành, dù thật hay hư, vẫn không làm ai chú ý nhiều bằng sự chú ý đến cảnh trí thiên nhiên khả ái ở nơi này.



Ngôi Miếu nổi giữa giong sông Bến Cát

Cứ một việc nơi đây có cảnh gọi cảm lòng người, đủ khiến lách nhàn du nên đời gót đến thương thức phong quang, ít ra là một lần, hòa mình cùng tạo vật, hưởng lấy trăng trong gió mát.

Cảnh trời đất muôn thuở vẫn là sanh sanh hóa hóa luân lưu mãi, thủy vô chung. Ngôi « Miếu nổi » trên cồn đất nổi trên sông, gọi lòng người bao cảm khái về sự hóa sanh của đất Trời, thoát còn oạt mất, thoát ẩn thoát hiện. Nghĩ chuyện ruộng dâu hóa biển, ai lực tính chẳng ai ? Cuộc đời vật đổi sao dời, có chi đâu là vĩnh viễn ?

Tương truyền cách nay mười mấy năm về trước, trên sông Bến Cát trước ngôi miếu thường có cặp cá bông to lớn nổi lơ lờ trên mặt nước, mọi người trông thấy cho đó là cặp cá thần của bà cậu, đồng lo quanh vùng không ai dám đá động gì cả, mỗi lần nổi lên như vậy là trong làng có chuyện lục đục không an, hoặc ra điều cho người chết đuối dưới sông.

CHUYỆN LẠ LÙNG : BÀ MỤ RƠM LÀM HỘ SINH CHO CỌP

Các bô lão đất Gia-Định ngày nay còn khoẻ mạnh, thường nhắc cho con cháu nghe trong lúc trà dư tửu hậu, về câu chuyện bà mụ Rôm ở Chợ Cầu.

Chợ Cầu vốn là một địa danh có tiếng, thuộc tổng Bình-Long xưa (nay là quận Hóc-Môn). Cách đây 70 năm, vùng Chợ Cầu còn hoang vu, nhà thưa người ít, rừng rú dày đặc. Lúc bấy giờ có bà mụ Rôm cư ngụ tại xóm Dầu. Bà chuyên nghề làm mụ, giúp đỡ xóm làng khi có thai sinh. Bà rất giỏi về khoa hộ-sinh, nên khắp vùng đều nghe danh biết tiếng bà Mụ Rôm.

Nhà bà ở cạnh một khu rừng. Một đêm nọ, bà mở cửa sau ra ngoài đi tiểu. Bỗng đâu có một con cọp to lớn đã chực sẵn nhảy xổ lên. Bà ú ớ chết trân, hồn bất phụ thể. Nhưng cọp chẳng làm hại đến bà, mà lại kê lưng xóc vác bà lên chạy thẳng vô rừng. Rồi nhẹ nhàng để bà xuống bên cạnh một con cọp cái đang gặm thịt ăn la.

Thấy cọp không giết hại mình, bà bớt sợ, vẫn tỉnh trí xem xét. Nhìn quang cảnh cọp đực lẳng xẵng, cọp cái lẩn lộn, bà linh tánh

hiều ngay chuyện vừa xảy ra. Chỉ vì cạp cái chuyền bụng đã không được, nên cạp được phải tìm đến rước bà đề đỡ đẻ cho cạp

Quả là chuyện hi hữu. Bà có vẻ cảm động, quên hết sợ hãi, sốt sắng lo giúp đỡ cạp với tất cả khả năng của bà, không ngần ngại chi cả. Làm xong trách nhiệm, bà thở phào sung sướng. Cạp cái sinh được nằm im hết rên la. Cạp được lấy làm mừng rỡ, cúi đầu lạy bà dường như tạ ơn, rồi mọp lưng ra dấu cho bà lên ngồi, rồi công bà trả về nhà.

Chòm xóm nghe bà thuật chuyện lại, ai nấy đều xanh mặt, mừng cho bà thoát cảnh hãi hùng và không kém phần thú vị. Mọi người lại cố ý chờ xem còn có sự chi lạ xảy ra nữa hay chăng.

Đêm sau, người ta thấy trước nhà bà có một con heo rừng to lớn bị móc họng bỏ nằm giữa sân, có dấu chân cạp dẫm trên sân. Người ta đoán đó là cạp đem lễ vật đến tạ ơn bà có công sanh cho cạp cái được vuông tròn.

Thỉnh thoảng một vài tháng cạp bắt được mồi ngon đều đem đến tặng bà. Từ đó tiếng đồn bà mẹ Rơm đi đẻ cho cạp, khắp vùng trong tỉnh đều biết câu chuyện có thật 100%.

Đó là một giai thoại thực tế do nhiều người kể lại, như cụ Đặng-văn-Thanh, một bậc lão thành nay 76 tuổi, cụ trước kia làm Giáo sư trường chuyên nghiệp dạy trường Cơ-khí Á-đông ở Saigon, nay dời lại là trường Cao-Thăng. Hiện nay cụ vẫn còn khoẻ mạnh, nhà ở số 237 đường Lê-quang-Định, Gò-vấp. Chính cụ đã kể lại chuyện trên đây và còn nhiều người khác ở miệt Hốc-Môn, Bà-Điền cũng nói với chúng tôi như vậy.

Câu chuyện bà mẹ Rơm ở xóm Dầu tỉnh Gia-Định, là một trong những chuyện xảy ra các nơi khác cũng có tương tự như vậy. Ở Cà-mau, vùng Năm-Căn ngày xưa cũng có bà mẹ mang danh là bà mẹ Trời cũng sanh cho cạp nhiều lần, chúng tôi có sưu tầm tài liệu này, viết trong quyển « Bạc-liêu xưa và nay ». Đề nói lên đất nước này từ xưa tới nay có nhiều giai thoại, huyền thoại rất thú vị đều phát hiện mỗi nơi. Như ở Gò-công có hồi bão năm Thìn, một người đàn bà đẻ ra cặp rắn, kêu là ông Dài và ông Cụt, thiên hạ đến xem tấp nập. Sau trận bão, nước rút, cặp rắn này về vùng Thất Sơn, mất luôn từ đó đến nay.

Trở lại vấn đề bà mẹ Rơm ở Xóm Dầu đẻ cho cạp, nghe qua

hư thần thoại. Những người địa phương còn đó để làm chứng cho ộc sưu tầm khảo cứu của chúng tôi trong tác phẩm, không phải là uyện hoang đường.

«Nhân vật dữ đồng». Cọp tuy là thú dữ, không biết nói, nhưng ng hăng biết nghe, biết phải quấy, ơn nghĩa vẹn toàn. Đó cũng là ột cái gương để cho hậu thế soi chung. Loài cầm thú dữ như cọp, i thịt người, mà còn biết thương vợ mến con, vợ sanh không được, m rước mụ để cứu vợ mình, khi sanh đẻ xong còn biết đèn ơn đáp ghĩa. Còn người đời nay sao lắm kẻ bạc như vôi, mới ăn của người ó, thọ ơn người cứu tử, rồi trở lại phản phúc ra mặt, hạng người y sánh ra không bằng loài vật chút nào cả.

CÔ BA TRÂM

hồn oan hiền lộng vùng Bà Chiêu

Cách đây trên 50 năm, đồng bào ở Gia-định ai nấy đều nghe tên ả Ba Trâm. Cô vốn con nhà khá giả, quê ở Gia-định, mẹ mất sớm, ian phụ cô tục huyền với bà kế mẫu.

Đang độ xuân xanh, nhan sắc của cô làm đắm đuối biết bao hàng trai gấm ghé cầu thân. Nhưng cô chưa nghĩ đến việc lập gia ình, một mực từ chối tất cả các nơi lân la dạm hỏi.

Bà kế mẫu của cô tỏ ý chẳng bằng lòng thái độ kén chọn của ó, ý muốn cho cô lập gia đình phứt cho rồi, để ra riêng cho rảnh. ời thế, bà thường day nghiêng cô, nặng nhẹ đủ điều.

Lạ gì thói mẹ ghẻ con chồng. Cô không chịu nổi sự tàn độc của à kế mẫu, nên đôi khi gia đình nổi cơn sóng gió, vì cô lên tiếng hản đối với bà. Những lần xảy ra cuộc xô xát giữa cô với kế mẫu, ều làm khổ tâm cho cha cô chẳng ít.

Tháng ngày cô buồn rầu lơ lửng, rồi đâm ra chán đời, quyết ý uyên sinh, mượn dây oan nghiệt kết liễu cuộc đời son trẻ. Cô bèn ra ộc trâm gài trường võ Gia-định mà treo cò tự tử. Thuở ấy nơi đây ền sầm uất, nhà cửa thưa thớt.

Đến khi phát giác việc cô quỳn sinh thì thân thể cô không được oàn vẹn, đôi chân đã bị thú ấn. Cái chết thể thảm của cô, gây nên dư ượn bàn tán xôn xao một dạo. Ai cũng lấy làm thương tiếc cho cô. Đến khi cô nhập đồng cho một người lối xóm, chân đi cà nhắc xưng

rõ tên họ, càng khiến cho mọi người thêm thương cảm. Cô rất linh hiển, thường cứu dân độ thế, ai bệnh hoạn đem đến am cô lên đồng chữa bệnh đều hết.

Oan hồn phượng phất không siêu thoát được, uất ức nổi lòng, nên về đêm cô thường hiện hồn ở miệt Hàng Xanh, hoá ra một cô gái sắc phục trắng, đứng đón kêu xe song mã đi dạo một vòng, rồi về Gia Định. Lúc ấy các xe chưa biết cô là ai, ngừng lại chờ. Nếu xe nào dỏ trò ong bướm, cô vật chết. Có điều đặc biệt, xe nào chở cô đi một vòng, đêm ấy gặp nhiều may mắn. Trái lại xe nào cô kêu không ngừng bỏ đi luôn, ắt sẽ gặp nhiều sự rủi ro, ngựa chững kéo xe không chạy xuống mương lộ, đêm ấy không khách hàng.

Lắm lúc cô cũng đi thơ thần một mình, các chàng thanh niên không biết đến chọc ghẹo là rước họa vào thân.

Ở Gia-Định trong thời kỳ ấy, ai cũng đều nghe tiếng cô Ba Trâm hiển lộ. Lúc bấy giờ các thanh niên khi ra đường rất dè dặt, không dám nói lớn tiếng, gặp gái thì cúi đầu lo ngại, không biết ai thật, ai giả, không khéo đụng nhằm hồn ma cô ba Trâm thì hết đường tán tỉnh.

Cô ba Trâm hiển lộ một thời gian từ năm 1913 — 1914 — 1915. Sau này nghe đâu cô đã nhập xác về cho biết cô đã đi tu.

Chuyện cô ba Trâm đã xảy ra là sự thật trăm phần trăm. Những vị bô lão ở Gia-Định đều biết tất cả.

Việc ma quái này chẳng riêng gì ở Gia-Định, mà hầu hết các nơi trong miền Nam, có bà Mã-Châu, một cô gái người Trung-Hoa, bị chìm thuyền chết thảm, sau rất linh hiển, được đồng bào ở địa phương lập miếu thờ; nay tại Cà-Mau có miếu thờ Mã-Châu.

Tại Sa-Đéc có cô Hai Hiền ở Nha-Mân, con của ông Hương cả bị té sông chết, qua vài ngày sau hiển lộ phá hại dân gian suốt mấy mươi năm, sau này cô đi tu, và hiện ở Sa-Đéc có lập miếu thờ cô.

Giữa thời kỳ khoa học nguyên tử, mà chúng tôi đem chuyện này ra nói, hẳn chẳng khỏi bị chế nhạo coi là hoang đường. Nhưng mà địa-phương nào cũng có lắm chuyện ma quái đại loại như thế xảy ra, làm cho giới khoa học cũng phải ngơ ngẩn, khó mà giải thích nổi.

Vả lại, nói qua các giai thoại, huyền thoại ở Gia-định, mà không đề cập chuyện cô ba Trâm, là một điều thiếu sót. Cho nên chúng tôi vẫn đem ra kể lại, cốt để chứng minh thuyết hữu hình và vô hình.

NGƯỜI PHÁP TÊN LOUIS VIDAL LÀM CHỨC HƯƠNG CẢ LÀNG PHÚ-NHUẬN TỤC DANH CẢ ĐÀN

Chuyện Ông Cả-Đàn mà chúng tôi thuật dưới đây là một chuyện hiếm có ở miền Nam Việt Nam khi thực dân còn cai trị ở xứ này.

Như mọi người đã biết, mỗi nơi thực dân Pháp tổ chức nền hành chánh, từ tỉnh đến quận, tổng, làng v.v. Tỉnh thì cử viên Chánh Tham-biện Pháp làm đầu tỉnh đã đàn, còn làng tổng thì do người Việt giàu có, hoặc con ông cháu cha người gốc cội trong làng được chọn mời tham gia trong ban hương chức hội tề. Hầu hết trong toàn quốc, bộ máy hành chánh đều giống nhau thể cả.

Nhưng, đặc biệt tỉnh Gia-định ngày xưa có một người Pháp tên Louis Vidal, vốn là Thơ ký Nha Bưu Điện, có vợ người Việt, lại từng được cử giữ chức Hương-cả làng Phú-Nhuận.

Ban Hương-chức Hội-tề nào cũng thế, gồm 12 vị hương chức, gọi tắt là Cả, Chủ, Sur, Trưởng, Chánh, Giáo, Bộ, Quản, Thân, Hào, Xã, Lục (chánh lục bộ, tức Ủy viên Hộ-tịch ngày nay). Các vị này nắm giữ bộ máy hành chánh trong làng, hầu hết đều là người Việt. Thế mà duy có làng Phú-nhuận, vị hương chức tối cao là Hương cả lại là người Pháp, cầm đầu 11 vị người Việt.

Nên biết, hồi xưa làm làng tức làm hương chức Hội-tề kẻ cũng oai ra phết. Câu tục ngữ từ xưa đã chứng minh «Luật vua thua lệ làng». Bởi thế dân chúng rất ngán sợ làng, vì tiếng nói của làng thốt ra thì chết sống chó không phải vừa. Hương chức làng thời ấy đại diện cho dân đệ đạt lên quan trên những nguyện vọng nhân dân.

Thời ấy, ông Louis Vidal làm chức Hương-cả, người Việt mình thường kêu là Cả Đàn, vì tên Vidal kêu trại là Đàn, hay nói cách khác, tên Đàn là tên Việt-hoá chữ tên Pháp là Vidal kia.

Tuy mang giòng máu người Pháp, nhưng ông không có cử chỉ theo hạng Pháp thực dân. Ông rất hiền-lành tử tế, tánh bình dân. Từ ngày ông lãnh chức Hương-Cả trong làng Phú-nhuận, ông giúp đỡ rất nhiều người. Có lần quan Tham-biện tỉnh Gia-định, định giải tòa một dãy phố sát mặt đường Phú-nhuận, làm thiệt hại tài sản của đồng bào, ông đứng ra bênh vực được kết quả. Trong thời kỳ 1945-46 có giới nghiêm trong tỉnh, ông đứng ra xin và bảo đảm

vùng kiểm-soát của ông được nói rộng giờ giới nghiêm, để cho dân chúng đi lại làm ăn. Ông rất nhiều uy tín với người Pháp. Ông làm chức Hương cả thời ấy, che chở cho đồng bào mình ở Phú nhuận rất nhiều, không làm hại ai.

Con người tánh tình bình dân, ăn mặc lôi thôi, thích ăn trà và uống nước trà Huế hơn là uống rượu Tây mẫu quốc. Tại công sở luôn luôn có nôi trà Huế sẵn cho Ông, khi khát nước thì ông tự tay đi múc lấy mà uống.

Từ ngày ông đảm nhận chức Hương-Cả trong làng, ban đầu người ta lầm tưởng ông là hạng thực dân, không dè ông là người tốt, nên ai ai cũng miễn.

Ông làm Hương-Cả một thời gian khá lâu, từ năm 1946 đến năm 1953 thì mãn phần. Trước ngày ông mất, ông căn dặn vợ con rước lễ nhạc Việt Nam, thầy chùa đến tụng niệm, làm y phong tục người Việt. Đám táng của ông thật long trọng.

Chỗ ông cư ngụ trước kia ở công số 10 đường Võ-di-Nguy Phú-Nhuận, đối diện với nhà Ông Nguyễn-văn-Đây, đương kim Tổng-Thơ-Ký Hội-đồng Xã Phú-nhuận 1972.

Ông Cả Đành, tức Louis Vidal, mất, mọi người đều mến tiếc nhắc nhở.

Sau đó, người trai lớn của ông cũng tên Louis Vidal thế ông làm chức Hương-cả, cũng noi theo gương ông mà giúp đỡ cho quê mẹ là người Việt.

Qua thời Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, bãi bỏ Hương-chức Hội-tề, cải tổ thành lập Hội Đồng xã do dân cử, gồm đủ các thành phần tôn giáo tham gia.

Đặc biệt xã Phú-nhuận từ trước đến nay có diêm khác hơn các nơi.

Dưới thời Pháp thuộc, từ 1946 thì ông Louis Vidal và con ông cũng tên Louis Vidal làm Hương cả hai lần, chánh tổng là người Pháp.

Dưới thời Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay, năm 1972, xã Phú-nhuận có ông Nguyễn-thanh-Hùng, nguyên Trung-Tá Quân-đội P.G.H.H. đảm nhận chức vụ Xã-trưởng do dân cử, đó cũng là một việc hiếm có.

Ngoài ra, chúng tôi được biết ở Tây Ninh, khoảng 1945, có ông Oconel, hạt trưởng Kiểm lâm, làm chức Hương-cả ở làng Thanh-diên đó thôi.

CÁC TAY ANH CHỊ VANG BÓNG MỘT THỜI CỦA VÙNG BÀ CHIỀU

Cách nay trên 50 năm, khi thực dân Pháp cai trị xứ này, địa-phương nào cũng có mọc lên những tay anh chị xưng hùng, xưng bá, làm điều đứng cho nhà cầm quyền không ít.

Đồng bào thường nghe nói đến du côn, anh chị ở vùng Ngã Năm Bình-Hòa, Xóm Gà, Gò-Vấp ngày xưa phải đều ngán sợ.

Anh hùng nào giang sơn nấy, dưới tay có nuôi nhiều em út bộ hạ đề khi hữu sự đứng ra chống mũi chày sào, bình vực cho đồng bọn một khi bị hiếp đáp. Anh chị có hai ba hạng : hạng trí thức, hay làm chuyện nghĩa hiệp giúp đỡ kẻ thế cô sức yếu bị hiếp đáp, dám lặn mình ăn thua để lấy tiếng bắt vụ lợi. Còn hạng vũ phu đâm lộn chém mướn, miệng nói tay đánh, để lấy le với chòm xóm và em út. Còn hạng ra mặt đàn anh, lúc nào cũng nghiêm trang đứng đắn, trọng nghĩa khinh tài, gặp việc phải thì lặn thân bình vực tới cùng, đến đâu không sợ ; họ thua keo này gầy keo khác, quyết phục thù cho kỳ được mới thôi, không lùi bước trước sự hăm dọa nào. Máu anh hùng mã thượng có sẵn nên không biết ngán sợ ai. Bởi thế được đàn em út tặng cho danh hiệu là « Đại ca ». Muốn được tiếng « Đại Ca » không phải dễ. Mưu, trí, dũng phải vẹn toàn mới dám lãnh chức Đại ca.

Theo lời một vài cố lão hiện nay trên 80 tuổi ở vùng Bà Chiểu kể lại với chúng tôi, một vài tay anh chị có tiếng ở vùng Bình-Hoà, Gò-vấp, được đồng bào ở đây biết danh. Các vị này đã ra người thiên cổ, nhưng cũng được người đời nhắc nhở.

Vào khoảng năm 1911-1912 có ông Thông-phán Nguyễn-hữu-Nghĩa làm việc ở Sở Tạo-Tác Gia-Định, tánh tình cương trực, võ nghệ cao cường. Một khi công chức hay thường dân bị bọn du đảng cướp giựt, hiếp đáp, ông sẵn sàng ra tay giải vây, đánh cho chúng những trận đòn đích đáng. Sau này chúng biết danh ông đều ngán sợ.

Tại ngã tư Bình-Hoà có Năm Tồn làm thợ Ba-son, vốn là một tay anh chị khét tiếng ở trong vùng. Một khi định đánh ai thì đánh

ngay không sợ, dầu lính tráng hay Biện Tây đến anh cũng vẫn không ngán. Nhưng con người anh không bao giờ làm bậy như hạng vũ phu, lúc nào cũng tỏ ra mình là tay anh chị, dưới tay em út cũng nhiều. Anh mắt đã lâu, nhưng tên Năm Tồn vẫn còn. Anh có miếng đất, đồng bào quanh vùng đến họp chợ Chồm hồm. Đất của anh tại ngã tư Thầy Sóc (hay ngã tư Bình-hoà), người ta thường gọi chợ Năm Tồn.

Đã nói qua một vài người nổi tiếng ở địa phương này, giờ đây chúng tôi xin nói đến anh Nguyễn-văn-Giáp, người gốc ở Quảng-Bình, đến cư ngụ vùng An-Nhơn, Gò-Vấp.

THÀNH TÍCH ANH NGUYỄN-VĂN-GIÁP

Khoảng 50 năm về trước, anh Nguyễn-văn-Giáp lúc đang độ thanh xuân, lối 18, 20, 21 tuổi, vóc người mảnh mai, mặt xương mũi thẳng, mắt sáng, tướng mạo khôi ngô, tinh thông võ nghệ. Tánh tình anh cương trực, dám nói, dám làm, không lùi bước trước sức mạnh, hay tiền tài của kẻ uy quyền thế lực, đề hiếp đáp người cô thế.

Anh Nguyễn-văn-Giáp đã cư ngụ ở vùng An-Nhơn, chuyên nghề dạy võ, sống độc thân, dưới tay có nhiều em út. Lúc nào anh cũng tỏ ra người anh đứng đắn, luôn luôn bình vực cho đàn em những khi bị kẻ lạ bức hiếp. Đồng bào quanh vùng cũng rất nể anh. Tuổi nhỏ tài cao, một mình đương cự cả chục người, anh đánh chạy bỏ càng; người ta quen gọi anh là anh ba Lý ngươn Bá.

Bọn du đãng ở xa lâu lâu hay đến Chợ Bà Chiều hoành hành hiếp đáp người mua bán, hoặc kéo nhau vô quán ăn quít. Anh hay tin đến nơi anh dùng lời lẽ ôn hòa can thiệp; Nếu chúng không nghe anh buộc lòng dùng đến chân tay đánh chúng, từ đó về sau không dám héo lánh đến chợ bà chiều nữa một khi anh đã cấm.

Những bạn đồng lứa tuổi có máu mặt, nổi tiếng là anh chị bự cỡ Tư Mắt, Năm Liễu ở Chợ-Lớn, Sáu Thấm, Tư Sơn ở An-Nhơn Gò-Vấp đều là bạn bè cũng nể anh.

Một năm nọ, chùa Ông có đám làm chay. Một số du-côn ở miệt Hốc-Môn, Bà-điền kéo xuống chờ đợi khi xô giàn ra tay giựt heo tay trên em út ở đây. Bọn này xem dưới mắt không người, đi đứng ngang tàng không kiêng nể ai.

Anh Ba Giáp hay tin, đến nơi ngăn cản với lời lẽ ôn tồn. Chúng không nghe. Anh nổi nóng, chửi thẳng vào mặt bọn mất dạy.

Bọn chúng hơn mấy mươi đứa vây đánh anh Ba Giáp. Một mình tả xông hữu đột, đánh tứ trụ, lúc bấy giờ anh Ba trở tài diệu võ dương oai không khác nào Triệu-tử-Long đương-dương trường-bản. Đánh qua mấy chục hiệp, chúng không xáp vô mình anh Ba được, mà lại còn bị anh Ba đánh mang thương tích phải bỏ chạy tán loạn. Danh tiếng và uy tín của anh Ba Giáp lúc bấy giờ càng lên cao. Ai nấy đều cảm phục tài nghệ của anh. Nếu không có anh đến kịp, đám làm chay sẽ trở nên vô trật tự, và sự hỗn độn ắt đưa đến những cảnh đồ vỡ khủng khiếp chẳng lành. Thế là anh Ba Giáp đã trừng trị bọn mất dạy một cách thấm thía. Từ đó, bọn côn đồ không dám bén mảng đến vùng anh Ba Giáp khuấy phá nữa.

BỎ ĐÒI THEO ĐẠO ĐI TU

Trong lúc uy tín đang lên, làng tổng đều kiêng nể, dưới tay có nhiều em út, nhưng anh Ba Giáp lại chẳng tự kiêu chút nào. Trái lại anh cũng trầm lặng. Các em út nhận thấy anh đổi tánh, thường có vẻ buồn bã, theo vồn vã thăm hỏi và an ủi anh

— Sao Đại-ca có sắc lo buồn? Có điều chi làm cho Đại-ca phật ý chẳng? Chúng em nguyện ủng hộ Đại-ca hết mình.

Anh lắc đầu bảo các em út

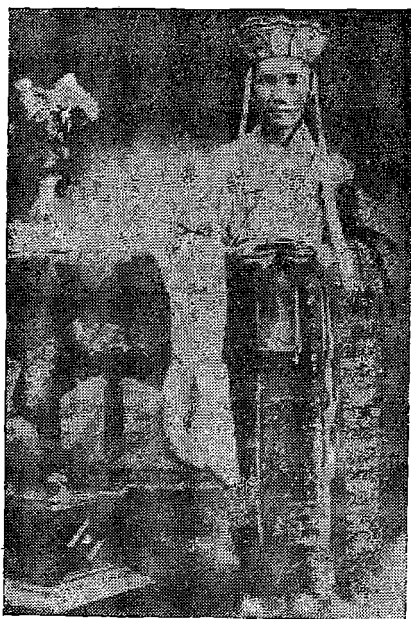
— Ngày nay các em út thấy anh võ đồng áp đảo được mọi người, nhưng một ngày kia anh cũng sẽ phải già đi, gân xương rũ liệt, chừng ấy có còn chống cự được với ai nữa không? Con người lúc thanh phải sợ lúc suy, khi vui phải nghĩ đến lúc buồn. Muốn giữ cho thân ta được an vui, không gì bằng làm lành lánh dữ. Một ngày nào đó, có lẽ anh sẽ đi tu mà thôi. Trước giải hết oan nghiệt, sau treo gương cảnh giác các đàn em còn mê muội, và gắng sức tùy duyên phương tiện mà độ đời các em ạ.

Các em út nghe anh Ba Giáp phân trần, lòng càng thêm cảm phục bậc đàn anh thật xứng đáng. Rồi ai nấy cũng đều có vẻ như hồi tâm hướng thiện. Nhìn thấy quang cảnh em út trầm ngâm, anh Ba Giáp thêm phấn khởi, quyết chí bỏ đời tìm đạo.

Thế rồi chán ngán cuộc phù hoa giả tạo ở thế gian, anh Ba cương quyết gạt bỏ tất cả những cái hư danh ảo mộng mà người đời tặng cho hai tiếng Đại-ca. Anh Ba đã suy nghĩ kỹ cuộc đời và lý tưởng của kiếp nhân sinh, không còn luyện ái thế trần, nguyện phải xuất gia qui y đầu Phật.

Đầu tiên, anh xuống tóc vào tu nơi chùa Sắc Tứ Tập Phước. Lúc ấy anh mới 25 tuổi đầu, vào chùa ghép mình trong giới luật, thức khuya dậy sớm, công phu bài sám xong rồi quét dọn bàn ghế, và làm nhiều công việc cực nhọc, xách nước, bửa củi, tưới cây...

Những việc khổ cực nào anh Ba cũng chấp nhận, không hề than van chi cả. Quyết tâm học đạo để đi đến giải thoát là điều ước nguyện. Lúc ở ngoài đời tung hoành ngang dọc, thân mình chỗ nào cũng xâm, đến khi vô chùa tu anh rất can đảm lấy dao cạo lạng phá hủy diệt của thời oanh-liệt, vì thế nên tay chân anh mang nhiều vết sẹo, để đánh dấu kỷ niệm cuộc đời quá khứ của ngày hoàn lương,



*Di ảnh cố Hoà thượng Thiện Minh Nguyễn văn Giáp,
năm mươi năm về trước đã một thời oanh liệt ở vùng Bà Chiểu*

ai y đầu phật. Thế là anh đã hoàn toàn thay đổi tất cả, từ nội tâm tới đến hình thức. Nay gọi lại khiến cho nhiều người xúc cảm.

Ở tu tại chùa Sắc-Tứ Tập-Phước ít lâu anh Ba qua chùa Bảo-an cách đó một vòng rào, xin cầu pháp với sư ông là Hoà-Thượng Phổ-Tường. Hoà-thượng xem qua đạo hạnh, biết sau này anh Ba sẽ ở nên một bậc cao tăng danh tiếng trong phái cồ, nên sư ông chấp nhận thâu vào làm đệ tử và đặt pháp danh cho anh là Thiện-Minh. Từ đây, cái tên tục Nguyễn-văn-Giáp, hay anh Ba Giáp, đã trả lại cho đời, trả cả danh xưng anh chị, đại ca. Và cái tên đầy đạo hạnh là Thiện-Minh, dần dần chói rạng như ánh đuốc đưa đường trong đêm đen, dẫn dắt những ai lầm đường lạc lối.

Sư Thiện-Minh kể từ đây được Hoà-Thượng hết lòng giảng dạy, anh luật lầu thông, học một biết mười, con đường đạo rất nên tinh tiến. Các bạn bè khi xưa thấy vậy đều cảm phục và lắc đầu, vì thấy anh rất cực nhọc mà vẫn vui, khó có ai làm được như thế.

Phần học hành, phần lo làm công quả cho chùa không có giờ nghỉ, sư Thiện-Minh rất chịu khó, không thối chí ngã lòng, quyết tâm gửi thân này vào cửa Phật.

SƯ NGUYỄN-VĂN-GIÁP

ĐƯỢC THỈNH VỀ LÀM TRỤ TRÌ Ở CHÙA HỘI PHƯỚC

Ngày giờ đã đến, một hôm có một nữ tu sĩ tục danh là cô Tư-Niệm, người giàu có ở xã Tân-thạch, tỉnh Định-tường trước kia. Được người điếm chỉ lên chùa Bảo-an đề rước sư Thiện-Minh về làm trụ trì một ngôi chùa mới lập, mang tên Hội-phước.

Lúc bấy giờ, Hoà-thượng Phổ-Tường bảo sư Thiện-Minh :

— Ấy là cơ duyên đã đến. Con nên rời nơi đây về trụ trì chùa Hội-phước, diu dắt thiện tín tu hành, lập công bồi đức, làm cho sáng tỏ giáo lý của Đức Như-Lai.

Sư Thiện-Minh lạy tạ xin vâng lời tôn sư dạy bảo. Rồi đó một buổi lễ thỉnh sư về chùa rất đơn giản diễn ra, nhưng đầy trang nghiêm và cảm động.

Nơi chùa Hội-phước, sư Thiện-Minh nỗ lực lãnh đạo, hoằng pháp trong chánh pháp. Ngài đào tạo được rất nhiều môn đệ tài giỏi, sau khi tới Giáo-thọ, Yết-ma, Hoà-thượng. Các đệ tử đến quy y dần

dần rất đông, vì uy tín và đạo hạnh của ngài khiến cho mọi người cảm mến, cho là một đại đức chân tu, thế gian ít có người được như Ngài.

Tiếng đồn khắp gần xa. Thiện tín ở các tỉnh Bến Tre, Gò công, Mỹ-Tho, Tân-An đều đến xin qui y thọ giáo. Thành thạo các nơi xa có mở trường hương, trường kỳ, đến thỉnh ngài làm Thiên-chủ. Có lần Ngài trở lên làm thiên-chủ trường hương ở Sắc tứ Tập Phước là nơi ngài xuất gia đầu tiên. Kể 2 năm sau, làm Thiên-chủ ở chùa Giác-Hoàng Gò-Vấp. Nhiều lần làm Thiên-chủ, ngài được suy tôn lên làm Hòa thượng.

Trên đường đạo hạnh của Hòa-thượng Hoảng-Khai, đạo hiệu Thiện-Minh, mấy mươi năm ở cửa thiền, dẫn dắt biết bao người cải ác tùng thiện trở về với Phật-pháp, thật là công đức vô lượng, xứng đáng là bậc cao tăng hi hữu.

Thời gian giam mình trong chốn thiền-môn, tuổi ngài chồng chất lên cao, thường hay bệnh hoạn. Một trong những hàng đệ tử tại gia là ông Lâm-tấn-Tài ở xã Vang-quới đến rước Hòa-thượng về nhà nuôi dưỡng, gặp lúc đất nước nhuộm đầy tang tóc. Thời kỳ ấy là thời kỳ Nhật-bồn đến xứ này gây lăm cảnh đau thương cho xứ sở, kể đến thanh-niên tiền-phong v. v. . .

Hòa-thượng về Vang-quới không đầy 2 năm thì lâm trọng bệnh, mất vào ngày 11 tháng 11 Ấ.1 năm 1947. Tính đến nay 1972, đúng 90 tuổi.

Ngày Hòa-thượng liễu đạo, gặp lúc khó khăn. Tuy nhiên, đám táng rất trọng thể. Các sơn môn, đại lão hòa thượng, tăng ni và hàng Phật tử nghe tin đều dự đám, cư tang và tiễn đưa cố Hòa-thượng về cõi Phật.

Theo một vị Hòa-thượng nay còn sống kể lại : Khi động quan ra tới huyết, tự nhiên có một luồng gió thơm từ trong nhà bay theo tới huyết cả tiếng đồng hồ. Ai nấy cho đó là một điềm tốt, để rước Giác linh Hòa-thượng về Phật-quốc.

Sau ngày Hòa-thượng viên tịch, bốn đạo hiệp nhau với ông bà Lâm-tấn-Tài, đứng ra xây một ngôi bảo tháp cho thầy tổ, và đồng thời cạnh bên bảo tháp có dựng lên một cảnh chùa khá to, để cho mấy cô đệ tử của Hòa-thượng ở tu niệm và hương khói, giữ gìn tòa bảo tháp.

Hiện nay những đệ tử của cố Hoà-thượng, kể còn người mất lều nên dành cả.

1) Hoà-thượng Tấn-Lễ trụ trì chùa Diệu-Giác ở Hàng Keo/ Gia-Định đã viên tịch.

2) Hoà-thượng Thích-thiện-Thành trụ trì chùa Giác-Sanh ở Phú Thọ, còn sống.

3) Hoà-thượng Thích-thiện-Ân ở chùa Tâm-Vu, Long-An, còn sống.

4) Sư Thiện-Tĩnh trụ trì chùa Phật-Quang ở Kiến-Hòa, còn sống.

5) Giáo-thọ Thiện-Đặng, ở chùa Sắc-tứ Tập-phước Gia-Định, đã viên tịch.

6) Ni cô Ni Hương ở chùa Sư Nữ Huệ-Nghiêm Chợ lớn còn sống.

Và còn nhiều môn đệ khác ở rải rác khắp bốn phương. Bao nhiêu y đủ nói lên đức độ và công nghiệp của cố Đại-lão Hoà-thượng, người đã dày công đào-tạo lắm bậc tăng tài phục vụ cho đạo pháp ngày nay.

KẾT LUẬN :

Nổi danh là một chàng thanh niên oanh oanh liệt liệt, trọng nghĩa hình tài, hay giúp đỡ kẻ thế cô sức yếu, dưới tay có nhiều em út, danh tiếng lẫy lừng ở vùng Xóm Gà Bà-Chiều, đời Nguyễn-văn-Giáp, ức Ba Giáp, chưa vấp phải một sự thất bại nào.

Thế mà giác ngộ đi tu, trở thành một bậc danh tăng, sau được quy tôn làm Hoà-Thượng trong phái cổ của Phật giáo đồ miền Nam, hai chữ « Thiện-Minh » chói sáng muôn đời như ánh đạo vàng bùng toả.

Hoà-Thượng Thiện-Minh là một tấm gương sáng đáng ghi vào trang sử của Đạo để cho hậu thế soi chung.

Nói đến cố Hoà-thượng Thiện-Minh, khiến chúng tôi liên tưởng đến 18 vị ăn cướp, cướp của giết người, sau ăn năn cải hối vô chùa thì phát quy y, dốc lòng tu niệm, được đặc quả Phật La-Hán ; các ngôi chùa xưa có tạc hình đề thờ, mỗi vị trong tay còn cầm vũ khí trong lúc còn ở ngoài đời.

Thật là tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời. Sự tích 18 vị La-Hán còn lại, chúng tôi chỉ nói phớt qua để so sánh câu chuyện của Hoà-thượng Thiện-Minh được thế nhân nhắc đến.

XÓM GÀ GIA-ĐỊNH

LƯU LẠI KỶ-NIỆM CỦA THI-SĨ TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Như chúng tôi đã trình bày ở phần « Gia-định văn-vật », đất Gia-định mấy mươi năm về trước, vẫn từng có duyên lưu niệm với các nhà văn, nhà thơ Trung, Bắc. Đặc biệt là nhà thơ Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiệu với kỷ-niệm « Xóm gà ».

Khoảng năm 1926, vì thất bại trong việc làm báo « An-nam tạp chí », mắc nợ của Ông Bùi Bò lối 1.500\$, Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiệu khăn gói vào Nam, kiếm bạn đỡ nhờ giúp đỡ.

Khi vào tới Saigon, một buổi chiều, thi sĩ Tản-Đà thơ thẩn trên đường Catinat (nay là đường Tự-Do), ngang qua nhà hàng Continental. Ngồi trong nhà hàng, bên một cái bàn kê dưới mái hiên, lúc ấy có mặt Ông Diệp-văn-Kỳ, ký giả Tế-Xuyên Hoàng-văn-Tiếp, Tùng-Lâm Lê-cương-Phụng và một vài bạn văn khác. Trông thấy Tản-Đà, cụ cử Tùng-Lâm buột miệng nói :

— Thi sĩ Tản-Đà đó.

Ông Tế-Xuyên có lòng yêu thơ Tản-Đà, liền cho gọi bồi bàn đến, nhờ chạy đi mời Tản-Đà.

Gặp nhau, ai nấy đều cảm khái. Ông Diệp-văn-Kỳ, chủ-nhiệm tờ « Đông-Pháp thời-báo » vồn vã hỏi thăm thi sĩ đủ mọi điều. Rượu đã ngà ngà, thi sĩ Tản-Đà tỏ thật nỗi lòng. Ông Diệp-văn-Kỳ có ý mến tài, sẵn sàng giúp ngay cho Tản-Đà 2.000\$ để trở về Bắc trang trải nợ-nần, rồi vào Nam viết giúp cho tờ « Đông-Pháp thời-báo ».

Đối với giá bạc khoảng năm 1926, số bạc 2.000\$ kể cũng khá to. Đối xử như Diệp-văn-Kỳ với Tản-Đà, thật là hiếm có.

Về Bắc lo xong các món nợ, Tản-Đà trở vào Saigon, làm thơ cho trang văn-chương của « Đông-Pháp thời-báo ». Báo ra hàng tuần, mỗi tháng Ông Diệp-văn-Kỳ thù lao cho Tản-Đà 100\$ (bằng lương Quận-Trưởng thời ấy). Hơn nữa, khi Tản-Đà ngó ý muốn ở nơi tĩnh mịch để dễ có nguồn cảm hứng, Ông Kỳ cũng sốt sắng mượn ngay cho Tản-Đà một ngôi nhà rộng lớn ở Xóm Gà.

Được sự đãi ngộ của Ông Diệp-văn-Kỳ đến như thế, nhưng Tản-Đà vẫn làm phiền lòng Ông Kỳ chẳng ít. Lắm khi báo sắp lên khuôn mà Tản-Đà vẫn chưa trao một bài thơ nào. Ông Kỳ phải cho

r-phái vào tận nhà của thi-sĩ ở Xóm Gà (Gia-định), hồi thúc bài.
n-Đà vẫn thân nhiên, thốt một câu lịch-sử, đề đời trong làng báo :
âm thơ đâu phải bửa củi mà muốn lúc nào có lúc ấy ».

Cộng sự với ông Diệp-văn-Kỳ được ít lâu, Tản-Đà lại búi ngui-
t áo ra đi, cuu mang ý định trở về Hà-Nội, rón tìm cách tực bản
« An-nam tạp chí ».

Trên chuyến xe lửa về Bắc, khi đến Nha-Trang, Tản-Đà cảm
ng làm một bài thơ, đề là « Gửi tòa soạn Đông-Pháp thời báo »

*Xóm Gà tan giấc rạng vàng ô.
Tối đến Nha-Trang rượu một hồ.
Trợ bút đã xin từ bác Diệp
Văn-chương để lại cây thầy Ngô
Dám quên « Đông-pháp » người tri kỷ ?
Riêng nhớ « An-nam » bức địa đồ.
Hai chuyến chơi Xuân Thìn với Mão
Đi ra còn nhớ mãi đường vô.*

Câu phá và câu kết trong bài thơ « Xóm Gà tan giấc rạng vàng
Đi ra còn nhớ mãi đường vô », chứng tỏ Tản-Đà vẫn lưu-
ý chốn « Xóm Gà », đất Đồng-Nai — Gia-Định.

Tác lòng không quên đất Đồng-Nai ấy, sau đó Tản-Đà còn có 2
bày tỏ. Khi vào Nam lần thứ ba, Tản-Đà tỏ tình lưu luyến trong
« Gửi bạn đọc giả cũ ở Nam »

*Nhớ ai, ai nhớ, ai không ?
Phải chăng người Mạc-má-Hồng năm xưa.
Trái bao đi gió về mưa,
Mà duyên tái ngộ bây giờ là đây.
Cuộc đời dâu bể đổi thay
Văn chương lại có phen này phụ trương.
Bắc Nam xa cách dặm trường
Hồn thơ quạnh quất như nhường không xa.
Trăm năm chưa đến cõi già
Còn duyên vẫn tự, còn ta còn mình.
Mấy lời trong lúc đêm thanh
Xa xôi nhắn gửi bạn tình là ai ?*

Tình của nhà thơ núi Tản sông Đà đối với đồng bào trong Nam,
yên qua bài thơ trên đây, kẻ cũng đã thăm thiết biết bao. Nhưng

hãy còn thấm thiết hơn nữa, cảm động hơn nữa, qua bài thơ đề là
‘Nhớ trong Nam’

*Ngày dài, ta nhớ đất Nam — Trung.
Mây nước xa trông cách vạn trùng.
Cánh nhạn bên trời không chiếc bóng
Vầng trăng mặt biển đã mười đông.
Sai-gòn — Chợ-lớn, ai qua lại ?
Thủ-Đức, Xuân-trường, khách vắng, đông ?
Ngồi nhớ người xa thêm nhớ cảnh,
Xa xôi ai có nhớ nhau cùng ?*

LẮNG TIẾNG ĐÀN LÒNG

ÔNG TÚ PHAN-KHÔI THẢ THUYỀN TRÊN SÔNG CẦU BÔNG XƯỞNG HỌA THƠ VĂN VỚI CÔ BÁN NEM NƯỚNG

Một giai thoại văn chương khá thú vị, hồi năm 1926 trên sông Cầu Bông Gia-Định, các văn nhân thi sĩ có tuổi ở đây đều biết.

Chúng tôi dở chông báo cũ của nhà văn Nguyễn-Bá-Thế đã thuật lại trong tờ Lập-Trường Xuân Canh-Tuất, nhận thấy có giá trị và liên quan đến những gì xảy ra trên đất Gia-Định, chúng tôi trích ra đây hiến quý độc giả thưởng thức trong lúc trà dư tửu hậu không đến đổi là vô bổ.

Ông Tú Phan-Khôi ít khi làm thơ. Nhưng khi hồn thơ nhập điệu, ông làm thơ . . . cũng độc đáo như tài múa bút trình bày hay tranh luận một vấn đề gì với độc giả bốn phương. Còn ai chẳng biết chính ông là người khởi xướng phong trào thơ mới với bài « Tình già » và bao nhiêu bài thơ khác của ông như bài Viếng mộ Lê-Chất, Dân quạ đình công, Chơi cảnh Tâm-vu v. v. . . thấy đều là những bài có vận hiem, tứ lạ đáng cho làng thơ nhắc nhở.

Chính cụ Ngô-Đức-Kế vẫn đã khen tài thơ của cụ Phan-Khôi, khi họ Phan cảm khái làm bài thơ trao tặng các vị chí sĩ đi đày Côn-Đảo. Và quyển « Chương dân thi thoại » ra đời, đã nói lên Phan-Khôi rất biết thưởng thức những áng thơ hay, chứng tỏ con người ông vẫn có hồn thơ lai láng.

Thế nhưng, trong đời Phan-Khôi, đã có lần vì chuyện thơ mà ông . . . tháo mồ hôi hột, khiến phải cột túi thơ, tự hứa tồn tới già,

hình ông đã thổ lộ tâm trạng ấy qua một bài thơ cảm Xuân trong tuổi ba mươi :

*Cột túi thơ xuân tồn tới già
Đến nay có chén mới bùng ra.
Thật nhanh như biển Tết rồi Tết,
Ra quái gì đây ta với ta.
Lọ phải được như hoa cỏ mới
Đã đành vui với vợ con mà.
Thơ Thần rượu Thánh ăn ai tá ?
Chất đồng lên đầu chực chẵn ba.*

Vì đâu ông đã phải than dài « Cột túi thơ Xuân » và ngao ngán « Thơ thần rượu Thánh ăn ai tá ? ».

Khoảng năm 1929, cuối tháng Chạp cữ Tùng-Lâm, Lê-Cương Phụng họp với Phan-Khôi, Bùi-Thế-Mỹ, Ngô-Tất-Tố và thi sĩ Tản-Đà, tổ chức một tiệc rượu thanh đàm trên chiếc thuyền cập bến gần cầu Bông, cùng nhau ngâm vịnh làm vui, có cảm tưởng như Tô-đông Pha chơi dòng Xích-Bích ngày xưa.

Vả lại, trong lúc năm cùng tháng tận, cái Tết Nguyên-Đán sắp đến càng giục lòng các vị văn hào, thi bá ấy chạnh niềm tưởng nhớ quê nhà miền Trung, Bắc, khiến ai nấy đều ngùi cảm chuốc chén giải sầu, lấy thi văn làm phương tiện di dưỡng tính tình. Giữa lúc Phan-Khôi và các bạn đang say men rượu hương thơ, xảy nghe tiếng rao lạnh lớt, dư âm vang ngân trên sông vắng

— Ai ăn nem nướng hôn !

Một chiếc thuyền con đang thung dung lướt nước đến thuyền của các vị tao nhân mặc khách. Trên thuyền, một cô gái trẻ đẹp mặn mà duyên dáng, khẽ cúi đầu chào Phan-Khôi và mọi người.

— Thưa quý ông, em nghe danh quý ông, em rất hâm mộ. Nhân em cũng võ vè biết làm thơ, có làm được một đôi bài, nay xin trân trọng trao hầu quý ông, mong nhờ chỉ dạy cho những điều sai-vụng.

Thật là một thú vị bất ngờ. Nhà thơ Tản-Đà vừa toan nói gì, ông Tú Phan Khôi chừng như đã khêu động hồn thơ, nhanh nhẩu khuyến khích

— Cô chớ ngại. Anh em chúng tôi sẵn lòng nhuận sắc, nếu nhận thấy cô có tài ở Tạ nàng Ban.

Cô gái trên sông hóm hình :

— Xin đa tạ. Rất mong được quý ông duyệt lãm.

Vừa nói cô gái vừa trao cho ông Tú Phan Khôi một mảnh giấy, rồi cáo từ, bơi thuyền đi một mạch.

Ông Tú Phan Khôi và các bạn không khỏi lấy làm lạ nhìn nhau như hỏi ý : « Cô gái ấy là ai ? thơ thần ra sao đây ? » Ông Lan-Đình Búi-Thế-Mỹ cười nói :

— Người đẹp làm thơ, nào, hãy cứ đọc xem, hẳn là lời thơ cũng phải đẹp chứ. Có như thế mới « văn tức là người ».

Ông Tú Phan Khôi mở giấy ra xem. Nhận đọc xong, ông vùng biến sắc. Các bạn lấy làm lạ :

— Thơ thế nào ?

Phan Khôi rầu rầu nét mặt :

— Chúng ta gặp tay có bản lãnh rồi. Các ông hãy xem đây thì biết.

Một người tiếp lấy, đọc lên đề cùng nghe :

*Chiều hôm thơ thần dưới cầu Bông
Chợt thấy giang san lưỡng ngại ngưng
Tả ngạn Phan công đèn khói lạnh
Hữu giang Lê tướng mộ rêu phong
Thuyền tình du tử buồm đang thuận
Rạp hát ca nhi trống ãm thùng
Già chết cái thân, trai chết óc !
Biết ai thầy thiếp, biết ai chồng ?*

Chết nổi ; lời thơ mỉa mai chết người chứ chẳng chơi. Rõ là chê trách đám tao nhân mặc khách lúc bấy giờ sao lại sống say chết mộng, chẳng lưu ý gì đến non sông. Kia xem : « Tả ngạn Phan công đèn khói lạnh, hữu giang Lê tướng mộ rêu phong ». Đèn thờ cụ Phan-Châu-Trình được xây cất gần đây và Lăng Ông Bà Chiểu (cụ Tả quân Lê-văn-Duyệt) cũng sờ sờ trước mặt, thế mà sao ai nữa quên đi công nghiệp gầy dựng non sông của cụ Thượng-công, tắc lòng ái quốc của cụ Tây-hồ ? Sao chỉ biết nhón nhơ cuồng nhiệt trong những cảnh đọa lạc, khi mà đất nước đã bị lệ thuộc vào người !

« *Thuyền tình du tử buồm đang thuận* »

« *Rạp hát ca nhi trống ãm thùng.* »

« Rạp hát ca nhi » ở đây, chỉ về rạp Cao Đồng Hưng ở vùng Bà Chiểu lúc ấy. Mà « thuyền tình du tử » vừa cười cợt chiếc « thuyền

thơ» của ông Tú Phan Khôi và các bạn, lại cũng nói rộng ra những ai lững đững thuyền tình, với ý tứ mỉa mai câu sắc lạ.

Do đó, trong bài thơ nhấn mạnh hai câu kết thúc cực kỳ chua chát :

« Già chết cái thân, trai chết óc

« Biết ai thầy thiếp, biết ai chồng ?

Dòm quanh xã hội, người tưởng thời thế lúc bấy giờ, thân già thì không còn trông mong gì ở họ làm chuyện lấp bẽ vá trời, người trẻ thì thương thay hầu hết đều chết óc, bởi sa ngã trong xa hoa vật dục, chỉ còn là giá áo túi cơm ! Bảo sao thân gái chẳng hồn não nuột :
« Biết ai thầy thiếp, biết ai chồng ? »

Câu kết vô cùng tuyệt diệu. Đọc xong toàn bài, ai nấy đều ngẩn ngơ, tự vấn lương tâm mà hồ thẹn và kính phục trang đài các đã thêu dệt nên những vần thơ trác lạc, cảnh tỉnh những ai ai.

Ông Tú Phan Khôi thở ra, ai nấy cũng đăm chiêu nghĩ ngợi. Rồi không ai bảo ai, tất cả đều ra khỏi khoang thuyền, tìm lại bóng dáng cô gái bán nem nướng. Nhưng thuyền cô gái đã đi xa.

Quả thật cô gái bán nem nướng là tác giả bài thơ trên đây không ? Nếu đúng như thế, đáng khâm phục và đáng tiếc cho tên họ chẳng đề cho đời được rõ mà chiêm ngưỡng. Bằng như đó là thơ của một khách văn nhân ẩn danh, mượn tay cô gái bán nem nướng trao cho ông Tú Phan-Khôi đề thức tỉnh những hồn thơ ủy mị, giá trị bài thơ trên đây vẫn không kém phần sâu sắc.

Sau đó ít lâu một nữ sĩ khác — tinh cò dung ruổi, cũng họ Phan nghe biết chuyện cô gái bán nem nướng đưa thơ trên cột ông Tú Phan-Khôi, bèn lém lỉnh họa lại với ý hài hước :

Tương tư đầu bạc trắng như bông

Thấy cánh xuôi ta lưỡng chạnh lòng

Công nghiệp sử ghi dành Nguyễn thị

Cõi bờ ai giữ bởi Lê công

Vài ảnh bạch diện như con cóc

Mấy chị thanh lâu tợ cái thùng

Buồn lại Nam hưng kêu nước uống

Tìm ông «Phan sót» lấy làm chồng

Lại chết ông Tú họ Phan ! bài nguyên xướng «Già chết cái thân trai chết óc, biết ai thầy thiếp, biết ai chồng» Bài họa dí dỏm bảo

đích danh ! «Buồn lại Nam hưng kêu nước uống, tìm ông Phan sót lấy làm chồng». Nam hưng là một tiệm cà phê ở chợ Bà Chiểu mà ông tú Phan-Khôi và các bạn văn thường lui tới Chà ! cái danh từ «ông Phan sót» mới ý nhị biết bao. Phải rồi, họ Phan đã lừng lẫy về đường cách mạng, tiếng tăm ái quốc, qua những tên tuổi lớn Phan đình-Phùng, Phan-văn-Tường, Phan-châu-Trinh. Và tất cả các ông cụ Phan ấy đều đã từ trần. Giờ đây chỉ còn ông tú Phan-Khôi kia đích là ông Phan sót kẻ cũng đáng yêu lắm, há chẳng đáng lấy làm chồng. Tự trung, cả hai bài thơ đều có tính cách đùa dai, ông tú Phan Khôi nhỉ ?

ĐỊA DANH ĐỒNG ÔNG CỘ

Với một lối di chuyển độc đáo ngày xưa.

Đồng bào ở Tỉnh Gia-Định từ xưa tới nay thường nghe nói đến tên «Đồng ông Cộ» nhưng không hiểu rõ danh từ này do ai đặt ra mà được truyền tụng mãi đến ngày nay.

Ở Miền Nam Nước Việt chúng ta, địa phương nào cũng có nhiều huyền thoại, giai thoại truyền khẩu trong dân gian, lâu ngày trở thành một địa danh.

Chúng tôi, người tình nguyện vạch bóng thời gian, ghi lại những sự việc xảy ra từng vùng, từng địa phương, đề hiến quý bạn đọc hiểu rõ nguồn gốc từ thuở xa xưa nơi địa phương chính mình. Theo một vài vị bô lão cổ cựu sinh quán tại Gia-Định, thuật lại sự tích «Đồng Ông Cộ» cho chúng tôi được biết như sau. Đất Gia-Định ngày xưa rộng lớn hoang vu, dân chúng ở rải rác từng nhóm theo Đồng Ruộng Gò Nồng, rừng chòi dày đặc, đường sá chưa được khai mở, lối đi vất vả khổ cực.

Khu đất «Đồng Ông Cộ» ngày xưa thuộc vùng sát cận trung tâm Tỉnh Gia-Định. Nó ăn từ chợ (ngã ba trong) dài tới cầu Hang) vòng ra đường Nguyễn Văn Học, phía bên này cầu Bình Lợi nó ăn sâu luôn phía trong có hơn mười cây số ; rồi vòng ra khu hàng Xanh phía lò Heo cũ Gia-Định chạy dài tới ngã năm Bình Hòa.

Toàn thể 1 khu vực rộng lớn mênh mông như vậy, thuở xưa, không có lấy 1 con lộ cái quan nào để dân chúng xê dịch. Dân cư

ong vùng, sanh sống về ruộng nương, rẫy bãi, làm nghề hạ bạc (ánh cá) dọc theo sông Cầu Bình Lợi, Cầu Bằng Ky bây giờ. Những ruộng đất không được khai phá thì toàn là rừng chồi cây lùm mọc im rập.

Về sau, Tây lấy Gia-Định rồi thì mở mang quốc lộ đi Thủ Đức à khu đất sát rìa quốc lộ, ăn sâu vô hằng 5-7 cây số (từ phía Gia-Định lên nằm tay mặt), được Tây khai phá làm rừng cao su. (Trước lâu Thân vẫn còn dấu tích khu vườn cao su này — nằm khoảng từ ngã Năm Bình Hoà lên tới Ngã Ba Cây Thị (ngoài), tức chỗ quán ăn rừng Thành).

Toàn thể một khu đồng rộng mênh mông như vậy, hơn phân nửa ất đai còn là rừng rậm, dân cư lại ít nên không có nhiều đường mòn để xê dịch. Dân chúng di chuyển bằng ngựa cũng không tiện, có đùng nói chi đến dùng xe bò hoặc xe trâu. Đây khác hơn mọi nơi là chỗ đó !

Mỗi khi dân cư trong vùng này muốn ra Tỉnh — lúc đó là lãnh Gia-Định — có việc cần kíp, hoặc rước thầy trị bệnh, hoặc tải hàng rẫy, gạo thóc ra chợ bán ; hoặc mua đổi các thứ cần thiết đem về dùng... thật là muôn vạn khó khăn. Chỉ có những trai tráng khoẻ mạnh mới có thể di chuyển nổi hằng mấy chục cây số đường lồi lõm — đồng khác lên thác xuống ghềnh, khu đất này lại nhiều chỗ có dốc lên, dốc xuống, đồi nông v.v... — rất ít chỗ đất được khai phá, thành giồng như xuyên rừng vậy. Mà hề mỗi lần đi như vậy thì ruộng nương, rẫy bãi ở nhà lại không ai khai phá, làm lụng sản xuất.

Lại mỗi lần đi ra thành thì lại mất ít nhứt 2 ngày — 1 ngày đi, 1 ngày về mua bán, đổi chác, — gây thất phát không ít cho mọi gia đình.

Cuộc sống xê-dịch vạn ngàn khó khăn và vất vả đó kéo dài cho tới 1 ngày...

Một ngày, bỗng dưng người ta thấy trước cổng nhà của 1 ông Phú hộ — với nhà ngói 3 gian, 2 chái, 1 dãy nhà bếp, nền đúc gạch — treo 1 tấm bảng lớn đề mấy chữ

«Đảm nhận «Cộ» người và hàng hóa đi khắp nơi.»

Đồng thời với tấm bảng treo lên, ông Phú-hộ — trong vùng gọi ông Ba Phú Hộ — truyền thâu dụng tất cả thanh niên vạm vỡ trong toàn khu, hay bất cứ nơi nào, muốn có chuyện làm, ngoài nghề

ruộng rầy.

« Cộ người và hàng » !

Đó là 1 lối tải người hoặc hàng hóa giản tiện hơn cả Vống hay Kiệu.

Ông Ba Phú Hộ bèn cho dân đan những tấm vạc bằng tre 2 đầu có 4 lóng tre ló ra — giống như cái băng ca nhà thương khiêng bệnh, — để 1 người đầu trước, người đầu sau, gác lên 2 vai, khách thì ngồi ở vạc tre khúc giữa, thông chơn lủng lẳng để người « Cộ » đi.

Hàng hóa thì lại được để lên khoảng giữa, thay vì là tấm vạc tre đương thì nó là 1 miếng ván dày để có thể chất đồ nhiều mà không bị oằn chính giữa.

Người xử dụng muốn mượn chỉ cần cho ông Ba Phú Hộ hay trước, cho biết nhà rồi thì sáng sớm, khi gà vừa gáy là có dân phu mang « Cộ » đến tận nhà mà rước người, hoặc « Cộ » hàng đi ra thành Gia-định.

Từ đó, dân cư bắt đầu xê dịch dễ dàng, không nhọc mệt, bận tâm, hay tốn hao người mỗi khi tải hàng đi ra thành.

Rồi thì, thời gian trôi qua, địa danh xuất hiện theo miệng người cư ngụ trong vùng. Khi hỏi :

— Ở đâu ?

Bèn đáp :

— Ở trong Đồng Ông Ba « Cộ » !

Ông Ba « Cộ » ở đây có nghĩa là Ông Ba Phú « Hộ » người và hàng hoá này.

Dần dần, hàng trăm năm sau vùng này được mở mang, nhưng là một vùng rộng lớn, dân chúng quy tụ về càng ngày càng đông lại không có địa danh, nên người ta nhớ ơn ông Ba « Cộ » lập thành vùng này thành địa danh gọi là « Đồng Ông Cộ » cho đến ngày nay, cũng như các địa danh Thị Nghè, Bà Chiêu, Thủ Đức, Hốc Môn v.v..

Địa điểm Đồng Ông Cộ ngày nay đã thay đổi với bộ mặt mới, dân chúng quy tụ về ở rất đông, đường sá được mở mang rộng lớn, nhưng tên Đồng Ông Cộ vẫn còn tồn tại đến hôm nay.

CẦU BÌNH-LỢI NƠI ĐÃ MỘT THỜI VANG TIẾNG QUYÊN SINH CỦA NHỮNG KẺ CHÁN ĐỜI

Dưới thời Pháp thuộc, nơi vùng đất Gia-định có bắc một cây cầu sắt ngang sông Bình-Lợi. Vượt qua cầu là đường đi các tỉnh miền Đông. Một ngã thẳng tới Biên-hòa, lên Long-Khánh, Đà-Lạt ; rẽ về phía trái lên chợ Bún, Lái-Thiêu, Bình-Dương, Bến-Cát, Lộc-Vĩnh v.v..

Cầu Bình-Lợi được bắc sau ngày Pháp đến. Từ Gia-định đến cầu độ 4 cây số ngàn. Dòng nước từ sông Sài-Gòn chảy vô sông Bình Lợi, đổ đến Bình-Dương.

Kề về hình thức, cây cầu này cũng như các cây cầu khác trên toàn quốc không có gì lạ. Nhưng trên phương diện tinh thần, lại có một đặc điểm khác thường : Xưa nay có tiếng là cây cầu có hương lửa kẻ chán đời. Năm nào cũng có người tự vẫn, vì làm ăn thua lỗ, nghèo túng, bệnh tật trăm kha, bị tình phụ bạc, mang nợ nần v.v... không thể trả nổi nên tìm cái chết cho rảnh nợ đời. Có biết bao sự việc quyên sinh xảy ra nơi cầu Bình-Lợi, báo chí thường có đăng tải.

Chúng tôi xin nêu một trường hợp điển hình trong vòng 25 năm trở lại đây :

Có một cô con gái con nhà triệu phú, buồn tủi vì cuộc tình duyên ỡ dở với một chàng trai hào hoa phong nhã ở vùng Đa-Kao (đất Hộ). Trai tài gái sắc mến yêu nhau không màng chi chuyện nghèo giàu. Nhưng cha mẹ bên thiếu nữ khăng khăng cầu môn đăng hộ đối, vì bạc bên chàng trai chẳng đáng gì. Bị chạm tự ái, chàng trai quyết buộc con mình phải dứt tình. Thiếu nữ quá chung tình, nhưng không vượt nổi thành kiến khe khắt của gia đình. Sầu hận mang mang, tơ vương thắt thẻo, nàng buồn tình không cầm trí được, lên đến cầu Bình-Lợi gieo mình xuống dòng nước vô tình, gột sạch lửa phiền cháy gan, hủy kiếp hồng nhan.

Ít lâu sau, hồn ma cô gái đó thường hiện về, qua lại thơ thẩn trên cầu, tóc bỏ xóa. Khách bộ hành đi đêm thường gặp bóng quế hồn ma thoạt ẩn thoạt hiện. Tiếng đồn vang xa cầu Bình-Lợi có ma.

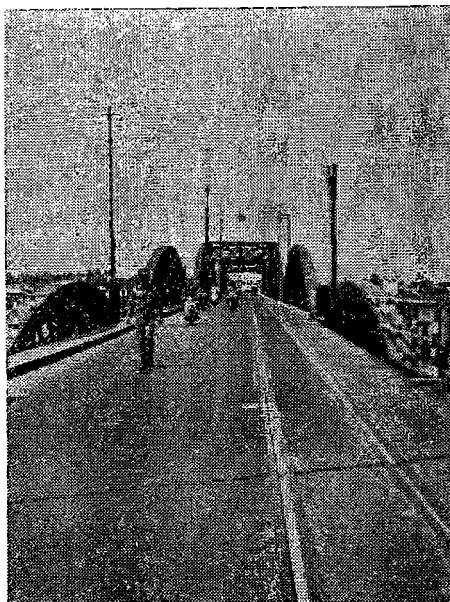
Và còn biết bao lời đồn đãi cầu Bình-Lợi có một loại ma khác nữa. Ấy là thứ . . . ma da. Lắm người quả quyết từng trông thấy đêm đêm, ma da hiện hình lên ngồi một cục ở giữa cầu. Khi có

tiếng xe cộ chạy đến thì cục đen ấy nhảy xuống s
còn rành rành dấu vết một vũng nước nhót.

Có phải chăng các vong hồn bị chết oan, nên
đây ?

Các thanh niên, thiếu nữ qua lại cầu Bình-L
chạnh lòng, hồi tưởng đến những cảnh chết chóc
sông này quá nhiều. Cũng vì cây cầu oan nghiệt ấy
nhiều người thất vận sa cơ, buồn duyên tử ph
cầu Bình-Lợi đã một thời vang truyền khắp Nam
đến cầu Bình Lợi ai nấy đều biết.

Hôm nay, chúng tôi gọi lại đề hiển độc giả hi
đã vui lấp rất nhiều hạng trai tài gái sắc ; và còn
kinh doanh sạt nghiệp, cờ bạc thua lỗ, cũng tự v
Lợi, khiến cho cây cầu bỗng hóa thành lăm giai
người nhắc.



*Cầu sắt bắc ngang sông Bình Lợi
Ngày xưa thường xảy ra nhiều vụ tự*

ên ván cầu

ong vít nơi

có đôi lúc

trên dòng

ý biết bao

ng tấm cây

c tình. Nói

cây cầu này

o nhiều nhà

cây cầu Bình

được nhiều

Thanh niên thiếu nữ ngày nay gặp những gì trái ngang p
thường thốt ra câu : " Thôi đến cầu Bình-Lợi chết đi cho r
đời, sống làm chi cho tủi nhục ", nhiều người nghe qua khuy
" Người tật nguyên kia còn muốn sống, hưởng chi người
ham chết, cầu Bình-Lợi nơi đây đã có thừa ma đa lắm rồ
trôi, chết lạnh, hồn oan không được vô nhà, thôi xin can đi

Những câu nói đó thường được những kẻ thất chí thốt r
miệng, vì thế cầu này trở thành một địa danh lịch sử trớ
Tỉnh Gia-định. Chúng tôi đến tận nơi quan sát đề chụp b
cây cầu kỷ niệm trong tác phẩm và được sự hướng dẫn c
Trung-sĩ Địa-phương-quân, đại đội 3/128 thuộc tiểu khu C
trấn đóng giữ an ninh khu vực này, đại đội này do một vị
úy chỉ huy, hằng năm ông có lập trai đàn cầu siêu cho các v
nạn nơn và phóng sanh chim cá, nhờ lòng thành và đức đ
chỉ huy và anh em binh sĩ đứng ra cầu nguyện, các vong lin
siêu thoát nên số nạn nơn từ năm 1972 đến nay giảm bớt
trước kia năm nào cũng có người tự vận tại cầu này ít
10 mạng.

Chúng tôi xin ghi lại những sự việc xảy ra từ trước
tại cây cầu oan nghiệt này, đề hiến quý độc giả hiểu qua r
thoại mà mọi người nghe đến phải bắt lạnh mình.

